

NGUYỄN CHÍ LINH

TRÊN
CON
ĐƯỜNG
TỎ LỤA
NAM Á

DU KÝ



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI



Mục lục

1. [Lời nói đầu](#)
2. [Chương I - Vùng đất Bangladesh đôn hậu và sự tôn sùng Bin Laden của người Pakistan](#)
3. [Chương II - New Delhi và những câu chuyện nhỏ](#)
4. [Chương III - Kabul và hệ lụy từ những cuộc nội chiến](#)
5. [Chương IV - Đất phật Bamyán](#)
6. [Chương V - Vàng son một thuở Herat](#)
7. [Chương VI - Xuôi về kinh đô phật giáo ẩn đố](#)
8. [Thay lời bạt - Ru mẹ về yên ả chiều quê](#)

Lời nói đầu

Không hẳn chỉ những ngày rằm lớn, mỗi khi buồn hay gặp những chuyện không hay trong cuộc sống mẹ tôi lại đến chùa. Trong ký ức của tôi, ngôi chùa tuổi thơ luôn đẹp đẽ với cây Bồ Đề to gốc xanh lá đứng reo giữa trời xanh và tán của cây rộng lớn đến mức đường như ôm cả mái chùa được lợp bằng lá dứa vào lòng vuốt ve. Những lần chơi dưới gốc cây Bồ Đề tỏa mát quanh năm, ngọn gió thổi qua làm cây vẫy mình rặng rắc cũng đủ khiến tôi chết khiếp bởi tưởng tượng ra một thế lực vô hình nào đó đang hiện hữu quanh mình. Mẹ tôi dạy rằng, mỗi lúc con sợ sệt điều gì đó, hãy nhắm mắt lại và niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”. Dù khả năng hấp thụ của trẻ thơ chẳng là bao nhưng từ đó, câu chú ấy như một niềm tin mà tôi cố vận vào mình để giải quyết mọi vấn đề diễn ra trong cuộc sống.

Mùa hè năm 1986, tôi lại sống trong kỷ niệm khi bộ phim Tây Du Ký được trình chiếu. Mỗi khi nghe bản nhạc dạo đầu bộ phim, tôi luôn phải bỏ dở việc đang làm, xin phép mẹ chạy sang nhà hàng xóm kè bên xem kè. Tôi vẫn thuộc lòng đoạn hát: “*Thấp thoáng chân mây biết phương nào, thấp thoáng chân mây xa tít mù, về Thiên Trúc còn quá xa, bao khó khăn vượt qua...*” Và cứ mỗi mùa hè trôi qua, tôi lại cảm nhận thêm thông điệp mà bộ phim muốn truyền tải: Người giỏi bao giờ cũng khó khăn trên con đường đi của mình bởi xu thế nịnh hót luôn được ưa thích.

Khi gặp phải khó khăn, Tề Thiên Đại Thánh luôn nhờ sự giúp đỡ của các vị Tiên, Phật giống như con người lúc bế tắc tìm đến Phật Pháp để lấy lại niềm tin. Với tôi, dù mỗi tôn giáo có nguồn gốc hình thành, tâm linh, đáng tối cao hay cơ cấu tổ chức khác nhau nhưng chung quy cơ bản vẫn là khơi dậy tính thiện trong mỗi con người bởi thiện và ác chỉ có ranh giới mong manh như sợi chỉ.

Biết tôi yêu thích con đường tư lựa, em gái Khải Đơn tặng tôi quyển sách *Muôn dặm không mây* của bà Tôn Thư Vân để làm bạn tâm giao. Tôi say mê đọc quyển sách ấy trong hành trình 25 ngày Thái

Lan, Madagascar và Mauritius sau khi nghỉ việc, mặc kệ điện đóm ở Madagascar rất chậm chạp. Thú vị ở sự trùng khớp đến 95% với những cung đường tôi đã đi qua dù rằng trước đây chưa từng đọc quyển sách ấy, giúp tôi nhìn lại quá khứ và hiện tại các thành phố Nam Á nằm trên con đường tơ lụa từ khi tôi đặt chân đến quốc gia Nam Á đầu tiên là Ấn Độ vào ngày 6/2/2008. Đồng thời, đó còn là động lực để thúc bước chân tìm hiểu cuộc sống của người bản địa trong thời loạn lạc chiến tranh ở Afghanistan bởi cụm từ “loạn lạc chiến tranh” tôi chỉ nghe qua lời kể của mẹ mà chưa từng được trải nghiệm bao giờ. Khi thời gian lướt qua để lại vài nếp nhăn trên khuôn mặt, tôi cần lắm “giá trị” của những chuyến đi hơn là cái háo hức chinh phục rồi bỗng bột tháo chạy như thời tuổi trẻ.

Như tên gọi của nó, con đường tơ lụa do những người Trung Hoa sáng lập có từ những năm 220 trước Công nguyên để giao thương tơ, lụa và gấm đến các quốc gia lân cận. Điểm bắt đầu là các thành phố Hàng Châu, Phúc Châu và Bắc Kinh – những nơi nổi tiếng trong việc sản xuất tơ lụa từ việc nuôi tằm lấy kén. Không chỉ sản xuất phục vụ cho hoàng đế và giai cấp quý tộc, người Trung Hoa còn muốn giao thương mặt hàng gấm, lụa của mình đến các quốc gia lân cận như Mông Cổ, Hàn Quốc và Nhật Bản. Lạc đà là phương tiện vận chuyển lúc bấy giờ trên con đường rong ruổi của thương gia qua những vùng đất lạ lẫm về văn hóa. Rome – kinh đô văn hóa sáng chói của người La Mã trong thời cổ đại là điểm đến thềm muốn nhất của đoàn thương gia Trung Hoa trong việc mở rộng thị trường sau các quốc gia Đông Á lân cận đã đi qua. Thành phố Tây An (bấy giờ là Trường An) là điểm tập kết đầu tiên của đoàn người tơ lụa để vượt Trung Á áp sát bờ Địa Trung Hải và từ đây sẽ vượt biển đến Rome vào những năm 30 trước Công nguyên. Con đường tơ lụa còn được gọi là con đường Đông – Tây với nhiều ý nghĩa sâu xa bởi không chỉ tơ lụa mà trên con đường đó còn hình thành việc giao thương các mặt hàng quý giá lúc bấy giờ, những nền tôn giáo và văn hóa hòa quyện vào nhau. Không chỉ có ý nghĩa về mặt thương mại, con đường tơ lụa còn có ý nghĩa về mặt quân sự khi các hoàng đế La Mã, các vị vua Hồi giáo, triều đại nhà Đường Trung Quốc, đế chế Ba Tư và Ottoman, Thành Cát Tư Hãn,

vương triều Mughal đều sử dụng con đường Đông – Tây để cất vó ngựa chinh yên của mình trong việc mở mang bờ cõi.

Phật giáo bắt nguồn từ phía Đông Ấn Độ vào khoảng thế kỷ 6 đến thế kỷ 4 trước Công nguyên sử dụng con đường tơ lụa để truyền bá đạo của mình đến các vùng lân cận vào thế kỷ 1 sau Công nguyên. Những vị tu sĩ theo phương pháp tu khổ hạnh quảng bá đạo Phật bằng cách đi ngược lại với người Trung Hoa trên con đường tơ lụa. Theo quy luật sống còn của thời gian, con đường tơ lụa dài khoảng 6.437km đã dần biến mất, rơi vào quên lãng và nó chỉ thật sự sống lại vào thế kỷ 19 khi nhà địa lý học người Đức Ferdinand von Richthofen cho ra đời những quyển sách viết về con đường thương mại cổ xưa có giá trị trong nhiều lĩnh vực. Trong 6.437km của con đường tơ lụa, UNESCO chỉ công nhận di sản văn thế giới ở đoạn từ Tây An đến dãy núi Thiên Sơn nằm giữa biên giới hai nước Kyrgyzstan – Trung Quốc bởi nó giữ lại vết tích giao thoa văn hóa trên con đường ấy, đặc biệt là những động Phật được khắc vào trong các hang núi sâu. Việc tìm lại những thành phố nào nằm trên con đường tơ lụa ở vùng đất Nam Á được các nhà khoa học lần theo vết tích Phật giáo bằng cách xác định đâu là kinh đô hay trường dạy Phật giáo nằm ngoài Ấn Độ. Ngài Trần Huyền Trang là người có công rất lớn giúp các nhà khoa học tìm lại con đường tơ lụa ngày xưa bằng việc đánh dấu các thành phố đã đi qua trong quyển nhật ký ghi lại của Ngài trên đường đi học đạo từ Tây An qua Thiên Trúc.

Con đường ấy bây giờ có khi cũng đã biến mất, lúc lại bị chia năm xẻ bảy ra nhiều khúc khác nhau bởi các con đường nhựa hiện đại, hoặc có khi chỉ là con đường đất hoang tàn xơ xác... trên nhiều quốc gia khác nhau. Nhưng khi được bước chân đi trên những con đường ấy, lòng tôi luôn rộn ràng như tuổi 13 và cứ mơ màng xa xôi về hình ảnh đoàn thương gia với lạc đà cùng với túi hàng gồ ghề trên lưng băng qua cái nắng, cái gió hay cái lạnh thấu xương của sa mạc hoang vu rộng lớn để đến Istanbul, Rome và Venice. Họ đã cất tiếng ca ú a ú ờ để xưa đi nỗi nhớ nhà, quyết tâm đến được những vùng đất mới lạ khi năm tháng dần trôi qua trên những cung đường

quanh co có khi chạy cuốn hút vào những dãy núi xa mờ lẫn vào trong chân mây...

Chương IVùng đất Bangladesh đôn hậu và sự tôn sùng Bin Laden của người Pakistan

*Mùa đông năm 2011, tôi đến Bangladesh để thực hiện cung đường
tơ lụa theo các chặng: Dhaka – Bagerhat – Khulna – Paharpur –
Puthia. Trong thời cổ đại, Paharpur từng là kinh đô Phật giáo lớn khi
ngài Tôn giả Anan đến đây giảng kinh với rất nhiều trường dạy kinh
được xây dựng sau đó. Ngôi đền linh thiêng Somapura Mahavihara
được xây dựng vào năm 770 được xem là nhân chứng còn sót lại
cùng thời gian khi Phật giáo đi theo con đường tơ lụa để quảng bá
tôn giáo của mình trên vùng đất Bengal.*

Trái tim nồng sười ấm vùng đất “lạnh”

img395

Những chiếc xe đạp lồi ở Bangladesh

Không thể tìm được người nói tiếng Anh hỗ trợ, tôi đành nhờ anh
cảnh sát điều khiển giao thông trên đường phố bắt giùm một chiếc
xe lồi để đến một vài điểm tham quan trong thành phố Dhaka. Tôi
nhớ mãi điệu bộ của tôi và anh xe lồi trẻ tuổi Manun lúng ta lúng
túng dùng “ngôn ngữ cơ thể” để diễn tả khoảng cách từ chỗ đang
đứng đến các điểm tham quan... Những hình ảnh thật đáng yêu!

Dhaka từng là vùng đất vàng son của vương triều Hồi giáo Mughal
hùng mạnh ở Ấn Độ nổi tiếng với ngôi mộ tình yêu vĩnh cửu Taj
Mahal. Trong thời trung cổ (1605 – 1627), Dhaka có tên gọi là
Jahangir Nagar (thành phố của vua Jahangir), được đặt bởi vị vua
Jahangir với biệt danh “nhà chinh phục thế giới”. Thủ đô
Bangladesh chính thức mang tên Dhaka vào năm 1630 và từng là
trung tâm thương mại về lụa muslin nổi tiếng của vùng Nam Á. Có
lẽ, Bangladesh là quê hương của cây dhaka (cây giềng giềng), một

loại cây cổ thụ có hoa màu đỏ trông rất giống hoa gạo, nên cái tên Dhaka ra đời từ đó. Cũng có thể, tên Dhaka được đặt để tri ân Nữ thần Dhakeshwari trong Hindu giáo đã bảo hộ cho thành phố. Trên chiếc xe lôi của anh Manun, tôi len lỏi trong những ngõ hẹp để đi tham quan những vết tích vương triều Mughal để lại ở Dhaka như pháo đài Lallbagh, thánh đường Hồi giáo Saat, cung điện màu hồng Ahsan Mazil. Những tảng sa thạch đỏ ở pháo đài Lallbagh hay cung điện Ahsan Mazil biến thiên màu sắc theo ánh sáng mặt trời luôn là kiến trúc tuyệt tác riêng biệt của vương triều Mughal trong thời trung cổ và không thể lẫn vào đâu khi so sánh với những kiến trúc khác của thế giới. Tôi cũng ghé qua ngôi đền Dhakeshwari có tuổi đời hơn 800 năm và là ngôi đền Hindu linh thiêng nhất ở Bangladesh.

Nhìn tám lưng nhể nhại mồ hôi của Manun và đôi chân anh cố gắng đạp đều đặn theo guồng quay của bánh xe, tôi có một chút “xót xa” trong lòng. Nhưng tôi không thể tìm được phương tiện di chuyển khác bởi xe lôi là phương tiện hữu hiệu nhất ở đây. Dhaka đôi khi được gọi là thành phố của những thánh đường Hồi giáo bởi quanh co trong những ngõ hẹp khoảng vài block nhà là những cột tháp cao liên tục xuất hiện. Mật độ giao thông bắt đầu tăng tốc khi nhịp kim nhích dần trên chiếc đồng hồ đeo tay. Hiện tượng kẹt xe bắt đầu nhộn nhịp trên những nẻo phố. Khác với hình ảnh của các thành phố Nam Á khác, những đoàn xe lôi nối đuôi nhau ở các ngã tư hay một giao lộ nào đó cắt ngang những con hẻm nhỏ. Anh nhân viên bán vé ở pháo đài Lallbagh cho tôi biết, ở Dhaka có khoảng 400.000 chiếc xe lôi hoạt động mỗi ngày. Nó tạo nên nét riêng “đáng yêu” và đôi khi du khách hay gọi là “thành phố của những chiếc xe lôi” hay “trung tâm xe lôi của thế giới”. Ngồi trên chiếc xe lôi của anh Manun vi vu qua những đường phố ở Dhaka, tôi lại nhớ đến hình ảnh đáng yêu của Sài Gòn với những chiếc xích lô hơn hai thập niên trước...



Pháo đài Lallbagh ở Dhaka, Bangladesh

Trước chuyến đi, tôi nhận được câu hỏi phỏng vấn từ cô nhân viên Đại sứ quán khi xin visa đến Bangladesh: “Anh đến đó làm gì khi đó là vùng đất không an toàn?” Cùng với những thông tin về cộng đồng

Hồi giáo từ các trang báo hay trên Internet khiến tôi luôn nghĩ rằng Bangladesh là một vùng đất rất “lạnh”! Mùa đông đã đến trong thành phố Dhaka, nhưng nó không lạnh như tôi từng nghĩ khi ở Việt Nam. Buổi sáng và tối không khí se lạnh, để rồi buổi trưa nắng vàng hanh xuyên qua từng góc phố. Dhaka còn có những trái tim nồng sưởi ấm “cái lạnh Hồi giáo” trong trái tim tôi. Manun cố gắng vượt qua đám tang trong một con hẻm nhỏ để đưa tôi đến ngôi chùa Phật giáo sớm. Ngay lập tức, Manun được một người lớn tuổi trong đoàn gọi lại để giáo huấn về nghi lễ. Nhìn cách lễ phép của Manun khi lắng nghe giáo huấn, hay cúi đầu xin lỗi khiến tôi “chột dạ” bước đến xin lỗi phụ cho Manun. Một vài cuộc biểu tình đã xảy ra trên đường phố Dhaka. Tôi nhìn đoàn người biểu tình trật tự hô vang khẩu hiệu mà có suy nghĩ khác hơn về người Bangladesh. Đó không phải là hình ảnh ném đá, chửi thề hay chọi bất cứ vật gì của nhóm người khiêu khích vào cảnh sát ở những quốc gia tiên tiến, giàu có mà tôi từng chứng kiến. Ở nơi đó, tôi còn giữ lại hình ảnh đáng yêu trong ký ức của mình những trái tim nồng ấm giúp đỡ tôi đến tận rằng khi dặn dò nhà xe đón đưa tôi cho đúng giờ để không lỡ chuyến bay, hay tùm lại thành đám đông bảo vệ tôi sau khi nghĩ nhầm anh phục vụ nhà hàng ực hiếp và chặt chém giá do sự bất đồng ngôn ngữ, hoặc tặng miễn phí những miếng bánh pitha truyền thống ngọt ngào để thử qua... Tôi đi thẳng ra sân bay sau khi trở về Dhaka từ Puthia. Tôi đã thất hứa khi không đủ thời gian ghé lại Dhaka để thăm Manun. Tôi còn nợ Manun một lời xin lỗi!



Tuần hành ở thủ đô Dhaka, Bangladesh

Thủ phủ Khulna

Tôi đi xe buýt đến thủ phủ Khulna khi trời nhá nhem tối, chưa rành đường sá, hầu hết người bản xứ chỉ nói tiếng Hindi, tưởng rất khó khăn tìm nơi nghỉ ngơi, giao tiếp vậy mà không phải vậy. Thấy tôi ngỡ ngờ hỏi đường bằng tiếng Anh, mấy người bán hàng đã ngó ra, bỏ công việc xúm nhau bàn bạc xì xào, họ túa ra đi tìm người biết tiếng Anh giúp tôi. Sự giúp đỡ nhiệt tình đến mức làm cho tôi có cảm giác nghi ngại. Anh Nahid (người có thể nói tiếng Anh ở đây) đề nghị lấy

ô tô riêng chở tôi đi Bagerhat. Tôi giải thích muốn đến Bagerhat bằng cách đi của chính tôi là xe buýt địa phương, anh ta hướng dẫn tỉ mỉ, sau đó gọi xe lôi đưa tôi đến khách sạn mà tôi cần tìm, dặn dò tôi khi đến nơi hãy gọi điện thoại báo cho anh ta biết. Cảm giác lo ngại dần tan đi. Tôi dần nhận ra người dân ở đây giúp tôi bằng cả trái tim. Trên xe buýt, một hành khách biết tiếng Anh giúp tôi trả tiền xe buýt, ân cần dặn dò lơ xe thả tôi đúng chỗ vì “con đường của những ngôi thánh đường” cách trung tâm thị trấn 2km.

Bagerhat dày đặc thánh đường nằm dọc ven hai bên con đường lớn và rải rác trong bán kính 1km. Tất cả mang đậm kiến trúc Tughlaq. Đó là sự pha trộn giữa kiến trúc Thổ – Ấn. Phần thân các công trình mang phong cách của người Ấn hay còn gọi là phong cách Mughal. Tường được ốp đá sa thạch đỏ láng mịn và chạm khắc hoa văn trang trí. Phần mái vòm bên trên các kiến trúc lại mang phong cách của người Thổ với hình dáng đặc trưng là mái vòm hình oval như một nửa của quả địa cầu màu trắng tinh khôi (mái vòm Mughal thường cao đến 2/3 khối cầu). Bác xe lôi hiền từ đưa tôi lên lối qua những con đường nối chông chéo nhau trong một khu làng xanh mát bóng cây đến cụm thánh đường. Những câu chào hỏi nồng ấm của bác xe lôi với người dân trên đường làng quanh co như truyền sang tôi sự dịu êm của cảm giác về quê chứ không còn là du khách. Ấn trong lùm cây là những ngôi nhà “cây nhà lá vườn” rất đặc trưng của Bagerhat: hàng rào là những chiếc lá chuối khô bện lại với nhau, mái nhà là những tàu lá dừa xếp chông lên nhau, vách che chắn bởi những tấm phen tre. Trong không gian Bagerhat tôi như đi ngược về ký ức tuổi thơ và không gian sinh thái yên bình của miền quê Nam Bộ thời chưa công nghiệp hóa.



Thánh đường Hồi giáo 60 mái vòm bằng đá ở Bagerhat, Bangladesh

Vào giữa thế kỷ 15, vua Nasiruddin Mahmud Shah của Bangladesh cử giáo sĩ Khan Jahan thay mặt vua truyền đạo Hồi xuống phía Nam. Từ năm 1442 đến 1459, giáo sĩ này xây nhiều thánh đường Hồi giáo ở vùng này. Hiện nay, toàn huyện Bagerhat có 7.815 thánh đường. Có những thánh đường được xây dựng hoàn chỉnh nhưng

cũng có cái dở dang thì Jahan đã qua đời. Nổi bật trong số đó, còn bền vững với thời gian là thánh đường Shait Gambuj, là thánh đường bằng đá đẹp nhất của vùng Nam Á được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Theo tiếng Hindi, Shait Gambuj có nghĩa là “60 mái vòm” đúng với hiện trạng thánh đường hiện nay. Trên mái có 60 mái vòm hình oval, bên trong cũng có đúng 60 cột nâng mái vòm, vách tường chạm khắc hoa văn theo phong cách Bengal. Đâu đó vang vọng ê a ngân dài những câu kinh Quran. Dù không hiểu được lời kinh nhưng phút chốc tôi bỗng thấy tâm hồn nhẹ nhõm trong không gian và âm thanh trầm ấm. Lăng mộ giáo sĩ Khan Jahan nằm trên ngọn đồi cách Shait Gambuj khoảng 2km. Vẫn theo kiến trúc Tughlaq, lăng mộ không dùng sa thạch nhưng sơn màu đỏ huyền bí. Gần mộ là một hồ nước trong veo bao phủ bởi cánh rừng nguyên sinh.

Dọc theo bờ hồ có bày bán những món snack chế biến một cách rất “điệu nghệ” và hương vị rất đặc trưng. Đối với người Nam Á nói chung và Bangladesh nói riêng, món snack là loại đặc sản. Gạo rang nổ nhưng không có bơ như bắp rang bơ ở Việt Nam. Tùy theo khẩu vị của người ăn, người bán sẽ cho một loại nước sốt, một ít hành tây tím sống xắt nhỏ và hương liệu. Người bán sẽ gói giấy lại và lắc đều tay một cách sành điệu để tất cả được hòa quyện vào nhau. Một chút thơm thơm, giòn giòn của gạo rang, một chút nồng ấm của nước sốt cà ri, một chút cay nồng của hành tây... tất cả tạo nên một hương vị rất riêng và rất ngon.

Những cột bụi bốc lên cao trên những con đường chưa được tráng nhựa khi một chiếc xe nào đó vội lướt qua. Trên các lề đường, người ta lại ồn ào đổ những túi quần áo ra mua bán khi chiều xuống. Tiếng trả giá, tiếng cười í ới sôi nổi mua bán khắp nơi. Mua bán theo dạng đồ đồng trên lề đường luôn là điểm đặc trưng của các thành phố Nam Á mà tôi đã có dịp đi qua. Ít nhiều, các thành phố ở Bangladesh vẫn sạch hơn các thành phố Ấn Độ. Tôi muốn thoát ra sự ồn ào và khói bụi của thành phố Khulna, tìm đến một nơi nào đó yên tĩnh trong lành của miền quê khi buổi chiều đang đến... Bầu trời cuối ngày nhiều mây hơn và chúng gói đầu nằm lên nhau

về phía chân trời. Đâu đó một vài tiếng kêu chíp chíp của những cánh chim đang trên đường tìm về tổ ấm...

img411

Món snack nức tiếng của người Bangladesh

Tôi ngồi lặng im trên bãi đất trống phía dưới chân cầu và miên man ngắm nhìn dòng sông Rupsha đang lặng lẽ trôi. Những cây bắp hay một vài luống khoai được trồng ở những bãi đất bồi hai bên bờ sông, trông giống như sông Hồng đang những ngày mùa nước cạn. Các mảng bê tông còn tươi màu xi măng trên chiếc cầu Rupsha nối liền hai bờ như minh chứng cho việc Khulna đang trở mình để trở thành thành phố công nghiệp lớn thứ ba ở đất nước Bangladesh sau thủ đô Dhaka và thành phố Chittagong. Khulna cũng là thành phố nổi tiếng với các trường đại học trong việc đào tạo về các ngành kỹ thuật, y học và công nghệ nhựa của Bangladesh.

Những cánh đồng hoa cải dọc theo đường cứ rung rinh cánh khi một làn gió nào đó lướt qua. Tôi cứ hít hà và giầy giụa trong hơi thở trong veo của đất trời. Màu vàng của những cánh đồng hoa cải cũng nhạt dần theo những tia nắng. Xa xa, một lão nông dân vẫn còn cặm cụi chặt chiu thu hoạch những hạt lúa đang chín vàng bên đồng hoa cải. Bắt đầu từ Miền Điện trở lên, người ta lại thích sử dụng dầu cải hoặc dầu hướng dương trong nấu nướng thay cho sử dụng dầu dừa và dầu đậu phộng. Những cánh đồng hoa cải vàng ươm cứ trải dài trên những cánh đồng và gói đầu lên nhau khoảng 2 tháng/vụ. Buổi sáng mùa đông, người Bangladesh lại thích ăn những chiếc bánh mì roti được chiên trong dầu hơn là được nướng hay áp chảo. Lượng dầu trong bánh giúp tiêu hóa lâu hơn và giữ cơ thể ấm áp. Roti nhìn giống như một cái bánh tiêu hơn chiếc bánh mì. Nó được nhào nặn từ bột mì và dùng thanh ống tre cán dẹp ra thành hình tròn. Để nhanh gọn phục vụ khách hàng vào buổi sáng, những chiếc roti được đặt lên những chiếc chảo tròn bằng gang cho áp chảo để bột chín và phồng lên hoặc được chiên với dầu. Việc sử dụng bếp gas cũng giúp người bán giải quyết vấn đề nhanh hơn so với việc đốt củi nhóm than. Dầu cải còn được sử dụng khá nhiều trong việc nấu cà ri dù chay hay mặn. Cách thức nấu cà ri của

người Bangladesh cũng khá đơn giản. Thịt gà được lựa chọn nhiều nhất trong các nguyên liệu để nấu cà ri như: bò, cá, cừu...

Tôi ghé qua những cánh đồng hoa cải đang đong đưa trong gió để chụp hình. Bangladesh là quốc gia đi lên từ nền văn minh lúa nước và thực phẩm chính trong các bữa ăn chính là cơm, người Bangladesh vẫn còn thiếu rất nhiều thông tin để cải thiện việc canh tác nên cuộc sống vẫn còn nhiều khó khăn. Một bác nông dân tốt bụng ngắt những bông lúa đang chín, quấn lại tặng tôi. Năm mới đang đến, chúng có ý nghĩa: sức khỏe, hạnh phúc và thành công.



Bác nông dân thắt bông lúa tặng tôi ở Khulna

Khách sạn nơi tôi ở gần nhà ga tàu lửa. Những chuyến tàu đêm lại hụ còi và xình xịch lăn bánh trong ánh đèn đêm. Cuộc đời con người cứ như những chuyến tàu, cứ đi về phía trước và đôi khi cũng không biết đi về đâu. Rồi một ai đó sẽ tự hỏi mình: đâu là bến dừng cuối cùng? Trong giấc ngủ chập chờn, tôi lại mơ thấy nụ cười hiền hậu của bác nông dân đang gặt lúa bên những cánh đồng hoa cải vàng ươm. Bên kia cánh đồng, gió vẫn lao xao...

Thánh tích Phật giáo Somapura Mahavihara

Điều làm tôi sợ nhất trên chuyến tàu từ Khulna đến Paharpur là không biết xuống ga nào bởi tàu chỉ thông báo bằng ngôn ngữ Bengal. Nỗi lo lắng được giải tỏa nhờ anh cảnh sát ga tàu dẫn tôi đến ký gửi cho một gia đình cũng xuống ga Paharpur. Những cánh đồng hoa cải vàng ươm rồi cũng mất hút và biến mất trong tầm mắt của tôi khi tàu lăn bánh. Tàu trở nên náo nhiệt hơn bởi người mua kẻ bán với tiếng rao và những chiếc thúng được đội trên đầu, nhưng âm thanh ồn ào đó vẫn không át được tiếng xình xịch lăn bánh của đoàn tàu trên ray và đôi khi qua những khúc quanh co âm thanh xình xịch lại trở thành những tiếng kêu ken két. Cũng giống như nông thôn Ấn Độ, những người phụ nữ Bangladesh vẫn trung thành với những bộ sari truyền thống khi di chuyển đó đây và lịch sử của bộ sari là điều làm tôi luôn thích thú khi tìm hiểu về nền văn minh

sông Hằng: nó từng được miêu tả hay xuất hiện trong điêu khắc nghệ thuật từ những năm 2.800 – 1.800 trước Công nguyên. Gia đình xuống cùng ga Paharpur ngồi phía đối diện với tôi. Bà mẹ mua cho tôi một gói snack rất ngon mà tôi đã từng thử qua ven bờ hồ khi thăm thú thánh đường Hồi giáo Bagerhat nhưng chưa biết tên. Việc nhai các loại snack là nét văn hóa truyền thống của người Bangladesh.

Mùa đông đang ca vũ khúc của mình với màn sương mong manh khi đất trời đang thời khắc giao thoa giữa ánh sáng và bóng đêm. Bên kia chân cầu, những trái cam đỏ màu da trên các quầy hàng như ánh lửa hồng nhỏ nhoi nhóm lên trong màn sương mờ ảo. Anh chủ khách sạn trẻ đang nấu một nồi nước xông hơi theo cách truyền thống cho vợ anh đang bị cảm với vật liệu chính gồm lá xả và gừng tươi. Cuộc đời anh yên phận với một số vốn khá khá kiếm được sau thời gian đi hợp tác lao động sáu năm ở Dubai được dồn vào một khách sạn nhỏ đón những bước chân lữ khách dọc đường, một cô vợ hiền thắm nhuần tâm linh Hồi giáo và một đứa con trai nổi dãi tông đường đã được ba tuổi. Nhưng câu chuyện của anh qua bếp lửa hồng cho tôi cảm nhận rằng tấm lòng của anh vẫn còn đau đáu với quê hương khi nghĩ về lớp người trẻ Bangladesh mong muốn rời khỏi đất nước của mình để được đổi mới cuộc sống mà điểm đến được yêu thích là Malaysia. Lúc đầu tôi nghĩ, tâm hồn anh bình lặng như những ngọn lửa liu riu trên bếp, nhưng không, ngọn lửa ấy vẫn còn bùng lên xáo động khi một cơn gió đông nào đó thổi qua. Là quốc gia lấy nền nông nghiệp làm mũi nhọn kinh tế, nhưng việc làm nông của người dân luôn thất bát do những trận ngập mặn thường niên đến từ vịnh Bengal. Các nhà đầu tư nước ngoài ít chọn Bangladesh là điểm đến bởi họ cho rằng chính sách thu hút đầu tư chưa thực sự hấp dẫn bởi những khoản thuế, đặc biệt hơn, chính sách đó thay đổi xoàch xoạch làm nhà đầu tư chưa thật sự an tâm bởi không có độ bền nhất định. Không có khoản ngân sách từ việc thu hút nhiều đầu tư nước ngoài, chính phủ Bangladesh không thể làm gì hơn trước những cơn lũ và ngập mặn do thiên tai mang lại làm ảnh hưởng nặng nề đến mũi nhọn kinh tế nông nghiệp của mình dù luôn biết rằng vị trí quốc gia của mình nằm thấp hơn mực nước biển và cần phải có sự cải tiến về cơ sở hạ tầng mới ngăn

chặn được tình trạng đó. Ánh lửa vẫn bập bùng trên bếp, những ngọn gió đông đang thổi qua, nó không lạnh nhưng có một chút ngậm ngùi thương cảm, tôi cảm nhận được hương vị ấy...

Ngọn tháp Somapura Mahavihara vẫn hiên ngang thách thức cùng với thời gian khi tôi đến nơi. Trong màn mưa đông mỏng manh, ngọn tháp như thì thầm kể tôi nghe về tâm linh Phật giáo được lan truyền trên cung đường tơ lụa trên vịnh Bengal. Phật tử luôn tin rằng vùng đất Naogaon là nơi ngài Tôn giả Anan đến đây thuyết pháp đầu tiên để rồi cho đến tận năm 770, vị vua Devapala thâu nhận tư tưởng Phật giáo đáng kính đã cho xây dựng ngôi bửu tháp sau khi chinh phục vùng đất Varendra. Tôi lang thang trong khu khảo cổ học có diện tích 110.000m² với cấu trúc là một tứ giác khổng lồ với mỗi cạnh dài 275m để tìm lại vết tích khi nơi đây từng là kinh đô Phật giáo lớn nhất của vùng Nam Á với 177 địa điểm nhỏ là các tịnh xá, bảo tháp, đền thờ và trường dạy kinh nằm bên trong. Điều làm tôi lạ lùng nhất khi ngắm nhìn những điều khắc còn sót lại trên ngọn tháp trung tâm, đó là hình ảnh của tiên nữ Apsara của nền văn minh Khmer được tìm thấy, những tượng Phật được điêu khắc theo kiến trúc truyền thống của nền văn minh Phật giáo Java Indonesia, là những hình ảnh linh vật truyền thống trong Phật giáo được tạc theo kiến trúc Phật giáo Miến Điện... Somapura Mahavihara luôn khác biệt với những kinh đô Phật giáo khác mà tôi từng nhìn thấy trong lần đến Ấn Độ đầu tiên, nó là trung tâm sự giao thoa đan xen của các nền văn hóa Đông Nam Á và Nam Á trên con đường tơ lụa.



Vết tích Phật giáo ở cụm đền Somapura Mahavihara, Bangladesh



Nét điêu khắc tuyệt đẹp còn sót lại ở cụm đền Somapura Mahavihara, Bangladesh

Mùa đông năm 2012, tôi lại tìm đến vùng đất Nam Á khi visa được cấp từ Đại sứ quán tại Hà Nội với thời hạn được lưu trú tại đây đúng

12 ngày theo lịch trình tôi nộp để được đi trên con đường tơ lụa ở Pakistan qua các chặng Lahore – Islamabad – Taxila – Peshawar – thung lũng Swat. Cung đường này ngài Trần Huyền Trang đã đi qua và ghi lại trong quyển nhật ký của mình sau khi đã qua Afghanistan xuôi về Thiên Trúc.

Ngôi nhà cuối đời của Bin Laden

Những ngày mùa đông rét mướt ở Pakistan dường như “lạnh” hơn trong trái tim tôi khi quốc gia Pakistan được rất nhiều người nhận xét là vùng đất cực đoan Hồi giáo. Sự cực đoan đó được tỏ rõ qua việc họ tôn sùng ông Bin Laden như một vị Thánh sống trong thời hiện đại khi những bộ kinh Quran chỉ được xem là giáo lý cổ xưa hơn là những hành động thực tế được rút ra từ bộ kinh ấy. Ngày 02/05/2011 như là vết cắt xước qua tim những người Pakistan khi ông bị người Mỹ hạ nhanh trong vòng 15 phút. Người ta kêu gào chính phủ trong nỗi đau vì không bảo vệ được ông và cách để thời gian chữa lành vết sẹo trong tim là họ không bao giờ nhắc tên ông và cũng không chỉ cho ai biết ngôi nhà cuối đời của ông nằm ở đâu trên vùng đất Abbottabad với những ngọn núi tuyết bao phủ quanh năm.

Islamabad đang vào mùa đông, nhiệt độ ban đêm là 2 độ C và buổi sáng chìm ngập trong sương mù. Từ khách sạn trên đường số 73, khu G9-3, tôi tìm xe buýt đến thành phố Abbottabad. 98% biển báo giao thông hay các công sở ở đây có hướng dẫn bằng tiếng Anh nhưng ít người nói được tiếng Anh. Có rất ít du khách, người nước ngoài ở Pakistan. Trong 10 ngày lưu lại xứ sở này, tôi chỉ gặp một người Slovakia. Bù lại người dân rất hiếu khách. Một nhóm công nhân kiếm người biết tiếng Anh giúp tôi. Họ bắt giùm tôi chiếc taxi và giải thích: “Giá tuk tuk (còn gọi là rickshaw) và giá taxi như nhau, đi taxi cho nhanh để đến bến xe Pir Wadhai, từ đây bắt xe buýt để đi đến thành phố Abbottabad.” Biết tôi muốn đến thị trấn Bilal, ông bán vé xe kéo tôi lại gần, hỏi nhỏ: “Nói thật đi, có phải là tìm kiếm ngôi nhà cuối đời của ông Bin Laden không?” Ông ta cười thật to với đôi mắt đầy bí ẩn... Cũng giống các thành phố Nam Á khác, việc nhờ

nhét trên xe thật kinh hoàng, chiếc xe 12 chỗ nhét đến 20 người, chưa kể lượng người đu đeo, ngồi trên mui.

Đường khá xấu, nhỏ hẹp và có nhiều chốt kiểm tra bởi Abbottabad gần với biên giới Afghanistan và Ấn Độ là khu vực nhạy cảm về mặt quân sự. Tôi dựa vào thành lan can bằng sắt của cửa sổ trên xe để ngủ gà ngủ gật. Thỉnh thoảng, mở mắt tôi thấy đoàn xe xếp hàng dày đặc ở lối vào các cây xăng dù còn mở cửa hay đã đóng. Tôi hỏi những người trên xe về chuyện này. Rất may, có anh Alli biết tiếng Anh vui vẻ trả lời: “Pakistan đang mùa đông, xăng dầu hay gas rất quý hiếm. CNG (công ty trực thuộc chính phủ Pakistan cung cấp xăng dầu và gas) sẽ ngưng cung cấp xăng dầu vào ba ngày tới và giá nhiên liệu sẽ tăng vào đầu năm mới. Những bác tài cố gắng đổ đầy trước khi giá tăng. Tuy nhiên, một số cây xăng lại đóng cửa gây nên tình trạng như thế này...”

Tôi mừng rơn, hỏi thăm về ngôi nhà của Bin Laden. Những đôi mắt của họ bỗng long lên nghiêm trọng. Anh Alli gần giọng hỏi tôi có thích ông Osama Bin Laden không. Tôi lấp lửng: “Bin Laden nổi tiếng khắp thế giới và mọi người đều biết đến ông ta...”

Alli dịu giọng chia sẻ: “Đối với người Pakistan, Bin Laden là một vị cha, một vị thánh. Chúng tôi đã không bảo vệ được, để ngài chết trên vùng đất này. Đó là nỗi đau...”

Tôi cố gắng phân bua: “Abbottabad là thành phố rất đẹp, tôi muốn đến đó ngắm cảnh. Nếu được phép, tôi muốn có bức ảnh ngôi nhà như là kỷ niệm đẹp với đất nước Pakistan.” Họ lại xì xầm và cái nhìn bớt hẳn học hơn. Anh Irshad, một thanh niên Pakistan cùng đi trên xe, nhìn tôi cười bí hiểm.

Xe đến thành phố Abbottabad sau ba giờ hành trình... Mọi người cùng xuống xe, tôi lại hỏi thăm đường đến ngôi nhà Bin Laden. Đáp lại là những câu trả lời lạnh lùng: “Không biết.” Anh Irshad ngắt nhẹ vào tay tôi và đi về phía trước. Chờ anh Irshad đi một đoạn, tôi đi theo. Cứ thế anh đi phía trước, tôi lẻo đẻo theo sau. Qua những khúc đường quanh co, khuất hẳn bên xe, chúng tôi mới đi song

song với nhau. Tôi hỏi anh Irshad: “Bạn biết ngôi nhà cuối đời của ông Bin Laden chứ?”

Anh Irshad giải thích: “Đó là ngôi nhà hai tầng nằm ở thị trấn Bilal của thành phố Abbottabad rộng khoảng 208m². Phong tục ở phía Bắc Islamabad gia đình giàu có thường xây một hàng rào bằng gạch. Ngôi nhà đó cũng rào gạch, được cho là của một thương gia vàng bạc người Afghanistan nhưng thời gian ông ta ở Afghanistan nhiều hơn là ở Abbottabad. Chẳng ai biết Bin Laden dọn vào ở khi nào. Nhưng cứ mỗi buổi sáng có chiếc xe màu đen chạy ra và mỗi buổi chiều lại chạy vào. Thời gian còn lại ngôi nhà cứ đóng cửa im ỉm.” Thấy tôi chú ý, anh Irshad hào hứng kể: “Ngôi nhà chẳng cho ai vào thu rác. Rác được để ngoài cổng và những người dọn rác lại lấy đi. Những nhà gần đó tò mò quan sát, chỉ thấy những đứa trẻ nô đùa ngoài sân. Internet và điện thoại không phát triển ở vùng đồi núi này, có lẽ quân đội Mỹ phát hiện ra ngôi nhà này bởi nó phát sóng và nhận sóng nhiều nhất.” Tôi nôn nóng đề nghị gọi taxi đến đó, anh Irshad nói: “Cam đoan với bạn không taxi nào nhận lời...” Tôi lần lượt gọi ba chiếc taxi nhưng họ đều từ chối. Anh Irshad cũng gọi và nói chuyện bằng tiếng địa phương, nhưng tài xế vẫn lắc đầu, anh phải cố gắng thuyết phục rất lâu mới được đồng ý.

Lối vào ngôi nhà quanh co như vào một đường làng, qua ba đến bốn khúc cua ổ gà đầy nước. Xe dừng, tôi hăm hở tiến về ngôi nhà, anh Irshad ngăn lại: “Đừng đến gần, hãy chụp ảnh từ xa và cố gắng càng nhanh càng tốt.” Tôi nấn ná, đưa máy ảnh nhìn ngắm dãy đất trống chỉ còn lại dấu vết nền móng của ngôi nhà, anh Irshad tỏ vẻ tức giận: “Bạn không phải là người bạn tốt. Bạn hứa là chụp một tấm ảnh duy nhất nhưng tại sao ở lại đây khá lâu?” Xa xa có ba người đàn ông đứng tuổi đang cầm gậy tiến đến chúng tôi với vẻ mặt hăm hực, chúng tôi vội vàng nhanh chóng rút lui. Trên xe, anh Irshad giải thích với tôi: “Hai ngày sau khi người Mỹ tấn công, thông tin mới được công bố. Nhiều người hiếu kỳ đổ xô đến đây. Chính phủ cho đập ngôi nhà đó đi. Xây dựng nhiều ngôi nhà khác chung quanh và đưa dân về đây lập thị trấn mới. Tôi ngạc nhiên biết rằng anh Irshad sống gần ngôi nhà đó. Sau những cái ôm chia tay thăm thiết, anh dặn: “Bạn viết gì thì cứ viết nhưng đừng đưa ảnh tôi lên

mạng. Nếu bức ảnh được phát tán, cuộc sống của tôi sẽ bị đe dọa. Người Pakistan thuộc dạng 50/50, yêu thích bạn họ sẵn sàng làm bất cứ điều gì bạn thích, khi bạn chọc vào nỗi đau, họ lại sẵn sàng giết chết bạn. Đừng bao giờ nói xấu về Bin Laden, đừng tranh luận về tôn giáo khi bạn đang ở Pakistan.”

img433

Tác giả tại ngôi nhà bị chính phủ đập đi của Bin Laden

Chợ phiên Islamabad

Cũng như ở Bangladesh, mỗi một thành phố ở Pakistan từng nằm trên con đường tơ lụa xa xưa luôn cho tôi những câu chuyện không thể quên mà qua những câu chuyện đó tôi hiểu rằng thế giới vô cùng rộng lớn như một sa mạc hoang vu nào đó mà đoàn người lạc đà chỉ là những cái bóng liêu xiêu rồi biến mất vào trong sự bao la vũ trụ. Họ chỉ để lại sự vương vấn cho đời như những cánh hoa bồ công anh bung nở khi mùa xuân đến và chỉ khi nào người ta chứng kiến tận mắt thì mới hiểu được nét đẹp qua những vũ điệu ban đêm của những sợi tơ bồ công anh ở một góc tối sáng nào đó trên con phố nhỏ. con đường tơ lụa ngày xưa đã biến mất, nhưng tôi lượm lặt trên con đường thương mại cổ xưa ấy những giá trị văn hóa luôn tồn tại với thời gian.

Tôi hay bị đánh thức bởi những chú quạ ríu rít tiếng kêu vào mỗi buổi sáng ở Islamabad. Dường như chúng làm tổ đâu đó trên một cành cây mọc cạnh ngay khách sạn. Ông mặt trời luôn ngủ muộn trong chiếc chăn ấm của mình là các khối mây vô hình dấp vào những ngày mùa đông. Islamabad được phủ đầy những bóng cây xanh trên những trục đường chính và khá sạch sẽ. Khác với những thủ đô khác, Islamabad không chia thành các quận mà chia thành từng khu và được ký hiệu theo chữ cái alphabet. Những khu này nằm song song với đại lộ chính Faisal với các bộ ngành và kết thúc đại lộ là thánh đường Hồi giáo mang tên Faisal.

Tại trung tâm Islamabad, rất khó tìm ra những ký hiệu để tôi nhận biết đây là một thành phố thuộc khu vực Nam Á bởi ẩn thoáng trong

những hàng cây xanh trên những quả đồi là những khu chung cư được xây dựng theo kiến trúc hiện đại. Yên bình, nên Islamabad phù hợp cho việc nghỉ dưỡng. Mặt khác, Islamabad là điểm trung chuyển khá lý tưởng trên trục đường đến thung lũng Swat được ngắm nhìn dãy Himalaya chạy ngang vẫn còn phủ đầy tuyết vào mùa hè và những hồ nước xanh màu ngọc bích nằm vắt vẻo qua những đồi thông. Tầng lớp giàu có ở Pakistan đổ xô đến đây mua đất và xây cất lên những biệt thự xa hoa nằm yên tĩnh dưới những hàng cây. Mùa hè rồi cũng qua, các ông chủ biến những biệt thự thành khách sạn “tạm thời” không đóng thuế cho những du khách lỡ bước đến đây. Chỉ cần bước đến vùng ngoại ô của Islamabad, những đặc trưng của các thành phố Nam Á lại tái hiện rõ mồn một: Mua bán trên mọi lề đường với những mặt hàng chất đồng diễn ra trong bầu không khí vô cùng sôi động, những chiếc xe buýt, xe tải đầy màu sắc, chất người cao ngất trên mui và bám còi inh ỏi dọc ngang khắp phố, và người ta tự do thải rác xuống những bãi rác to đùng trên những dòng sông nước đen kịt...



Thánh đường Hồi giáo Faisal ở thủ đô Islamabad, Pakistan

Noel chỉ mới qua vài ngày và năm mới của phương Tây đang đến, nhưng trên đường phố của thủ đô Islamabad không thấy bất cứ một tín hiệu nào chào đón sự kiện này. Anh Mohamed – tiếp tân khách sạn nơi tôi đang ở chia sẻ: “Trong kinh Quran có câu: Không có thánh thần nào khác ngoại trừ Thánh Allah và các thiên sứ của Ngài. Chúng tôi chỉ có niềm tin duy nhất vào Thánh Allah và chỉ tổ chức những sự kiện lớn chào đón những gì liên quan đến Ngài. Noel và năm mới là của người phương Tây. Năm mới của chúng tôi dựa theo con trăng và lịch cổ của người Ba Tư, thường rơi vào tháng 3 được gọi là Nowruz...”

Điều duy nhất làm tôi khá ngạc nhiên về Pakistan bởi nó khá tương phản với lời nói của anh Mohamed, trong khi các nước đậm chất Hồi giáo Ba Tư ở khu vực Trung Đông thực hiện ngày nghỉ cuối tuần là thứ Năm và thứ Sáu thì ở Pakistan ngày nghỉ cuối tuần vẫn là thứ Bảy và Chủ nhật? Anh Mohamed tiếp tục giải thích: “Trước

đây chúng tôi vẫn thực hiện ngày nghỉ cuối tuần là thứ Sáu. Tuy nhiên, do mở rộng về kinh tế để cạnh tranh với Ấn Độ, chính phủ quyết định đổi sang ngày nghỉ vào Chủ nhật cho phù hợp.”

Tôi lang thang đến chợ phiên cuối tuần lớn nhất Islamabad nằm ở góc đại lộ Agha Shani. Giống như các ngôi chợ Hồi giáo khác, những ông chủ của các quầy hàng là nam giới. Những thứ rau củ, hoa quả tươi ngon nhất được chất chiu dung dưỡng dành cho ngày Chủ nhật. Chợ nhóm họp từ 8 giờ sáng và kết thúc lúc 6 giờ chiều vào những ngày mùa đông, mùa hè sớm hơn một tiếng và kết thúc muộn hơn một tiếng. Những chiếc xe hơi, taxi và dòng người đi bộ dường như đổ dồn về góc đường Shani, bởi ai cũng cần có nhu cầu về rau quả để chuẩn bị thức ăn cho cả tuần sau. Bãi đậu xe chẳng còn một chỗ trống.

Trước đây, chợ chỉ chuyên bán các mặt hàng rau củ quả. Do nhu cầu gần đây, nên chợ đã mở thêm các gian hàng phục vụ cho việc mua sắm những vật dụng cần hàng ngày như: ly, chén... Dòng người đến chợ theo thời gian ngày càng đông hơn, nhu cầu ăn uống trong lúc đi mua sắm là cần thiết, nên ban quản lý cũng đã mở thêm các quầy hàng bán thức ăn nhanh. Dù mở thêm các quầy hàng mới, nhưng chợ vẫn thực hiện phương châm lúc mới mở: nói đúng giá các mặt hàng. Một số người buôn bán không đúng “tiêu chuẩn” của chợ như quần áo và các loại hạt rang, không được phép mua chỗ ngồi bên trong chợ thì phục vụ khách hàng bằng cách đổ đồng ven theo các đường đi bên ngoài chợ.



Một góc chợ phiên Islamabad

Khác hẳn bất cứ một ngôi chợ nào trong các quốc gia tôi đã đi qua, chợ ở Pakistan chủ yếu bán vải vóc lụa là hoặc một số vật dụng cần thiết trong trang trí nhà cửa. Chợ bán rau củ hoa quả và các vật dụng sinh hoạt hàng ngày chỉ được nhóm phiên vào mỗi cuối tuần. Đến hẹn lại lên, chợ phiên cuối tuần luôn tấp nập bởi kẻ bán, người mua. Vào ngày cuối tuần, mọi con đường ở Islamabad đều dẫn đến

chợ phiên và trong tôi chợ phiên ấy mang bản sắc văn hóa đậm đà của người Ba Tư.

Những ngọn gió đông trở mình trong đêm Peshawar

Tôi đến Peshawar sau hai tiếng ngồi xe từ Islamabad. Cô nhân viên hãng xe Daewoo từ chối bán vé xe cho chặng tiếp theo từ Peshawar vào thung lũng Swat do chưa có giấy phép thông hành được cấp bởi quân đội. Tôi muốn vào thung lũng Swat thuộc tỉnh Khyber Pakhtunkhwa bởi năm xưa đoàn lạc đà thương gia đã ven theo đường mòn quanh co trong các hẻm núi để băng qua dãy núi Hindu Kush chạy dài từ Kabul đến Pakistan. Thung lũng Swat được xem như là điểm tập kết trung gian trên con đường tơ lụa từ Afghanistan đến Pakistan và phong cảnh thiên nhiên nơi đây tuyệt đẹp. Nằm ở biên giới giữa ba nước Afghanistan, Ấn Độ và Pakistan nên Swat là vùng cấm đối với du khách nước ngoài. Tôi giải thích và đưa visa Pakistan cho cô xem: visa chỉ được lưu trú đúng 12 ngày thì làm sao tôi có thể xin kịp giấy phép trong khi theo quy định chờ ít nhất 7 ngày mới có thể nhận được. Cô nhẹ nhàng trả lời tôi: Hãng xe Daewoo uy tín nhất Pakistan luôn lấy chất lượng là tiêu chí hàng đầu trong việc kinh doanh, sẽ ảnh hưởng đến uy tín của hãng nếu phát hiện ra việc đi “lậu” vào Swat. Cô giúp tôi bằng cách hướng dẫn đến bến xe địa phương để mua vé đi vào Swat và chuyến đi này mang tính chất “hên xui” nếu bị quân đội phát hiện. Trạm kiểm tra thứ nhất tôi qua được khi họ chỉ nhìn mặt sơ sài số người đang hiện diện trên xe qua ô cửa sổ. Trạm thứ hai, anh quân đội leo thẳng lên xe và yêu cầu mọi người đưa lên trước mặt tấm hộ chiếu hoặc giấy chứng minh tùy thân. Tôi bị phát hiện ngay bởi hộ chiếu của tôi quá khác biệt với hộ chiếu của người Pakistan rần rần những chữ Urdu phía trước. Tôi bị mời xuống xe dù anh tài xế năn nỉ phụ hãy cho tôi một cơ hội đi vào Swat.

Anh quân đội cao ráo với nước da bánh mật vui vẻ giải thích cho tôi hiểu mối nguy hiểm luôn rình rập bên trong Swat bởi không ai có thể phân biệt đâu là Taliban, đâu là người Afghanistan hay Pakistan lương thiện bên trong thung lũng ấy. Giấy phép chỉ cấp cho các công ty du lịch lữ hành nếu muốn vào trong đó bởi người ta hiểu địa

hình bên trong thung lũng và biết cách xử lý khi xảy ra sự cố, nghĩa là tôi phải mua tour và chờ 7 ngày sau mới được đi tour vào trong thung lũng. Anh tử tế bắt hộ chiếu xe buýt để tôi quay lại và căn dặn tài xế chở đến khách sạn quen, giá rẻ mà người chủ có thể nói tiếng Anh để hỗ trợ bởi Peshawar là một thành phố chưa bao giờ im tiếng súng. Ông chủ khách sạn độ chừng 50 tuổi reo mừng khi biết tôi đến từ Việt Nam. Vừa điền tên vào sổ, ông cho tôi biết ông từng có một năm sống tại Việt Nam. Tôi ngạc nhiên khi nghe đề nghị hãy để ông giữ hộ chiếu của tôi cho đến ngày tôi rời khỏi Peshawar. Ông giải thích: Thế chú em trước khi đến đây không biết rằng Peshawar là một tỉnh biên giới nổi tiếng buôn bán vũ khí qua biên giới Afghanistan!?! Bên kia Peshawar là thủ phủ Taliban thuộc Afghanistan. Loạn lạc ở Peshawar không chỉ đến từ phiến quân Taliban mà còn là những viên đạn lạc đến từ các băng đảng giang hồ thanh toán lẫn nhau bởi vũ khí được bán một cách công khai tự do ở Peshawar. Gần đây nạn bắt cóc đòi tiền chuộc là vấn đề nan giải của chính quyền tỉnh Peshawar. Những ngọn gió đông đang trở mình trong bóng đêm, tôi cảm thấy lạnh quá!

Ông Waqas, người chủ khách sạn, gọi với theo khi tôi định bước ra ngoài, tôi cho ông biết muốn băng qua đường đến khu chợ đêm nằm đối diện với khách sạn mua một chút gì đó ăn tối. Ông khoác vai tôi và cùng đi đến một nhà hàng được ông đánh giá hương vị ăn được, giá bình dân nằm cạnh khu chợ đêm. Xem tôi như đứa em trai nhỏ đang ở trên vùng đất nguy hiểm cần được bảo vệ che chở, ông quên mất hành động khoác vai là một điều cấm kỵ ở quốc gia Hồi giáo. Đêm đó, tôi không sao ngủ được và bên ngoài ô cửa sổ vẫn là ngọn gió đông liêu xiêu đi hoang giữa những ánh sao đêm. Lang thang qua những vùng miền miền viễn xa xôi mà chúng tôi tìm thấy sự tự do trong bao la đất trời, chưa bao giờ từng tự hỏi mình được sinh ra từ đâu nhưng chúng đã làm cho tôi rét cóng và bơ vơ trong chiếc mền cũ kỹ của khách sạn với giá 5 USD/phòng.

Sáng hôm sau, tôi đến Ủy ban Peshawar và vẫn hy vọng Phòng Nội vụ của tỉnh Khyber Pakhtunkhwa cấp giấy thông hành sớm cho phép tôi vào thung lũng Swat. Dù được sự trợ giúp nhiệt tình của anh Ullah – người làm trong Phòng Nội vụ – nhưng tôi vẫn phải chờ

ít nhất ba ngày sau mới có giấy phép được cấp bởi quân đội Pakistan. Không có nhiều thời gian ở Pakistan, tôi quyết định bỏ Swat đi Lahore bằng chuyến xe buýt lúc 14 giờ của hãng xe Daewoo – Hàn Quốc. Với thời gian rảnh rỗi trong lúc chờ xe đi Lahore, tôi ghé qua khu phố cổ, pháo đài Bala Hisar cùng bảo tàng Peshawar để tìm hiểu lại con đường tơ lụa cổ xưa đi cùng với Phật giáo lưu truyền đến đây. Peshawar dường như rất yên bình nằm dọc theo dòng sông Bara, một nhánh của dòng sông Kabul và được ngọn núi Shahji-ki Dheri với những đám mây luôn ngủ hững hờ trên đỉnh bao quanh, nhưng bên trong lòng phố cổ lại là những ngọn sóng cồn cào không dứt. Khu phố cổ Peshawar vẫn nhộn nhịp như thời xa xưa khi từng là trung tâm kinh tế sầm uất trên con đường tơ lụa ở vùng đất Phật từng có tên gọi Gandhara. Tôi lang thang đi tìm những gì giao thoa văn hóa trên con đường tơ lụa còn sót lại ở Peshawar bằng việc đi vòng quanh và ngắm pháo đài Bala Hisar. Trong tiếng Ba Tư, Bala Hisar có nghĩa là “độ cao” và tên pháo đài cũng đã chứng minh về sự vĩ đại của nó trong thời cổ đại với chiều cao của những bức tường thành là 27m và rộng trên diện tích độ chừng 60.000m². Trong quyển sách *Peshawar – thành phố pháo đài lịch sử* được xuất bản năm 1995, giáo sư Ahmad Hasan Dani cũng là tác giả quyển sách có đoạn viết rằng: Năm 630, ngài Huyền Trang đi ngang và ghé qua Peshawar, ông đã vào bên trong pháo đài và đó cũng chính là nơi ở của hoàng gia. Tôi đến tháp đồng hồ Ghanta Ghar để hiểu rằng chiếc đồng hồ nằm trên nóc tháp là chiếc đồng hồ thứ hai trong cặp đồng hồ độc nhất vô nhị dùng làm quà tặng cho Nữ hoàng Elizabeth khi tiểu lục địa Ấn Độ còn là thuộc địa của người Anh. Một vài người thả bộ và dừng chân ở tháp Chowk Yadgar sau một phiên chợ đông đúc, họ thăm lặng bên khuôn viên nhỏ nhắn tưởng nhớ đến những người Pakistan đã nằm xuống trong cuộc chiến với người Ấn Độ vào năm 1965. Bên trong ngôi thánh đường Hồi giáo Mahabat Khan được xây dựng từ năm 1630 bằng việc cắt và ghép những tảng đá cẩm thạch trắng lớn là những câu kinh ê a không dứt của một thầy tu nào đó. Dù không là tôn giáo của tôi, nhưng câu kinh trầm bổng luôn làm tôi cảm thấy nhẹ lòng, mọi thứ dường như vút lại bên ngoài, chỉ còn lại sự linh thiêng huyền bí giữa không gian và thời gian. Kiến trúc mặt tiền ngôi thánh đường tuyệt đẹp, nó gợi nhớ sự oai hùng trên vó ngựa chinh yên

trên đường đi mở cõi của vị Hoàng đế điển trai Shah Jahan nhưng vẫn nặng lòng yêu thương thủy chung với Hoàng hậu Mumtaz mà người ta luôn ca tụng đó là tình yêu bất diệt.

Bảo tàng Peshawar

Tôi đi giữa lòng khu chợ Khwani ở khu phố Qissa mà nghĩa của Khwani là “người kể câu chuyện” để hít hà hương thơm gia vị, ngắm nhìn sắc màu của thảm, thưởng thức những cây trái mùa đông hay tìm được những món quà lưu niệm nhỏ xinh được làm từ da của những chú trười. Bất chợt giật mình khi tôi được các anh bán hàng lôi vào con hẻm nhỏ nằm sâu trong những dãy nhà phố để chào bán các loại vũ khí cá nhân mà theo các anh giải thích có thể trang bị tự vệ cho bản thân. Tôi thoát thác bằng cách giải thích không kịp chuyển xe đến Lahore nếu phải đứng đây khá lâu chọn cho mình món vũ khí ưng ý.

Bảo tàng Peshawar mang đến cho tôi sự thích thú với những món cổ vật được thu thập trên con đường tơ lụa xưa kia gồm tranh, gốm sứ và các tượng Phật. Thu hút tôi ở bảo tàng Peshawar chính là bàn chân, sợi tóc của Đức Phật mà nó chính là biểu tượng Phật giáo trên vùng đất Gandhara ngày xưa hay nói một cách ngắn gọn hơn là nghệ thuật Gandhara. Nghệ thuật Gandhara chú trọng nhiều đến việc điêu khắc bàn chân và đầu của tượng Phật thường được mạ vàng bên ngoài. Qua các tác phẩm, bàn chân Đức Phật luôn được diễn tả rất to, đầy đặn và các nghệ nhân tin rằng đó chính là kích thước thật ngoài đời của Ngài. Sự đầy đặn và to lớn về kích thước được diễn giải là sự cao quý của một vị thánh nhân theo quan điểm của người xưa. Trên tất cả các ngón chân của Đức Phật đều có khắc hình chữ Vạn với ý nghĩa mang đến sự tốt lành. Giữa bàn chân là một bánh xe nhiều nan tượng trưng vòng Pháp Luân cũng là giáo lý của Phật giáo xoay chuyển không dừng và cũng là mặt trời đang soi rọi cho chúng sinh vượt qua bể khổ. Trên gót chân của Ngài được điêu khắc một vòng hoa sen với ý nghĩa thanh tịnh và thuần khiết, phía trên hoa sen là một chĩa ba tượng trưng cho chân lý, bất diệt và tối cao. Điển hình trong nghệ thuật Gandhara khi tạc đầu tượng Phật là đôi mắt có hình quả hạnh nhân luôn xếch về

đuôi mắt và có con người trong mắt. Vàng trán rộng thể hiện sự thông thái và đôi tai lớn thể hiện sự phúc hậu trường tồn. Con mắt thứ ba giữa trán Đức Phật còn gọi là “bạch hào” được các nghệ nhân thực hiện khéo léo rõ nét bởi đó là biểu tượng cho thấy Ngài có khả năng nhìn được mọi sự việc diễn ra trong tương lai lẫn quá khứ. Tóc của Ngài được điêu khắc theo kiểu dợn sóng với ý nghĩa sự phóng khoáng tha thứ cho các Phật tử của mình làm lỡ trong cõi trần đời. Nghệ thuật Gandhara ảnh hưởng nhiều nghệ thuật Hellenistic của người Hy Lạp theo dấu chân chinh phạt của ngài Đại đế Alexander cùng với con cháu của mình lạc đến vùng Nam Á. Hình ảnh Đức Phật qua các bức tượng phẳng phát hình ảnh các vị thần trong những bộ kinh sử Hy Lạp trên các đồng tiền cổ.





Những tượng Phật cổ quý giá còn sót lại trên con đường tơ lụa trong bảo tàng Peshawar

Lahore – kinh đô vàng son của đế chế Mughal hùng mạnh

Từng được đi xe buýt chất lượng cao ở một số quốc gia tiên tiến khác, nhưng tôi phải khâm phục cách quản lý của người Hàn Quốc khi liên doanh với Chính phủ Pakistan thành lập công ty vận tải tại đây. Với câu slogan “Dream Journey – chuyến đi mơ ước”, hãng xe Daewoo khiến tôi có cảm giác là đi máy bay hơn là đi xe buýt. Một trang web được thành lập để khách có thể mua vé, check-in và đặt số ghế ngồi trên xe. Từ cách đưa hành khách ra ga số mấy, tag và biên nhận hành lý, nhận hành lý ở quầy nào... giống như là một chuyến bay đang vận hành.

Bên trong xe, một cuốn tạp chí mang tên *Hamani Manzilen* được xuất bản hàng tháng luôn đặt trước mặt hành khách để đọc giải trí. Hộp bánh được thiết kế chuyên nghiệp phát cho hành khách nhân mạnh biểu tượng Daewoo giống như các hãng hàng không áp dụng trên đường bay ngắn. Cứ một tiếng đồng hồ, cô tiếp viên đi phục vụ nước một lần và cho phép hành khách có nhiều sự lựa chọn khác

nhau về thức uống. Cứ khoảng một tiếng rưỡi, anh tài xế lại thông báo với hành khách số kilômét đoạn đường đã đi qua, còn khoảng bao lâu sẽ đến thành phố tiếp theo. Ngôn ngữ được thông báo bằng hai thứ tiếng: Urdu và tiếng Anh. Thật ấn tượng!

Tôi đến Lahore sau sáu tiếng đi xe từ Peshawar. Lahore đang những ngày mùa đông, nhiệt độ ban đêm xuống chỉ còn 8 độ. Mặc cho đội quân xe tuk tuk bao lấy tôi và nói tiếng Anh khá sõi, nhưng tôi vẫn thoát ra ngoài bên xe để tìm một tuk tuk khác. Tôi đưa tên khách sạn cần đến trong khu phố cũ để anh tuk tuk đang chờ xe đến chở đi. Dù không biết tiếng Anh, nhưng anh ta cứ kêu tôi lên xe và sẽ thỏa thuận giá cả sau. Cái nháy mắt của một anh tuk tuk khác nói sõi tiếng Anh với anh ta khiến tôi hiểu rằng tôi sẽ bị “chém” về giá cả. Trời tối, tôi cũng không định hình được khoảng cách xa như thế nào. Anh tuk tuk đưa ra giá 1.200 rupee, cò kè qua lại, tôi đạt thỏa thuận 1.000 rupee. Anh tài xế tuk tuk lại không biết đọc chữ, nên cũng không biết khách sạn của tôi nằm ở đâu. Anh ghé vào một tiệm ăn ven đường để hỏi thăm có ai biết tiếng Anh giúp tôi. Chị Salah, một nhân viên ngân hàng đang dùng bữa trong tiệm, sau khi giới thiệu với tôi đôi điều, nét giận dữ thể hiện trên khuôn mặt chị khi biết rằng anh tuk tuk sẽ nhận từ tôi 1.000 rupee. Chị cao giọng bằng ngôn ngữ địa phương. Anh này cũng không vừa gì khi hàm hồ gân cổ cãi lại. Mọi người xúm lại đông đúc để xem.

Tôi cũng không hiểu họ nói gì, nhưng qua thái độ và cử chỉ tôi đoán ra rằng chị đang bênh vực cho tôi. Chị quay qua giải thích với tôi: Giá từ đây vào khu phố cũ chỉ 300 rupee mà anh ta lại lấy của tôi đến 1.000 rupee! Chị Salah nói: “Tôi không biết khách sạn của bạn nằm ở đâu, nhưng tôi đã hướng dẫn anh ta tìm một khách sạn giá rẻ, an toàn để bạn tiện đường đi lại ở khu phố cũ. Khi đến nơi hãy gọi điện thoại cho tôi và chỉ trả 300 rupee cho anh tuk tuk.”

Anh ta đưa tôi đến khách sạn sạch đẹp chỉ dành cho người Pakistan với giá chỉ 10 USD. Tôi tip 100 rupee nhưng anh kiên quyết không nhận. Anh ta ra dấu hiệu cho tôi hiểu rằng, chính chị Salah không cho phép anh ta nhận thêm bất cứ đồng nào. Trong mắt tôi, chị Salah đã là một “đại sứ du lịch”.

Rảo bước trên những nẻo đường Lahore trong một ngày lạnh giá, tôi luôn nhận được những lời chào, cùng với những đôi bàn tay gọi mời vào sưởi ấm quanh bếp than hồng được đốt từ lá và củi khô. Một tinh cảm ấm áp đã len lỏi giữa những con người không cùng chung màu da và tiếng nói trên vùng đất xa lạ. Người Pakistan luôn có câu nói: Nếu Islamabad là một cái đầu nóng thì Lahore chính là trái tim nồng ấm bởi vùng đất này từng là một trong những kinh đô vàng son của đế chế Mughal hùng mạnh (1584 – 1598) và đã đi vào bài thơ nổi tiếng của nhà thơ người Anh John Milton viết vào năm 1670 với đoạn: *“Agra và Lahore, hai kinh đô rực rỡ của đế chế Mughal vĩ đại.”*



Ấm nồng giữa Lahore trong những ngày mùa đông

Một Lahore chói sáng nghệ thuật trong lịch sử trung cổ khi Hoàng đế Aurangzeb cho xây dựng pháo đài Lahore, thánh đường Hồi giáo Badshahi, cổng chào Badshahi và khu vườn Shalimar theo kiến trúc chảy tràn Ba Tư luôn soi bóng mình xuống dòng sông chảy qua lòng phố được đặt tên Ravi nhằm tôn vinh Nữ thần Durga, nữ thần chiến thắng của cái thiện trên cái ác. Người Pakistan luôn có lý lẽ của mình khi gọi Lahore là cái nôi văn hóa, nghệ thuật bởi thành phố lớn thứ hai ở Pakistan quá giàu tính lịch sử do sự giao thoa văn hóa trên con đường tơ lụa cổ xưa giữa Hindu, Phật giáo, Hy Lạp cổ đại, Hồi giáo, người Sikh và người Anh. Vùng đất giàu có Lahore được đặt tên để tôn vinh Thần Lava con trai của Thần Rama trong những bộ kinh sử *Ramayana* và ngài Huyền Trang đã ghi vào quyển nhật ký của mình khi đến đây vào năm 630: *“Một thành phố rộng lớn với hàng nghìn hộ sinh sống, là vùng đất nằm về phía Tây sát biên giới vương triều Cheka, nơi dòng sông Indus đổ vào sông Beas và cũng là vùng đất tôn nghiêm của các vị Bà La Môn.”* Hoàng đế Aurangzeb, người con thứ ba của vị Hoàng đế Shah Jahan và Hoàng hậu Mumtaz ngự trị Lahore từ năm 1658 đến năm 1707 đã thực hiện nghiêm khắc luật Hồi giáo qua bàn tay thép mặc cho những người Lahore tâm quá thấm nhuần tôn giáo Hindu có kêu gào phản đối. Nhưng nếu được sống lại một lần nữa, những người

Lahore xưa sẽ ngả mũ chào trước những công trình đồ sộ còn sót lại vẫn luôn có giá trị lịch sử dù thời gian trôi biến mãi mãi không bao giờ quay lại chốn xưa.

“Cái nôi văn hóa nghệ thuật” ở Lahore còn được xác định qua hàng trăm bảo tàng với những bộ sưu tập đồ sộ mà các bảo tàng Phật giáo ở các quốc gia khác luôn thèm muốn và Bảo tàng Lahore là một trong những bảo tàng đáng xem khi tôi muốn tìm hiểu Phật giáo. Trên các bức tường ở lối vào bảo tàng treo những bức tranh theo nghệ thuật Sadequain để tôn vinh họa sĩ người Pakistan Sadequain Naqqash với trường phái vẽ tranh rất riêng và có tầm ảnh hưởng từ thập niên 1940 đến nay. Bên trong bảo tàng là những mẫu vật về cách trang trí một cánh cửa nghệ thuật với những hoa văn điêu khắc rất đặc trưng trên gỗ của vương triều Mughal và người Sikh, là những bức tranh quý giá có niên đại khoảng 100 năm trở lại của vương triều Mughal, người Sikh và người Anh, là những nét điêu khắc trên đá của nền văn minh thung lũng sông Indus, nghệ thuật Gandhara, nét văn hóa của người Tây Tạng hay người Nepal, là những bức tranh Phật giáo được vẽ theo nghệ thuật Pahari xuất phát từ những ngọn núi cao trong dãy Himalaya.



Pháo đài Lahore, Pakistan

Buổi sáng là những tia nắng trong veo len lỏi qua thánh đường Hồi giáo mà nơi đó chỉ có ê a những câu dài sám hối cho những tội lỗi trần gian. Những câu kinh ấy được truyền âm dẫn nhập qua từng bức tường sa thạch đỏ bên trong thánh đường tạo thành âm thanh rền vang như thức tỉnh loài người thoát khỏi u mê, rời xa những cám dỗ thường tình của cuộc sống. Việc truyền âm qua các vách ngăn của bức tường thành còn có tác dụng truyền và nhận tin giữa những người lính với nhau khi kinh đô bị kẻ thù tấn công. Các thánh đường Hồi giáo trung tâm được xây dựng dưới thời của các vương triều Mughal luôn có điểm khác biệt như thế. Buổi sáng tinh mơ luôn khởi đầu cho nhiều hoạt động mà ở thánh đường Hồi giáo con người sẽ tìm thấy sự “trong trắng” trong những câu kinh Quran để lấy đó làm kim chỉ nam cho hành vi mang tính nhân văn của mình.

Buổi chiều khi những tia nắng đã đủ “mạnh”, chúng phản chiếu lên các bức tường thành vững chãi của pháo đài Lahore được xây dựng từ những khối sa thạch vàng. Người Lahore sẽ soi rọi vào chiếc gương ấy để thấy được sức mạnh cả dân tộc mình đi cùng với lòng quyết tâm trước vó ngựa cùng đế giày của quân thù.

Sắc màu Pakistan

Với mọi người, Ấn Độ luôn là nền văn hóa đại diện cho “sắc màu” Nam Á, nhưng với tôi: Trong các quốc gia Nam Á đã đi qua, Pakistan là quốc gia thể hiện rõ nhất phần “sắc màu” đặc trưng của vùng Nam Á. Sắc màu nổi bật của những chiếc khăn, bộ sarong, áo truyền thống shalwar kameez như những đốm lửa hồng trên từng góc phố sương ẩm mùa đông rét mướt. Bỏ qua mặt hàng gia vị đầy màu sắc đặc trưng như các quốc gia Nam Á khác, sắc màu Nam Á ở Pakistan còn thể hiện trong các khu chợ qua thực phẩm ăn uống, vật dụng hàng ngày như: thực phẩm, trái cây, dép, dây thừng, chỉ may, hoa văn dán tường... Mọi thứ dường như có sắc màu riêng cho chính chúng và tôi như lạc trong thế giới của những bức tranh được vẽ bởi chính mình lúc còn bé khi rảo quanh các khu chợ. Anh Khan – chủ một quầy hàng vải trong chợ Azam cho biết: “Người Pakistan ăn mặc rất sắc màu, đặc biệt những gam màu nổi. Tùy từng mùa trong năm mà họ sẽ chọn gam màu để may áo. Khăn choàng là vật quý giá nhất đối với người nữ, đẳng cấp giàu hay nghèo cũng được xác định qua chiếc khăn này và chúng cũng thể hiện sắc màu khác nhau theo từng mùa.”

Công nghiệp vải và sợi được xem là ngành công nghiệp xương sống ở Pakistan sau nông nghiệp. Là ngành nghề truyền thống nên chỉ cần len lỏi qua những ngõ hẹp trong các khu chợ, tôi luôn bắt gặp những máy dệt thủ công hay nhuộm vải của tư nhân.

Sự ăn mặc màu sắc đặc trưng theo mùa của người Pakistan cũng khiến những người thợ may và thợ nhuộm nhỏ lẻ ăn nên làm ra. Chỉ cần bước qua năm quầy hàng quần áo, sẽ xuất hiện một quầy hàng chuyên may, sửa và nhuộm với những dụng cụ luôn sẵn sàng phục vụ. Khách hàng cũng chẳng cần phải đợi lâu: chỉ cần 10 đến 30 phút, sẽ nhận được những mặt hàng đã yêu cầu sửa hay nhuộm.

Anh Syed – thợ nhuộm nổi tiếng ở chợ Azam chia sẻ: “Khăn choàng là vật được nhuộm nhiều nhất trong ngày. Khoảng một tháng người nữ nhuộm khăn một lần. Chỉ cần khoảng 20 phút sau khi nhuộm (10 phút nhuộm và 10 phút phơi khô), họ sẽ có một chiếc khăn với màu sắc mới. Để được màu ưng ý, họ thường đem mẫu vật gốc đến đây. Mỗi một chiếc khăn nhuộm màu đơn thường có giá 50 PKR (khoảng 10.000 đồng), nhuộm đa sắc giá sẽ cao hơn. Những người giàu có thường yêu cầu nhuộm khăn màu sắc đơn giản, nhưng họ lại chú trọng đến hoa văn được vẽ trên khăn. Việc này đòi hỏi kỹ năng khéo léo của người thợ...”

Với một ngày làm việc liên tục nhuộm khăn đông đúc khách hàng, anh Syed có thể kiếm được khoảng 10 USD. Anh Syed cho biết thêm: “Hầu hết thiếu niên đều chọn nghề nhuộm để học việc bằng cách phụ giúp những thợ nhuộm có tiếng trong các khu chợ. Khi chính thức bước vào đời, họ thường chọn nghề dệt làm hành trang cho cuộc sống. Cứ tiếp nối theo truyền thống, 90% lao động trong các nhà máy dệt đều không được đào tạo kỹ năng chuyên nghiệp.”

Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến nền công nghiệp dệt của Pakistan có phần chững lại khoảng vài năm trở lại đây trước áp lực cạnh tranh quá lớn từ Trung Quốc, Ấn Độ và Bangladesh. Những máy móc trong các nhà máy vẫn còn quá lạc hậu, cũ kỹ và tình trạng giá xăng dầu không ổn định hay thiếu hụt cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên.

Tiếng nước trong nồi nhuộm đang réo sôi, anh Syed pha bột màu vào đấy. Chiếc đĩa tre trong đôi tay anh lại nhảy múa trên chiếc khăn đang chuyển màu... Với tôi cả sắc màu Pakistan dường như nằm trong đôi tay ấy.

Chương II New Delhi và những câu chuyện nhỏ

Những kẻ lừa hành khác rỉ vào tai tôi, nếu Tiểu Vương quốc Ả Rập (UAE) đóng vai trò là người cha khi giải quyết công ăn việc làm cho một số người Afghanistan thì Ấn Độ lại là người mẹ cung cấp thức ăn hàng ngày cho những đứa con ở vùng đất bị từ chối. Đại sứ quán Afghanistan luôn nhẹ nhàng trong việc cấp visa cho người Ấn Độ. Sau chuyến đi Madagascar, tôi khẩn gởi quả mướp quay lại Ấn Độ với hành trình hơn một tháng tại đây để thực hiện ước mơ kết nối tất cả con đường tơ lụa trên vùng đất Nam Á.

Trở lại New Delhi



Cổng chào tại thủ đô New Delhi, Ấn Độ

Tôi trở lại thủ đô New Delhi vào ngày 12/04/2015.

Câu hỏi đầu tiên tôi nhận được từ anh trưởng phòng visa Afghanistan tại New Delhi: “Tại sao muốn đến Afghanistan, đó là một quốc gia không an toàn cho khách du lịch!” Tôi nhanh nhẩu trả lời: “Tôi muốn được đi lại trên cung đường tơ lụa ngày xưa!” Anh đẩy hộ chiếu tôi ra và nói: “Bạn hãy đến Đại sứ quán Việt Nam nằm ở khúc quẹo cuối con đường này, yêu cầu họ làm giấy xác nhận đồng ý cho bạn đi thì tôi mới tiến hành làm thủ tục visa cho bạn.”

Tôi đẩy lại hộ chiếu vào bên trong và tiếp tục trình bày: “Lạy Trời, Đại sứ quán Việt Nam không ai làm chuyện đó đâu. Tôn giáo của tôi là Phật giáo, tôi muốn được đến các kinh đô Phật giáo thời cổ đại. Tôi đã từng đến kinh đô Phật giáo thời cổ đại ngoài Ấn Độ như Kandy ở Sri Lanka, Taxila ở Pakistan, Paharpur ở Bangladesh. Ở Afghanistan từng có hai kinh đô Phật giáo là Djeladabad và Bamyán. Tuy nhiên, Djeladabad là thủ phủ của Taliban nên tôi

không thể đến, riêng Bamyán vẫn có phiến quân Taliban ở một vài đoạn đường, nhưng tôi sẽ cố gắng. Hãy trao cho tôi cơ hội đó.” Vừa nói, tôi vừa trình qua các visa tôi có cho anh ta xem.

Anh ta lại tiếp tục đẩy hộ chiếu ra và yêu cầu tôi đến Đại sứ quán Việt Nam, tôi lại đẩy vào. Cầm hộ chiếu của tôi trên tay, anh ta do dự và hỏi tôi: “Bạn biết gì về con đường tơ lụa xưa ở Afghanistan?” Tôi đáp: “Có hai nhánh chính đổ vào Afghanistan từ các quốc gia Trung Á. Từ Uzbekistan và Tajikistan, con đường tơ lụa đổ vào và hợp nhất thành nhánh chính tại Bamyán. Từ Iran và Turkmenistan, con đường tơ lụa đổ vào và cũng hợp thành nhánh chính tại Bamyán. Từ Bamyán, đoàn người ngựa tiến về Pakistan để đến Ấn Độ, một quốc gia được xem là “viên ngọc gia vị” của Nam Á về thương mại. Đó là lý do tại sao tôi muốn đến Bamyán.”

“Bạn đã làm tôi xiêu lòng rồi đấy! Lệ phí visa 80 USD và năm ngày sau đến lấy.” Anh ta mỉm cười với tôi.

Trong một lần đi công tác miền Tây với anh bạn người Nhật. Tôi được kể cho nghe về chuyến công tác của anh tại Ấn Độ với sơ kết: Một đất nước đa dạng về văn hóa, dơ bẩn không thể tưởng tượng và con người rất là khủng khiếp. Bỏ qua tình trạng dơ bẩn của Ấn Độ và con người Ấn Độ (ở đâu mà không có người tốt, kẻ xấu), tôi bắt đầu chú ý đến nền văn hóa Ấn Độ. Ấn Độ có tên cổ là Thiên Trúc, là nơi sinh trưởng ra bốn tôn giáo lớn trên thế giới: Hindu giáo (Ấn Độ giáo), Phật giáo, Kỳ Na giáo và Sikh giáo. Nền văn minh Ấn Độ được hình thành trên cái nôi “văn minh Ấn Hà” từ năm 1500 – 1200 trước Công nguyên và trải qua rất nhiều thời kỳ: thời đồ đá, thời đồ đồng, thời tiền cổ, trung cổ, cận đại, thuộc địa, hiện đại... Tôi đến Ấn Độ – Nepal theo lịch trình: Mumbai – New Delhi – Agra – Lumbini – Kathmandu vào những ngày cuối đông đầu xuân 2008. Trẻ hơn 20 phút so với thời gian dự kiến, máy bay đã hạ cánh xuống sân bay quốc tế Chhatrapati Shivaji của Mumbai. Vừa ra khỏi ống lồng, liếc nhìn đồng hồ đúng 12 giờ đêm Việt Nam và là 10 giờ 30 phút tại Ấn Độ. Vừa làm thủ tục nhập cảnh trong lòng tôi vừa thầm nguyện cầu cho gia đình và bạn bè được bình an trong năm mới. Tôi đến khách sạn YMCA nằm ở khu phố cũ Mumbai nhưng

khách sạn từ chối tiếp nhận do tôi chưa đổi tiền rupee để trả tiền phòng. Mặc dù tôi nài nỉ người quản lý giữ trước của tôi 100 USD, hôm sau tôi sẽ đi đổi tiền rupee nhưng họ cũng từ chối. Được một anh địa phương tự nguyện dẫn đường đến dãy khách sạn bình dân nằm cách YMCA khoảng 200m tôi đã chọn được khách sạn qua đêm với giá 20 USD/đêm và ông chủ chấp nhận giữ cọc của tôi 100 USD. Khách sạn nằm trong khu chung cư và đường vào khách sạn phải lên một dãy cầu thang. Chuyện đáng tiếc xảy ra khi anh dẫn đường đòi tôi tiền tip. Tôi quay sang bảo rằng: Anh tự động giúp tôi, sao giờ lại như thế, nếu anh muốn lấy tiền tip thì phải lấy từ ông chủ khách sạn. Tôi quay sang ông chủ khách sạn nói: Ông hãy giúp tôi giải quyết vấn đề này, nếu không tôi sẽ tìm khách sạn khác. Ông ta bèn bước lại nói chuyện với “người đưa đường” bằng một tràng tiếng Hindi. Anh ta đành bỏ đi và không quên buông lại những câu chửi thề bằng tiếng Anh. Ấn Độ “ấn tượng” trong tôi ngày đầu tiên như thế. Trở về khách sạn sau một ngày rong chơi ở Mumbai, tôi thanh toán tiền phòng để mai đi sớm lên New Delhi nhưng ông chủ khách sạn đã tự động đi đổi 100 USD của tôi với tỉ giá thấp hơn nhiều so với ngân hàng sáng nay. Đành chấp nhận như thế!

Chuyến bay của tôi đi New Delhi vào lúc 9 giờ 30 phút sáng. Không giống như các sân bay quốc tế khác, sân bay nội địa của Mumbai tách riêng ra hẳn với sân bay quốc tế và khoảng cách từ trung tâm Mumbai đến sân bay nội địa là 15km. Tôi đón taxi phía trước nhà nghỉ và thỏa thuận được giá 200 rupee cho chuyến đi ra sân bay. Xe đang bon bon trên đường thì bác tài xế quay lại nói với tôi: Anh phải trả thêm cho tôi 200 rupee, giá tôi thỏa thuận với anh lúc đầu chỉ là giá chở hành lý của anh thôi. Thấy thái độ cương quyết của tôi, bác tài xế cho xe lặn bánh tiếp với thái độ cầu nài và chửi gì đó làm thảm trong miệng, tốc độ taxi dường như bắt đầu chậm lại để câu giờ cho trễ chuyến bay. Do không đọc kỹ mã ký hiệu chuyến bay nên tôi đi lộn vào nhà ga của hãng hàng không Ấn Độ thay vì Jet Airways. Nhanh chóng tôi quay lại hỏi anh bảo vệ nhà ga nếu đi bằng taxi từ đây đến nhà ga của Jet Airways mất bao nhiêu tiền, anh ta đáp là 50 rupee. Tôi ngoắc taxi thì được báo giá là 150 rupee. Cò kè qua lại, chúng tôi đi đến giá cuối cùng là 100 rupee.

Không giống như Mumbai, thủ đô New Delhi rợp bóng cây xanh bên đường từ sân bay vào trung tâm thủ đô và đặt rất nhiều tượng Thánh Gandhi. Khác hẳn với các con đường mặt tiền lớn của thành phố New Delhi, các con đường nhỏ nối liền với đường lớn dơ không thể tả: hàng đồng rác nhếch nhác, bò và quạ lang thang, phân bò nhiều vô số kể... và khu Main Bazaar nơi tôi đang ở cũng không ngoại lệ. Những người bạn của tôi luôn cho rằng hương vị cà ri của người Ấn rất ngon, rất đậm đà nhưng tôi không thể ăn được dù nhiều lần cố thử hương vị nức tiếng của gói cà ri nị mà ngày xưa mẹ tôi thường gọi có hình ảnh một người đàn ông Ấn với bộ râu mép và màu da ngăm. Các quầy tạp hóa ở khu Main Bazaar chủ yếu vẫn bán khoảng 50 loại bột cà ri hoặc các nguyên liệu để chế biến cà ri, trong đó không thể thiếu ớt khô. Thức ăn sáng của người Ấn Độ chủ yếu là cà ri và bánh mì chapati nên trên quầy bán thức ăn sáng không dưới 10 loại cà ri. Có lẽ, khu phố Main Bazaar là nơi sinh sống của tầng lớp lao động nên các loại cà ri được bày bán trên các quầy hàng ăn sáng thường là cà ri rau củ. Người Ấn Độ ăn bốc và chỉ dùng tay phải khi ăn, bàn tay ấy thoăn thoắt vừa xé bánh mì chapati vừa quện các hạt đậu trong đĩa cà ri vào miếng bánh. Tôi sợ hương vị cà ri đến mức không dám tiếp xúc nhiều với họ bởi vẫn còn đó thoang thoang mùi cà ri bám vào những ngón tay vệ sinh không kỹ. Những bữa ăn “cứu sống” thân thể của tôi trong những ngày ở Ấn Độ thường là bánh ngọt cùng các loại trái cây.

Buổi chiều, tôi đến ngọn tháp Qutub Minar do vua Hồi giáo Qutub Ud Din Aybak xây dựng vào đầu thế kỷ 12. Ông chỉ hoàn thành được tầng một của tháp với chiều cao 28,93m và các triều đại sau đó xây dựng và tu sửa hoàn chỉnh như ngày nay. Ở Ấn Độ, sau kỳ quan Taj Mahal và pháo đài đỏ, Qutub Minar thu hút rất nhiều du khách trong nước và nước ngoài bởi những nét điêu khắc tuyệt đẹp về những câu kinh Quran trên cột đá sa thạch đỏ. Chuyện đáng tiếc lại xảy ra khi tôi quay về nhà trọ, chạy một khoảng đường, ông tài xế xe tuk tuk dừng lại chỉ vào một con hẻm ngoằn ngoèo và hướng dẫn: Chỉ cần băng vào con hẻm này, đi bộ khoảng 100m nữa là anh sẽ tới khu Main Bazaar. Tin lời ông, tôi một mình đi vào con hẻm đó, nhưng không tìm thấy khu phố tôi đang ở. Hỏi thăm người địa phương thì biết rằng khu Main Bazaar cách đây 4km nữa và tôi phải

tốn tiền cho chiếc tuk tuk khác để về Main Bazaar. Tôi chợt nghĩ đến câu chuyện của những bạn Singapore và Malaysia khi nói về tính cách người Ấn: “Tính cách của người Ấn giống như là Thần rắn Ananta Shesha luôn đi cùng với Thần Vishnu trong truyền thuyết Hindu giáo. Thần rắn ấy nhiều đầu xoay xở khắp các phương kể cả có thể quay cán người đối diện dù trước đó đầu phía trước của nó luôn tỏ ra ngọt ngào...”

Mùi hương đậm đà của cà ri, sự nhếch nhác trong các hẻm nhỏ hay những trận cãi vã kịch liệt với cánh tài xế xe tuk tuk... của bảy năm về trước luôn làm tôi chưa có cảm hứng để quay lại Ấn Độ. Tôi vẫn biết, “nền văn hóa sông Hằng” là nền văn minh lớn, đa dạng, trải dài từ Nam lên Bắc hay từ Đông qua Tây. Ngay cả, ngày Tết cổ truyền của họ không trùng ngày và giống nhau ở từng bang bởi mỗi bang đều có sắc màu tâm linh rất khác nhau. Những gì thuộc về “văn hóa sông Hằng” đã lẫn trốn một cách vô hình vào đâu đó trong những ngăn ký ức, để rồi tôi chẳng buồn khơi chúng thức giấc trong những cuộc tán gẫu với bạn bè.



Qutub Minar – biểu tượng sức mạnh của vương triều Mughal tại New Delhi, Ấn Độ

Trong thời gian chờ đợi nhận visa Afghanistan, tôi lại mãi miết thực hiện hành trình đi theo dấu chân của ngài Dalai Lama xa tít trên vùng Kashmir. Tôi nhắn với anh trưởng phòng visa sẽ nhận visa miễn do phải đi một vài địa điểm khác và cũng chẳng biết làm gì ở New Delhi bởi đây là lần thứ hai quay lại. Anh cười và trả lời tôi qua điện thoại: “Cho thêm thời gian suy nghĩ có quyết định đi Afghanistan hay không, nên nhớ nơi đó là vùng trũng chiến tranh!” Nhờ ông chủ và anh nhân viên hàng không tốt bụng, tôi đã quay lại New Delhi từ Srinagar bằng bản hộ chiếu photo. Tôi nhận visa Afghanistan trễ hơn bốn ngày so với dự kiến ban đầu.

Những cơn gió lạnh lạnh sớm mai của những ngày trước đã biến mất, chỉ có những giọt nắng lung linh đang nhảy múa trên con phố Main Bazaar. Chúng cầm tay nhau hòa tấu lên những giai điệu trong

bản giao hưởng mùa hè nóng bỏng với nốt cao đỉnh điểm là 50 độ C vào buổi trưa. Tôi nhớ lại đêm đầu tiên đến Muscat, Oman, anh tài xế taxi Nuwan nói với tôi rằng, nhiệt độ ở Oman có thể lên đến 54 – 55 độ C vào mùa hè, tôi vẫn còn bán tín bán nghi về nhiệt độ ấy. Nhưng hôm nay, ở Ấn Độ tôi tin rằng, anh Nuwan nói đúng bởi bên kia vịnh Ả Rập chỉ toàn những đụn cát chạy dài về phía chân trời.

Nếu với người Oman, kahwah là nước uống đặc trưng giải nhiệt mùa hè hay khi đi vào sa mạc, thì người Ấn lại chọn giải pháp khác: ăn một chiếc bánh tiêu chiên và uống một ly nước cam vào buổi sáng, cơm trắng ăn cùng yaourt không đường vào buổi trưa và buổi tối mới là bữa ăn chính trong ngày. Những viên đá nhỏ trở thành xa xỉ phẩm, chúng vội tan nhanh để lại những vị thanh tao thơm tho mùi cây trái trong những ly nước giải khát. Những quả lựu óng ánh màu đỏ tươi luôn quyến rũ những kẻ lữ hành đang khát cháy cổ họng mỗi khi bình minh đến và nó là ly nước ép giải nhiệt hiệu quả và đắt giá nhất trong các loại.

Trong những ngày tôi ở Ấn Độ, Nepal bị những trận động đất nối tiếp xé nát quảng trường Durbar ở Kathmandu đến thương tâm. Ở mọi nơi, tận trong các hang cùng ngõ hẻm New Delhi, người ta chỉ nói và bàn tán những câu chuyện về sự tàn phá quá khốc liệt của thiên nhiên. Những quán ăn, cửa hàng... đều mở tivi thường trực để xem những bản tin về cái chết đầy nước mắt không được báo trước. Những làn điệu dân ca Dohori cùng với vũ điệu Rudra Tandava từ Thần Shiva của người Nepal đang tắt lịm dần trên những dãy núi Himalaya.

Dù từng được các chuyên gia cảnh báo nhưng không ai mảy may nghĩ rằng nó đến quá sớm. Vốn dĩ xưa kia, tiểu lục địa Ấn Độ là quần đảo tách rời và nằm chơi vơi ngoài Ấn Độ Dương. Những hoạt động âm thầm trong lòng đại dương khiến tiểu lục địa càng xích lại và khăng khít với đại lục. Một phần của tiểu lục địa bị tách rời và đẩy trôi xa đến tận châu Phi tạo thành những hòn đảo đa dạng sinh học bậc nhất thế giới. Khi nhắc đến Ấn Độ, người ta thường thêm tiếp đầu ngữ “tiểu lục địa” phía trước như một cách nhấn mạnh về vị trí địa lý của nó trước khi gắn vào đất liền. Nepal là điểm tiếp giáp của

tiểu lục địa Ấn Độ vào đại lục. Mỗi lượng duyên ấy tạo thành những cơn sóng cuồng thịnh nộ cùng với việc đẩy những dãy núi từ trong lòng biển dâng cao để tạo thành dãy núi Himalaya huyền thoại ngày nay. Sự vận động trong lòng đất và đại dương diễn ra không ngừng nghỉ và những cơn giận dữ của chúng đã xé toạc Kathmandu một cách không thương tiếc.

Giống như bao kẻ lữ hành khác, tôi thường lui tới quán cà phê Kathmandu nằm đoạn giữa trên con phố Main Bazaar trong những ngày này. Một banner đã được giăng trước mặt tiền quán: “Lợi nhuận chúng tôi có được sẽ được chuyển về đóng góp xây dựng lại quê hương Nepal.” Tôi luôn thấy ám lòng mỗi khi đến đây và đọc những dòng chữ ấy, dù rằng số tiền tôi có thể đóng góp cho quán cà phê nhỏ bé này chẳng đáng bao nhiêu. Quán cà phê Kathmandu vô tình trở thành “lữ quán hội ngộ” cho những người yêu thích chủ nghĩa xê dịch. Nơi đây, những kẻ lữ hành dù có tinh quái, ma mị đến mấy đều phải im lặng vài giây để tưởng niệm cho những gì đang xảy ra ở Nepal. Mọi người có thể chia sẻ mọi thứ về Nepal qua những ly trà sữa màu vàng nâu, những chiếc bánh nóng hòa quyện trong từng giọt cà phê thơm, những quyển sách hay... trong bầu không khí vô cùng trang nghiêm pha lẫn nỗi xót xa...

Câu chuyện bắt nguồn từ nỗi nhớ...

“Con đường Main Bazaar và cả Ấn Độ đã thay đổi quá nhiều, đã 20 năm rồi đấy con ạ!” Một bà mẹ bắc ghế ngồi đối diện và mở đầu câu chuyện với tôi như thế. Trên tay bà vẫn nắm chặt chiếc gậy màu gỗ mun đen và đôi mắt ngó xa xăm về cuối con đường, nơi có những giọt nắng buổi sáng vàng ươm đang vuốt ve nóc thánh đường Hồi giáo đã xỉn màu với lớp bụi thời gian. Như phép lịch sự khi giao tiếp với một người xa lạ nào đó, tôi chẳng hỏi tên và tuổi của bà nhưng theo đoán chừng, bà khoảng 70 tuổi đến từ “thành phố thiên thần” Los Angeles, Mỹ. Tôi mời bà ly trà sữa được pha chế theo cách truyền thống của người Ấn, nhưng bà từ chối và nói rằng mình vừa uống xong. Bà chỉ muốn ngồi đây đôi lát để ngắm lại con đường. Dĩa Pad Thai được tôi cuộn vào miệng nhanh hơn khi có người trò chuyện. Nhắm nháp từng giọt cà phê sáng, tôi cùng bà sống trong

kỷ niệm xen lẫn với hiện tại cho lần đầu đặt chân đến đây. Với tôi chỉ 7 năm, nhưng với bà đã là 20 năm.

Bà nói đúng, con đường Main Bazaar đã thay đổi khá nhiều sau ngàn ấy thời gian. Những đồng rác to đùng hay những bãi phân bò đã được những người lao công dọn dẹp vào mỗi buổi tối. Những cửa hàng tiện ích mọc lên nhiều hơn xen lẫn với các cửa hàng lưu niệm. Những ngõ hẹp vòng vèo từ con đường ấy dẫn vào các nhà trọ bình dân cho khách du lịch hay người bản địa trọ qua đêm để bắt kịp những chuyến tàu cũng đã sạch sẽ hẳn ra. Nơi gần cuối con đường, ngã ba vòng xoay đầy rác ấy đã hoàn toàn khác hẳn. Nhiều quán cà phê cao tầng mọc lên để rồi những buổi chiều khi thời tiết dịu hơn, tôi hay chui lên đây uống cà phê và ngắm nhìn dòng người đầy màu sắc trong bộ trang phục truyền thống sari với mái tóc dài tết bím đang tấp nập lướt qua phố. Nam Á luôn có tiếng nói riêng trong “sắc màu”, bởi đó là vùng đất mà nền công nghiệp dệt và nhuộm rất phát triển để xuất khẩu các mặt hàng vải, lụa, áo quần may sẵn đi khắp thế giới. Tôi chẳng dại gì mang quá nhiều áo quần trong hành lý của mình khi đến Ấn Độ. Tôi có thể chọn mua một vài chiếc áo thun hay những chiếc quần jean được bày bán khắp nơi với giá rẻ để thay đổi hàng ngày.

Người ta nói rằng, Ấn Độ là quốc gia có hiện tượng mù sương quanh năm bởi chúng được tạo thành từ sự luân chuyển giữa không khí trên cao và những hạt cát nằm trên mặt đất. Bạn cũng sẽ không bao giờ thấy mây bay giữa bầu trời trong xanh dù đang là mùa hè nóng bức. Những cụm mây trắng chỉ xuất hiện nhiều khi Ấn Độ chuẩn bị vào mùa mưa và khoảng thời gian đó tương đối ngắn ngủi trong năm. Trên con phố nhỏ, khi hoàng hôn đến đậm hơn, những làn khói mù bay trong không khí lại trồn lẫn vào những ánh đèn đêm. Ẩn thoát trong bóng đêm lằng đằng khói sương là tiếng lách cách vòng quay xe đạp của một ông lão nào đó với chiếc khăn quấn quanh phần dưới cơ thể đang cố đưa khách hàng của mình đến nhà ga tàu lửa trung tâm. Đôi vai ông run run và thỉnh thoảng lạt bánh khi chiếc xe chẳng theo ý mình bởi nó đã quá cũ kỹ.

Mọi thứ dường như đều thay đổi, nhưng nhà ga xe lửa trung tâm nằm ngay đầu đường Main Bazaar vẫn vậy. Nó vẫn tiếp đón dòng người đen kịt với những bước chân rầm rập đến đây dù sáng hay đêm. Nó vẫn là trung tâm phân phối sự ồn ào náo nhiệt của kẻ đến, người đi xen lẫn trong tiếng huýt còi liên tục của các anh cảnh sát. Trong sự huyên náo ấy, tôi vẫn tìm thấy một chút gì rất đặc trưng của người Nam Á nói chung và Ấn Độ nói riêng: những kiện hàng to tướng được gói bằng những tấm vải cột chặt bởi dây thừng và được cồng vác trên đôi vai của thân chủ. Những chiếc bánh làm quà tặng luôn đặt trong những chiếc hộp tươm tất và tất cả nằm trong túi xách được dệt bằng lưới màu xanh rất riêng. Người Nam Á luôn bận bịu vì hành lý cồng kềnh của mình khi di chuyển! Người Đông Nam Á vốn ngại béo phì, còn với người Nam Á, “mập” là sự thịnh vượng mà không phải ai cũng có thể có được. Người phụ nữ giàu có về tinh thần lẫn vật chất, con đàn cháu đống phải là người có thân hình phốp pháp. Hình dáng Nữ thần Mahakali luôn soi rọi và ở trong tim những người phụ nữ Ấn Độ! Những chiếc bánh truyền thống quá ngọt cũng là nguyên nhân khiến việc tăng cân càng nhanh chóng hơn. Chủ nhà sẽ hài lòng nếu bạn đến chơi nhà với quà là hộp bánh trên tay.

“Tao nhớ Ấn Độ quá con trai ạ!” Bà nói với tôi sau khoảng 5 phút im lặng.

Tôi hỏi bà: “Thế bà đã tìm thấy những gì ở Ấn Độ mà khiến bà mang nỗi nhớ ấy suốt 20 năm qua?”

“Tao tìm thấy rất nhiều điều thú vị trong hành trình ba tháng ở đây. Mà biết đấy, những gì ở Ấn Độ, tao không bao giờ tìm thấy trên đất Mỹ.” Bà trả lời tôi với đôi mắt màu xanh trong và đôi mi màu vàng óng dường như đang lơ đãng và chìm dần vào quá khứ xa xôi... Đó là những bản trường ca trên vỏ ngựa oai hùng của các vương triều Mughal trên đường mở cõi lấy lại những vùng đất tưởng chừng như mãi mãi thuộc đế chế Ba Tư.

Cột tháp Jam được dựng lên ở tỉnh Ghor, Afghanistan như là minh chứng về sự kiêu hãnh của những vị hoàng đế điển trai trên gót giày

chinh phạt của mình nối liền dãy đất từ Bangladesh qua đến Afghanistan thành một lãnh thổ thống nhất.

Trên con đường tơ lụa từ Âu – Á trong thời trung cổ để đổi lấy những gia vị quý hiếm chỉ có tại Ấn Độ, những kiến trúc, đền đài, lăng tẩm, sân vườn của các nền văn hóa khác nhau lại lưu lạc đến đây. Chúng tạo thành sự riêng biệt và đóng đinh cho “dấu ấn” của các vương triều Mughal. Các kiến trúc ấy mang hơi thở của người Ba Tư trong các sân vườn rộng lớn bao quanh đền đài, một chút đong đưa đầy quyến rũ của đế chế Ottoman trên các mái vòm, những câu kinh Quran điêu khắc đầy tính nghệ thuật của người Hồi giáo đến từ bán đảo Ả Rập trên các bức tường, hay một vài vết tích của người La Mã trên những hàng cột chạy dài đến xa tít khỏi tầm mắt trong những công trình, hoặc một ít cổ xưa của vương triều Pagan, Miến Điện trong các ngôi đền nhỏ nằm quanh các ngôi đền chính, là những bức tranh của nền văn minh sông Hoàng Hà của văn hóa Trung Hoa được bày trí trong các cung điện...

Nhìn tổng thể, chúng là những phần tử kết hợp với nhau một cách khéo léo, uyển chuyển nhịp nhàng để tạo nét tinh hoa trong các công trình. Người Ấn không gọi các vương triều Mughal là những người sao chép “kiến trúc Tughlaq” của người Thổ được thịnh hành và lan truyền qua các quốc gia khác từ đầu thế kỷ 15, bởi trong tổng thể ấy luôn có những “dấu ấn” nhất định: những bông hoa đầy màu sắc bằng đá quý được sắp đặt theo lẽ lối khác hẳn, những tảng đá cẩm thạch trắng được chõng chát trên những viên sa thạch màu đỏ. Chúng tạo thành một nét rất riêng không lẫn vào đâu khi nói về nghệ thuật Mughal. Dĩ nhiên, câu hỏi của tôi quá bất ngờ, nên bà cũng khó khăn lôi ra những kỷ niệm trên vùng ký ức từ Đất Phật để kể hết cho tôi nghe những gì bà đã có tại đây. Tôi cũng như thế, chỉ khi nào nhìn lại hình ảnh trong khoảng không gian riêng tư nhất định, tôi mới có thể say sưa và tìm thấy những gì trong vùng trời kỷ niệm đã được cất giữ trong trí não.

“Trong ánh sáng vàng tan loãng và lan dần, theo nhịp điệu lắc lư của chân lạc đà qua từng đụn cát ở Rajasthan, hoàng hôn đến thật yên bình mà ọ! Một con chim ưng nào đó cất tiếng kêu náo nùng

trên đôi cánh đêm thắm không chút chao nghiêng khiến người ta gặm nhấm nỗi cô đơn và suy nghĩ về cuộc đời khi ánh sáng đang dần chuyển qua màu đỏ tím một góc trời. Người ta sẵn bắt chim ưng nhiều lắm để bán nó qua các quốc gia Hồi giáo Ả Rập nằm bên kia eo biển mà nơi đó chim ưng luôn được xem như biểu tượng của sức mạnh...” Bà đang kể cho tôi nghe về những trải nghiệm mà bà từng có trước đây... Đó là cái nhìn “lạnh lùng” mang một chút “căm phẫn” trên đôi mắt của những cư dân vùng Kashmir khi nói về Ấn Độ. Với họ, người Ấn đến đây với quân đội hùng mạnh nhằm cốt yếu giữ lấy chủ quyền của vùng đất lạnh giá hơn là những gì mà họ đã và sẽ xây dựng để Kashmir ngày càng rục rờ. Họ không cần những gì liên quan đến chính quyền Ấn Độ bởi họ cũng đã có một bộ máy chính quyền vững chắc nơi đây. Đơn giản nhất, văn hóa người Kashmir quá khác biệt với văn hóa người Ấn và họ muốn sống trong nền văn hóa đó!

Đó là ngày mà bà tham dự buổi nói chuyện của ngài Dalai Lama với các tín đồ Phật giáo để được nghe câu trả lời thông minh nhưng không kém phần “chân thật” từ sâu thẳm trong tâm hồn ngài. Một kẻ “cắc cớ” hỏi rằng: “Nếu ngày nào đó, khoa học chứng minh ra rằng tôn giáo luôn đi ngược một cách “khó chịu” với khoa học, liệu ngài có thay đổi niềm tin tôn giáo?”

Ngài đã trả lời rằng: “Tôi sẽ kiểm chứng lại tất cả các tài liệu, văn bản, phương pháp chứng minh... vào ngày đó, nếu đó là sự thật, tôi sẽ thay đổi niềm tin tôn giáo!”

Đó là ngày bà tham dự một đám cưới truyền thống của người Hindu ở vùng quê xa xôi và nhận ra sự biến mất của những gì thuộc về nghi thức ở một đám cưới xa hoa tại các thành phố lớn. Nơi đó các nghi lễ *Baraat* (chú rể đến nhà cô dâu bằng ngựa và hát một khúc hát tỏ tình), *Varmala* (đeo tràng hoa lên người cô dâu và chú rể) và *Satphere* (chú rể và cô dâu đi vòng quanh đám lửa đọc kinh bảy lần) vẫn còn tồn tại và được bảo tồn suốt thời gian qua. Mọi người sẽ ca hát và khiêu vũ suốt đêm để chúc mừng cho một mối lương duyên đã được kết nối bền vững.

Đó là những ngày bà lang thang trong các phiên chợ để hít hà hương thơm của các loại gia vị vô cùng bắt mắt trong sắc màu được đặt trên quầy hàng hay đi tìm hiểu kỹ nghệ nhuộm vải trong các con ngõ hẹp luôn xông xáo ở vùng Punjab. Rồi trong những tháng chay của người Ấn, bà đắm chìm trong món palak paneer với màu xanh đậm tuyệt đẹp hòa quyện trong hương thơm của các loại thảo mộc mà trước đó khi nhìn, bà tưởng chừng như không ăn được.

Đó là những ngày bà lang thang xuôi về phương Nam, bà nhận ra rằng nó quá khác biệt với vùng đất phương Bắc trên kia bởi tâm linh Hồi giáo đã phủ khắp. Trên mảnh đất phương Nam, con đường tơ lụa bắt đầu tập hợp lại để vượt biển đến các hòn đảo còn lại nằm trên Ấn Độ Dương thuộc vùng Nam Á và kiến trúc Tughlaq của người Thổ lại thể hiện rõ nét trong các công trình xây dựng bằng đá và gạch thông thường.

Nhắm nháp từng giọt, tôi than phiền với bà về tình trạng nhếch nhác ở Ấn Độ. Bà đáp trả tôi bằng nụ cười ám áp: “Chấp nhận nó đi con trai ạ, đó là hình ảnh văn hóa đặc trưng từ tiểu lục địa Ấn Độ trải dài lên vùng Trung Đông. Hãy chấp nhận sự nhếch nhác đó như cách các bà mẹ người Anh dạy dỗ những bé gái vừa mới chào đời. Họ sẽ trao cho bé gái một đồng xu dính vào chiếc vòng đeo cổ. Mặt trước của đồng xu là hình ảnh một vị nữ thần hộ mệnh cho bé gái, mặt sau lại trống rỗng và có chút sần sùi. Các bà mẹ luôn giải thích cho bé gái hiểu rằng, mặt trước chính là tương lai và mặt sau là quá khứ. Nó còn là hình ảnh của cuộc sống vợ chồng với những ưu và khuyết điểm của người bạn đời. Không ai hoàn hảo trong cuộc đời này và hãy chấp nhận một khi bước vào cánh cửa hôn nhân. Hãy bỏ qua sự nhếch nhác ấy, đi tìm những gì tiêu biểu và rực rỡ nhất của nền văn minh sông Hằng...” Bà đã khuyên tôi như thế!

Bảy năm trôi qua, dĩ nhiên cánh tài xế tuk tuk đã “hiền lành” hơn nhiều so với trước. Họ được tập huấn nhiều lần bởi lực lượng cảnh sát và chỉ được cấp giấy phép hành nghề cùng bộ đồng phục màu vàng xám hay màu xanh dương khi đã đạt loạt bài thi căng thẳng. Tôi tự vệ bằng cách tìm mua một chiếc áo thun có in hàng chữ “I

love India – tôi yêu Ấn Độ” để khoác trên người. Cánh tài xế tuk tuk luôn ngạc nhiên khi thấy tôi mặc chiếc áo ấy. Trong tiềm thức, họ luôn nghĩ rằng, ít ai sẽ quay lại Ấn Độ bởi những gì đang hiện hữu tại đây, đặc biệt là du khách phương Tây. Lần ấy, ở New York, tôi vào một cửa hiệu thời trang ở Đại lộ số 5 để xem qua thiết kế mới của một số nhãn hàng trong mùa Thu Đông. Cô bán hàng vừa đơn đã vừa rí vào tai tôi khi tôi ngắm nghía chiếc áo in hình Taj Mahal phía trước ngực: “Mày đã đi Ấn Độ chưa? Tao đến một lần và thề không bao giờ quay lại nữa! Mọi thứ rất kinh khủng!”, hay như bà cô người Bỉ sống tại Brussels mà tôi ở cùng nhà nghỉ tại Srinagar tiết lộ: “Anh trai ruột của tao thề rằng không bao giờ quay lại Ấn Độ mày ạ!”

Đôi mắt ngờ nghệch tỏ vẻ không tin với câu hỏi từ các bác tài xế: “Mày thật sự yêu Ấn Độ à?!” Tôi từ tốn giải thích: “Ông biết đấy, chính vì yêu Ấn Độ nên tôi đã quay lại. Bảy năm trước tôi luôn cãi vã với đám tài xế, gần như ngày nào cũng có. Một ngày nếu không có cãi vã, tôi thề sẽ ăn cơm không ngon.” Câu nói ấy như làm họ xấu hổ và rồi họ hơi ngượng ngùng im lặng chờ tôi đi. Dĩ nhiên, trước khi xuất phát, tôi luôn hỏi ông chủ khách sạn số tiền phải trả cho đoạn đường di chuyển. Trong suốt hành trình một tháng ấy, tôi chưa từng cãi vã với những tài xế tuk tuk và đôi khi tôi còn nhận giá rẻ hơn những gì ông chủ khách sạn mách bảo trước đó. Việc di chuyển bằng xe buýt cũng khá thuận tiện ở Ấn Độ, tuy nhiên tôi không thích nhìn cảnh những khối thịt được dòn lên trên một chiếc xe nhỏ bé đầy hơi người.

Tôi chia sẻ với bà mẹ người Mỹ như thế...

Và tiếp tục bằng sự cảm thông

Thành phần trí thức Ấn Độ luôn than phiền về sự bất công của chính phủ ở các thành phố lớn như Mumbai, New Delhi mà họ đang sinh sống. Họ gọi đó là những thành phố “không công bằng” giống như người Mỹ hay gọi các thành phố của tiểu bang Texas là “những thành phố mĩa mai hay xỉa xói” để nói về sự phân biệt chủng tộc giữa người da trắng và người da đen. Những vị bác sĩ, luật sư... xuất thân từ thành phần nghèo khổ trong xã hội, dù có giỏi đến mấy

cũng không thể nào nhận được mức lương cao hơn hay được đề bạt lên vị trí cao hơn so với những thành phần xuất thân từ những dòng dõi giàu có. Sự chênh lệch, phân chia đẳng cấp ấy, không chỉ xuất hiện trong thành phần trí thức, mà còn cả trong giới lao động kỹ thuật và tay nghề. Đó là hệ quả lâu dài người Anh để lại khi Ấn Độ từng là thuộc địa suốt 89 năm và cho đến nay vẫn là quốc gia nằm trong “Khối thịnh vượng chung” của họ.

Những người trí thức ấy luôn kể cho tôi nghe những nỗi niềm của họ khi lập nghiệp tại các thành phố lớn. Một cách đơn giản nhất mà tôi có thể nhìn thấy sự phân chia ấy là những ngôi nhà. Sự xa hoa trong các biệt thự, đường đi được mua riêng đứt đoạn trên hè phố... của những vị bác sĩ xuất thân từ tầng lớp thượng lưu so với những chung cư ọp ẹp về diện tích và cũ kỹ của thành phần bác sĩ còn lại. Giấy phép hành nghề tại phòng khám tư gia luôn là vấn đề khó khăn với những bác sĩ nghèo khó. Như một hệ quả từ sự phân chia giai cấp, những người trẻ Ấn Độ ít khi phấn đấu bởi phía trước họ là rào cản khó lòng vượt qua. Động lực không nhiều nên họ chỉ nhận nhàn và tìm kiếm cơ hội đi xuất khẩu lao động sang các quốc gia Ả Rập để tích lũy tiền bạc, mở quán bán hàng gì đó và cưới vợ... Cuộc đời họ chỉ thế.

Tôi kể cho bà nghe những gì tôi biết được trên đường đi... Bà mẹ người Mỹ già từ tôi đi sau câu chuyện dài dòng buổi sáng. Bóng bà liêu xiêu, chậm chạp cùng với gậy trong tay tan dần trong những hoa nắng đang nhảy múa cuối con đường. Dẫu bà không nói, nhưng tôi vẫn biết rằng bà đang đi tìm ký ức một thời khi cùng ông đến đây. Ông đã qua đời trong cơn bạo bệnh cách đây 5 năm!

Gần đó, anh thanh niên người Ấn trẻ tuổi vẫn cần mẫn vắt ra những gì tinh túy nhất từ các quả cam và quả lựu bằng chiếc cối của mình. Người Ấn không thích nước ép có đường, họ vẫn thích uống vị ngọt tự nhiên của cây trái lẫn trong chút vị mặn mặn của muối qua đầu lưỡi.

Cũng giống như bà cô người Bỉ ở cùng khách sạn với tôi trong những ngày tại Srinagar, tôi cũng học được nhiều điều mới hơn sau mỗi lần quay lại. Quan trọng nhất trong những điều mới ấy chính là:

Tôi có thể ăn bất cứ món nào của người Ấn sau khi bị mất bạch chà bông nửa kí lô tại Jammu. Tôi đã vượt qua được “nỗi sợ” của 7 năm về trước...

Chương III Kabul và hệ lụy từ những cuộc nội chiến

Anh nhân viên hàng không kiểm tra thủ tục giấy tờ của tôi rất nghiêm ngặt và sau khi tôi trả lời ổn một số câu hỏi anh mới tiến hành làm thủ tục check-in. Cái “ổn” được anh giải thích là tôi phải có vé máy bay ra khỏi Afghanistan sau 12 ngày rong chơi ở đó bởi anh không muốn tôi gánh chịu những nguy hiểm bất ngờ trong trường hợp “nếu”. Tôi vẫn nhớ nụ cười hiền hậu của anh trên khuôn mặt đặc trưng của người Ấn với lời giải thích: Bạn thật sự muốn đi Afghanistan chứ? Hãng hàng không chúng tôi luôn muốn quan tâm đến khách hàng của mình và vẫn còn kịp đưa ra lời khuyên hữu ích trước khi bay bởi đó là một trong những vùng đất chết.

Kabul non trẻ

Những trận động đất nối tiếp vẫn đang xảy ra ở thủ đô Kathmandu, Nepal khiến kế hoạch bay của các hãng hàng không Ấn Độ bị đảo lộn bởi phải sắp xếp lại đội tàu bay. Chuyến bay của tôi từ New Delhi đến Kabul bị trễ hai tiếng so với giờ bay được ghi trên thẻ máy bay. Là hãng hàng không tư nhân, nhưng SpiceJet rất biết trân trọng và chiều chuộng khách hàng của mình khi bị trễ chuyến bằng việc phát một phiếu ăn mà mỗi người nhận được từ cửa hàng gần đây: một chiếc bánh hamburger và hộp nước trái cây nhỏ. Vừa nhai nhai chiếc bánh, tôi nhìn mọi người Afghanistan xung quanh tôi, ánh mắt họ có một sự “là lạ” trong đó mà tôi không thể giải thích được. Sự là lạ ấy được tôi cho rằng: tôi khác biệt với họ về màu da, mái tóc lẫn chiều cao, ngôn ngữ, chiếc quần lửng trên người thay vì những bộ áo truyền thống của vùng đất Nam Á được gọi là shalwar kameez hoặc những bộ áo chùng dài truyền thống dishdasha của người Ả Rập và quan trọng hơn tôi đến đất nước đang có chiến tranh của họ với mục đích gì.

Tôi mãi mê ngắm nhìn một Kabul nho nhỏ xa xa nằm trong thung lũng qua ô cửa sổ máy bay, anh trung niên tên Abdul Qudos ngồi kế bên khẽ nhẹ vào tay tôi chỉ ra ngoài ô cửa sổ máy bay nằm phía đối diện. Hình ảnh đập vào mắt tôi là những ngọn núi thuộc dãy Hindu Kush nối đuôi nhau phủ tuyết trắng chạy dài. Mùa đông mới vội đi qua và mùa xuân đang đến, những đám tuyết kia chưa kịp tan và chúng trắng muốt như lúc sinh ra do sự kết tinh của những hạt nước trong veo được tạo thành từ sự giao thoa giữa đất và trời. Khi ngày hè đi qua, trong sự long lanh của mình chúng phản chiếu ánh nắng chiều tạo thành những đốm sáng bảy sắc cầu vồng trên những ô cửa sổ máy bay. Dãy núi Hindu Kush cũng là nơi để các nhà địa lý xác định được ranh giới giữa Trung Á và Nam Á và nó chạy dài đến đầu phía Bắc Pakistan tạo thành thung lũng Swat tuyết đẹp mà người Pakistan thường đến đây nghỉ mát vào mùa hè.

Anh lại chỉ cho tôi con sông Kabul nằm xa xa ở đầu thành phố đang cuộn cuộn sóng từ nơi xuất phát và trở nên hiền hòa hơn khi chảy qua lòng thành phố. Khó khăn lắm tôi mới nhận ra dòng chảy của sông Kabul khi nó len lỏi qua lòng phố non trẻ bởi nó hòa tan và chở nặng những khoáng chất giàu có từ lòng đất nên màu xám đục của sông hòa lẫn vào sắc màu của phố. Tôi quay qua hỏi anh những người Afghanistan hiện diện trên máy bay là thành phần giàu hay nghèo ở Kabul. Anh chia sẻ với tôi, trong chuyến bay ấy có khoảng 5% là người Ấn Độ, còn lại là người Afghanistan. Họ là những người khá giả sống sót lại sau những cuộc chiến ở Afghanistan, họ nói tiếng Anh rất tốt bởi họ đang là những thương gia hoạt động trên thương trường quốc tế ở ba quốc gia Afghanistan – Pakistan – Ấn Độ. Sự khá giả ở đây được hiểu theo khái niệm riêng của người Afghanistan khi quốc gia này có 35% dân số không có việc làm và 36% có cuộc sống thấp hơn tiêu chuẩn tối thiểu. Họ là những thương gia trẻ biết nắm bắt cơ hội khi nhận thấy tâm linh và nhu cầu về đá quý của người Ấn Độ ngày càng cao trong xã hội hiện đại mà cách thể hiện sự giàu có của họ là qua những chiếc cà rá trên tay hay sự rực rỡ một bên cánh mũi, một dấu ấn ấn tượng giữa trán, một trái tai bên phải hay bên trái lóe sáng. Những người Afghanistan ở Kabul đến Ấn Độ mang theo lượng đá quý được khai thác lậu và ngược lại họ mang những nhu yếu phẩm cần thiết cho

cuộc sống quay trở lại quê hương, đặc biệt là chiếc bình ắc quy nhỏ. Điều làm tôi thắc mắc là tại sao mặt hàng đá quý có thể lọt qua cửa khẩu hải quan một cách dễ dàng, anh Qudos cười cho tôi biết: Ở một quốc gia đang loạn lạc chiến tranh đồng tiền luôn là nguồn gốc cơ bản khởi đầu câu chuyện. Tình huống tôi gặp ở cửa khẩu hải quan khi ra khỏi Afghanistan để quay về Ấn Độ luôn làm tôi nhớ về anh Qudos như kỷ niệm khó quên trên chuyến bay ấy. Các anh nhân viên hải quan nhận ra khuôn mặt và hình dáng khác biệt của tôi trong dòng người đang xếp hàng dài để làm thủ tục xuất cảnh. Họ ưu ái bằng cách tách tôi ra khỏi đám đông và tôi phải trả 10 USD theo yêu cầu cho cái mộc nhanh chóng đóng vào hộ chiếu chưa đến một phút. Trong tôi, giá trị chuẩn xác của đồng tiền không chỉ hiện diện ở các quốc gia đang loạn lạc chiến tranh mà vẫn và luôn xuất hiện ở các quốc gia thời bình mà chỉ khi tuổi đời càng đi qua, tôi mới nhận ra và hiểu giá trị đích thực của nó.

Một chút nhộn nhạo xảy ra trong lúc máy bay đang giảm độ cao hạ cánh. Tay và chân tôi đổ mồ hôi liên tục khi cảm giác đang rơi tự do xuất hiện. Tôi cố trấn an tinh thần bằng việc nhắm mắt lại không nhìn qua ô cửa sổ mà nơi đó hình ảnh liên tục trôi qua rớt dần xuống bên dưới. Tôi cũng hiểu với những gì đang diễn ra xung quanh bởi sân bay Kabul là một sân bay thuộc dạng nguy hiểm do thung lũng Kabul được bao bọc bởi dãy núi Hindu Kush nằm ở độ cao 1.800m so với mực nước biển và đường băng sân bay khá ngắn. Tôi nhập cảnh nhanh chóng với một câu hỏi duy nhất từ anh nhân viên: Đến Afghanistan với mục đích gì? Việc tôi cần làm là tìm văn phòng đại diện của Bộ Nội vụ tại sân bay để được cấp thẻ du lịch. Chiếc thẻ du lịch nho nhỏ màu trắng được cấp từ Bộ Nội vụ rất quan trọng bởi một khi đã đến Afghanistan, du khách có thể bị lực lượng công an xét hỏi bất cứ lúc nào, ở đâu và họ muốn biết du khách thật sự đến đây vì mục đích du lịch hay liên quan đến những vấn đề khác. Những thương gia người Ấn đến làm ăn tại Kabul cũng đều xin visa dưới dạng du lịch. Văn phòng đại diện Bộ Nội vụ đóng cửa sớm hơn giờ dự kiến và anh công an sân bay đã hướng dẫn tôi xin trực tiếp tại Bộ Nội vụ nằm trong thủ đô Kabul.

Trong lúc chờ đợi nhận hành lý, anh Abdul Qudos ngỏ ý với tôi là hãy về nhà anh ấy để trọ miễn phí trong những ngày ở Kabul bởi anh cho rằng tôi đang chơi trò quá mạo hiểm khi đến đây du lịch một mình. Tôi phân vân và nhớ lại lời anh trưởng phòng visa ở sứ quán Afghanistan: Khi đến Afghanistan, đừng tin vào bất cứ ai bởi không thể nào phân biệt được đâu là thường dân, đâu là phiến quân Taliban hay nhà nước Hồi giáo IS mới nổi lên gần đây. Tôi từ chối lời đề nghị của anh bằng cách lảng sang chuyện khác với câu hỏi: Tôi thấy có rất nhiều máy bay quân sự nhỏ hoạt động liên tục ở sân bay, vậy nhiệm vụ của nó là gì? Anh Qudos cho tôi biết đó là những chiếc máy bay quân sự của Liên Hiệp Quốc có nhiệm vụ chở lương thực, thuốc y tế... để cứu trợ cho những người xấu số đang nằm trong vùng Taliban chiếm đóng và kiểm soát. Ở Afghanistan, chỉ còn lại ba thành phố tương đối an toàn là: Kabul, Herat và Bamyán mà việc di chuyển đến các thành phố này bằng phương tiện hàng không là an toàn nhất. Taliban hay IS vẫn chưa có vũ khí hiện đại đến mức bắn được máy bay đang bay ở tầm cao. Dù rất muốn tìm hiểu truyền thống sinh hoạt của người Hồi giáo bên trong ngôi nhà của họ và cảm nhận từ trái tim tôi mách bảo anh Abdul Qudos là người tốt, nhưng lo sợ về các nguy cơ có thể xảy ra vẫn còn khi những lời cảnh báo luôn vo ve bên tai, lý trí khiến tôi từ chối lời đề nghị của anh. Một chút thất vọng trên khuôn mặt Abdul Qudos rất đặc trưng của người Trung Á hơn là Nam Á! Sau cái ôm hôn truyền thống của người Hồi giáo chỉ dành cho đối tượng được xem như người nhà bằng cách cạ má vào nhau hai lần, anh hướng dẫn tôi một số điểm tham quan ở Kabul và cách nào để sống sót ở thành phố đầy rẫy nguy hiểm.

Từ thời cổ đại, Kabul đã từng in dấu chân của ngài Alexander Đại đế khi ông mở rộng bờ cõi trên vùng đất Viễn Đông. Gió ngựa chinh yên sau đó của các hoàng đế La Mã, Trung Hoa, các vị vua Hồi giáo, đế chế Ba Tư và Ottoman, đế quốc Mông Cổ... đều soi bóng rử mình trên dòng sông Kabul dậy sóng. Trong thời lịch sử cận hiện đại, Afghanistan từng là vùng đất mơ ước của Vương quốc Anh, Hà Lan và Liên Xô khi có nguồn khí đốt, dầu lửa tiềm năng được thiên nhiên ban tặng trải dài từ Iran sang nằm rải rác dưới các chân núi trong sa mạc. Afghanistan luôn là chiếc cầu nối “khát máu” khi thời

gian đi cùng với giai đoạn lịch sử lướt qua bởi những cuộc chiến giành lấy quyền lực bao gồm cả cuộc chiến nha phiến mà Afghanistan từng là một trong những vùng trũng của châu Á. Khi lịch sử đi qua, đất nước này lại có thêm những hậu duệ mới do người xưa để lại và khuôn mặt của người Afghanistan rất đa dạng, nó không giống những người Ấn Độ, Bangladesh, Sri Lanka, Nepal, Maldives, Bhutan hay vùng đất Lahore của Pakistan mà tôi nhìn thấy trước đây. Chiều cao, sống mũi, độ to của mắt, màu da và sải chân đi là những đặc điểm cơ bản bên ngoài để tôi có thể phân biệt đâu là người Trung hay Nam Á, anh bạn sinh sống tại Srinagar đã chỉ tôi như thế. Trong ngày đầu tiên đến Kabul, tôi cảm nhận Afghanistan là vùng đất Trung Á hơn Nam Á và ảnh hưởng nhiều văn hóa của người Ba Tư mà quốc ngữ Dari của người Ba Tư được chọn song hành với quốc ngữ Pashto trong hơn 40 ngôn ngữ tại Afghanistan đã nói lên điều đó. Tôi chia sẻ với anh Abdul Qudos những gì tôi đọc qua trong tư liệu như một lời cảm ơn sự quý mến tôi để anh có thể một phần nào đó yêu thêm quê hương của mình mà đôi khi để định nghĩa quê hương thật khó.

Tôi theo chân anh Qudos băng bộ khoảng 1km để thoát ra ngoài tìm taxi vào trung tâm thành phố. Sân bay quốc tế Kabul khá nhỏ và được bảo vệ rất nghiêm ngặt với lực lượng quân đội bố trí dày đặc. Theo tôi quan sát, hành khách phải trải qua sáu trạm kiểm soát chặt chẽ mới đến được khu vực cách ly ra máy bay. Tôi hiểu rằng, sân bay là đầu mối quan trọng trong giao thông phục vụ cho mục đích quân sự và dân sự. Chiến sự ở Afghanistan có thể diễn ra bất cứ lúc nào bởi nguy cơ tiềm ẩn đang rình rập bên ngoài hàng kẽm gai đã chiến sơ sài bao lấy sân bay. Anh Qudos giúp tôi bắt taxi để vào nhà trọ Salsal nằm giữa đoạn công viên Shahr-e Naw và siêu thị Chelsea với giá 10 USD. Qudos giải thích, nếu là những thương gia Ấn Độ hay một người xa lạ nào đó cái giá sẽ là 20 USD từ sân bay vào trung tâm. Cũng như các quốc gia khác, cánh tài xế taxi sân bay bao giờ cũng nói tiếng Anh tốt và ông tài xế có bộ râu trắng dài luôn muốn biết tại sao tôi đến Afghanistan và câu trả lời của tôi đi kèm nụ cười: Đi chơi! Taxi màu vàng luôn là điểm đặc trưng của Kabul mà hầu hết chúng là những chiếc xe cũ rích có hiệu VAZ 2101 được Liên Xô sản xuất từ những năm 1970 còn sót lại. Người

Afghanistan rất yêu chuộng nhãn hiệu Toyota của Nhật và gần đây một số công ty taxi đã nhập về vài loại xe đã qua sử dụng từ Pakistan và Ấn Độ với giá biến thiên từ 6.000 – 8.500 USD/chiếc. Con số 8.500 Mỹ kim luôn là niềm mơ ước xa xỉ đối với cuộc sống của người Afghanistan. Ông cười ha hả với bộ râu trắng đong đưa trong gió khi chia sẻ với tôi. Trong nụ cười sang sảng ấy lặng lại một chút nỗi buồn sâu thẳm trong tim.

Kabul còn cao dậy sóng

Anh chủ nhà trọ Salsal tên Abas còn trẻ nói tiếng Anh khá tốt do từng có thời gian đi hợp tác lao động Dubai 10 năm. Anh cho tôi biết, nhà trọ hiện chỉ còn phòng đôi với giá 20 USD/đêm, phòng đơn với giá 10 USD/đêm ngày mai mới có do anh bạn người Cộng hòa Czech sẽ về nước sớm hơn dự kiến. Nhà trọ Salsal là nơi để các gia đình từ những vùng bị Taliban chiếm đóng đến đây ở trọ trong thời gian dài để tìm cuộc sống mới ở Kabul nên phòng đơn rất hiếm. Anh cho biết thêm và giới thiệu tôi nên đi gặp các bạn đồng hành bao gồm một người Mỹ và một người Czech ở tầng 3 và tầng 4 nhà trọ mà họ đã đến trước tôi 3-4 ngày. Trong đêm đầu tiên đến Kabul, tôi vẫn nhớ như in khuôn mặt nghiêm trang của anh với câu nói: Vùng đất Afghanistan nguy hiểm rình rập từng ngày, các bạn nên đi gặp và bảo vệ cho nhau trong thời gian ở đây. Tôi gặp anh bạn người Mỹ ở đầu cầu thang khi đi ra ngoài kiếm một chút gì đó bỏ bụng cho buổi tối. Cái bắt tay mừng rỡ vừa thực hiện xong lại chuyển thành sự hững hờ đến nghi ngờ trên khuôn mặt anh bạn người Mỹ có mái tóc để dài màu vàng hạt dẻ được quấn trong chiếc băng đô theo kiểu cao bồi vùng miền Tây nước Mỹ. Những hình xăm dày đặc trên cánh tay được che kín dưới chiếc áo khoác jean dày. Anh phải nhờ chủ nhà trọ Salsal thuê một hướng dẫn viên nói tốt tiếng Anh để hướng dẫn anh đi loanh quanh thủ đô. Ngoài Kabul anh cũng không dám đi đâu bởi một vài người trên phố cũng hăm dọa giết khi biết anh là người Mỹ. Cũng giống như tôi, anh bạn người Mỹ đến Afghanistan cũng chỉ muốn biết cuộc sống của người dân trong thời loạn lạc chiến tranh như thế nào.

Tôi đến phòng 302 sau bữa cơm tối để tìm hiểu thêm về cách di chuyển để tham quan trong những ngày ở Afghanistan từ anh bạn Cộng hòa Czech. Denis vừa trở về sau khi ghé một vài tiệm tạp hóa để mua thức ăn tối. Qua cái nhìn đầu tiên, tôi cảm nhận khuôn mặt của Denis mang đậm nét người Đông Âu nhưng rất khác biệt với người Nga. Denis chia sẻ, anh sinh ra ở Slovakia, nhưng sau đó chuyển đến Praha sinh sống và nhập tịch ở Cộng hòa Czech. Trong thời gian đi xuất khẩu lao động theo nguồn nhân lực cấp cao trong lĩnh vực IT tại Dubai với thời gian ba năm, anh muốn khám phá hết vùng đất Nam Á qua những kỳ nghỉ hè thường niên và Afghanistan là lãnh thổ cuối cùng khi hợp đồng làm việc tại Dubai vừa mới kết thúc. Rất tự nhiên và chủ động theo văn hóa phương Tây, vừa ăn anh vừa chia sẻ với tôi những vấn đề rắc rối mà anh gặp phải trong ba ngày ở Kabul và sự nguy hiểm đó làm anh chán chường, không còn động lực và muốn rời khỏi Afghanistan ngay lập tức để quay về Dubai nói chuyển đến Praha.

Cuộn tròn những mẫu bánh mì dài naan truyền thống của người Afghanistan với những miếng dưa leo mỏng xắt dài rồi quệt vào hộp cá mòi, Denis kể tiếp cho tôi nghe câu chuyện của anh trên đường đến Bagram Airfield nằm cách thủ đô Kabul độ chừng khoảng 40km. Yêu thiên nhiên và muốn tận hưởng không khí trong lành, nên theo khuyến cáo của người địa phương Denis tìm đến vùng Bagram để tham quan những ngọn núi cao phủ đầy tuyết trắng chưa kịp tan trong ánh nắng xuân khi mùa đông mới vừa đi qua mà theo Denis, Praha của anh không được bao bọc những dãy núi tuyết xinh đẹp như thế. Để tiết kiệm chi phí, anh tìm đến bến xe địa phương và đi cùng những người bản xứ trên chuyến xe buýt đó. Dọc đường đi, trên những triền núi cao, thành phố Kabul xinh đẹp nhỏ nhắn nằm yên bình trong lòng thung lũng Denis đưa máy chụp hình thực hiện vài tấm ảnh. Ngay lập tức, những người ngồi trên xe áp giải và yêu cầu tài xế chạy thẳng xe đến đồn biên phòng nằm trên đường đi cách thủ đô độ chừng 10km. Ánh mắt Denis trở nên tức giận khi nhớ về một ngày trong đồn biên phòng và anh thốt lên: Kabul yên bình từ trên cao nhưng thật sự trong lòng đang dậy sóng còn cao đến đáng sợ.

Anh bạn người Mỹ Ricky xuất hiện và lắng nghe câu chuyện. Chỉ độ chừng 5 phút sau, Ricky bỏ đi bởi trong căn phòng trọ độ 6m², ánh mắt của anh chủ nhà và Denis cũng chẳng mấy thân thiện với Ricky. Denis vẫn còn một chút trẻ con với một đồng thức ăn đang đưa vào miệng, nhưng cố cời áo để tôi xem vết tích trên người anh khi bị giam lỏng một đêm trong đồn biên phòng để biết là anh đã chụp ảnh những gì vào chiếc máy Nikon kia. Họ tịch thu tất cả những dụng cụ điện tử bên trong ba lô Denis kiểm tra mặc cho Denis đưa hộ chiếu và thẻ du lịch để minh chứng mục đích của mình. Bánh ngọt trong ba lô trở nên vô cùng quý giá vào thời khắc khó khăn bởi những anh công an chẳng cấp cho Denis thực phẩm. Muối và côn trùng rừng núi liên tục tấn công vào da thịt Denis trong một đêm bị giam lỏng và vết cắn của chúng trên tấm lưng, cánh tay của Denis đang sưng tấy và tạo mủ. Vốn liếng ngôn ngữ Dari mà Denis học được từ những người bạn Iran trong những ngày sống ở Dubai không giúp được gì khi các anh công an chỉ nói ngôn ngữ Pashto. Họ phóng thích Denis vào 9 giờ sáng ngày hôm sau khi kiểm tra các thiết bị điện tử của Denis không tìm thấy nguy cơ tiềm ẩn cho việc khủng bố xảy ra và anh phải tự vận động bắt xe buýt quay lại Kabul.

Denis khuyên tôi nên mua bộ áo truyền thống của người Afghanistan có tên gọi perahan tunban được may cách điệu từ bộ áo shalwar kameez vốn được coi là bộ quần áo mẫu mực cho người nam của vùng Nam Á và chiếc khăn choàng đầu patus để cải trang thành người Afghanistan. Denis cho rằng, việc trở thành người Afghanistan bắt đầu rất thuận lợi cho tôi trong những ngày ở đây bởi nạn bắt cóc du khách để chuộc tiền hay bị bắt cho mục đích chính trị rất thường xuyên ở quốc gia Afghanistan đang trong loạn lạc chiến tranh. Denis đã nguôi ngoai nỗi buồn khi tôi đưa ra kế hoạch cùng nhau đến thánh địa Phật giáo Bamyán từ Kabul, anh vứt bỏ ý định đổi vé quay lại Dubai vào sáng mai bằng câu hỏi: “Ngày mai bạn sẽ làm gì?” Tôi cho biết sẽ đi dạo một vòng thủ đô Kabul bởi tôi mới đến đây ngày đầu tiên. Denis ngáp vẫn thờ dài cho biết anh sẽ ngủ lấy lại sức bởi anh mới từ đồn biên phòng trở về Kabul chiều nay. Anh hẹn tôi 3 giờ chiều ngày mai dẫn tôi đến Bộ Nội vụ để xin thẻ du lịch bởi giá trị của nó rất lớn khi xuất cảnh. Không có thẻ đó, hải quan sân bay có thể hạch hỏi đủ điều, thậm

chí không cho phép xuất cảnh bởi nghĩ rằng đến Afghanistan vì mục đích khác hơn là mục đích du lịch. Denis cũng cho rằng, dường như văn phòng đại diện Bộ Nội vụ tại sân bay đã đóng cửa do quá ít du khách đến Afghanistan và anh sẽ giúp tôi bởi biết nó nằm ở đâu trong thành phố Kabul và giá taxi chính xác đi đến đó là bao nhiêu.

Anh chủ nhà trọ Salsal rất quan tâm đến khách hàng của mình bằng việc chạy lên hỏi thăm Denis sau khi biết sự cố. Chúng tôi nhận được món quà lưu niệm từ anh là chiếc vòng đeo tay bằng nhựa có màu đỏ, đen, xanh như quốc kỳ với dòng chữ lớn Afghanistan có màu trắng trên đó và đó cũng là màu sắc của quốc kỳ Afghanistan. Giống như quốc kỳ ở các quốc gia Hồi giáo khác với màu xanh dương, đỏ, trắng và đen làm màu chủ đạo và bốn màu ấy được lấy ra từ bài thơ nổi tiếng của nhà tiên tri Safi-u-ddin Al Hali mà mỗi màu sắc mang một ý nghĩa khác nhau: màu xanh dương với ý nghĩa tương lai xán lạn giàu có, màu đỏ là sự huyền bí của Thánh Allah, màu đen là sự tối tăm trong quá khứ bởi những cuộc chiến và màu trắng là sự hành động của quốc gia tinh khôi và liêm khiết. Vẫn là bốn màu chủ đạo ấy nhưng thuộc vùng đất Nam Á nên quốc kỳ của Afghanistan có ý nghĩa khác về màu đỏ và đó là máu của những người Afghanistan đã đổ xuống cho những cuộc chiến giành lấy hòa bình. Phù hiệu to trên quốc kỳ là ngôi thánh đường Hồi giáo Abdul Rahman màu trắng hướng về thánh địa Mecca tượng trưng cho sự hoạt động trong sáng, liêm khiết dưới sự soi sáng của Thánh Allah và màu xanh dương với ý nghĩa tương lai xán lạn giàu có từ nền nông nghiệp vốn là mũi nhọn kinh tế chủ đạo của Afghanistan. Anh Abas giải thích cho chúng tôi hiểu thêm. Sau đó, tôi được biết rằng anh Abas không tặng chiếc vòng đeo tay cho anh bạn Ricky, điều đó cũng thể hiện phần nào thái độ hay tình cảm người Afghanistan với người Mỹ.

Mùa xuân đông đưa quuyến rũ bên ngoài cửa sổ bằng những hoa mận vừa bung những cánh mỏng tang. Chúng e ấp, ỏn ẻn và rung rinh giữa mùa xuân đầu tiên cũng như là mùa xuân cuối cùng của cuộc đời trong những cơn gió đêm khá lạnh. Những sợi tơ trời từ các cụm hoa bồ công anh gần đây cứ lượn lờ như các nàng tiên trắng đang nô đùa giữa không gian. Nỗi sợ đang đến và chúng đang

lớn dần, lớn dần bên trong trái tim. Tôi cố gắng trấn an bằng cách liếm láp hương vị mùa xuân qua làn không khí trong veo của dãy núi Hindu Kush hay lắng tai nghe tiếng vỗ vào một gành đá nào đó của dòng sông Kabul cuộn sóng. Những chiếc bóng hút dần và biến mất trên phố trả lại sự thì thào trong im lặng của bóng đêm. Một chút kiêu hãnh từ bản năng đang trở về mà tôi nhận ra đó là sự lì lợm để vượt khó... Tôi không thể nào ngủ được trong đêm đầu tiên đến Afghanistan.

Sự cố trước khi đến thánh đường Abdul Rahman



Một góc đường phố thủ đô Kabul vào buổi sáng

Ông mặt trời đã vươn vai thức giấc bằng những tia nắng óng vàng lung linh qua những hàng cây bạch dương nhỏ trồng dọc theo phố. Một vài người Afghanistan trên đường phố huýt sáo và chỉ trỏ chiếc quần lửng tôi đang mặc trên người. Tôi nhoẻn miệng cười và cho rằng họ đang trầm trồ về chất lượng hàng tơ lụa tốt của chiếc quần. Trong tôi, Kabul mang kiến trúc của một thành phố Trung Á hơn là thành phố Nam Á với những dãy phố chạy thẳng tắp, không có hiện tượng mua bán lề đường và những hàng bạch dương thẳng ngọn cũng là dấu hiệu giúp tôi nhận biết điều đó. Buổi sáng tinh mơ, trong cái lạnh se se của mùa xuân, những anh thanh niên trẻ lại thong dong đến các công trường xây dựng bằng những chiếc xe đạp tầm vóc khá cao, khá cũ và một ai đó lướt nhanh qua tôi với chiếc thúng trên đầu là những chiếc bánh có màu vàng đỏ trông giống bánh cam Việt Nam và trên tay là chiếc bình nho nhỏ mà theo tôi đoán là bình cà phê. Họ muốn đến công trường nhanh để kịp bán cho những công nhân chuẩn bị vào ca. Qua khúc quẹo trên đường đến thánh đường Hồi giáo Abdul Rahman lớn nhất và tâm linh nhất ở Kabul, hình ảnh Nam Á lại hiện ra trong tôi với những chiếc xe ba gác đầy chất đầy hàng rau, cây trái quả tùm vào nhau buôn bán. Tôi hiểu rằng đó là những ngôi chợ tự phát phục vụ cho tầng lớp lao động bình dân. Một vài ông lão buôn bán hạt rang trên phố ngoắt tôi vào khiển trách vì chiếc quần lửng. Bằng ngôn ngữ hình thể, ông lão với khuôn mặt phúc hậu giải thích cho tôi hiểu rằng Kabul như ý

nghĩa của nó là vùng đất linh thiêng của Thánh Allah, nơi mọi người đến để xưng tội, vì vậy đến đây thăm viếng cần phải tôn trọng Ngài. Vừa nghe ông giải thích, tôi cười thầm trong bụng về suy nghĩ “ngu ngơ” của mình sáng nay khi vài người trên phố huýt sáo và chỉ trỏ vào chiếc quần tôi mặc. Tôi hứa với các ông sẽ đổi một chiếc quần khác vào ngày mai. “Nhập gia tùy tục” là những gì tôi hiểu và phải tuân thủ trên đường đi.

Ai đó đã từng nói với tôi rằng “Thử qua một loại hương vị thức ăn ở một nơi chốn mới mà bạn đang đến là cách để cơ thể bạn hòa vào nền văn hóa ẩm thực địa phương”, tôi mua ủng hộ các cụ một ít hạt rang để nhóp nhép trên đường đi và cũng để hổi lổi. Dù là vùng đất Nam Á, nhưng do sâu đậm văn hóa Trung Á nên người Afghanistan thường mua những hạt rang ăn cho vui miệng trên những chuyến xe, uống trà trong các buổi tiệc hay những cuộc tán gẫu với bạn bè trong quán cà phê nào đó. Hương dương, hạt dẻ, hạnh nhân và quả hồ trăn rang khô là bốn loại hạt lai rai khoái khẩu của người Afghanistan. Trong bốn loại hạt, tôi thích nhất hạt hạnh nhân với hương vị béo béo, nhiều năng lượng và nó là loại hạt nổi tiếng nhất của vùng đất Nam Á. Ở Afghanistan có ba loại cây hạnh nhân được trồng và sử dụng cho những mục đích khác nhau: hạnh nhân ngọt được chế biến thành hạt rang và là thực phẩm phụ có trong các loại bánh kẹo, hạnh nhân đắng chứa nhiều loại acid độc hại nhưng sử dụng một ít trong việc nấu nướng sẽ làm hương vị món ăn ngon hơn và hạnh nhân mamra được chiết xuất ứng dụng nhiều trong công nghệ dệt vải và mỹ phẩm làm đẹp. Việc ăn vặt các loại hạt rang hay đưa chúng vào những bữa tiệc trà cũng phần nào xác định đẳng cấp của người Afghanistan. Tokhmeh là hỗn hợp hạt dành cho thành phần lao động còn khó khăn trong cuộc sống gồm các loại: hương dương, dưa hấu, bí đỏ, bí đao, dưa lưới, trong khi những người giàu có thường dùng hỗn hợp ajil gồm hạt dẻ, hạnh nhân, hồ trăn, nho khô và các loại kẹo ngọt.

Hình ảnh những ngôi nhà được xây dựng trên triền núi cao theo dạng bậc thang không còn quá xa lạ, nhưng tôi muốn ghi lại khoảnh khắc ấy ở Kabul bởi những ngôi nhà có sắc màu lạ lẫm theo truyền thống của người Nam Á. Ba anh thanh niên xuất hiện phía sau và

trước mặt yêu cầu tôi bỏ máy ảnh vào ba lô và đi theo họ. Hai cánh tay tôi bị nắm chặt bởi hai anh thanh niên như sợ tôi bỏ trốn và phía trước là một anh dẫn đường. Tôi đang bị áp giải đến doanh trại quân đội gần nhất nằm đối diện bên kia đường. Anh quân nhân gác cửa lên đạn khẩu AK47 và chĩa thẳng họng súng vào người tôi khi vừa đến doanh trại quân đội. Khoảng cách giữa tim tôi và ngọn súng chỉ độ chừng hai gang tay. Đầu óc mụ mị lúng túng những thứ gì đó mà tôi không hiểu rõ và tôi nghĩ đến cái chết đang quá gần trong giây phút này. Quán tính điều khiển người tôi lúc này và làm rầm rập theo những tiếng hét lớn đồng loạt yêu cầu giơ tay lên và đưa ba lô cho anh kiểm tra. Nhìn chiếc khăn patus truyền thống của người Afghanistan sọc đỏ trắng đang quấn quanh cổ anh quân nhân để chống lại cái lạnh buổi sáng mùa xuân, tôi bất chợt rung mình rồi lơ lửng với các câu hỏi miên man trong đầu. Với người Afghanistan, chiếc khăn patus là vật bất ly thân mà những người trong khối Nam Á nhìn vào đó để biết được một ai đó đến từ đâu và những chiến binh Taliban luôn quấn nó trên đầu với đường sọc xen kẽ giữa hai màu trắng đỏ hoặc đen và trắng. Đó là hình ảnh ấn tượng mà tôi đã xem qua từ các clip trên mạng khi tìm hiểu Taliban. Hình ảnh chiếc khăn patus ngập tràn trong tâm trí và tôi phải xác định bằng câu trả lời xác đáng: Tôi đang ở doanh trại quân đội và người đối diện với tôi có khuôn mặt rõ ràng chứ không phải ẩn mình trong chiếc mặt nạ màu đen.



Ở Kabul chưa có hiệu sách, sách được bán trên lề đường



Ông lão nghèo vá giày nơi góc phố Kabul

Tôi bị áp giải vào bên trong doanh trại, trải qua ba đợt kiểm soát gắt gao với thái độ ôn hòa hơn. Anh quân nhân vẫn giữ chiếc ba lô trên tay trái và dí khẩu súng vào phần hông lưng tôi bằng tay phải. Bên trong những bức tường cao chạy dài là một khoảng trống rộng lớn với những phòng ban nằm theo hình chữ U và cạnh đây là ngôi thánh đường Hồi giáo cổ xưa với rêu phong trên những viên đá màu

đồ theo kiến trúc Mughal. Đó là vết tích còn sót lại khi Kabul từng là kinh đô của vương triều Babur từ năm 1526 đến 1530 sau những cuộc nội chiến đẫm máu. Doanh trại đang được xây dựng lại với rất nhiều công nhân mặc đồng phục của chủ đầu tư nào đó đang làm việc bên trong. Các anh công nhân nhìn tôi với đôi mắt lạ lẫm bởi tôi đang bị dí khẩu súng ở phía sau lưng như là một phạm nhân. Tôi được đưa đến căn phòng nhỏ nhỏ nằm cuối dãy hành lang trên tầng bốn dường như vừa diễn ra cuộc họp nội bộ đầu buổi sáng. Tiếp tôi là anh Trung úy trẻ tuổi nói tiếng Anh rất tốt.

Anh Trung úy khoát tay ra lệnh cho anh quân nhân đi đâu đó để buổi làm việc được bắt đầu. Tôi kể lại cho anh nghe những gì đã xảy ra với tôi trong buổi sáng nay và chốt lại câu chuyện bằng câu nói: “Tôi hiểu những gì Afghanistan phải gánh chịu như là một nỗi đau không tên bởi chiến tranh, tôi biết Kabul non trẻ cần được bảo vệ như thế nào trong thời loạn lạc. Tôi chấp nhận bị kiểm tra khi mọi người nghi ngờ bởi không ai có thể phân biệt đâu là thường dân hay Taliban, IS trong dòng chảy xã hội ở đây. Nhưng tôi không thể chấp nhận hành động phỉ báng không tôn trọng du khách. Người Afghanistan đối xử với du khách như thế nào và sự nhân văn hành xử giữa những người anh em trong bộ kinh Quran kia có còn ý nghĩa nữa không?” Anh im lặng không nói gì.

Anh xem kỹ tấm visa Afghanistan nằm trong hộ chiếu và xoa dịu tôi bằng câu nói: “Bạn đi du lịch nhiều quá!” Tôi lấy tất cả máy ảnh và điện thoại cho anh xem bên trong chứa đựng những gì mà không chờ đến lúc anh yêu cầu. Anh mượn thiết bị điện tử của tôi để sang phòng khác kiểm tra. Tôi cười thầm trong bụng vì chỉ đúng một phút sau anh đã trả lại cho tôi: thẻ nhớ trong máy ảnh của tôi hơn 2.000 tấm ảnh, một phút vừa đủ cho tất cả tấm ảnh hiện lên máy tính chứ không đủ thời gian xem qua hết các hình ảnh. Anh đã tin tôi là người đến Afghanistan để du lịch và việc kiểm tra chỉ là việc thực hiện cho đúng quy trình.

Anh Trung úy trẻ tuổi nồng nhiệt đến bắt tay tôi với lời xin lỗi chân thành. Anh dặn dò tôi: “Kabul rất non trẻ cần được bảo vệ, chính vì vậy có rất nhiều doanh trại quân đội nằm trong lòng thủ đô. Việc

chụp hình doanh trại quân đội ở Afghanistan là điều cấm kỵ. Tốt nhất trong những ngày ở Kabul chỉ lang thang đi dạo, ngắm nhìn mọi việc đang diễn ra xung quanh mình chứ không nên chụp hình.” Anh cũng khuyến cáo tôi không nên đến bức tường thành cổ kính Bala Hissar nằm ở phía Nam thành phố dưới chân núi Kuh-e-Sherdarwaza được xây dựng từ thế kỷ 5 rất có ý nghĩa với người Afghanistan bởi dưới bức tường cổ còn sót lại tại pháo đài Bala Hissar là xương và máu đã đổ rất nhiều cho những cuộc chiến có từ thời trung cổ kéo dài đến thời lịch sử cận hiện đại. Theo anh, người Afghanistan sống tại khu vực đó rất cực đoan, bảo thủ và họ thường xích chó cắn hay ném đá nếu một ai đó lia máy chụp ảnh qua ngôi nhà của họ.

Bên kia đường, ông lão bán hàng cơm cùng một số người khác vẫn chờ tin tức. Trong hơi thở hỗn hển bởi nhịp tim vẫn chưa trở lại tần số, tôi kể lại những gì đã xảy ra mà có thể những người đáng kính sẽ không hiểu do khác biệt ngôn ngữ, nhưng tôi nhận được sự lo lắng, đồng cảm trong những ánh mắt có màu xanh nhạt. Ông lão chủ quán cơm với bộ râu dài trắng toát ôm tôi vào lòng vỗ về rồi ra ký hiệu cho tôi đi tiếp đến thánh đường Abdul Rahman không còn xa ở phía trước và vẫn không quên nhắc nhở tôi không nên chụp ảnh khi đến đó.

Tháng 10 năm 2010, tôi có xem bản tin nói về 33 người thợ mỏ sống sót sau sự cố sập hầm mỏ San Jose nằm ở phía Bắc Chile. Gần 70 ngày sống ở độ sâu 688m dưới lòng đất, 33 người thợ mỏ phải chống lại số phận nghiệt ngã cho cuộc đời mình. Trong sự bế tắc do định mệnh đưa đến, chiếc phao cứu sinh cho 33 sinh mạng chính là niềm tin vào Chúa Trời dù rất nhiều người trong số đó không thuộc lấy được một câu kinh Thánh bởi cuộc sống của họ luôn bận rộn tìm mọi cách mưu sinh thoát khỏi đói nghèo. Tôi nghĩ đến hình ảnh đó khi vừa đặt chân đến quảng trường Pashtunistan nhìn thấy hai cột tháp vươn cao trên bầu trời xanh. Thánh đường tâm linh Abdul Rahman chính là chiếc cầu nối giúp người Kabul gây dựng niềm tin trong cuộc sống sau quá nhiều mất mát từ những cuộc nội chiến. Trước đây, khi mới thành lập, những phiến binh Taliban tuyên bố: Afghanistan là một quốc gia Hồi giáo đúng nghĩa

không lẫn tạt vào bất kỳ tôn giáo nào khác hiện diện nơi đây. Minh chứng cho lời nói ấy, Taliban đã cho nổ bom hai tượng Phật lớn được điêu khắc vào vách núi ở Bamyán. Nhưng lời tuyên bố ấy có vẻ không đúng khi họ đập phá tất cả nơi chốn tâm linh của người Afghanistan. Từ vô cảm trước những biến động của xã hội, những người Kabul chuyển qua sống trong nỗi sợ hãi đi cùng với bế tắc cuộc sống sau các cuộc nội chiến tiếp theo có sự can thiệp của quân đội Mỹ. Sự kiệt quệ về kinh tế khiến nhà nước Afghanistan vẫn không đủ tiền để xây dựng một ngôi thánh đường đủ rộng khi ngày càng nhiều người tìm đến nơi chốn tâm linh để tiếp nhận niềm tin vượt khó. Được khởi công vào năm 2001 nhưng công trình bị tạm dừng vì nội chiến, tên thánh đường Hồi giáo Abdul Rahman nhằm tưởng nhớ người thương gia giàu có của Kabul đã dùng tiền của mình hoàn thành công trình vào năm 2009 với sức chứa 10.000 người đến cầu nguyện trong cùng một lúc. Bên trong thánh đường còn là trường dạy kinh và có một thư viện rộng lớn chứa 150.000 quyển sách. Tôi không được phép vào bên trong bởi trang phục không phù hợp. Nỗi sợ vẫn còn đang đeo bám những người Kabul nên thánh đường Hồi giáo Abdul Rahman được lực lượng quân đội và công an bảo vệ nghiêm ngặt. Ngay cả với người bản địa, để vào được bên trong cầu nguyện họ phải trải qua cuộc kiểm tra gắt gao ở lối chính vào ngôi thánh đường.



Tượng Phật lớn trong vách núi đã bị Taliban phá vỡ

Vấn nạn ma túy ở Kabul

Nhớ lời anh Abas dặn dò, tôi quay trở lại khách sạn để nhờ anh bắt hộ taxi đến bảo tàng quốc gia Kabul nằm trên đoạn đường ra sân bay. Theo anh Abas, việc di chuyển bằng xe buýt ở Kabul khá thuận tiện, tuy nhiên vẫn không an toàn bởi anh e sợ những vụ đánh bom quả cảm luôn xảy ra. Ngay cả việc di chuyển bằng taxi, anh cũng khuyến cáo nên nhờ anh hỗ trợ do anh biết được tài xế taxi nào là thường dân Afghanistan chính hiệu. Một khi còn ở Afghanistan, không tin bất cứ một ai. Chỉ còn độ chừng 800m là đến khách sạn, tôi nghe tiếng ai đó gọi với theo “Hello, come in please, xin chào,

mời vào”. Bên trong căn phòng nhỏ ven mặt tiền đường kinh doanh thiết bị máy văn phòng, anh trung niên tên Abdul vui mừng khi biết tôi đến từ Việt Nam. Anh cố gắng tìm trong ký ức của mình để thốt ra cụm từ “xin chào” bằng tiếng Việt mà thời gian trôi anh đã quên mất khi không còn sử dụng. Tôi giúp anh tìm lại kỷ niệm thơ thơ đẹp đẽ trong khoảng thời gian bảy năm là sinh viên học chung với các bạn Việt Nam ở thủ đô Moscow, Nga. Tôi mời anh điếu thuốc mang từ Việt Nam sang để xã giao mở đầu câu chuyện, anh đẩy tay tôi và ra ký hiệu nên cho điếu thuốc trở vào bao. Anh cười, “Ở Afghanistan, không ai hút thuốc lá như thế, người Afghanistan chỉ hút loại thuốc này”. Vừa nói anh vừa rút ra từ túi áo khoác một miếng giấy nhỏ. Bên trong đó là một lớp nilon khá nhàu bao lấy chất dẻo có màu nâu sậm vàng. Anh hỏi tôi có muốn thử qua không, tôi lắc đầu từ chối lia lịa bởi tôi nhận ra chất dẻo trên tay anh là một loại thuốc phiện được chiết xuất từ hoa anh túc mà những người Nam Á hay gọi là ganja. Trong tiếng Phạn của nền văn minh Hindu, *ganja* có nghĩa là cỏ, tuy nhiên trong tiếng lóng từ *ganja* được hiểu là ám chỉ người nào đó là tín đồ thuốc phiện.

Khi mùa xuân về, từ phía Bắc Ấn Độ trải dài lên Trung Á, hoa anh túc mọc hoang dại thành từng khóm đủ sắc màu trắng, đỏ và hồng nhạt trên những đám cỏ xanh tuyệt đẹp đang chuyển mình sinh sôi sau mùa đông rét mướt. Hoa anh túc là một trong những biểu tượng mùa xuân trên vùng đất Trung Á và nét đẹp của nó từng được miêu tả trong những tác phẩm nghệ thuật của nền văn minh cổ đầu tiên – nền văn minh Lưỡng Hà thuộc Iraq ngày nay vào năm 4.000 trước Công nguyên hay những điêu khắc trên gốm sứ Ba Tư sau này. Tôi hớp qua ngụm trà xanh (*chai*), đó là loại trà song hành cùng trà đen (*qymaq*) được xem là những loại trà truyền thống của người Afghanistan khi tiếp khách để lắng nghe câu chuyện của anh Abdul về loài hoa anh túc.

Chiết xuất morphin từ hoa anh túc để trị hen suyễn, một số bệnh bao tử và đường ruột cùng với bệnh con người mắt đã được những người Minoan thuộc nền văn minh hàng hải biển Aegean ghi nhận vào năm 3.650 – 1.400 trước Công nguyên. Morphin ngày càng có giá trị hơn khi các nhà khoa học thấy được công dụng của nó và

vẫn còn áp dụng cho đến ngày nay trong các cuộc đại phẫu vết thương phục vụ trong quân y. Khi kiểm soát toàn bộ tiểu lục địa Ấn Độ và Afghanistan, người Anh phát triển cây thuốc phiện trên vùng đất này với mục đích chiết xuất lấy morphin phục vụ cho quân đội. Lợi nhuận quá cao từ việc trồng nha phiện khiến phong trào trồng cây anh túc lan rộng từ Nam Á đến vùng đất tam giác vàng thuộc biên giới ba nước Thái – Lào – Miến Điện.

Nhắm nháp hớp trà xanh, tôi hỏi anh Abdul: “Có bao nhiêu phần trăm dân số ở Afghanistan khoái khẩu hương vị thuốc phiện?”

“Hãy đi về cây cầu Pul e Sukhta bắc qua dòng sông Kabul để thấy cả một thế hệ trẻ của Afghanistan đã bị hủy hoại như thế nào bởi nha phiện. Nhưng Linh cũng đừng đến, đó là khu vực không an toàn khi tập trung tất cả những gì gọi là tệ nạn xã hội ở Kabul. Bên dưới gầm cầu là những con nghiện không còn lý trí, khuôn mặt vật vờ sẵn sàng tấn công bất cứ ai mà họ nhận ra rằng không đồng cảm xúc với họ để cướp bóc những gì có trên người nhằm mua chất trắng tiếp nối cuộc sống. Rồi đến một ngày không còn gì nữa, họ ngủ sâu không buồn thức giấc trong cái gió cơn mưa rét mướt của mùa đông. Bên dòng sông Kabul, dưới chân cầu Pul là nơi chốn mà con nghiện tìm đến để kết thúc cuộc đời. Nơi đó con người không được sinh ra nhưng lại là nấc thang cuối cùng để bước lên thiên đường và có hơn 1.000 người nghiện ngập đã song hành cùng nàng tiên trắng đi xa mãi mãi. Họ đã quên những gì đáng quên của cuộc sống địa ngục trần gian. Không chỉ có người già tìm đến cái chết trắng, tỉ lệ nghiện ngập ở lớp trẻ Afghanistan ngày nay cũng rất cao. Họ tìm đến nàng tiên trắng rất sớm với hy vọng nhanh chóng hóa kiếp ra khỏi Afghanistan bởi không còn lối thoát. Đi đâu về đâu khi quốc gia này không có cảng biển để rong ruổi ra khơi tìm cuộc sống mới. Pakistan nằm về phía Nam và phía Đông vẫn là vùng đất không an toàn và chẳng một người Afghanistan nào yêu thích quốc gia đó vì một lý do rất riêng. Cả Iran ở phía Tây, Turkmenistan, Uzbekistan, Tajikistan và Trung Quốc ở phía Bắc đều đóng cửa biên giới nghiêm khắc với người Afghanistan. Rất ít nhà đầu tư nước ngoài đến đây thì lấy đâu ra công ăn việc làm khi chúng trưởng thành. Cuộc sống trở nên bế tắc và đó là những gì chiến tranh để

lại. Nhưng cuộc chiến đâu có kết thúc để người dân Afghanistan còn đoàn kết lại để xây dựng đất nước, nó vẫn đang tiếp diễn bởi Taliban trước đây và IS sau này.”

Tôi thắc mắc về số lượng nha phiến ở đâu vào thị trường Afghanistan bởi trước đó không lâu tôi đã từng đọc qua thông tin trên mạng mà các bài viết cho rằng Afghanistan đã giảm dần sản xuất nha phiến. Anh Abdul cười hả hả cho rằng thông tin tôi đã đọc là sai và nhấn mạnh: “Tôi là người con của đất nước Afghanistan, ngoại trừ khoảng thời gian 7 năm sinh sống tại Moscow, thời gian tôi sinh sống ở Kabul cũng đã hơn 40 năm. Tôi hiểu Kabul và biết những gì đang diễn ra trên đất nước mình. Tôi muốn kể những gì thật nhất cho Linh nghe, nhưng nếu muốn có nguồn thông tin chính xác và khách quan nhất, Linh có thể tham khảo thêm nhiều người biết nói tiếng Anh!”

Marjah là một thị trấn nhỏ nằm trong thung lũng Arghandab thuộc tỉnh Helmand là vùng trũng nha phiến của Afghanistan. Helmand nằm về phía Nam Afghanistan trên trục đường liên quốc gia để đến tỉnh biên giới Khyber Pakhtunkhwa của Pakistan. Việc trồng cây hoa anh túc ở Marjah là nghề nông nghiệp truyền thống lâu đời và chất lượng thuốc phiện ở Marjah rất ngon bởi nó đạt cả hai điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu. Trong thập niên 1950 và 1960, với mục đích hạn chế trồng cây anh túc bằng việc thay đổi cơ cấu cây trồng khác, chính phủ Mỹ hỗ trợ tỉnh Helmand xây dựng lại hệ thống tưới tiêu có thể cung cấp nước trên diện tích 1,5 triệu km². Sau cuộc nội chiến vào năm 2001, diện tích trồng hoa anh túc tại Marjah tăng lên nhanh chóng và Taliban chiếm lấy Helmand làm thủ phủ cho mình. Những người nông dân chân lấm tay bùn ở Marjah chấp nhận giải pháp sống chung cùng lũ bởi những cánh đồng hoa anh túc sẽ được bảo kê bởi Taliban và việc trồng nha phiến mang lợi nhuận rất cao so với việc canh tác những loại cây nông nghiệp nào khác. Người nông dân vẫn ý thức rằng, nàng tiên trắng như một loại virus khó trị, chúng tàn phá cơ thể và trí óc cả một thế hệ trẻ của Afghanistan, nhưng sức mạnh đồng tiền quá lớn. Trên 1.000m², thay vì trồng bông vải chỉ thu lợi nhuận được 1.500 USD/mùa, nông dân có thể kiếm được 7.000 USD/vụ trên cùng diện tích đó khi trồng hoa anh

túc. Ngoài việc nhận được 20% lợi nhuận khi chia chác với nông dân canh tác, Taliban còn là những người buôn bán vận chuyển heroin đi khắp nơi trên thế giới. Đó là nguồn thu nhập để sống và dành cho chi phí hoạt động của tổ chức Taliban. Không ai có thể ước tính được diện tích trồng nha phiến ở Helmand là bao nhiêu bởi hình phạt rợn người mà Taliban luôn áp dụng cho những ai tò mò muốn tìm hiểu thủ phủ của mình. Những tin đồn đang lan truyền ở Afghanistan, Taliban đang mở rộng diện tích trồng nha phiến của mình sang tỉnh biên giới Kandahar sát biên giới Pakistan. Vùng đất từ Helmand kéo dài sang Kandahar được gọi là “Trăng lưỡi liềm vàng” theo hình dáng hai vùng đất đó nối liền nhau khi được vẽ trên bản đồ. “Trăng lưỡi liềm vàng” là nỗi sợ ghê rợn cho các thương gia từ thung lũng Swat muốn sang Kabul giao thương với sáu tiếng ngồi xe và cung đường ấy ngày nay chỉ dành cho tầng lớp người nghèo Afghanistan của tỉnh Kandahar lên Kabul để làm giấy tờ cần thiết mà mạng sống của họ phó mặc cho số Trời.

Tôi chia tay anh Abdul bằng câu hỏi khó mà phải hỏi lâu sau anh đành thú nhận sự thật với tôi trong sự bẽn lễn mắc cỡ trên khuôn mặt. “Biết rằng, tác dụng của chất trắng rất nguy hiểm, tại sao anh vẫn sử dụng nó hàng ngày?” Anh Abdul rụt rè xen lẫn một chút bối rối: “Tôi là người không chơi chất trắng nhưng là người phân phối nó đến con nghiện để kiếm thêm thu nhập. Linh nghĩ đi, Kabul quá non trẻ nhưng chẳng có nhà đầu tư nào đến đây thì làm sao tôi có thể nuôi cả gia đình mình dù biết rằng đó là việc làm chẳng hay chút nào. Việc cung cấp chất trắng tiếp tay phá hủy cả một thế hệ trẻ với nhiều mơ ước xây dựng lại đất nước, đi ngược với đạo đức kinh doanh, nhưng tôi phải làm gì đây khi cuộc sống bế tắc bởi loạn lạc chiến tranh!” Thảo nào, anh quá rành đường đi nước bước con đường trắng ở Afghanistan. Câu hỏi không có câu trả lời đang chạy qua đầu tôi: Nếu tôi được sinh ra ở Afghanistan, tôi sẽ làm gì để mưu sinh, chấp nhận ở lại nơi chốn mình sinh ra hay thoát khỏi quê hương để đổi mới cuộc sống bằng mọi cách.

Bảo tàng quốc gia Afghanistan

Anh Abdul bắt hộ tôi chiếc taxi quen biết để tôi đến bảo tàng quốc gia Afghanistan nằm cách trung tâm khoảng 9km và nhờ vậy tôi khỏi phải tốn công quay trở lại nhà nghỉ Salsal. Kabul là điểm trung chuyển của con đường Phật giáo từ Ấn Độ sang Trung Á để quảng bá và ngược lại cũng là điểm trung chuyển của con đường tơ lụa từ Bamyán đi về Pakistan để vào Ấn Độ. Những gì còn sót lại ở bảo tàng quốc gia Afghanistan là tư liệu tốt nhất giúp tôi tìm hiểu những gì thuộc về phạm trù văn hóa đã giao thoa nhau ở đây. Năm 630 sau Công nguyên, ngài Huyền Trang đã ghé lại Kabul và ghi lại những gì ông biết trong quyển nhật ký: *“Kabul lúc bấy giờ có tên gọi là Kaofu mà tên Kaofu được đặt bởi một trong năm chi người Nguyệt Chi sinh sống trong các vùng đồng cỏ khô cằn thuộc miền đông khu vực lòng chảo Tarim thuộc Tân Cương, Cam Túc và Kỳ Liên Sơn của Trung Quốc ngày nay. Họ đã vượt dãy núi Hindu Kush để vào thung lũng Kaofu sinh sống vào thế kỷ 1. Kaofu là kinh đô của vị Đại đế Kujula Kadphises mộ Phật giáo từ năm 45 đến tận thế kỷ 3 trên vùng đất rộng lớn. Ngôn ngữ đế chế Quý Sương sử dụng lúc bấy giờ là sự pha lẫn giữa Hy Lạp và Ấn Độ được gọi là ngôn ngữ Ấn – Âu hay Đại Hạ.”*

Không ai ghé thăm bảo tàng ngoài tôi, bên ngoài cánh cửa bảo vệ các anh công an đang ngồi trò chuyện cùng nhau trong hơi thở se lạnh của mùa xuân. Tôi thích thú đọc qua lịch sử của bảo tàng được gói ghém trong tám bảng to dựng ngay ở lối vào để hiểu được những món cổ vật bên trong được sống sót như thế nào trong khói lửa chiến tranh. Bảo tàng được thành lập vào năm 1919 dưới triều đại vua Amanullah Khan với 100.000 cổ vật được trưng bày bên trong thể hiện những gì tinh túy nhất của nền văn minh Trung Á. Cuộc nội chiến năm 1989 đã làm mất đi 70%, đặc biệt những món đồ cổ có nhiều niên đại được làm bằng vàng thật hay nhũ vàng. 30% hiện vật còn lại được chính phủ cho vào những chiếc hũ to chôn dưới mỏ vàng Bactrian và sau đó ký gửi cho ngân hàng trung ương Afghanistan vì cảm thấy không an tâm. Tháng 3/1994, bảo tàng lại hứng chịu một đợt pháo kích nặng do bảo tàng là nơi tạm thời cho quân đội đóng quân. Những mảng tường dài cùng những vết tích cháy xém loang lổ trên thân vẫn được chính phủ Afghanistan giữ nguyên sau khi xây dựng bảo tàng mới. Nó chạy

dài bên cạnh phòng trưng bày hiện vật mới xây lại như là một nhân chứng tố cáo tội ác chiến tranh. Được ngắm nhìn những hiện vật tuyệt đẹp như các bức tranh hoàn mỹ, tượng Phật được điêu khắc tinh xảo... còn sống sót sau chiến tranh, tôi vô cùng cảm phục tinh thần làm việc một cách thầm lặng của 71 nhân viên bảo tàng sau đợt pháo kích. Họ gom tất cả các hiện vật bị hư hỏng bởi pháo đạn đưa về khách sạn Kabul phân loại ra từng món và liệt kê chi tiết vật liệu nào đã tạo ra từng món đồ quý giá ấy để các chuyên gia dễ dàng sửa chữa hay trùng tu sau này. Quý giá nhất trong các hiện vật ấy chính là chiếc ngà voi Bagram có niên đại từ thế kỷ 2 với hai tượng Phật được điêu khắc tinh xảo theo nghệ thuật Bactria trên thân ngà. Miếng ngà voi được người Anh thu được trong cuộc nội chiến 1989 và trả lại cho bảo tàng vào tháng 7/2012.

Tôi thong dong một mình lắng nghe nhịp điệu bước chân giữa những tác phẩm nghệ thuật vô cùng sống động trên tầng hai của bảo tàng. Các anh bảo vệ nhiệt tình hướng dẫn cho tôi tham quan các phòng, cho phép chụp hình nhưng đôi mắt vẫn theo dõi sát sao hành động của tôi. Có thể, các anh ngại ngại trong lòng những hiện vật tuyệt đẹp sẽ bị du khách cầm nhầm bởi chúng quá đẹp và làm say mê bất kỳ ai lỡ bước đến đây.

“Kho bạc Bagram”

Chỉ là một thị trấn nhỏ thuộc huyện Bagram, tỉnh Parwan, cách thủ đô Kabul độ chừng 64km, nhưng trong thời cổ đại Bagram đã có một cái tên khá đặc biệt “Kho bạc Bagram”. Cái tên kiêu hãnh đó không ngụ ý rằng Bagram là vùng đất nhỏ giàu có mà những thương gia muốn ám chỉ về địa lý của nó. Bagram là điểm dừng chân của đoàn người lạc đà trên con đường tơ lụa năm xưa để chuẩn bị vượt núi cao đến Bamyan. “Kho bạc Bagram” được hiểu là tại thị trấn đó, mọi người có thể mua bán và trao đổi những mặt hàng quý hiếm có giá trị trên con đường tơ lụa: đó là những chiếc ngà voi quý giá có nguồn gốc từ Ấn Độ, chiếc hộp sơn mài từ nhà Hán Trung Hoa, sản phẩm thủy tinh có nguồn gốc La Mã đến từ Ai Cập và Syria, các bức tượng nhỏ từ Hy Lạp cổ đại theo phong cách Pompeia, sản phẩm đồ bạc có nguồn gốc Địa Trung Hải. Đến thế kỷ

2, Bagram còn có tên gọi khác “Thị trấn của những con voi” bởi những chiếc ngà voi quý hiếm từ Ấn Độ đến Bagram được các nghệ nhân chế biến lại bằng phương pháp thủ công để điêu khắc trên thân ngà. Những tác phẩm được điêu khắc trên thân ngà chính là đỉnh cao của nền nghệ thuật Bagram.

Một phần diện tích nhỏ ở khu khảo cổ học Bagram đã bị những tên trộm đào bới trước khi Hiệp hội Khảo cổ học người Pháp phối hợp với chính phủ Afghanistan khai quật từ năm 1936 – 1946. Bên dưới lớp đất cát phủ bóng bụi thời gian là cung điện của vị Hoàng đế Ca Nị Sắc Vương và các hoàng đế kế nhiệm đến đây nghỉ mát vào mùa hè. Những vết cháy xém của các viên gạch trên đồng đồ nát điêu tàn được các chuyên gia nhìn nhận là sự đốt phá cung điện mùa hè của Hoàng đế Ba Tư Sasanian sau khi chiếm thành đoạt lũy. Một thị trấn nhỏ nằm gần bên cung điện được giải thích là sự thiết lập lại Bagram sau khi Hoàng đế Hephthalite quản lý vùng đất này. Giá trị mà các nhà khoa học tìm thấy ở cung điện mùa hè chính là 2 gian phòng chứa những cổ vật quý báu như người xưa đã từng ca ngợi về Bagram: những chiếc hộp sơn mài từ Trung Hoa, những tượng đồng theo nghệ thuật Graeco-Roman, Bactria và Gandhara, bộ sưu tập về kính màu của người La Mã, những chiếc bình được làm từ khoáng pocsia trộn với thạch cao tuyết hoa thiết kế theo nghệ thuật Graeco-Roman, những đồng tiền điêu khắc các vị thần trên mặt. Việc khai quật Bagram còn có ý nghĩa về sự giao thoa văn hóa Đông – Tây trên con đường tơ lụa ở vùng đất Nam Á và vương triều Kushan là đỉnh cao của nghệ thuật khi cả trường phái Bactria, Gandhara và La Mã xích lại gần nhau hơn. Trường phái Graeco-Roman chỉ xuất hiện trên những vùng đất ven Địa Trung Hải, rất hiếm hoi trên vùng đất Nam Á, nhưng ở Bagram người ta đã người thấy hương thơm của nó.

Giá trị đích thực trong cuộc khai quật Bagram là các nhà khoa học đã tìm thấy miếng ngà voi có niên đại từ thế kỷ 2 được các nghệ nhân điêu khắc trên đó 2 tiên nữ Apsara đang nhảy múa thuộc nền văn minh sông Hằng. Miếng ngà voi chính là điểm sáng chói của trường phái Bagram song hành cùng với ba trường phái nghệ thuật khác ở Vương quốc Kushan: Bactria, Gandhara và Mathura.

Trường phái Bagram có từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 2 còn được gọi là Nagarhara – Arachosia. Những nghệ nhân làm nghề trang trí hoa văn trên gốm sứ, điêu khắc trên ngà voi được gọi là những người làm nghề tự do. Họ có thể là một người hoặc cả một gia đình. Những chiếc ngà voi được đun sôi rất lâu để chúng mềm ra và tiến hành cán mỏng. Để việc điêu khắc được trơn tru, các nghệ nhân tiến hành mài mảnh ngà voi cho thật láng bề mặt bằng đá. Trên một miếng ngà, các nghệ nhân không khắc hơn ba hình ảnh. Nội dung điêu khắc trên ngà biến thiên đa dạng tùy thuộc những gì người chủ sở hữu muốn vẽ, có thể là bông hoa, hoa văn nghệ thuật, hình ảnh một ai đó... tuy nhiên những tác phẩm nghệ thuật lớn thường vẽ về những biểu tượng liên quan đến các tôn giáo đang hiện diện ở Bagram. Sau khi điêu khắc được thực hiện xong, miếng ngà voi được đánh bóng lại để các nghệ nhân kiểm tra nét điêu khắc đã in sâu vào thân ngà hoặc chỉnh sửa nội dung lần cuối trước khi đi nhuộm màu. Màu xanh dương và màu đỏ thường được các nghệ nhân sử dụng nhấn mạnh nội dung đã vẽ và màu đỏ hay màu đen sẽ làm nền xung quanh. Màu đỏ son và màu chàm cũng thường được các nghệ nhân sử dụng tô đậm nội dung chính của tác phẩm trong thế kỷ 2. Tôi say mê ngắm nhìn những gì thuộc quốc bảo Afghanistan mà quên mất giờ ăn trưa đang đến.

Mặt trời luôn có sức mạnh của mình với vạn vật và khi đã lên cao những tia nắng ấm áp đã thổi bay cái lạnh lẽo của làn gió mùa xuân. Cuộc chiến giữa gió và mặt trời vẫn chưa đến hồi kết thúc bằng phản ứng đồng đánh của gió với cái khô hanh khó chịu trên bờ môi. Những gốc cây oliu trong khuôn viên bảo tàng vẫn rì rào hát tình ca trong cơn gió xuân cùng với đám hoa bồ công anh nằm bên dưới đang vào mùa. Làn sóng trắng được tạo thành từ sự mong manh của bồ công anh dập dềnh gợn cuốn khi một cơn gió lạ nào đó đi qua. Lẫn trong lời thì thầm mùa xuân của vạn vật là tiếng kêu lạnh lốt trong không gian yên tịch của chim sâu đang tìm mồi. Trong khoảnh khắc thời gian như đang lắng đọng, âm thanh như một tiếng sóng gào dữ dội trên bãi biển vắng mà tôi nghe rõ mồn một từng cung bậc của chúng.

Các em học sinh đang tan trường mà theo tôi dự đoán ngôi trường tiểu học đó nằm không xa bảo tàng. Một vài đám bụi màu đỏ đang lốc tự nhiên theo gió trên con đường dẫn đến ngôi trường. Trong đồng phục màu xanh dương, các em trong sáng vô tư đùa giỡn không bận chút lo nghĩ những biến cố đang xảy ra quanh cuộc sống. Giữa bão táp chiến tranh, giáo viên tình nguyện, những bộ đồng phục, sách vở bút mực và ba lô là những gì mà tổ chức nhân đạo thuộc Liên Hiệp Quốc có thể làm để gieo những hạt giống tri thức vào tâm hồn với niềm hy vọng đó là cánh cửa cuộc đời của các em trong tương lai. Các em xôn xao khi thấy chiếc máy ảnh trên tay tôi và tự động xếp hàng chụm đầu vào nhau để được chụp hình. Thân thương lắm khi những mái đầu chụm vào nhau để xem lại hình ảnh của mình vừa được chụp. Các em vẫn theo chân tôi đến phía trước cung điện hoàng gia Darul Aman nằm cách bảo tàng độ 500m để đến bến xe buýt quay về nhà. Tìm hiểu thêm tôi mới biết rằng, những bác tài xe buýt không lấy tiền vé xe và các em tự lập đến trường mà không cần người nhà đưa đón. Trong sự rối bời của cuộc sống và hòa bình đang còn viễn chinh ở nơi nào đó xa xôi, thế hệ người đi trước đặt trọn niềm tin vào những mầm xanh tương lai. Động lại trong tôi hình ảnh những em học sinh là cặp mắt lạ kỳ của em học sinh trong nhóm với mái tóc xoắn rậm. Một đôi mắt sáng tinh khôi xen lẫn sự nhân từ bao dung trong đó. Em không nhận những viên kẹo thơm để chia tay từ tôi như các bạn trang lứa khác mà chỉ đứng lặng nhìn tôi bên dưới tán dù quầy hàng bán các loại nước giải khát. Chờ các bạn của mình đã lên xe buýt về nhà, em đến gần bên tôi nhờ chụp cho em hai tấm ảnh: một mình và cùng với tôi. Em bẽn lẽn đỏ hai vành tai xem lại chân dung của mình qua hai tấm ảnh và bước lên chuyến xe buýt kế tiếp với cánh tay nhỏ bé vẫy chào qua ô cửa sổ.

Tôi men theo đường mòn vào công viên nhỏ nằm dọc theo đường Darul Aman để đi tắt đến cung điện hoàng gia Darul Aman. Một vài con nghện nằm vắt vờ dưới những cây oliu bên trong công viên làm tôi thoáng giật mình. Một Darul Aman hoang tàn trên ngọn đồi cao mà nơi đó chỉ còn lớp bụi thời gian rêu phong bám lại trên những mảng tường thành trong tiếng lao xao hoang vu của gió. Người xưa kể rằng, cung điện hoàng gia của vua Amanullah Khan được xây

dựng vào những năm 1920 tuyệt đẹp khi mùa đông về. Darul Aman như một lâu đài theo kiến trúc Tân cổ điển của người Pháp trong câu chuyện cổ tích thần tiên nằm giữa vùng tuyết trắng bao la dựa đầu vào dãy núi Hindu Kush kiêu hùng cũng phủ màu trắng toát. Từng là biểu tượng của Kabul nhưng nét xưa lối cũ nay còn đâu khi tôi đặt chân đến đây. Xung quanh cung điện Darul Aman là những cuộn kẽm gai đã rỉ sét ngăn cách du khách bởi chỉ cần chạy nhảy hay giậm chân mạnh, bên trong cung điện có thể sập bất cứ lúc nào. Chính phủ Afghanistan nhiều lần cũng thực hiện trùng tu gián đoạn nhưng không đủ kinh phí. Nhưng liệu rằng, sau khi trùng tu để trở về hình dáng ban đầu vốn có, nó có an toàn nữa không bởi nguy cơ một cuộc nội chiến lần nữa có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Người Afghanistan vẫn muốn nó tồn tại theo kiểu cách hoang tàn đổ nát để tố cáo tội ác chiến tranh.



Lâu đài Darul Aman ở Kabul, Afghanistan

Những ngọn gió lao xao

Denis với khuôn mặt vẫn còn ngái ngủ đang chờ tôi ở cửa nhà trọ Salsal để cùng đi đến Bộ Nội vụ làm thẻ du lịch cho tôi. Tôi kể lại cho anh nghe những gì đã xảy ra với tôi trong sáng nay ở doanh trại quân đội. Denis tỏ vẻ khó chịu khi nghe câu chuyện và cho biết: đó là lý do tại sao anh muốn rời Afghanistan tức khắc. Tôi thông dong ngắm nhìn một Kabul non trẻ lớn lên từng ngày với rất nhiều cao ốc đang mọc lên. Denis liền thoáng chỉ cho tôi đặc điểm từng khu một khi taxi lướt qua. Sự nhiệt tình của Denis làm tôi có cảm nhận anh ta quá rành Kabul dù chỉ đến trước tôi hai ngày, nó rất khác cách du lịch của tôi nói riêng hay châu Á nói chung với cách đi du lịch của Denis và châu Âu. Việc làm thẻ du lịch khá nhanh và sau khi kết thúc chúng tôi rảo bước để đến ngôi chợ tự phát mà Denis cho biết giá rau quả ở đây khá rẻ so với khi mua gần nhà trọ. Khi đi ngang doanh trại quân đội, bắt chợt, một anh quân nhân lăm le khẩu súng trên tay tiến về phía chúng tôi yêu cầu kiểm tra hộ chiếu.

Denis nhìn tôi lắc đầu ngao ngán và ném cái nhìn hằn học về phía anh ta. Tôi từ tốn giải thích với chiếc thẻ du lịch trên tay: “Chúng tôi chỉ là những du khách vừa đến Bộ Nội vụ để làm thẻ du lịch.”

Denis nói bâng quơ khi anh quân nhân trả lại hai hộ chiếu: “Ở Afghanistan, ai cũng có thể kiểm tra du khách, kể cả là một thường dân!”

Tôi phá loãng bầu không khí căng thẳng trên đoạn đường còn lại bằng câu hỏi: “Tối nay mình sẽ ăn gì?”

Denis phá ra cười sau câu hỏi đó: “Vẫn là rau cải, đồ hộp và bánh mì, nhưng có lẽ tối nay tôi sẽ chuyển qua bánh mì tròn hoặc hình chiếc quạt thay cho loại bánh mì truyền thống naan. Những chiếc bánh mì tròn hay bánh mì hình chiếc quạt chứa nhiều bột mì thơm và ngon hơn hẳn loại naan.”



Bánh mì truyền thống của người Afghanistan

Chiếc bánh mì tròn được gọi là taftan, chiếc bánh mì to hình quạt có tên gọi barbari và cả hai có nguồn gốc từ Iran. Denis hỏi trong lúc lựa chọn hoa quả làm tôi giặt mình: “Linh có phân biệt đâu là người Afghanistan và phiến quân Taliban trong dòng chảy xã hội ở Kabul không? Hai hôm trước khi đi một vòng Kabul, tôi có tiếp xúc và trò chuyện với hai người nam bản địa, dường như họ là phiến binh Taliban đào ngũ. Tôi cũng không chắc lắm và việc này cần phải hỏi người địa phương mới xác thực được họ có phải là Taliban hay không.” Dường như vẫn ám ảnh về hai người đàn ông mà anh cho rằng là Taliban nên Denis rất thận trọng trên đường quay lại nhà nghỉ Salsal. Anh ra hiệu cho taxi dừng lại phía trước công viên phủ đầy cây cổ thụ cao to rồi thả bộ qua khỏi khách sạn hơn 500m và quay lại biến nhanh vào bên trong cánh cửa nhà nghỉ được canh gác bằng anh bảo vệ trẻ nói tiếng Anh bập bẹ. Denis giải thích hành động của mình: “Khuôn mặt tôi rất Tây nên rất dễ phân biệt ở Kabul, đâu biết được nếu hai người Taliban đang theo dõi ở một góc nào đó và bắt cóc tôi.”

Chúng tôi trò chuyện với anh Abas tại quầy tiếp tân với câu hỏi bằng cách nào có thể phân biệt giữa thường dân và Taliban. Anh từ chối trả lời hầu hết các câu hỏi của Denis bằng cụm từ “Tôi không biết” vì sợ rằng những bài báo sẽ ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của anh sau này. Anh chỉ giải thích đại khái: “Phiến quân Taliban thường là những con nghiện thuốc phiện rất nặng nên khuôn mặt của họ rất vật vờ. Họ không tắm gội, cũng không cắt tóc cạo râu để trông giống các vị Thánh được nhìn thấy trong các bức họa. Trông bề ngoài họ rất bản thủ dơ dáy, nhưng cặp mắt của họ rất khát máu với những chỉ máu đỏ xuất hiện trong tròng mắt. Việc họ bị điều khiển bởi ma túy để giết đồng loại không một chút gớm tay như là cơn nghiện thứ hai đi song hành với ma túy.”

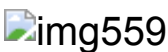
Những ngọn gió vẫn chưa đi ngủ, chúng lao xao bên ngoài tấm màn lưới ô cửa sổ nhỏ và lắng nghe câu chuyện chúng tôi. Tôi hỏi Denis: “Bạn nghĩ sao về phiến quân Taliban và nhà nước Hồi giáo mới IS?”

Denis ngao ngán lắc đầu: “Tôi đến Afghanistan cũng vì muốn tìm hiểu về họ đấy, nhưng bây giờ tôi thích lặng nhìn và tìm hiểu những bước thăng trầm của cuộc sống người Afghanistan trong loạn lạc chiến tranh hơn. Một điều tôi hối tiếc vào lúc này chính là không mang các loại thuốc tây đến đây tặng cho những người nghèo. Thuốc tây vẫn luôn là vật phẩm quý hiếm ở Afghanistan.” Chúng tôi không thể mua được chiếc vé máy bay từ Liên Hiệp Quốc để đến Bamyán. Denis bảo tôi cho anh ta một ngày suy nghĩ để quyết định có đến Bamyán hay không.

Chương IV Đất phật Bamyán

Denis hỏi tôi: “Đoạn đường từ Kabul đi Bamyán sẽ đi ngang qua tỉnh Nagarahara đã bị Taliban chiếm đóng với mọi nguy hiểm đang rình rập ngày đêm. Thật sự là Linh muốn đến Bamyán chứ? Tại sao tự làm khó mà có thể ảnh hưởng đến tính mạng của mình?”

“Tôi không còn cơ hội để quay trở lại nơi đây. Tôi là một Phật tử và từng có ước mơ được đặt chân đến tất cả các kinh đô Phật giáo bên ngoài Ấn Độ. Sáng sớm mai tôi sẽ đi Bamyán một mình nếu bạn không tham gia.” Tôi trả lời dứt khoát với nụ cười cương quyết trên môi.



Bamyán - Kinh đô Phật giáo vàng son, nơi con đường tơ lụa dừng chân ở Afghanistan

Gian nan đường đến Bamyán

Tôi kể Denis nghe những gì tôi đã đọc qua về Bamyán: Không chỉ tìm về vùng đất lịch sử với kinh đô Phật giáo sáng chói, ở Bamyán còn có thiên nhiên tuyệt đẹp bởi thung lũng Bamyán nằm ở độ cao 2.550m được một phần dãy núi Hindu Kush kéo dài về hướng Tây bao phủ với tên gọi núi Baba. Sự khời dậy hình ảnh thiên nhiên tuyệt đẹp đã có kết quả khi Denis đồng ý xuất phát đến Bamyán vào 6 giờ sáng mai. Chúng tôi vẫn biết để đến Bamyán từ Kabul nên xuất phát từ lúc 4 giờ sáng bởi thời điểm đó đến đoạn Nagarahara thì phiến quân Taliban vẫn còn đang ngủ nên sẽ an toàn hơn, nhưng cái lạnh mùa xuân vào lúc đất trời giao thoa giữa bóng tối và bình minh cùng việc thích ngủ nướng vào buổi sáng sớm đã lấn áp nỗi sợ của chúng tôi.

Anh chủ nhà trọ Salsal bắt hộ chúng tôi chiếc taxi để đến bến xe đi Bamyán. Chúng tôi chỉ có một ba lô nhỏ cho mỗi người với các vật dụng đủ dùng cho ba ngày dự kiến ở Bamyán. Bến xe Charika đi

Bamyan đúng nghĩa là bến xe tự phát nằm ở góc đường nào đó mà tôi không nhớ tên. Tôi chỉ nhớ đối diện với bến xe là công viên Bala nơi từng có cung điện mùa hè của vua Amir Abdur Rahman từ năm 1880 – 1901. Cung điện mùa hè theo kiến trúc người Ba Tư trên ngọn đồi vẫn còn đó nhưng nó hoang tàn đến mức xót xa. Có hai dạng xe đến Bamyan mà chiếc nào chiếc nấy cũ xì về hình dáng lẫn nội thất bên trong: xe Toyota 8 – 12 chỗ và xe 4 chỗ VAZ 2101. Ông tài xế taxi 4 chỗ chào mời chúng tôi khi trên xe đã được hai người. Chúng tôi quyết định đi bằng xe 4 chỗ bởi chỉ mất khoảng 4 tiếng là đến được Bamyan so với 6 – 8 tiếng cho loại xe 8 – 12 chỗ dù giá vé đắt gấp 2,5 lần. Hơn nữa, đây là thời điểm Taliban đã thức giấc, đi bằng xe nhỏ có thể chạy nhanh hơn trong những cung đường núi thay vì việc phải ị ạch leo dốc của những chiếc xe 12 chỗ có động cơ cũ kỹ. Đi khoảng 10km khỏi Kabul, mọi người trong xe bàn tán với nhau bằng ngôn ngữ Pashto với vẻ mặt lo lắng khiến chúng tôi đứng ngồi không yên. Anh tài xế taxi dừng xe dọc đường ba lần để tìm người nói tiếng Anh hỗ trợ. Cuối cùng có một em sinh viên đón xe dọc đường giúp chúng tôi trao đổi tiếng Anh. Theo em sinh viên, có hai cung đường từ Kabul để đến Bamyan. Hướng thứ nhất, sẽ đi qua tỉnh Wardak và sẽ đến Bamyan độ khoảng 5 tiếng ngồi xe. Hướng thứ hai sẽ đi qua tỉnh Parwan, leo núi với độ cao 2.900m và đến Bamyan khoảng 9 tiếng ngồi xe. Hướng thứ nhất khoảng cách khá ngắn, nhưng khá nguy hiểm bởi phải đi qua vùng Taliban chiếm đóng là tỉnh Nagarahara khoảng 60km. Chúng tôi yêu cầu anh tài xế đi theo hướng thứ hai cho an toàn và đồng ý trả thêm một khoảng chi phí phụ trội. Anh lắc đầu từ chối bởi anh và hai người còn lại trong xe muốn đến Bamyan sớm nhất vì lý do cá nhân. Anh cho chúng tôi quyết định: đi tiếp hoặc dừng lại. Sau 3 phút hội ý, tôi và Denis quyết định đi tiếp bởi không muốn tắt lịm niềm đam mê khi đã đến Afghanistan. Khá nhanh nhạy trong xử lý tình huống, anh tài xế taxi dừng lại một quán bán hàng ở thị trấn nhỏ và yêu cầu chúng tôi mua chiếc khăn truyền thống để quấn trên đầu và chiếc áo của người Afghanistan để mặc. Theo anh giải thích, từ trên núi cao nhìn xuống, các phiến quân Taliban sẽ nhầm tưởng chúng tôi là người bản địa. Chỉ cần nhìn thấy mọi người đều có súng trên đôi vai của mình dù ra đồng canh tác hay chăn gia súc, chúng tôi ngầm hiểu rằng xe đang đi vào vùng Taliban chiếm đóng. Chúng tôi khuyến cáo

bác tài chạy xe càng nhanh càng tốt. Nhịp tim mỗi lúc càng nhanh theo nhịp lăn bánh xe. Ngày ở Kabul, tôi không thích khi gặp phải cảnh sát, nhưng bây giờ tôi lại muốn được gặp cảnh sát càng nhiều càng tốt. Chỉ có thế mới khiến tôi giảm nhịp đập tim vì biết rằng mình đang đi vào khu vực do nhà nước Afghanistan quản lý.

Tôi trấn an tinh thần của mình bằng việc ngắm nhìn phong cảnh xung quanh. Xe đang lao đi trên con đường quanh co qua các hẻm núi đá bạc màu thuộc tỉnh Nagarahara. Trong ánh nắng vàng ươm của buổi sáng mai, những dãy núi bạc màu dọc đường đi có màu sắc đẹp lạ lùng theo từng giọt nắng đọng đưa. Tôi biết rằng tôi đang đi trên con đường tơ lụa ngày xưa xuyên qua dãy núi Hindu Kush. Chỉ có chăng sự khác biệt về quá khứ và hiện tại trên con đường tơ lụa là sự trải nhựa để nối liền mạch giao thông kinh tế văn hóa thay cho một con đường mòn nhỏ với những hạt bụi từng phủ bám. Mùa xuân đang đến mang lại sự bình yên của con người trong bầu trời xanh trong rồi thỉnh thoảng bị che khuất bởi những dãy núi cao, mùa xuân đọng lại trên cánh hoa mạn hoa đào hoang dại nở trắng toát rung rinh bên bờ suối róc rách được tạo thành từ dòng chảy của tuyết tan trên dãy núi Hindu Kush. Khoảnh khắc quá im lặng khi không một ai trên xe thốt lên lời nào và ngoài kia trên mảnh ruộng nho nhỏ nằm sát chân núi, ông lão bơ vơ giữa đất trời khoác trên người chiếc chăn ấm cũ màu đang hò hét để hai con lừa mang nặng trên mình chiếc cày đi đúng lối. Âm thanh hò hét của ông vang dội vào đá núi rồi mất hút vào vùng xoáy tĩnh mịch không gian. Ông bất chấp mọi hiểm nguy đang rình rập xung quanh bởi trên núi cao là lực lượng Taliban chiếm đóng. Khẩu súng AK trên vai ông như một thách thức với những tai họa có thể đến bất cứ lúc nào.

Một vài người Afghanistan nói với tôi rằng, bọn Taliban cũng còn một chút tính người trong hình hài một con mãnh thú nếu người Afghanistan chấp nhận sống chung với chúng và coi đó là một phần thực thể không thể tách rời với gia đình mình. Chúng chỉ thật sự “điên” lên khi trên núi cao không còn gì để đưa vào bao tử. Mọi chuyện không thành vấn đề nếu những nông dân chia sẻ với chúng một ít thành phẩm sau một vụ thu hoạch trong một đêm tối trời nào đó. Với người nông dân chân lấm tay bùn, việc chặt chiu những

thành phẩm trên mảnh ruộng nhỏ trong các thung lũng là cách nuôi sống gia đình và hành động của Taliban là hành động của một tên cướp không hơn không kém. Những cuộc đọ súng đã từng diễn ra để chống lại hành động cướp không hay ho gì và sau những chiến trận như thế, những người Afghanistan phát hiện rằng lực lượng Taliban không nhiều vũ khí như chúng từng tuyên bố trên các phương tiện truyền thông và trang bị một cây súng tự vệ là việc làm đầu tiên khi bám trụ lại tỉnh Nagarahara.

Bằng sau xe gồm ba người trong đó có tôi, Denis và ông chú ngồi cạnh tôi có khuôn mặt khá giống người Mông Cổ. Những nếp nhăn trên trán khi thời gian đi qua hay những vết tàn nhang trên má vì cái lạnh ở độ cao gần 3.000m vẫn không che được nụ cười phúc hậu của ông. Mắt ông vẫn đăm đăm về phía bên trái, trên đỉnh núi cao của dãy Hindu Kush. Thỉnh thoảng ông ra ký hiệu với nụ cười tươi cho chúng tôi hiểu rằng: đi qua đoạn đường độ khoảng 80km thuộc tỉnh Nagarahara, nhiệm vụ của hành khách còn phải quan sát mọi thứ xung quanh để báo lại cho tài xế xử lý nếu xảy ra tình huống xấu. Bằng điệu bộ ngôn ngữ cơ thể, ông giúp chúng tôi hiểu thêm Taliban chỉ chiếm dãy núi bên trái đối diện với con đường tơ lụa ngày nay bởi họ thường thực hiện bắn tẻ vào bánh xe cho nổ lốp rồi thực hiện bắt cóc con tin để đòi tiền chuộc hoặc xả súng vào ai đó nếu chống cự, nếu chiếm bên phải dãy núi họ rất khó để bắn tẻ và tài xế hiện nay đang bị đè nặng hai vai vì đang chuyên chở chúng tôi. Với người Afghanistan khi qua đoạn đường, nếu lỡ bị dính châu Taliban thì việc đưa tiền để chuộc có thể nhẹ gánh hơn rất nhiều so với người nước ngoài, chưa kể việc chúng tôi là người nước ngoài còn bị Taliban sử dụng cho mục đích chính trị khác. Trọng trách đưa chúng tôi đến nơi an toàn đang là tâm lý đè nặng lên trái tim anh tài xế lúc này. Ông giải thích tiếp, bất kỳ xe khách nào chạy cung đường Kabul – Bamyán đều phải có khẩu súng trong xe. Việc đầu tiên khi xe bị nổ lốp bởi Taliban, tài xế phải nổ súng chỉ thiên báo hiệu để những cư dân đang sinh sống rải rác dọc đường chạy đến tiếp ứng, nếu đoạn đường quá vắng khẩu súng sẽ giúp tài xế bảo vệ mình khi Taliban đủ thời gian hạ sơn.

Thỉnh thoảng, để thư giãn trên đoạn đường căng thẳng, ông chú moi từ chiếc áo khoác ra bọc nilon nhỏ nhỏ trong đó chứa chất bột dẻo màu xanh. Đôi tay ông vôn về chất bột sền sệt thành những viên tròn từ từ đặt vào trong miệng giữa hàm răng dưới và môi. Tô mò hỏi tôi được ông giải thích đó là cách hút thuốc truyền thống của người Afghanistan, Pakistan, Ấn Độ, Iran, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Nga, Tajikistan, Turkmenistan và Uzbekistan được gọi là Naswar. Loại thuốc Naswar được Cha xứ Ramon Pane người Tây Ban Nha phát minh vào 1493 để phục vụ những thủy thủ đoàn tàu đi tìm vùng đất mới. Việc sử dụng Naswar được người châu Âu tán dương bởi nó không có khói thuốc làm ảnh hưởng người đối diện và ô nhiễm môi trường, ngoài ra theo các nghiên cứu khoa học, việc sử dụng Naswar ở liều lượng nhất định còn có tác dụng chữa triệu chứng đau nửa đầu. Theo con đường tơ lụa từ Tây sang Âu, Naswar đã đến vùng đất Nam Á và theo thời gian người bản địa xem sử dụng Naswar là nét văn hóa truyền thống. Chỉ cần 5 phút đặt Naswar vào miệng, lượng nicotin sẽ tan và gây cảm giác cho người sử dụng. Ở Afghanistan, người sử dụng phân biệt thành hai loại Nas và Naswar do cách chế biến mỗi loại khác nhau dù nguyên liệu chính vẫn là những sợi thuốc lá khô và phẩm màu xanh. Những người thích hương vị đậm đặc thì sử dụng Nas với nguyên liệu chế biến gồm sợi thuốc lá, bột vỏ cây bách xù, dầu mè và nước. Naswar hương vị nhẹ hơn được chế biến từ sợi thuốc lá, bột hương chanh, bột chàm, bột bạch đậu khấu, dầu, hương vị bạc hà và nước. Việc sử dụng Naswar giảm nhẹ túi tiền cho những con nghiện, một hộp 15gr giá chỉ độ chừng 10 Afs (khoảng 3.000 đồng). Tuy nhiên, gần đây chính phủ Kazakhstan cho rằng Nashwar thật sự không còn nguyên thủy như lúc đầu mà bên trong nó còn có chất gây ảo giác tác động nhiều đến hệ thần kinh nên đã ngưng giao thương Naswar.

Con đường trở nên xấu dần khi len lỏi qua giữa những khe núi. Rất nhiều đoạn chưa được tráng nhựa và những cột khói lại bốc lên cao khi có một chiếc xe honda Win nào đó lướt qua. Bóng người mất hút chỉ còn lại hình dáng chiếc khăn patus bay trong nắng gió. Bên con suối nhỏ, những người nông dân cần cù chăm chú triu mến những chú lừa đang uống nước và gặm cỏ gần đó. Nó đã quá mệt nhọc sau phiên cày bừa đầu buổi sáng nay. Thiên nhiên bên ngoài tuyệt

đẹp với những hình thù lạ kỳ của đá được phân cắt từ lòng đất sâu và trôi lên từ vùng đất bán sa mạc. Những đốm tuyết trắng trên các đỉnh núi phản chiếu ánh mặt trời tạo thành những đốm pháo hoa chợt sáng rồi chợt tối. Chiếc máy chụp ảnh của Denis không thể ghi lại những khoảnh khắc đẹp ấy bởi ông chú kể bên đã ngăn chặn và ra ký hiệu cho Denis hiểu rằng đây vẫn còn là vùng đất của Taliban và việc chụp ảnh sẽ rất dễ bị Taliban phát hiện trên xe còn có những du khách.

Con suối lớn phía trước vẫn ồ ạt dòng chảy xiết của mình để ngăn cách thị trấn nhỏ chính là Bagram ngày xưa. Dòng nước đổ ngẫu mang nhiều những khoáng chất khi nó đã xa rời nguồn từ những đám tuyết đang tan chảy trên dãy núi Hindu Kush. Sự ồ ạt của dòng chảy như một cơn lũ muốn cuốn phăng tất cả những gì cố vượt qua nó. Một anh trung niên vẫn cố bám trụ trên dòng chảy, điều khiển và hướng dẫn người cùng những chú lừa ven theo lối nào để qua lại an toàn. Nét lo lắng lại hiện ra trên khuôn mặt anh tài xế và ba người trên xe chụm đầu vào nhau để thảo luận một vấn đề nào đó bằng tiếng địa phương. Anh tài xế nhấn ga mạnh băng băng vượt dòng thác đổ mặc cho những làn nước bắn mình lên cao, văng xa rồi đổ nhào xuống dòng suối đục màu. Âm thanh nước rơi vang lớn mồn mồn một trong những tiếng gào thét sỉ vả của nhiều người đang ngồi ngắm dòng chảy bên bờ thác. Lẫn trong âm thanh мэng chửi là những tiếng động mạnh từ dưới lườn xe do sự va chạm vào những tảng đá lớn mà anh tài xế không thể nhìn thấy do chúng được làn nước đục mờ bao phủ. Anh tài xế vẫn nhấn mạnh ga đạp thẳng xe về phía trước.

Qua thị trấn Bagram, không một ai trên xe giải thích với chúng tôi điều gì. Vẫn là tiếng gió rít qua bên ngoài ô cửa rồi mất hút vào trong âm thanh xịch xịch của bốn chiếc võ tiếp xúc mặt đường khi xe đang được đẩy đi hết tốc lực. Dường như âm thanh động cơ đã không còn êm dịu như trước đây sau khi va chạm vào những tảng đá lớn. Mọi người trên xe đang bàn ra tán vào tình trạng động cơ nhưng dường như anh tài xế khuyến cáo mọi người đừng bận tâm. Denis quay sang thêu thào với tôi: “Tôi không thể nào tưởng tượng ra cảnh xe bị hư động cơ giữa rừng núi hoang vu và trên đoạn

đường vắng chỉ có những phiến quân Taliban đang chĩa súng vào những người đang ngồi trên xe.”

Ông chú ngồi kế bên bằng ngôn ngữ cơ thể giải thích cho chúng tôi hiểu tình huống vừa xảy ra. Trong xã hội Afghanistan, không thể nhận biết ai là Taliban hay những người nằm vùng chỉ điểm cho Taliban, nếu xe cứ từ từ bò qua dòng nước lũ, có thể sẽ nguy hiểm tính mạng bởi họ phát hiện ra chúng tôi là người nước ngoài qua làn kính ô tô. Biết đâu rằng, những người ngồi trên bờ suối lại chính là tai mắt của Taliban và họ sẽ tấn công yêu cầu dừng xe và áp giải người. Cả tôi và Denis không ngờ rằng dòng chảy ở Afghanistan luôn cuộn cuộn sóng dữ trong lòng và cảm ơn anh tài xế rồ rít. Tay lái hơi chao đảo và anh cho mọi người biết bánh sau bên phải đã bị hư, có lẽ nguyên nhân do bị đá trong lòng suối chém. Mọi người xuống xe và được dặn dò ngồi xuống núp vào bên phải thân xe. Mặc dù ra ký hiệu muốn giúp đỡ thay bánh xe mới nhanh hơn nhưng anh tài xế lắc đầu bảo chúng tôi hãy ngồi im ngay vị trí đó. Đoạn đường vắng đến mức chúng tôi nghe rõ tiếng gió rung cây đổ lá vàng. Mọi chuyện rồi cũng qua trên từng nét mặt đang giảm dần sự căng thẳng và xe tiếp tục lăn bánh.

Trên con dốc cao, anh tài xế dừng cho mọi người nghỉ giải lao. Ông chú có khuôn mặt người Mông Cổ ra hiệu cho chúng tôi hiểu rằng đã qua đoạn đường Taliban kiểm soát và khu vực đang đứng thuộc quản lý của chính quyền Afghanistan. Tôi mời các anh trên xe điều thuốc như là sự chia sẻ đã vượt qua cơn hoạn nạn vừa rồi. Hít hà thật mạnh vài hơi thuốc, anh tài xế ra hiệu cho chúng tôi muốn chụp hình phong cảnh cứ chụp trước khi bước đến ngôi đền nhỏ nằm bên trái sườn đồi khoảng 200m để trình các giấy tờ cần thiết vào thị trấn Bamyán. Nhưng than ôi, đoạn đường Taliban chiếm đóng phong cảnh mới tuyệt đẹp làm sao với núi non trùng điệp và những con suối róc rách lượn lờ qua các khe đá vô tận, trong khi phong cảnh ở đây chỉ là những núi đá trọc và lốm chốm màu xanh cây cỏ dại vừa thức giấc nồng sau những cơn mưa xuân. Tôi quay sang nói với Denis: “Hãy cất những gì đẹp nhất đã từng thấy trên cung đường tơ lụa từ Kabul đi Bamyán vào một ngăn nào đó của ký ức,

chúng sẽ sống mãi trong quăng đời còn lại của chúng ta hơn là những hình ảnh có thể xem qua rồi lãng quên theo năm tháng.”

Tôi và Denis đi bộ một quăng đường để lấy lại bình tĩnh sau những gì đã trải qua tuy nhiên chúng tôi vẫn còn lo lắng cho chặng đường quay lại dù không một ai nói ra. Hai anh công an từ trạm nhanh chóng đến hỏi chúng tôi có những khó khăn nào khi đến Bamyán để hỗ trợ. Những cơn gió lạnh cóng quất vào mặt làm tê buốt đôi bàn tay trên độ cao gần 2.400m đã giảm nhiệt bởi trái tim chúng tôi đang được sưởi ấm bởi những người Hồi giáo Afghanistan.

Xe lại đến trạm kiểm soát thứ hai nằm cách trạm thứ nhất khoảng 10km và đây mới là trạm kiểm soát chính để vào thị trấn Bamyán. Chúng tôi đang đi trên con đường đất đỏ giữa núi rừng trinh nguyên với những cơn gió tạo thành các đám bụi mịn mù phía trước. Ông chú lại cho chúng tôi biết, nhà nước Afghanistan vẫn còn nghèo lắm, họ chỉ làm khá tốt đoạn đường Taliban chiếm đóng để các chuyến xe liên tỉnh được chạy nhanh, riêng những đoạn nhà nước quản lý chưa được xây dựng. Đoạn từ trạm kiểm soát này đến trung tâm Bamyán xe phải đi trong những con đường đất hoặc con đường mới được phủ đá dăm. Vì là du khách nước ngoài, chúng tôi được ưu tiên một chút so với người bản địa. Chúng tôi phải điền tất cả thông tin liên quan đến hộ chiếu, visa và thẻ du lịch vào cuốn sổ, bị kiểm soát ba lô nhưng không bị kiểm tra cơ thể như những người địa phương. Dù không nhộn nhịp như các cửa khẩu biên giới giữa hai quốc gia, nhưng cửa khẩu Bamyán vẫn cứ như là cửa khẩu biên giới tấp nập những chuyến xe gỗ hay chuyên chở công nhân làm đường và họ luôn bị kiểm tra chặt chẽ bởi lực lượng công an. Trên đôi vai những anh công nhân làm đường vẫn là những khẩu súng tự vệ và chiếc khăn patus được quấn vòng quanh cổ giữ ấm. Tinh thần đã nhẹ nhàng hơn nhiều và giữa đám bụi đường tôi đang mộng lung về một kinh đô Phật giáo vàng son trong thời cổ đại nằm trong lòng thung lũng mà tôi sắp được chạm tay bằng da thịt của mình. Trên con dốc cao, một dãy núi đá màu sắc đỏ hồng lạ kỳ chạy dài trong lòng thung lũng được bao bọc bằng những dãy núi cao phủ đầy tuyết trắng. Qua hình ảnh đã thấy trên Internet, tôi chắc rằng dãy núi đá sắc màu ấy từng có hai tượng Phật rất lớn được tạc vào bên

trong từ thế kỷ 1 nhưng đã bị phiến quân Taliban nổ bom phá vỡ. Ánh mắt Denis sáng lên khi tôi khều tay và chỉ cho anh ta. Trong cái gật gù của Denis, tôi hiểu rằng chúng tôi đã đến Bamyan an toàn trong vòng tay chở che của những người bạn đồng hành. Chúng tôi ôm anh tài xế với má cọ vào nhau hai lần theo cách người Hồi giáo để cảm ơn và chia tay anh!

Đặc sản kahwah

Mọi người trong nhà trọ xôn xao khi chúng tôi đến tìm phòng để qua đêm. Đã lâu lắm rồi, ngót nghét đến hơn 10 năm mới có du khách lại đến Bamyan. Ông quản lý trong bộ áo chùng dài tối màu ra ký hiệu cho chúng tôi bước vào gian phòng lớn uống trà chờ ông chủ đến bởi không một ai có thể nói tiếng Anh. Ông Mohammad, chủ nhà trọ nhỏ ở thị trấn Bamyan vô cùng ngạc nhiên khi biết chúng tôi đến đây bằng phương tiện công cộng. Theo ông, chúng tôi quá mạo hiểm!

Ông cho biết, rất ít khi khách du lịch đến đây kể từ khi Taliban cho nổ bom hai tượng Phật lớn được đặt trong lòng núi nằm đối diện với thị trấn Bamyan khoảng 200m vào năm 2001. Để an toàn, du khách thường chờ đợi các chuyến bay còn trống chỗ của Liên Hiệp Quốc từ Kabul đến Bamyan để thực hiện công tác nhân đạo. Ông Mohammad nói tiếng Anh rất tốt bởi từng có thời gian học và làm việc ở Liên Xô 10 năm.

Là người có tiếng nói nhất định ở thị trấn nhỏ bé êm đềm, quán của ông Mohammad luôn đông khách. Họ có khi là những người chạy taxi nằm dọc theo con đường chính của thị trấn, những khách vắng lai từ miền quê gần đó bước đến những cửa hàng bách hóa cần những dụng cụ nông nghiệp cho mùa vụ mới hay những người mua bán nhỏ đến phiên chợ sáng nay với sản phẩm cây nhà lá vườn. Gian phòng lớn để mọi người tụ tập được thiết kế rất theo phong cách Ba Tư với những tấm thảm màu đỏ lót vòng quanh lối đi chính. Những lữ khách ghé lại quán thông dong ngòi dựa mình vào chiếc gối êm đặt phía sau lưng. Ở một góc xa tối của gian phòng, một vài người nằm dài trên thảm nghỉ lưng một chút sau bữa ăn trưa đơn giản của mình. Gọi là đơn giản bởi khẩu phần ăn trưa dành cho

tầng lớp lao động nghèo chỉ bao gồm chiếc bánh mì tròn taftan và ly trà thơm kahwah. Xé nhỏ bánh mì và chấm vào trà là thói quen của người Bamyar. Trà có hương thơm nhẹ, một chút vị nhẩn trên đầu lưỡi và vị ngọt khi nuốt vào. Cùng với hương thơm của bánh mì, chúng hòa quyện và mang đến hương vị lạ lẫm khó quên. Song hành cùng với loại trà xanh và trà đen được dùng khi tiếp khách, Bamyar có chút khác biệt so với các tỉnh thành khác là vùng đất nổi tiếng của Afghanistan sản xuất ra loại kahwah thật ngon. Tuy nhiên, rất hiếm khi người Bamyar nong ấm tiếp khách bằng loại trà xanh, người địa phương chỉ thích dùng loại trà đen và đặc sản kahwah.



Những người nghèo ở Afghanistan dùng bánh mì chấm trà đen

Kahwah là loại nước uống giải nhiệt mùa hè chỉ phổ biến từ Kashmir của Ấn Độ ngày nay sang tỉnh Peshawar của Pakistan lên tận các quốc gia Trung Á và đó cũng là vùng đất vàng son của đế chế Quý Sương vào thế kỷ 1 trong thời cổ đại. Những người đầu bếp cung đình đun sôi hỗn hợp bao gồm lá chè xanh, bột nghệ tây, quế cây, hoa hồng và vỏ bạch đậu khấu để tạo nên loại nước giải nhiệt mùa hè có màu nâu đen được gọi là “chè xanh” để phục vụ cho hoàng gia. Ngoài tác dụng giải nhiệt, “chè xanh” còn là loại thuốc tốt trị một số bệnh hô hấp và tiêu hóa. Khi những vị vua Hồi bên kia vịnh Ả Rập viễn chinh đến vùng đất Trung – Nam Á, nhìn thấy loại nước uống dân gian có màu nâu đen họ gọi đó là kahwah mà theo ngôn ngữ Ả Rập nó có nghĩa là “hạt cà phê”. Có lẽ, màu nâu cánh gián của hạt cà phê nguyên chất từ vùng đất Ethiopia của châu Phi lan truyền qua bán đảo Ả Rập đã làm các chiến binh Hồi giáo nhầm lẫn trong cách gọi tên về loại nước uống có màu na ná nhưng được gọi là chè xanh. Hiện nay, kahwah là loại nước uống truyền thống của người Ả Rập khi hè sang và loại nước quý hiếm để giải nhiệt khi đi vào sa mạc. Ông Mohammad bảo với tôi rằng khi sử dụng kahwah, nhất định phải có quả hạnh đào hay quả óc chó khô. Vị béo hai loại hạt rang này làm cho việc nhấm nháp hương vị ly nước kahwah vô cùng thú vị và đó cũng là nét văn hóa truyền thống trong cung đình.

Với tầng lớp lao động chân tay ở Bamyan, việc nhấm nháp ly kahwah cùng với một viên kẹo thơm đã là niềm hạnh phúc.

Trong hai căn phòng còn trống ở mặt sau với giá phòng chỉ 5 USD/đêm, Denis ưu tiên cho tôi chọn phòng. Denis vẫn không quên nhắc nhở tôi: Dù đã vào thị trấn Bamyan được đánh giá là an toàn, nhưng đi đâu phải đi chung, đề phòng vẫn hay hơn! Chúng tôi thống nhất kế hoạch sẽ đến kinh đô Phật giáo vào lúc 3 giờ chiều.

Hoodoo

Mặt trời tỏa sáng nhưng cái lạnh vẫn còn từ những cơn gió mang hơi thở trong veo của núi rừng. Bamyan là một thị trấn nhỏ mới thành lập với độ chừng một trăm hộ kinh doanh dọc theo con đường nhựa mới phủ. Những người lớn tuổi từng cho rằng, Bamyan ngày xưa vô cùng sầm uất tấp nập kể đến người đi, nó nằm ở ngã ba đường là nơi hai con đường tơ lụa theo hướng Đông hoặc hướng Tây gặp nhau, con đường còn lại dẫn vào một miền quê yên tĩnh mà nơi đó chỉ có những con người cần cù tạo ra những sản phẩm để phục vụ cho những đoàn thương gia lạc đà. Ánh hào quang Bamyan thật sự đã tắt khi hai tượng Phật lớn nằm hai đầu dãy núi đã bị Taliban phá hủy vào năm 2001. Kinh đô Phật giáo một thời nằm hoang vu trong gió và cát, không một ai léo hánh đến nơi này, chỉ còn lại những vết bụi đường màu đỏ theo gió bay xa khi một chiếc honda Win nào đó lướt nhanh và bóng nhỏ liêu xiêu một ai đó đang thu hoạch những hoa cải vàng trồng phía trước dãy núi. Dù chúng tôi có thể băng ngang vào để tự do khám phá các hang động Phật bởi không một bảo vệ nào trông coi khu di tích, nhưng người địa phương hướng dẫn chúng tôi đi đến văn phòng quản lý nằm xa tít tận đầu núi hướng Tây để mua vé vào tham quan như là cách ủng hộ việc trùng tu lại các tượng Phật đang được tiến hành bởi người Nhật và Thụy Sĩ. Giá vé vào cổng 20 USD là khá mắc so với các điểm tham quan khác trên toàn cầu, nhưng tôi không tiếc rẻ bởi đến được vùng đất Phật ở một quốc gia đầy khói lửa chiến tranh đã là may mắn và hạnh phúc trong cuộc đời. Denis có vẻ chán chừ khi anh quản lý khu di sản văn hóa bởi UNESCO giới thiệu cho chúng tôi một hướng dẫn viên theo cùng với giá 20 USD/người. Tôi nói

nhỏ với Denis: “Hãy trả 20 USD để tôi làm hướng dẫn viên cho, tôi đã đọc thông tin khá kỹ về vùng đất vàng son này trong những ngày ở Ấn Độ.” Denis hiểu ý và từ chối việc có hướng dẫn viên theo cùng. Bên ngoài văn phòng, một vài anh chị nhân viên đang cày xới lại đất trong các bồn hoa. Những cây hoa cúc baby nhỏ rồi sẽ nở hoa vàng hoa đỏ trong những ngày nắng ấm và mùa xuân bao giờ cũng đẹp bởi đó luôn là mùa khởi đầu cuộc sống mới.

Sự hoạt động của núi lửa không chỉ mang đến cho con người một lượng lớn đất bazan đầy màu mỡ để canh tác và trồng trọt, nó còn mang đến thiên nhiên một sự kỳ thú: những tảng đá được tạo thành với những hình thù và màu sắc khác nhau. Các nhà khoa học thường dùng từ hoodoo để gọi những tảng đá có hình thù khác nhau được tạo thành bởi sự hoạt động của núi lửa. Những cụm từ khác cũng thường được sử dụng khi nói về các tảng đá này như: “tảng đá hình những chiếc lều – Tent Rock”, “những ống khói xinh đẹp – Fairy Chimney” hay “kim tự tháp trên mặt đất – Earth Pyramid”. Do hoạt động của núi lửa tạo thành nên các hoodoo thường nằm trong các sa mạc hay những vùng nóng và khô. Các hoodoo thường là những khối đá cao và biến thiên từ khoảng cao bằng đầu người cho đến cao khoảng một tòa nhà 10 tầng. Trên các hoodoo, thường có những đường xoắn mỏng nằm trên đỉnh. Đỉnh của các hoodoo thường được cấu tạo bởi lớp đá trầm tích cứng và ít bị xói mòn bởi các yếu tố khác nên các hoodoo luôn đứng vững một cách “chắc chắn” theo thời gian. Một cách thông thường nhất để phân biệt các hoodoo với đỉnh của các ngọn núi cao hay những núi đá có các đường xoắn là: trên các hoodoo, các đường xoắn rất dày đặc và có thể thay đổi hay biến thiên (các đường xoắn này được các nhà địa chất học miêu tả như là dạng đường xoắn của cực trái đất nếu chụp trái đất từ vệ tinh). Nếu nhìn các hoodoo ở mặt nghiêng thì các đường xoắn này “nhấn” hơn và bố trí một cách đồng nhất với nhau theo dạng hình “búp măng” với hướng từ dưới lên trên.

img581

Các hoodoo trên đỉnh núi

Do được hình thành bởi hoạt động của núi lửa, nên trong hoodoo chứa rất nhiều khoáng chất. Chính các khoáng chất này làm cho hoodoo có rất nhiều màu sắc khác nhau và màu sắc này tùy thuộc rất nhiều vào độ cao của các hoodoo. Đặc biệt, lớp thạch nhũ dù cứng cáp với thời gian nhưng vẫn mềm bên trong nên các hoodoo dễ dàng cho các cư dân đục đẽo làm nhà sinh sống bên trong lòng núi hay các họa sĩ có thể vẽ tranh theo nghệ thuật Fresco trên các mảng tường.

Dãy núi đầy sắc màu ở Bamyan cao 1.200m từng là kinh đô Phật giáo vàng son và là chỗ nghỉ chân cho đoàn lạc đà thương gia được hình thành từ sự hoạt động của hai ngọn núi lửa Wakak và Dacht-i-Navar thuộc miền Trung Afghanistan. Tuy nhiên, khối hoodoo ở Bamyan không được thiên nhiên ban tặng những hình thù lạ mắt như những cây nấm ở Cappadocia của Thổ Nhĩ Kỳ.

Tượng Phật Đại Nhật Như Lai chỉ còn lại những đường nét in hằn vào vách đá

Trong ánh nắng chiều, dãy núi đá lại trở màu sắc đỏ đậm hơn lúc chúng tôi mới vừa đến Bamyan. Tôi và Denis bắt đầu lang thang từ tượng Phật cao được khắc tạc vào đầu phía Tây của dãy núi. Khác hẳn màu sắc đỏ hồng đậm bên ngoài dãy núi, hốc đá nơi có tượng Phật đứng lại sẫm màu xám tro của nhũ. Không còn gì trong hốc đá, chỉ còn lại bóng dáng và những đường nét in hằn vào trong vách đá đủ minh chứng rằng đây từng là tượng Phật Đại Nhật Như Lai được điêu khắc theo nghệ thuật Gandhara vào năm 591 đến năm 644. Còn sót lại một vài mảnh đá in hằn dưới đất giúp chúng tôi mừng tượng ra bàn chân Đức Phật to như thế nào trong pho tượng đứng cao 53m. Hiện nay theo ghi nhận của UNESCO, bức tượng Lạc Sơn Đại Phật cao 71m được tạc vào núi Lăng Vân ở Tứ Xuyên, Trung Quốc vào thế kỷ 7 được công nhận là tượng Phật lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, Lạc Sơn Đại Phật là tượng Phật ngồi, vì vậy nếu không bị Taliban nổ bom phá vỡ, bức tượng Đại Nhật Như Lai ở Bamyan sẽ là bức tượng Phật đứng cao nhất thế giới được xây dựng trong thời cổ đại. Những người Bamyan thường gọi tượng Đại Nhật Như Lai là Solsol và trong tiếng Phạn, Đại Nhật Như Lai còn

được gọi là Tỳ Lô Giá Na Phật. Theo giáo lý Phật giáo Đại thừa, Đức Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Thân mà Phật Thích Ca đã chứng ngộ sau khi Ngài trau dồi trí tuệ và tích lũy công đức, tu tập phá trừ vô minh gọi là Pháp thân. Báo thân Phật là thân kết tinh của trí tuệ và công đức phước báu mà Đức Phật đã tu tập và thành tựu hạnh nguyện Bồ Tát trong vô số kiếp, từ lúc mới phát tâm tu tập cho đến khi đạt quả vị. Suốt 49 năm giáo hóa, Đức Phật đã sử dụng Báo thân của mình thông qua Pháp thân để dẫn đường cho chúng sinh về bến giác, mở ra muôn ngàn cánh cửa phương tiện hóa độ chúng sinh. Hóa thân là thân của Đức Phật Thích Ca từ lúc đản sinh đến khi nhập diệt về cõi Niết Bàn. Theo những cuốn sách xưa ghi lại, những nghệ nhân khắc sơ bộ tượng Phật vào vách đá, sau đó dùng hỗn hợp đất sét, rơm và lông đuôi ngựa để đắp tượng Phật. Bên ngoài bức tượng các nghệ nhân sử dụng bột trét thạch cao để làm láng và sau khi hoàn thành bức tượng được sơn màu đỏ cam. Hai tay Đức Phật đang bắt ấn chuyển pháp luân sau khi Ngài thành đạo. Trên ngực của Ngài có đính chiếc nải mà bên trong chứa ba chuỗi tràng hạt bằng gốm, bản in khắc bằng đất sét và một số trang kinh Phật in trên vỏ cây.

Tuy nhiên lại có một vài quyển sách xưa cho rằng, tượng Phật lớn được xây dựng từ năm 554 và chính là chân dung Đức Phật Nhiên Đăng Cổ Đàm. Đứng trước tượng Phật tâm linh dù chỉ còn lại những đường nét in hằn trên vách đá và cũng không phân biệt đây có phải là Phật Tỳ Lô Giá Na hay Nhiên Đăng Cổ Đàm, cảm xúc của tôi lâng lâng không thể diễn tả thành lời, trong cơn gió lạnh lạnh của mùa xuân qua trên môi tôi thầm khẩn vái trong tâm xin Ngài hãy cho tôi “niềm tin” để vượt qua bể khổ trần ai nhất là những ngày khó khăn ở Afghanistan. Tấm bảng thông báo nho nhỏ màu xanh được cắm phía trước tượng Phật giúp chúng tôi hiểu được chính phủ Nhật Bản và Thụy Sĩ đang nỗ lực trùng tu tượng Phật bằng cách thu gom lại những mảnh vỡ sau vụ nổ bom vào tháng 3/2001. Trong đồng gạch đá đổ nát các chuyên gia tìm được khoảng hơn 3.000 miếng đất trát bề ngoài với những chất liệu pha màu và cả những nệm gỗ, sợi thừng quấn quanh pho tượng đá để giữ chắc phần đất trát. Họ sẽ phân loại những miếng gạch vỡ vụn để sắp xếp lại hình

hài của bức tượng và những phần còn thiếu sẽ được bổ sung bằng hỗn hợp vật liệu theo bản nguyên thủy trước đây.

Con đường tơ lụa nằm phía trước dãy núi đang dốc dần lên và thỉnh thoảng những đám bụi mù lại bốc cao khi cơn gió lao xao đi ngang. Ở độ cao khoảng 300m, khung cảnh nằm phía dưới thật nên thơ khi tất cả vạn vật dường như dựa vào rặng núi Baba trắng màu tuyết. Một vài thửa ruộng hoa cải vàng ươm chuẩn bị thu hoạch đang lùa mình trong gió. Tiếng oai oái của ông chồng đang la hét chú lùa đã quá mệt nhọc đi sai đường cày, bên cạnh anh là cô vợ cần cù lượm lật những bụi cỏ dại được bật lên sau những đường cày.

Chúng tôi đang đi về kinh đô Phật giáo vàng son Bamyán trong thời cổ đại với bức tượng Phật nhỏ cao 38m nằm ở đầu phía Đông của dãy núi. Nhìn những ô cửa sổ nhỏ xếp tầng được tạo thành trên vách núi nằm giữa hai đầu bức tượng Phật chúng tôi hiểu rằng đó chính là khách sạn dành cho đoàn thương gia lạc đà năm xưa. Một hàng rào chắn phía trước ngăn cản khiến không thể vào khám phá. Denis mừng tượng và kể cho tôi nghe về những căn phòng nhỏ đơn sơ được đục khoét từ vách núi bên trong, các tầng khác nhau của khách sạn được nối bằng những chiếc cầu thang đá nhỏ hẹp quanh co mà mỗi lần di chuyển các thương gia lạc đà phải cúi thấp mình. Tầng mặt đất chính là hội trường lớn, nơi đó có quầy tiếp tân, phòng ăn, phòng uống trà nghe nhạc và phòng trao đổi mua bán hàng hóa giữa Đông và Tây. Đó là những gì mà Denis từng nhìn thấy trên con đường tơ lụa ở Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Armenia.

Những cuốn sách xưa từng ghi lại rằng, Phật giáo đã đến Bamyán vào thế kỷ 3 trước Công nguyên nhờ công đức hoàng pháp của vị Đại đế A Dục Vương (Asoka) mộ Phật pháp và Bamyán cũng là điểm cực Tây xa nhất mà Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ quảng bá tôn giáo của mình đến đây. Trong thời kỳ đế chế Quý Sương (Kushan), Bamyán từng là trung tâm Phật giáo phát triển rực rỡ vào đầu Công nguyên đến thế kỷ 5 ở Afghanistan. Sự vàng son chói lọi ấy ở Bamyán được nhìn thấy bằng tượng Phật đứng đầu tiên cao 38m được xây dựng vào vách núi vào năm 507 và kế tiếp là tượng Phật cao 53m vào năm 591. Các vị cao tăng Phật giáo thường tháp

tùng các đoàn buôn để hoằng pháp ở các vùng đất mới trên con đường tơ lụa. Họ thường dừng chân nghỉ ngơi ở thung lũng Bamyán xinh đẹp, lâu ngày nơi đây trở thành trung tâm truyền bá Phật pháp. Ngay cả một số bậc tổ sư, sử luận nổi tiếng trong lịch sử Phật giáo cũng xuất hiện từ nơi này. Vẫn theo nghệ thuật Gandhara, bức tượng Phật nhỏ thường được gọi Shahmama theo tiếng địa phương được tạc vào vách núi chính là chân dung Báo thân Phật đang giảng pháp. Bức tượng được sơn rất nhiều màu sắc và hai tay Ngài đang thủ ấn dẫn đường cho chúng sinh vượt khỏi bến mê về bến giác. Có một vài thông tin trên mạng cho rằng, bức tượng Phật nhỏ được xây dựng từ năm 544 – 595. Cũng như bức tượng Phật lớn, bức tượng Phật nhỏ cũng không còn gì sau vụ nổ bom của Taliban. Một vài chiếc thang chông được đặt quanh bức tượng như lời diễn giải công tác trùng tu đang tiến hành. Nhìn các dụng cụ trùng tu quá đơn giản bày biện xung quanh, tôi chợt hiểu rằng việc đắp lại hai bức tượng Phật tiến hành rất chậm bởi đến Afghanistan trong giai đoạn loạn lạc chiến tranh vô cùng khó khăn. Nhưng liệu rằng, sau khi các chuyên gia hoàn tất việc trùng tu hai tượng Phật, phiến quân Taliban có để một Bamyán yên bình như hiện nay hay là tiến hành làm một cuộc cách mạng tôn giáo bởi quan điểm Taliban luôn cho rằng: Afghanistan là một quốc gia thẩm nhuần tư tưởng Hồi giáo, ở đó chỉ có bộ kinh Quran là sợi chỉ trong suốt soi nguồn ánh sáng cho mọi người. Cuộc sống của người Bamyán sẽ như thế nào nếu Taliban làm một cuộc tấn công lần nữa!



Những ô cửa sổ khách sạn dành cho thương gia qua đêm trên con đường tơ lụa

Một bác bảo vệ lớn tuổi trong trang phục vàng xám vẫy gọi chúng tôi từ ô cửa sổ trên triền núi cao. Ông ra ký hiệu chúng tôi hãy nhìn sang trái dãy núi cách ô cửa sổ ông đang đứng độ chừng 100m. Nơi đó vẫn còn in hằn vết tích tượng Phật Thích Ca nhập cõi Niết Bàn trên vách núi hay còn gọi là Hóa thân Phật. Độ dài của tượng khoảng 1m và chiều cao khoảng 60cm. Do nằm lộ thiên bên ngoài, không có hốc đá che chở như hai bức tượng lớn, bức tượng Hóa

thân Phật đã bị phá hủy bởi thời gian do tác động môi trường tự nhiên. Phút chốc tôi nghiệm ra rằng, những cuốn sách xưa ghi lại bức tượng Phật lớn là chân dung của Ngài Nhiên Đăng Cổ Đàm có thể không đúng bởi ba bức tượng Phật ở kinh đô Bamyán thể hiện “Tam thân” của Ngài Thích Ca Mâu Ni: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Một cách đơn giản nhất mà tôi có thể hiểu về cuộc đời của Phật qua các giai đoạn: sinh ra, đấng đạo, hóa độ chúng sinh và nhập diệt.

Những bậc thang dẫn vào động Phật

Chúng tôi men theo những bậc cầu thang đi vào động Phật. Đúng như những gì Denis đã kể trước đó, chúng tôi phải từng bước trên những bậc thang cao gập ghềnh rất thô sơ và đôi khi phải gập mình lại khi đi qua những hốc núi nhỏ hẹp. Bác bảo vệ hướng dẫn chúng tôi khám phá mọi thứ bên trong động Phật mà tôi cứ nghĩ nơi đây từng là một ngôi chùa rộng lớn trong thời cổ đại. Mọi thứ quá im ắng bên trong lòng núi, chỉ có những bước chân dội vào bốn bề vách đá tạo ra những âm thanh huỳnh huỵch rồi mất hút. Đâu đó một vài tiếng rì rào được phát ra từ đôi cánh của những con dơi núi làm tổ bên trong bay loạn xạ và theo sau là tiếng kêu lãnh lốt của một chú chim nào đó tìm mồi. Một vài giọt nước rơi từ đám nhũ nào đó còn sống sót trên trần nhà tạo nên âm thanh tí tách. Tất cả âm thanh gây một chút lắng đọng cho những du khách đường xa rồi cũng biến mất theo thời gian. Dãy núi Baba trắng toát bao lấy thung lũng Bamyán rõ mồn một trong tầm mắt một khi đứng ở độ cao nhất định, nó như gần rồi lại quá xa qua lăng ống kính. Những thửa ruộng nhỏ cong cong đường cày chạy vô định về phía dãy núi hùng vĩ, có khi nó là một quả đồi theo hình bậc thang khi là một đồng bằng rộng lớn. Những lớp đất màu nâu đen óng ả trên từng luống cày mới xen lẫn vào trong đường cày cũ được phủ màu lớp bụi đỏ nhạt bazan và chúng tạo thành một bức tranh phong cảnh miền quê tuyệt đẹp, quá đỗi yên bình trong khói súng chiến tranh. Nơi đó, chỉ có những lời thì thào của gió trên những hàng bạch dương nhỏ được trồng ngăn cách giữa các lối đi lớn trong ánh nắng tà và lời ong tiếng ve của đám cỏ xanh tươi vừa sống lại sau mùa đông rét mướt mọc ven theo lối đi nhỏ.

Tầng một ngay trên đầu tượng Phật khá rộng, có một hành lang dài và ẩn trong các hốc đá dọc hành lang là những phòng ốc rất riêng. Bác bảo vệ cố gắng giải thích cho chúng tôi hiểu bằng ngôn ngữ cơ thể đó là những căn phòng dành riêng cho các vị Tăng sĩ có chức sắc đến đây tu tập và nơi ở của trụ trì. Một vài căn phòng còn sót lại những bức vẽ theo nghệ thuật Fresco bên trong. Cuối hành lang là một bậc thang đá quanh co dẫn vào hội trường lớn và có vẻ xưa kia nơi đây từng là ngôi Tam Bảo để các vị Tăng già thuyết pháp. Phía trước chính điện là khoảng sân lớn để các Phật tử có thể quỳ nghe những bài thuyết pháp. Ảnh hưởng nghệ thuật Hellenistic của người Hy Lạp cổ, hình tròn Zodiac tại trung tâm bửu tháp với nhiều bức vẽ về Đức Phật bên trong là bức tranh lớn thể hiện cầu nối giữa “trời” và “đất”. Xung quanh chính điện có rất nhiều tầng đá được khắc thành những chiếc ghế ngồi dành cho những vị tăng khả kính đến đây tu luyện và bàn luận giáo lý.

Những nét vẽ nguệch ngoạc còn sót lại trên bốn bức tường thành của ngôi bảo tháp như là minh chứng những gì các cuốn sách xưa đã từng ghi lại: Động Phật quá thanh bình và khung cảnh thiên nhiên trong thung lũng Bamyan quá nên thơ nên những vị ẩn sĩ thường chọn nơi đây để tu tập phương pháp “khổ hạnh” của Phật giáo Đại thừa. Có ít nhất 2.000 vị Tăng sĩ đã tu tập trong động Phật và để thắm nhuần tư tưởng cùng với việc thành kính Đức Phật, những vị ẩn sĩ đã vẽ rất nhiều những bức tranh bên trong động theo nghệ thuật Fresco. Có từ 12 đến 55 hang nhỏ bên trong động Phật được vẽ trang trí về cuộc đời Đức Phật và khá nhiều trong các bức vẽ đó đến từ các thương gia dừng chân trên con đường tơ lụa tại Bamyan. Trước khi quét lớp vôi trét màu trắng mỏng, nghệ nhân thường cạo bằng các dụng cụ bén nhọn để làm láng vách núi. Việc sơn phết các bức vẽ được nghệ nhân sử dụng hỗn hợp màu pha trong dung dịch dầu khô được chế xuất từ hạt óc chó và hạt hoa anh túc. Song song với việc vẽ Fresco trên tường, các nghệ nhân cũng đã biết dùng hỗn hợp dầu để sơn phết trên những bức tranh được vẽ trên bố. Đây là bước đầu để phát triển tranh sơn dầu ở những kỷ nguyên sau này khi những bức vẽ từ động Phật Bamyan du nhập đến phương Tây trên con đường tơ lụa từ Đông sang Tây.

Cầu thang từ tầng hai lên tiếp tầng ba đã đóng ngăn chặn du khách, theo bác bảo vệ giải thích các tầng trên đều là phòng ở tu tập của các vị Tăng sĩ bình thường. Với 2.000 ẩn sĩ từng tu tập ở đây, động Phật Bamyan không đủ chỗ để lưu trú qua đêm, vì vậy có rất nhiều tỳ xá được cất lên xung quanh kinh đô Phật giáo. Các Tăng sĩ thường đến đây vào ban ngày để cầu nguyện, nghe thuyết pháp, lần chuỗi hạt Bồ Đề và ngồi thiền, ban đêm họ trở về tỳ xá. Với hai bức tượng Phật lớn được xây dựng, Bamyan trở thành là kinh đô Phật giáo ngoài Ấn Độ trong thời cổ đại và là vùng đất được các Phật tử đặt tên mà theo tiếng Phạn có nghĩa là “sắc màu” và đi sâu hơn nữa vào nghĩa “sắc màu”, Bamyan còn được hiểu là vùng đất của “ánh sáng rực rỡ”. Năm 2008, khi khám phá Bamyan một lần nữa, bên dưới lòng đất, các nhà khoa học thu gom được rất nhiều tượng Phật, những bình lọ mà trong đó chứa hơn 10.000 cuốn kinh Phật được chép bằng tay. Tầm quan trọng, sự kỳ thú khi khám phá ra những bộ kinh Phật ở Bamyan được các nhà khoa học đánh giá và nhận xét tương đương với việc tìm thấy những bộ kinh Thánh được viết trên những miếng da dê trong những chiếc bình trôi trên Biển Chết. Việc cất giấu những cuốn kinh vào tượng Phật hay bên trong những chiếc bình là vết tích tháo chạy khỏi Bamyan của các Tăng sĩ vào thế kỷ 7 khi các vị vua Hồi đã đặt vó ngựa chinh yên đến đây và nguy cơ Phật giáo bị thôn tính. Hầu hết những bộ kinh Phật ở Bamyan nằm dưới lòng đất sau cuộc khai quật vào năm 2008 được một công ty tư nhân Schøyen Collection có trụ sở tại Oslo, Na Uy và London, Anh mua lại đưa vào phòng bảo tàng.

Ánh nắng chiều đang nhạt dần, chúng ươm mầm những sợi tơ vàng vương trên bóng đổ của những bức tường thành đang chuyển từ hồng đậm sang hồng phớt. Tôi vẫn đứng dựa lan can ngắm nhìn phong cảnh thiên nhiên bên dưới trong những cơn gió đang chuyển lạnh hơn. Phía xa xa, bếp nhà ai đã lên khói trông như dãy lụa mềm trắng vắt ngang bầu trời xanh ngắt. Bamyan quá đẹp và vẫn yên bình trong khói lửa chiến tranh, nhưng hai chữ “hòa bình” vẫn chưa đúng nghĩa bởi những sản phẩm nông nghiệp được làm ra từ những mảnh đất màu mỡ chỉ được sử dụng nội địa và cuộc sống của người Bamyan chỉ “sống” chứ chưa có “cuộc sống” như công

dân các quốc gia khác. Biết đến bao giờ hai chữ “hòa bình” thật sự mới đến với quốc gia Nam Á giàu tính lịch sử.

Quay lại thị trấn Bamyan

Không quay lại con đường cũ, chúng tôi đồ dốc theo những lối mòn mà ai đó đã tạo nên từ trước để quay lại thị trấn Bamyan. Nhìn những đám mây cuộn cuộn từ phía chân trời đang đổ về Bamyan, tôi nói khẽ với Denis: “Có thể ngày mai hay ngày mốt sẽ có mưa to và những hạt mầm khoai tây sẽ vươn nhanh sau những cơn mưa đó.” Phía sau lưng dãy núi cao đang chuyển sang màu xám trắng khi một vài đám mây đi ngang che khuất mặt trời, kinh đô Phật giáo trở nên hoang vu trong những cơn gió lạnh liu riu. Ruộng hoa cải dọc theo bức tường thành cao cũng đậm màu hơn khi không bị ánh mặt trời tán sắc. Bên trong bức tường đã nhuộm màu là những anh thanh niên cao to vẫy gọi chúng tôi tham gia trận bóng chuyền giải trí cuối ngày. Denis từ giã tôi để quay lại nhà nghỉ do anh không hảo môn bóng chuyền mà chỉ thích bóng đá. Denis vẫn ân cần dặn dò tôi: “Dù ở đây vẫn an toàn, nhưng Linh cũng không nghe bất cứ lời ai, chơi bóng chuyền xong thì quay lại nhà trọ ngay, đừng đi xa mà có thể nguy hiểm cho mình!” Các anh thanh niên rất nhiệt tình khi tôi thông thả vào sân. Một anh trong số đó nói tiếng Anh dù ngôn ngữ bồi nhưng tôi có thể hiểu được, họ đang sinh sống ở Kabul nhưng yêu nghề giáo nên đến đây để đưa các em vùng sâu qua đò chữ nghĩa. Các em thuộc tộc người Hazara ở Bamyan vẫn còn đói chữ và những giáo viên tình nguyện đến đây giúp các em 6 tháng/năm. Mùa tựu trường bắt đầu từ mùa xuân (tháng 4 – 9), những tháng còn lại trời trở lạnh và có tuyết rơi nên việc đến trường của các em rất khó khăn. Ngôi trường mà các anh đang công tác nằm cách đây 4km.

Các anh cũng cho tôi biết, bóng chuyền là môn thể mạnh và là môn thể thao số một ở Afghanistan. Nếu đi vòng quanh đất nước Nam Á này, số sân bóng chuyền và mức độ người chơi phổ biến sẽ nhiều hơn số sân bóng đá. Sau ba set bóng chỉ bốn người trên mỗi phần sân, ba anh giáo viên trẻ mời tôi ghé thăm căn nhà mà các anh tạm trú vào mùa tựu trường nằm khá gần sân bóng. Bên trong căn

phòng vách đất khá thấp là ba chiếc giường được kê ở ba góc. Một chiếc bếp củi được đặt giữa nhà dùng để nấu nướng tạm cho các bữa ăn tối. Điện đóm là một vấn đề nan giải ở Bamyan và ánh sáng từ bóng đèn tròn treo giữa nhà luôn trong tình trạng chập chờn sáng tối. Tộc người Hazara sinh sống ở Bamyan luôn lấy đất bùn trộn với rơm khô trét lên lớp gạch cao để làm vách và một ngôi nhà thường thấp bé để chống cái lạnh của mùa đông.

Tôi được giúp đỡ quay lại khách sạn bằng chiếc Win đã khá phong trần trên những nẻo đường xa. Đêm đã xuống từ lúc nào, bên ánh lửa bập bùng của nồi nước đang reo, cốc nước kahwa mang đến sự ấm áp trong cái lạnh rét mướt 10 độ C ở Bamyan. Trong chiếc máy tính cũ kỹ của mình, ông Mohammad cho chúng tôi xem lại hình ảnh những tượng Phật đứng cao nhất thế giới mà ông còn giữ lại trước khi bị Taliban phá hủy. Vừa hớp một cốc kahwah, ông chép miệng: “Nếu không có ngài Huyền Trang, có lẽ người ta không biết nhiều về Bamyan – một kinh đô Phật giáo trong thời cổ đại ở Nam Á.” Trên đường từ Tây An đến Ấn Độ học đạo, ngài Huyền Trang đã đến Bamyan vào ngày 30 tháng 4 năm 630. Trong các ghi chú trong quyển nhật ký của Ngài: Bamyan từng là kinh đô Phật giáo lớn trong thời cổ đại với hơn 10 trường dạy Phật giáo và hơn 1.000 sư tu tập nơi đây. Những bức tượng Phật còn được trang trí vàng bạc hay những loại đá quý trên thân. Đây là những bức tượng Phật lớn thứ hai hoặc thứ ba trên đường mà Ngài nhìn thấy.

Cuộc đời con người như những cánh chim bay, mới tối hôm qua chúng tôi còn ở Kabul chuyện trò thì trong đêm nay chúng tôi đang ngồi hì hục món kebab ở thung lũng Bamyan xinh đẹp nằm cách thủ đô khoảng 240km. Tôi đáp lễ lại hộp kebab tối qua của Denis cũng bằng món kebab được phục vụ bởi nhà hàng ông Mohammad nằm bên trong nhà nghỉ. Vẫn còn nghi ngại về mùi “hăng hăng” trong miếng thịt trừu nên tôi vẫn chọn cho mình thịt gà kebab, trong khi Denis ngồi đối diện chọn thịt trừu. Một vài người bạn Hồi giáo đã kể với tôi về hương vị hăng hăng của những miếng thịt trừu mà họ luôn cho rằng sẽ không còn “tuyệt hảo” nếu mất đi do người thợ không biết cách giết mổ. Riêng người Hồi giáo Ba Tư lại chuộng hương vị thịt trừu không quá nặng mùi tinh dầu và tôi lại yêu thích hương vị

kebab trùu của người Iran. Một ai đó đã nói với tôi rằng, khi đến thành phố Herat, nhất định Linh nên thử qua món kebab trùu bởi Herat là thành phố duy nhất của Afghanistan thấm đẫm sắc màu văn hóa Ba Tư.



Kebab – một món ăn truyền thống của người Afghanistan

Chúng tôi giật mình khi bước vào quán là ba anh quân đội với trang phục rằn ri và súng ống lăm le trên tay. Ông Mohammad vội vàng giải thích đây là những anh quân đội đến kiểm tra nhằm đảm bảo an toàn cho du khách nước ngoài do ông đã đăng ký với chính quyền địa phương. Các anh nồng nhiệt bắt tay và nhờ chúng tôi cho xem qua căn phòng đang tạm trú. Các anh thật dễ mến khi xem xét và dặn dò chúng tôi nên nằm ngủ sát phía dưới dãy cửa sổ lấy khí trời để có thể tránh được tầm đạn bắn tỉa. Căn phòng tôi đang ở mang đậm văn hóa Trung Á với tấm thảm lớn được trải khắp phòng. Ven quanh những bức tường là những tấm nệm mềm được lót theo hình chữ U cùng với những chiếc gối êm bên trên. Những tấm nệm nhỏ được bọc bằng những tấm thổ cẩm tuyệt đẹp vừa là nơi để ngồi tiếp khách cũng là nơi có gác nồng êm ái.

“Thành phố màu đỏ” Shahr-e Zohak

Cơn mưa đêm qua đã làm mềm đi những hạt cát. Chúng không còn sôi nổi và quyết liệt với những đám bụi mù trời khi một cơn gió nào đi lướt qua. Bầu trời với nhiều tầng mây đang nằm gối lên nhau và chỉ một chút ánh sáng le lói của ông mặt trời xua đi cái lạnh trong buổi sáng tinh mơ. Tôi và Denis men theo bờ suối để đến “thành phố màu đỏ” Shahr-e Zohak nằm cách trung tâm thị trấn độ chừng 15km. Con suối Bamyán hoang dã vẫn rì rào tiếng nước reo khi rơi theo từng độ dốc. Người địa phương thích gọi nó là sông hơn là suối và nó là con sông duy nhất chảy qua lòng thị trấn nhỏ với nhiệm vụ cung cấp nguồn nước sinh hoạt lẫn canh tác nông nghiệp. Mùa đông nó êm đềm nhẹ nhàng róc rách dòng chảy và khi xuân sang hè đến nó mạnh mẽ cuộn cuộn do lượng tuyết tan ngày càng nhiều hơn dưới ánh nắng mặt trời. Người địa phương cũng không

biết điểm dừng cuối cùng của nó là đâu mà chỉ biết nó chảy dọc theo cung đường tơ lụa xưa kia từ Bamyan đến Herat mà ở những nơi đó dòng sông nhỏ nhắn có thể cung cấp lượng nước cho ít nhất 35.000 hộ cư dân và đủ để canh tác hai vụ mùa trên những cánh đồng lớn bạt ngàn ven theo triền núi. Trên đỉnh núi cao lộng gió, khung cảnh bên dưới thanh bình như chưa từng có khói lửa chiến tranh. Hai đồng bằng rộng lớn tạo hình chữ U với cạnh đáy là kinh đô Phật giáo, dòng sông Bamyan bên trái và dòng sông Kalu bên phải như hai chú rắn nhỏ uốn lượn cong mình trong ánh nắng mai. Dãy núi Baba hùng vĩ phía xa như bức tường vững chãi che chắn những nguy hiểm đang rình rập Bamyan ngày đêm. Con đường lớn phía dưới quanh co, đồng bằng vẫn nhộn nhịp bước chân người qua lại trong phiên chợ sớm. Thanh bình quá trong từng bước chân và nhìn con đường ấy, tôi đang mơ tưởng con đường tơ lụa ngày xưa từng có ở Bamyan.

Những người xưa từng đến Bamyan luôn gọi Shahr-e Zohak là “thành phố màu đỏ” bởi nó được hình thành từ sự hoạt động của núi lửa với các hoodoo hình nấm được tìm thấy. Shahr-e Zohak sẽ đỏ rực sắc màu khi ánh sáng mặt trời đủ mạnh. Người xưa cũng tin rằng nơi đây từng là cung điện hoàng gia của vua Ba Tư Zohak khi ngài xâm chiếm vùng đất Bamyan vào thế kỷ 6. Cái tên Zohak trong tiếng Ba Tư gợi nhớ đến một quân đội hùng hậu với 10.000 chiến binh trên vó ngựa viễn chinh. Tuy nhiên các nghiên cứu tại đây cho thấy không một vết tích nào của vua Zohak để lại Shahr-e Zohak. Nhiều nhà khoa học lại nghiên cứu về giả thuyết Shahr-e Zohak là một pháo đài do đế chế Quý Sương xây dựng để bảo vệ kinh đô Phật giáo Bamyan bên dưới bởi các vị vua thuộc vương triều Quý Sương luôn là những Phật tử mộ đạo theo truyền thống cha truyền con nối. Những bức tường thành và một vài tháp canh còn sống sót với thời gian là niềm tin vững chắc cho các nhà khoa học. Những người Bamyan luôn tin vào luật nhân quả báo ứng bởi thế kỷ 13, vị vua Genghis Khan đã đốt cháy phá hủy pháo đài nhưng sau đó chính ông đã bị thủ tiêu nơi đây.

Denis muốn đi đến chân núi Baba để tận mắt ngắm nhìn chiếc gương tuyết đang phản chiếu sáng lòa với ánh mặt trời. Baba luôn

có mặt khắp nơi trong tầm mắt chúng tôi nhưng để đến được là một khoảng cách quá xa. Ít nhất chúng tôi phải vượt qua hai dãy núi nhỏ rồi đi giữa cánh đồng bao la mới đến được chân núi. Denis và tôi đã bỏ cuộc ở dãy núi nhỏ thứ nhất. Mồ hôi tuôn như tắm như tinh thần chúng tôi sáng khoái lạ lùng. Tôi không biết giải thích cảm giác như thế nào, nhưng chúng tôi hiểu rằng chúng tôi đang nở rộng lòng ngực để đón lấy làn không khí trong veo tuyệt vời, vụn vặt như nhỏ bé giữa trời đất bao la kể cả chúng tôi. Phía xa xa kinh đô Phật giáo nhỏ nhắn nhưng vẫn sừng sững hiên ngang trong nhịp thời gian, con đường cái quan mà tôi mơ màng về con đường tơ lụa ngày xưa ở Bamyán chỉ còn là sợi chỉ mong manh mà những con người đang hiện diện trên sợi chỉ nhỏ là những chú kiến màu đen đang di chuyển trên sợi dây nối để đi tìm hũ mồi thơm ngon ngọt ngào.



Vết tích còn sót lại ở “pháo đài đỏ” Shahr-e Zohak

Ông Mohammad vô cùng tốt bụng khi chúng tôi nghỉ trọ bên trong khách sạn của ông. Ông cắt hết lịch làm việc với các chương trình thiện nguyện để ở lại giúp chúng tôi có thể xử lý tình huống nếu những chuyện không hay xảy ra. Cuộc đời của ông đã quá “đủ” giữa nghĩa đen và nghĩa bóng trong thời trai trẻ và mong muốn tuổi già chỉ là được tham gia xây dựng trường học để ươm mầm xanh cho những đứa trẻ Hazara. Nguồn tiền để xây dựng trường có được từ tấm lòng hảo tâm của các kiều bào đang sinh sống ở nước ngoài hoặc những kiều bào đó vận động được các tổ chức thiện nguyện tư nhân nào đó qua câu khẩu hiệu: “Hãy cứu lấy những đứa trẻ Afghanistan!”

Đêm Bamyán êm đêm, trong trẻo

Tôi vẫn thích những cơn gió xuân đêm thổi lên dù lạnh cóng. Trong ngọn gió chập chùng, tôi tìm thấy hương vị rất trong trẻo giữa đất và trời đang hòa quyện vào nhau giữa lòng thung lũng Bamyán. Cũng giống như cái lạnh của nguồn nước luôn làm tôi chùng bước mỗi khi làm vệ sinh cá nhân trước khi ngủ nhưng tôi vẫn thích được ngửi những giọt nước thơm mùi khoáng chất. Sự tinh khiết ấy tôi cho là

hạt ngọc quý hiếm khi môi trường ngày càng ô nhiễm do sự bức tử của loài người.

Chỉ mới hơn 8 giờ tối nhưng là quá khuya với người Bamyán. Ở một quốc gia Hồi giáo, việc hạn chế sử dụng rượu bia, không hiện diện những quán bar xập xình tiếng nhạc trong ánh đèn chớp nhoáng... đã làm mất dần đi tính náo nhiệt của cuộc sống về đêm. Du khách luôn than phiền về cảnh “chán ngắt” khi đến các quốc gia Hồi giáo bởi không khám phá được trọn vẹn cuộc sống của người bản địa. Một vài hoạt động mua sắm như một cơn mưa rào lướt qua vào đầu chập tối để rồi các cửa hàng nhanh chóng sập cửa trả lại sự im ắng cho phố. Nhưng nó cũng làm du khách tò mò muốn khám phá người ta sẽ hoạt động những gì bên trong những ngôi nhà huyền bí khi màn đêm buông xuống. Sau lần cầu nguyện Isha cuối cùng sẽ là bữa cơm tối, sau đó là một bộ phim chán phèo nào đó trên tivi khi bị nhà nước quản lý và cắt xén những nội dung cho là quá nhạy cảm. Thật là vớ vẩn khi nghĩ đến những câu chuyện phiếm như thế và đưa đến kết luận tạm thời: một gia đình Hồi giáo luôn đông con là vậy! Rồi cũng biết đường nào mà phản biện khi người Hồi giáo cho rằng việc đông đúc trong một gia đình là hồng phước được ban ơn bởi Thánh Allah.

Denis sẽ về Praha sau khi rời Bamyán trở lại Kabul. Anh hỏi tôi: “Có khi nào mình lại gặp nhau ở Syria không Linh?”

“Biết đâu được vì cuộc đời đâu nói trước được ngày mai như bài hát nổi tiếng *Whatever will be, will be* của Jay Livingston và Ray Evans!”

Afghanistan thực hiện nghiêm khắc luật Hồi giáo và Bamyán lại quá xa ánh sáng đô thị nên càng vắng vẻ êm đềm. Tôi vô cùng yêu thích không khí đó trong những ngày dừng chân nơi đây. Tôi muốn trút bỏ hết mọi hình ảnh tệ nạn hay một cuộc sống còn quá khó khăn của người Afghanistan mà đã nhìn thấy ở Kabul để hòa mình trong sự im ắng trong trẻo ở Bamyán. Tất cả đã nhỏ dần, xa hút rồi biến mất... Trên con phố khuya không một bóng người, chỉ còn lại những hàng cây lao xao trong gió tạo thành những hình dáng kỳ quái trong

màn đêm. Màn sương mỏng manh giăng mắc khắp nơi làm cảnh vật ảo ảnh nửa hư nửa thực.

Minaret of Jam

Tôi vẫn thích ngắm nhìn dãy núi Bamyán khi đi xe lừ lừ ngang qua ngã ba con đường tơ lụa xưa kia. Bên trong hai hốc đá kia chẳng còn những tượng Phật lớn nhưng tôi vẫn tin trong tâm thức của mình nơi đó vẫn còn những ánh hào quang của Phật giáo soi rọi cứu rỗi chúng sinh vượt qua bể khổ. Niềm tin lớn dần và những hòn đá sắc màu trên dãy núi kia lại có sức cuốn hút mãnh liệt mà tôi cho rằng ngắm hoài cũng không chán. Con đường chúng tôi đang đến Band-e Amir cũng chính là con đường tơ lụa xưa kia mà đoàn người “lạc đà” rong ruổi đi về Herat hướng về vùng đất Ba Tư, nay đã thành con đường nhựa còn thơm mùi nhựa đen. Chính phủ Afghanistan dưới sự bảo hộ của người Mỹ đang cố gắng xây dựng lại những gì có thể thuộc về cơ sở hạ tầng. Anh tài xế biết đôi chút tiếng Anh giải thích cho chúng tôi hiểu rằng, cung đường mới không thể nối thẳng qua Herat mà bị đứt đoạn giữa chừng bởi lực lượng Taliban đã chiếm đóng với lực lượng khá đông. Nơi đó khá nhiều mỏ dầu đang nằm im trong lòng đất. Tôi hỏi anh tài xế, nếu đi thẳng con đường này tôi có thể nhìn thấy làng Jam mà nơi đó các vương triều Ghurid của người Ba Tư đã xây dựng cây cột Thánh (Minaret of Jam) cao lớn để chứng minh sức mạnh của mình trên đường viễn chinh. Một cách dễ hiểu, vùng đất Jam là điểm cực Tây xa nhất mà các vương triều Ghurid quản lý trong việc mở mang bờ cõi và điểm cực Đông của họ là một phần nằm trong lãnh thổ Ấn Độ ngày nay chạy dài đến vịnh Bengal.

Sau khi rời khỏi Bamyán, trước khi đến Herat, đoàn thương gia lạc đà sẽ vào địa phận tỉnh Ghor của Afghanistan ngày nay. Trong thời hiện đại, để xây dựng con đường hiện đại theo đường chim bay tiết kiệm khá nhiều chi phí, Ghor nằm ở ngã ba đường với một hướng đi về Kabul và một ngã xuôi về Bamyán. Cây cột Jam huyện Shahrak được vương triều Ghurid xây dựng dọc theo con đường tơ lụa xưa kia nhưng lọt thỏm trong ngã ba khói lửa. Một vị trí địa lý chiến lược cùng với cái tên Ghor theo tiếng Dari có nghĩa là “Gas –

chất đốt” đủ để hiểu tại sao ở đó phiến binh Taliban chiếm đóng như một thủ phủ chính của mình. Thiên nhiên ở Ghor cũng rất đẹp với những thung lũng thanh bình bên trong lòng núi. Để ngắm nhìn bức tranh sinh động của thiên nhiên và cây cột Jam ở Ghor là điều không thể trong thời điểm này. Cuộc sống của người bản địa ở vùng đất ấy thường phó mặc số mạng của mình cho Thánh Allah. Tôi chép miệng hồi tiếc: “Quá buồn, khi không được chứng kiến một di sản thế giới đang hư hỏng từng ngày bởi không một tổ chức nào dám đến đó để trùng tu!”

Qua những tư liệu tôi đã đọc, Qutb Minar ở khu phố cũ Delhi và Minaret of Jam ở Ghor là chị em sinh cùng thời khi vương triều Ghurid muốn chứng minh sức mạnh và cột tháp linh thiêng càng cao càng thể hiện sự hùng mạnh của mình. Minaret of Jam cao 62m được xây dựng vào năm 1190 khi vua Ba Tư Aybak càn quét đến Aghanistan và Qutb Minar cao 72m được xây dựng 10 năm sau khi vó ngựa viễn chinh của ông đến Delhi. Như Kiều và Vân trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Minaret of Jam và Qutb Minar luôn có sự khác biệt về số phận, kiến trúc và sắc màu văn hóa dù rằng mỗi người mỗi vẻ mười phen vẹn mười. Minaret of Jam ra đời trước mang đậm văn hóa Ba Tư với những miếng gốm nhiều màu sắc tuyệt đẹp ốp trên thân cột xen kẽ những đoạn kinh Quran được điêu khắc trau chuốt tỉ mỉ bằng ngôn ngữ cổ xưa nhất của người Ả Rập là Kufic và Naskhi. Hình hài của Jam được tạo thành từ những viên gạch rắn chắc nung đủ lửa và lớp vôi trét Stucco. Long đong như số phận của Kiều, ngọn tháp Jam đang có xu hướng gục ngã thành những đống gạch vỡ nát. Dù Taliban không phá hủy nó bởi đó là biểu tượng của Hồi giáo, nhưng sự hoạt động âm thầm của các phân tử đá bên trong lòng đất cùng với xoáy mòn của lớp không khí nên cột Thánh đã nghiêng rất nhiều và đang bị vỡ từng mảng trên đỉnh nóc.

Cấu thành Qutb Minar là một ống đồng hình trụ chắc chắn bên trong, kết tiếp là một lớp gạch mỏng và ngoài cùng được ốp những tảng sa thạch đỏ cùng xen kẽ với cẩm thạch trắng. Chính những khối sa thạch đỏ cùng màu trắng tinh khôi của cẩm thạch đã làm một cú “lừa bịp ngoạn mục” du khách khi ngắm nhìn Qutb Minar bởi

đó là nét kiến trúc rất riêng của các vương triều Mughal. Sự lừa bịp được giải thích bằng một lý lẽ rất dễ thương: Cột Tháp linh thiêng là nơi hội tụ những nét tinh hoa của hai vương triều Hồi giáo lớn nhất bấy giờ trên vùng đất Nam Á. Vương triều Ghurid vẫn phá những nét Ba Tư đặc trưng vào Qutb Minar, đó là những đoạn kinh Quran theo lối viết Kufic tuyệt đẹp và có phần phóng khoáng hơn trên cột Jam, đó là kiến trúc Muqarnas chủ đạo của người Ba Tư thường nằm trên đầu lối chính vào các thánh đường Hồi giáo. Sự tàn phá của thiên nhiên vẫn không chừa Qutb Minar, nhưng nó vẫn được chính phủ Ấn Độ trùng tu hàng năm. Đâu chỉ có Qutb Minar, ở vùng đất Hindu giáo rộng lớn vẫn còn sừng sững đó vết tích của người Hồi giáo. Anh tài xế an ủi tôi: “Dù không đẹp như Minaret of Jam được xây dựng bởi vương triều Ghurid, nếu đến được Herat, bạn cũng sẽ được ngắm nhìn bốn cây cột Thánh mang đậm nét văn hóa Ba Tư của vương triều Timurid còn sót lại qua thời gian bởi Herat từng là một trong những kinh đô vàng son của vương triều này!”

Tết truyền thống Nowruz

Xe đang lướt qua những cánh đồng nhỏ nối tiếp nhau chạy xa tít vào dãy núi Koh-i-Baba phủ đầy tuyết trắng. Denis dù đang im lặng dăm dăm suy nghĩ xa xôi vẫn phải thốt lên: “Đẹp quá!” Bức tranh phong cảnh giữa bầu trời xanh trong vắt được thiên nhiên tạo ra đang hòa lẫn giữa màu đen của đất, màu xám hồng của những dãy núi, màu trắng của tuyết và màu xanh mơn mớn của những hạt mầm vừa nhú. Trên những cánh đồng xinh xắn, bóng người liêu xiêu nhỏ nhắn đang cặm cụi cần mẫn vùi những lát khoai tây giống vào đất. Trai, gái già nhỏ lớn bé đều có đủ khi mùa vụ mới đã bắt đầu sau ngày Tết truyền thống Nowruz. Một tinh thần đoàn kết giữa những người Hazara chân lấm tay bùn vốn có bao đời nay càng có ý nghĩa cao quý hơn giữa thời loạn lạc chiến tranh. Khi nhà nào xuống giống trước, gia đình kế bên sẽ giúp công lao động để những mảnh khoai tây được xuống giống đồng đều trong cùng một ngày, ngày hôm sau sẽ là sự trả công lại cho thửa ruộng bên cạnh.

Bamyan vẫn mang sắc màu Ba Tư dù tỉnh Bamyan được gọi là “trung tâm văn hóa” của tộc người thiểu số Hazara. Khi những nụ hoa đỏ thắm poppy nở tràn ngập trên những cánh đồng cỏ xanh mướt vào tháng 3, Bamyan lại tưng bừng với ngày Tết cổ truyền Nowruz của mình theo lịch Ba Tư. Theo ngôn ngữ Dari, “Now” có nghĩa là “ngày” và “Ruz” có nghĩa là “mới”. Nó thường rơi vào ngày 21 tháng 3 hàng năm và kéo dài khoảng 13 ngày. Từng là vùng đất của đế chế Ba Tư, Nowruz còn trở thành ngày Tết cổ truyền của các quốc gia Trung và Tây Á.

Ngày Nowruz rơi vào ngày nào trong tháng sẽ được thông báo bằng một bài hát bởi một ca sĩ đường phố (*Hajji Firuz*), đó là một người đàn ông trong bộ trang phục đỏ và khuôn mặt bôi màu đen với chiếc trống to đeo trước bụng. Vào ngày Thứ tư cuối cùng trước ngày Nowruz, nhà nhà đều đốt lửa để chào năm mới. Mọi người đều nhảy ngang qua đống lửa nhằm xua đi nỗi sợ hãi và bệnh tật. Những đứa trẻ lại hóa trang thành những người cổ xưa, gõ cửa từng nhà hàng xóm xin bánh kẹo. Những chậu nhỏ lúa mì, lúa mạch hay đậu lăng được trồng quanh nhà để chuẩn bị đĩa thức ăn truyền thống (*Haft Sin*) đặt trong nhà bếp trong ngày Nowruz. Trong ngày đầu tiên của Tết mọi người trong nhà phải ăn món Haft Sin với bảy loại thức ăn truyền thống đều bắt đầu bằng chữ “S”. Bảy loại thức ăn thường là: chồi non của đậu lăng (*sabzeh*), mầm lúa mì (*samanu*), quả nhót đắng phơi khô (*senjed*), tỏi (*sir*), táo (*sib*), quả muối (*somaq*) và giấm (*serkeh*). Không chỉ là ngày Tết truyền thống sum họp gia đình, Nowruz còn là dịp những người Ba Tư xưa dâng lễ lên Nữ thần nước Anahita và Thần lửa Ahura Mazda để cầu nguyện có một mùa vụ mới bội thu.

Ngôi làng nhỏ bé của người Hazara

Dòng sông Bamyan vẫn lơ đãng, róc rách làn nước trong veo của mình qua từng ghềnh đá để trôi mãi. Chúng sẽ đổ dồn vào hồ nước tự nhiên được tạo thành trong lòng những dãy núi đá ở Band-e Amir. Những phân tử nước sẽ tìm thấy một cuộc sống nhàn nhã yên bình cuối đời sau những sóng gió chúng đã trải qua trong thời tuổi trẻ. Ven theo dòng sông réo róng, những cánh hoa đào, hoa lê

trắng muốt đang thì thào chuyện trò với ánh nắng ban mai. Anh tài xế dừng xe cho chúng tôi ghi lại một vài tấm ảnh phong cảnh thiên nhiên. Anh nông dân với màu răng đã ngả vàng vì khói thuốc cùng thằng bé chỉ độ chừng 5 tuổi vẫn đang miệt mài nhặt những bụi cỏ dài sau những đường cày. Khuôn mặt thằng bé đỏ hồng, tèm lem lấm luot những vệt dơ của đất và bụi. Những đứa trẻ ở Bamyan vào đời từ rất sớm bằng công việc đồng áng. 54% diện tích đất ở Bamyan được đưa vào sản xuất nông nghiệp với bốn nhóm cây trồng chính gồm: lúa mì, lúa mạch, khoai tây và hạt đậu mushung có màu đen. Những sản phẩm nông nghiệp tạo ra trong mùa vụ chính sau Tết truyền thống Nowruz được vận chuyển đến tỉnh Maidan Wardak để trao đổi những thứ nhu phẩm thiết yếu khác.

Dù là người vì buổi sáng lao động quá mệt nhọc khi mùa vụ đang đến, những chú lừa vẫn cố gắng thoăn thoắt bước chân trên con dốc nhỏ mà ẩn thoát phía sau con đồi là những ngôi nhà nhỏ của tộc người Hazara. Thỉnh thoảng, vài “ông chủ nhỏ” dừng chân cho nó nghỉ ngơi. Có được một con ngựa trong nhà là điều quá xa xỉ với người Hazara. Nếu ngựa là chiếc ô tô quý giá quá khó đủ tiền để mua, thì lừa là những chiếc xe máy người Hazara còn ngấp nghé hy vọng để trút mót hầu bao thực hiện giấc mơ. Hây hây đôi má hồng đào, những “ông chủ nhỏ” luôn vượt ve âm yếm những chú lừa thân yêu như cách người ta thường lau chùi thường xuyên và nâng niu chiếc xe máy vừa mới tậu được.

Xa xa, bên dưới con đồi là những tiếng cười đùa vui vẻ theo gió bay xa của một nhóm người đang ươm mầm hạt giống. Ánh sáng càng lên cao, ngôi làng nhỏ bé của người Hazara thật đẹp, thật cuốn hút. Lớp bụi màu đỏ bám lấy những vách nhà, chúng che khuất hẳn màu nâu đen của lớp bùn thường được người Hazara trộn với rơm rạ để kiến thiết nên những tổ ấm đặc trưng của mình. Giữa thiên nhiên bao la, màu của những ngôi nhà dường như hòa lẫn vào sắc màu của con đồi nhỏ, nó là một phần tử hẳn hoi tồn tại giữa cánh đồng rộng lớn bởi sự phân lập giữa màu đen của đất và màu đỏ nhạt của con đồi. Chỉ khi nào, chăm chú vào những ô cửa sổ loáng thoáng phía sau con dốc, người ta mới phát hiện ra rằng vẫn còn có những ngôi làng rất riêng của người Hazara trong lòng thung lũng Bamyan

và lúc đó một du khách như tôi có thể hiểu được rằng tại sao tỉnh Bamyán được gọi là “Trung tâm văn hóa của người Hazara” ở Afghanistan.

Các tộc người ở Bamyán

Dân số tỉnh Bamyán độ chừng 40.000 người theo thống kê từ chính phủ Afghanistan vào năm 2015. Người Hazara chiếm 95.4% dân số, Tajik khoảng 4.1%, còn lại là tộc người Tatar và Pashtun. Nguồn gốc của người Hazara chính là tộc người Babur sống trong lòng sa mạc trải dài qua vùng Trung Đông khói lửa đến tận Bắc Phi. Khi những vị vua của vương triều Mughal viễn chinh đến Bamyán vào thế kỷ 16, họ nhìn thấy người Babur thiểu số và gọi đó là người Hazara. Trong tiếng Ba Tư, Hazara có nghĩa là “1.000 chiến binh”. Khi Thành Cát Tư Hãn đặt chân vó ngựa đến đây, ông ghi nhận tộc người này bằng tiếng Mongol “Minggan” đồng nghĩa với từ Hazara là đội quân chỉ 1.000 người. Sống trên vùng đất Nam Á, tộc người Hazara đã quên dần những nét văn hóa riêng của chính mình. Thay vì sống trong lều, họ chuyển qua sống trong những căn nhà nhỏ được dựng bằng tre, nứa, bùn và rơm. Cách thức giao tiếp giữa họ với những vị khách trong ngôi nhà là ngồi bệt dưới đất nhưng không được dựa vào những chiếc gối hay bức tường như cách truyền thống của người Ba Tư. Ngôn ngữ của họ rất riêng là sự phối hợp giữa ngôn ngữ Dari của người Ba Tư và ngôn ngữ Mongol của người Mông Cổ. Cách phân biệt giữa người Afghanistan và người Hazara khi cả hai sử dụng ngôn ngữ Dari chính là âm điệu của giọng nói. Kết thúc câu nói của người Hazara thường là những âm tiết được vay mượn từ ngôn ngữ Mongol. Trong âm nhạc, họ sử dụng chiếc đàn dombra để cất lên tiếng nói, trong khi cây đàn rubab là dụng cụ cơ bản của người Afghanistan khi muốn chơi bản nhạc nào đó.

Tôi hỏi anh tài xế bằng cách nào có thể phân biệt được giữa người Hazara và nhóm người thiểu số còn lại trong tỉnh Bamyán. Những người Hazara, Tajik và Pashtun đều là những người Hồi giáo nhưng theo dòng Shia trong khi 90% người Afghanistan theo dòng Sunni. Với người nam, chiếc khăn truyền thống patus là đặc điểm chính để phân biệt đâu là người Afghanistan và đâu là nhóm người còn lại.

Patus của người Afghanistan luôn có những đuôi ren tua ở bốn mặt trong khi patus của nhóm người còn lại không có. Sự phân biệt giữa người Hazara với Tajik hay Pashtun qua việc vấn khăn trên đầu. Người Hazara thường quấn khăn có màu sọc trắng đen theo hình tròn quanh đầu, người Tajik thả dài hai đuôi khăn theo hai bờ vai và người Pashtun quấn thả dài một đuôi khăn bên trái bờ vai. Sự khác biệt màu sắc của khăn là cách để phân biệt giữa người Tajik và Pashtun, người Pashtun sử dụng chiếc khăn có màu trắng tinh khôi và người Tajik là chiếc khăn sọc trắng đen.

Với những người nữ, chiếc khăn hijab là tín vật để phân biệt giữa nhóm người với nhau. Chẳng biết chiếc khăn đó ra đời từ lúc nào và nhiều ý nghĩa ra sao để giải thích, nhưng anh tài xé luôn tin rằng đó là bức màn mỏng giữa thế giới loài người và thế giới tâm linh nơi Thánh Allah đang ngự trị. Ranh giới mỏng manh sẽ không còn giới hạn qua những câu kinh Quran ê a ngân dài. Một số giải thích khác cho rằng, con người sẽ rơi vào bể oan cừu khi nhìn thấy những điều tuyệt diệu nằm sâu thẳm trong đôi mắt to với những hàng mi uốn cong của phụ nữ Hồi giáo nên chiếc khăn hijab giúp cho loài người bớt đi những điều đau khổ xuất phát từ hành động tội lỗi. Theo dòng Sunni, phụ nữ Afghanistan thường sử dụng chiếc khăn hijab có màu đen, trong khi phụ nữ Hazara thường sử dụng chiếc khăn có màu đỏ thắm với những bông hoa núi rừng được thêu phủ khắp mặt khăn. Phụ nữ Tajik lại chọn màu xanh rêu là màu truyền thống cho chiếc khăn hajib với những hoa văn về Thần lửa và Thần nước đặc trưng của người Ba Tư. Giống như những người nam Pashtun, người nữ chọn màu xanh nước biển là màu đồng nhất trên chiếc khăn hijab mà không có bất kỳ một hoa văn nào. Việc đánh giá sự giàu có trong một xã hội Hồi giáo một phần vẫn dựa vào bộ áo truyền thống và chiếc khăn hajib. Nguyên liệu nào đã dệt nên nét văn hóa đó sẽ phản ánh một phần họ đang ở đẳng cấp nào trong xã hội.

Bụi tuyết

Một vài thửa ruộng ven đường đi mới bắt đầu mùa vụ mới. Càng xa đầu nguồn dòng sông Bamyán, những cánh đồng xuống giống trẽ

hơn một chút bởi mùa đông chỉ vừa qua nên lượng tuyết tan chưa đủ lớn thành dòng chảy đến đây. Những chú lừa vẫn toát mồ hôi cần mẫn đi theo những đường cày nặng nhọc. Đang trong lửa khói chiến tranh như thế này, làm sao Afghanistan có thể hiện đại hóa ngành mũi nhọn nông nghiệp để thúc đẩy công cuộc kinh tế hóa đất nước. Nhưng chắc chắn rằng, những sản phẩm ở Bamyán rất sạch bởi lấy đâu ra những hóa chất cần thiết khi dịch hại xảy ra. Người Bamyán canh tác nông nghiệp hoàn toàn dựa vào điều kiện thiên nhiên và người sử dụng sẽ càng thấu hiểu giá trị những sản phẩm đó, không chỉ sống sót qua những đợt rét, mưa tuyết kéo dài mà nó còn chứa đựng mồ hôi và nước mắt từ cuộc sống...

Xa xa, trên con dốc cao, ông lão chần đần gia súc vẫn ú ớ những câu hát của mình trên đồng cỏ mênh mông. Những cơn gió lạnh đến rồi đi, ông vẫn cất tiếng hát hàng ngày khi mùa xuân đến. Khi nắng hè chưa vội ủa, thu đã sang với những chiếc lá vàng rơi, ông vẫn ru đời bằng câu hát à ời, vẫn thích ngắm nhìn những chú cừu non, các bé dê bé bỏng nô đùa, khoan thai gặm nhấm những đám cỏ non rồi hy vọng chúng lớn nhanh từng ngày. Nó sẽ theo chân ông đến phiên chợ Ba Tư cuối tuần đầu giá đàn vật nuôi ở tỉnh Ghazni, ông sẽ có khoản tiền lớn để đổi lấy được những gì cần thiết cho cuộc sống gia đình. Hạnh phúc của ông vẫn rất đơn sơ, không cầu kỳ rời xa hiện thực mà ông vẫn chưa với tới...

Trên đỉnh núi cao, những đám mây hội tụ tạo nên cơn mưa mùa xuân. Những hạt mưa bé nhỏ nhanh chóng biến thành những bong bóng tuyết mong manh đã vỡ ngoài không khí. Chúng tôi đang trên dãy núi Koh-i-Baba và nơi chúng tôi đang đứng chỉ là phần thấp nhất của ngọn núi có độ cao 4.951m. Cao độ mà chúng tôi đang dừng chân để ngắm tuyết chỉ vào khoảng 2.000m so với mực nước biển. Người ta thường nói rằng, khi xem tranh nên đứng xa xa mới thấy tranh thật đẹp. Đúng đấy, khi nhìn từ xa chúng tôi luôn tưởng tượng rằng lớp tuyết bao quanh trên đỉnh núi bao giờ cũng trong trắng xinh đẹp như lúc chúng được tạo thành. Nhưng khi đối diện sự thật, lớp tuyết kia đã bị xỉn màu bởi nhiều lớp bụi thời gian bám lên khi mùa xuân đang đi qua.



Dãy núi tuyết Koh-i-Baba ôm trọn thung lũng Bamyan

Anh tài xế chỉ cho chúng tôi con đường nhựa đã hư hỏng khá nhiều nằm phía trước chính là con đường tơ lụa ngày xưa để đoàn người tiếp tục tiến về Herat. Vì Taliban chiếm đóng tỉnh Ghor nên gần như con đường tơ lụa hiện đại trở nên hoang tàn vắng vẻ vì rất ít người đi lại. Năm xưa, sau khi rời khỏi Bamyan, đoàn thương gia mất độ khoảng 10 ngày mới đến được ngã ba trên đỉnh núi mà chúng tôi đang ngắm nhìn tuyết. Họ băng qua những con đường phủ đầy tuyết trắng với những câu hát xa đưa cùng bước chân khoan thai của lạc đà mang gói hàng nặng trĩu trên lưng. Dù bị bỏ rơi bởi thời cuộc, nhưng tôi vẫn thích ngắm nhìn con đường tơ lụa loang lổ chạy hun hút sâu vào hẻm núi phía trước đang dần trở về con đường nguyên thủy vốn có của nó. Những hạt bụi trên con đường ấy từng vương vấn bao bước chân người hay in hằn dấu lạc đà đã đi qua...

Thung lũng Yakawlang

Anh tài xế cho xe rẽ phải để đi vào lòng thung lũng Yakawlang nằm trong lòng dãy núi Hindu Kush. Trên đỉnh núi cao vẫn có một con đường nhỏ đủ tạo thành hai làn xe lưu thông và mọi thứ trở nên nhỏ bé xa thẳm phía dưới vực sâu khi chúng tôi đang lên dần độ cao 3.000m. Con đường tơ lụa hướng về Herat nằm bên trái tay tôi rồi cũng biến mất, chỉ còn lại những đám bụi mờ đang bốc lên sau lưng lan tỏa khắp nơi. Một cặp vợ chồng đứng ven đường ra ký hiệu quá giang và chúng tôi vui vẻ chấp nhận. Tôi cũng không biết mô tả như thế nào về khuôn mặt đặc trưng của người Hazara khi ngắm nhìn họ. Cũng giống như các dân tộc anh em ở vùng Tây Bắc Việt Nam, sự thật thà và chất phác luôn hiện rõ mồn một trên khuôn mặt. Ông bà vui lắm, chuyện trò tíu tít làm chúng tôi vui lây dù chỉ hiểu sơ bộ qua ngôn ngữ hình thể của họ. Ông bà độ chừng 50 tuổi là những người làm nông chân chất. Tờ mờ sáng lúc 4 giờ, họ đi trong cái rét căm căm để đến thửa ruộng nhỏ đang vào mùa nằm cách thung lũng Yakawlang một trái núi to cao 3.000m rồi có khi trở về nhà đã hơn 9 giờ đêm. Cái nghèo vẫn bao lấy và họ vẫn chưa đủ tiền mua một chú lừa xinh xắn tiện lợi cho việc đi thăm đồng. Hôm nào may

mắn gặp những du khách đường xa, họ trở về nhà sớm hơn. Đôi khi phát sinh công việc đồng áng khiến họ cũng không kịp về nhà và những lúc như thế trên đường về, họ thường qua đêm trong những hốc đá được các mesa trôi lên tạo thành những hình dáng lạ kỳ trong lòng thung lũng Yakawlang. Chúng tôi lắng nghe những trái lòng của đôi vợ chồng trung niên qua lời dịch tiếng Anh bập bõm của anh tài xế.

Chiếc hồ xanh màu nước đã hiện ra bên phải cánh tay tôi. Nó thật đẹp và từ trên cao nhìn xuống trông như chiếc cốc Thánh huyền thoai trong bữa tiệc ly cuối cùng của Chúa mà loài người vẫn đi tìm kiếm. Cảm giác độ cao đang chạy rần rật tê tê trên đôi chân nhưng rồi nó biến mất khi tôi cố điều khiển bằng cách nhủ lòng không nên tiến ra quá gần mép sườn núi. Đáy cốc là mặt hồ lung linh những gân sóng nô đùa theo từng cơn gió, thành của chiếc cốc huyền bí là những vách núi thẳng đứng được tạo thành do các mesa trôi lên từ lòng đất cắt theo chiều ngang. Màu của chiếc cốc Thánh vô cùng sống động theo ánh sáng mặt trời. Khi đủ nắng, đáy cốc sẽ là màu xanh lơ tuyệt đẹp do sự hoạt động của các phân tử khoáng chất có trong các mesa trôi rửa vào trong lòng hồ. Khi trời âm u bởi mây che khuất, nước hồ trở màu xanh rêu do sự quang hợp các lớp thực vật tảo hay rong rêu bám đáy. Đâu chỉ có đáy cốc đong đưa theo tia nắng mặt trời, sự hoạt động của các phân tử CaCO_3 ẩn sâu bên trong những dãy núi bao lấy mặt hồ tạo thành những màu sắc kỳ lạ. Vợ chồng người nông dân vui lắm khi nhìn thấy sự trầm trở pha phần nét ngạc nhiên của chúng tôi trước vẻ đẹp của thiên nhiên nơi họ đang sinh sống. Ông bà ra ký hiệu cho chúng tôi biết chiếc hồ mà chúng tôi đang ngắm chỉ là một trong sáu chiếc hồ tuyệt đẹp nằm trong lòng công viên quốc gia Band-e Amir. Cái tên Band-e Amir được đặt để tôn kính vị Caliph (lãnh tụ) Amir đời thứ 4 của người Hồi giáo và người Afghanistan luôn gọi công viên quốc gia là một Grand Canyon cho riêng mình dù cơ chế hình thành những kiệt tác thiên nhiên hoàn toàn khác nhau.

Xe đang đỗ dốc để vào thung lũng Yakawlang. Những cột bụi mù đang chao đảo phía sau phút chốc trở thành vũ khí lợi hại ngăn cản chúng tôi muốn khám phá nét đẹp thiên nhiên. Những giọt sương

mai đang tan biến hình hài của mình khi mặt trời lên và chúng không còn đủ sức để làm đầm thắm tính hoang dại của những cơn lốc bụi đường. Denis và tôi ho sặc sụa khi hít phải những hạt bụi đang vùn vủ trước đầu xe bởi những cơn gió mạnh tạt ngang trong lòng thảo nguyên. Trong lớp bụi mờ, những lâu đài hay những ngôi nhà đá vững chắc hiện dần ra.

Một vài chú lừa nặng trĩu những gánh củi trên lưng đang trên đường về nhà. Chúng ngoan ngoãn nép vào cạnh đường khi nghe tiếng động từ xa. Vẫn là những đứa trẻ mặt mày lem luốc lẻo đẹo theo sau đồng hành cùng nó. Mấy đứa trẻ vẫn còn quá xa lạ với những chiếc máy ảnh, chúng cứ trốn chui trốn nhủi ngang hông chú lừa hay ẩn nấp sau bó củi lớn mà chúng vừa thu hoạch trên núi. Dù anh tài xế và đôi vợ chồng người nông dân giải thích rằng chúng tôi chỉ muốn ghi lại những khoảnh khắc đời thường của người Hazara, nhưng đôi mắt của chúng vẫn luôn run rẩy khi ống kính chúng tôi hướng về. Có khoảng 5.000 người cư ngụ trong lòng thung lũng Yakawlang, chiếm 15% trong số 95.4% tộc người Hazara ở tỉnh Bamyán. Cuộc sống du mục theo lối du canh du cư của người Babur luôn chảy trong dòng máu của người Hazara. Bao đời nay, cuộc sống của họ vẫn là tự cung tự cấp với mảnh vườn nho nhỏ phía sau nhà và một đàn gia súc được thả rông trên những đồng cỏ mênh mông. Những nhu yếu phẩm cần cho cuộc sống vẫn là sự trao đổi giữa các hộ trong làng. Một số ít biết kinh doanh, họ mở những quán ăn nho nhỏ ven theo bờ hồ Qambar nằm vị trí trung tâm và là hồ có diện tích lớn nhất trong sáu chiếc hồ trong công viên quốc gia Band-e Amir.

Chỉ cách thị trấn Bamyán độ chừng 80km, nhưng chúng tôi mất hơn ba tiếng đồng hồ mới đến được trung tâm thung lũng Yakawlang. Chúng tôi yêu thích nét mộc mạc hoang dã của thung lũng mà quên hẳn đi những cơn giận dữ của bao tử khi giờ ăn trưa đã đến. Dòng nước lạch lối trong veo đang chảy tràn qua những cánh đồng cỏ to để tìm cách hòa nhập vào dòng suối chính đang róc rách đổ vào các hồ nước. Sự lạch lối của chúng xuất phát từ đám tuyết xỉn màu đang run rẩy dưới ánh mặt trời, cố bám víu vào những dãy núi mesa cao nằm đối diện. Đã quá quen thuộc khi uốn lượn mình dưới những

dãy núi cao, dòng sông Kalu và Bamyán chưa bao giờ lạc lối, chúng luôn nhớ đến những lời thề ước mà cả đời chúng đã ký gửi tình yêu vào trong lòng các bến chờ. Phía xa xa, những chú lừa cứ thong dong gặm cỏ.

Gọi là trung tâm thung lũng, nhưng chẳng có gì hơn ngoài một vài kios cất ngay hàng thẳng lối giữa con đường cái lớn phủ màu nâu đỏ của bụi được xem như là mạch nối chính để đưa du khách đi ngắm những nét đẹp khác nhau của năm cái hồ còn lại nằm ven hồ trung tâm Haibat. Những quầy kios đóng kín im ỉm trong tiếng gió reo bởi chúng tôi đến đây không phải là ngày cuối tuần. Chỉ duy nhất có một ngôi nhà được xây dựng khá chắc chắn nằm trực diện lối đi vào hồ Haibat vẫn mở cửa, đó là nhà hàng duy nhất mà chúng tôi có thể tìm được bữa ăn trưa đậm chất người Hazara.

Xui rủi cho tôi muốn thử qua những món ăn truyền thống của người Hazara khi anh chủ nhà hàng thông báo trong kho lạnh của anh của anh không còn thịt để chế biến các món truyền thống như pirki, shir roghe, aash, dalda, qurti và ogra. Nguồn điện chập chờn đã làm hạn chế tủ lạnh hoạt động và anh chỉ dự trữ lượng thịt cần thiết khi các gia đình lũ lượt kéo đến đây cắm trại vào ngày cuối tuần. Khác với Pakistan thay đổi ngày cuối tuần theo lịch Hồi giáo cho phù hợp với hoạt động kinh tế thì Afghanistan vẫn còn áp dụng Thứ năm và Thứ sáu là những ngày nghỉ lễ. Không có sự lựa chọn nào khác ngoài món trứng rán ăn cùng với bánh mì. Anh tài xế cho biết, người Hazara không ăn cơm mà nguồn lương thực chính của họ là những chiếc bánh mì. Sau đợt khoai tây xuống giống đầu tiên khi xuân sang, những cây lúa mì sẽ vươn lên trong những ngày hè sang. Lúa mì là loại cây lương thực cần có quang kỳ mới đơm bông, vào chốc và tạo hạt no đầy, chúng sẽ rì rào trong gió đã sang mùa tạo thành những làn sóng màu vàng rực trong ánh nắng hè phủ khắp thung lũng Bamyán. Người Hazara sử dụng các loại bánh mì giống như người Afghanistan nhưng tên gọi của nó lại khác nhau. Chiếc bánh mì mỏng naan được gọi là tawa, bánh mì tròn có tên là tandoor và bánh mì hình quạt nan là barbari. Người Hazara sử dụng rất nhiều dầu mỡ trong nấu ăn mà tôi đã nhìn thấy sự sùng sính mỡ trườn bao lấy những quả trứng đã chế biến món ốp la. Họ thường sử dụng

dao, nĩa và muỗng khi ăn mà rất ít ăn bốc như người Afghanistan. Trà là thứ nước uống giải khát trong và sau bữa ăn. Đôi khi buồn cười nhưng tôi cho rằng đó là sợi dây vô hình kết nối tình thương giữa các thành viên gia đình lại với nhau trong một bữa ăn. Người Hazara không chia phần ra đĩa hay dọn mâm cơm tươm tăt mà cả gia đình ngồi bệt xuống đất, quay quần hì hục thưởng thức món ăn được nấu trong những chiếc xoong hay chảo lớn. Tôi đang ăn món bánh mì ốp la như cách sinh hoạt truyền thống của người Hazara trong một gia đình.

Thời gian còn lại, anh tài xế hướng dẫn tôi và Denis rong chơi, ngắm nhìn những nét đẹp thiên nhiên của sáu chiếc hồ với những tên gọi khác nhau: hồ của những người nô lệ (Band-e Gholaman), hồ người đầy tớ trung thành của ngài Amir (Band-e Qambar), hồ vĩ đại (Band-e Haibat), hồ những viên phô mai (Band-e Pamir), hồ cây bạc hà hoang dại (Band-e Pudina) và hồ cây gươm linh thiêng của ngài Amir (Band-e Zulfiqar). Khám phá Band-e Amir, tôi mới hiểu sự kỳ lạ của thiên nhiên và tại sao những chiếc hồ lại có tên lạ lùng như thế. Sự vô tình hay sơ ý của tạo hóa khiến những khối đá mesa được tạo ra không đồng đều về độ phân tầng. Sự không đồng đều làm những chiếc hồ trong lòng Band-e Amir luôn chứa đầy nước do sự chảy tràn từ hồ nước lớn Haibat xuống phía dưới. Sự chảy tràn còn tạo nên những thác nước tuyệt đẹp trên vách thành hồ. Sự kỳ lạ của thiên nhiên trong đôi mắt tôi ở Band-e Amir là hình dáng những chiếc hồ đủ ý nghĩa để đặt tên và nó miêu tả những gì cơ bản nhất của con người. Hồ nước trung tâm Haibat tôn vinh sự vĩ đại của ngài Amir trong việc dẫn dắt người Hồi giáo đến gần hơn vòng tay nhân từ của Thánh Allah. Hồ nước Pamir và hồ nước Pudina nằm ở phân tầng thấp hơn ngay bên dưới hồ Haibat với hình dáng giống viên phô mai lớn và cây bạc hà là những nhu phẩm thiết yếu cho cuộc sống: thức ăn và bài thuốc dân gian. Hồ của những người nô lệ đại diện cho tầng lớp đông trong xã hội chưa được thức tỉnh vẫn nô lệ cho quyền lực và đồng tiền, người đầy tớ trung thành đại diện cho những sứ giả cấp cao đại diện cho ngài Amir kêu gọi người Hồi giáo tỉnh giấc trong bến mê muội. Chiếc hồ thấp nhất có hình dáng một lưỡi gươm dài là Thánh vật để ngài Amir diệt trừ những loài quỷ dữ luôn cám dỗ loài người sẵn sàng

quên mất tính “nhân” lao vào vũng lầy tội lỗi. Thiên nhiên luôn có những điều kỳ bí đến không ngờ khi anh tài xế hướng chúng tôi ngắm thật kỹ những khối đá mesa trôi lên ven theo thành hồ Zulficar, hình dáng sắp xếp của chúng không khác chi một đuôi gươm.

img632

img634

Hồ Band-e Amir ở Bamiyan, Afghanistan

Nhờ sự giúp đỡ của ông Mohammad, chúng tôi trở về Kabul trên chuyến xe sớm lúc 4 giờ sáng. Theo ông, thời điểm đó khá an toàn vì Taliban vẫn còn ngủ. Trên chuyến xe còn có một anh phụ xế đi cùng mà theo anh tài xế khá sõi tiếng Anh giải thích là cần người hỗ trợ nếu sự cố xảy ra. Trong màn sương lạnh buổi sáng sớm, vạn vật như biến mất, chúng tôi ngủ gà ngủ gật theo nhịp điệu lắc lư của xe. Giấc ngủ ngắn vẫn trong veo như mỗi khi bình minh lại đến. Từ sâu thẳm trong tiềm thức của mình tôi luôn tin rằng phiến quân Taliban không quá rảnh thức giấc sớm sẵn người trong điều kiện thời tiết khá lạnh như thế này, tôi bắt giấc quay qua trêu chọc Denis bằng nụ cười sảng khoái khi xe vào vùng Taliban chiếm đóng, nhưng Denis nghiêm khắc bảo tôi: Hãy dành nụ cười ấy khi về đến Kabul!

Chương V Vàng son một thuở Herat

Tiếng bíp bíp tin nhắn điện thoại đã phá hỏng giấc ngủ vùi của tôi sau khi quay lại Kabul. Tin nhắn được gửi từ hai hôm trước mới đến hôm nay làm tôi hoàn toàn tỉnh giấc. Tôi thần thờ đọc kỹ từng chữ một trong tin nhắn do anh trai gửi: “Mẹ bị té, gãy xương đùi trái. Tệ hại hơn là mẹ đã thấy ma quỷ chờ đưa đón. Tranh thủ đổi vé máy bay về báo hiếu.”

Trao đổi ngắn qua điện thoại với anh trai tôi nhận được lời khuyên khích: “Hôm nay mẹ có dấu hiệu tốt hơn rồi, mẹ vẫn luôn nhắc và muốn biết em có an toàn hay không. Với mẹ, em vẫn là đứa con ngoan nhưng em luôn gieo cho mẹ sự lo lắng bởi các quốc gia em đi không an toàn. Cứ tiếp tục hành trình, đi về đất Phật cầu nguyện cho mẹ tai qua nạn khỏi. Nếu tình trạng diễn biến xấu đi anh sẽ liên lạc lại!” Tôi ngòì thừ ra chẳng biết làm gì hơn khi trong người là sự đấu tranh giữa trái tim và lý trí.

Tôi có nên đến “thành phố trái tim”?

Denis chia tay tôi bằng bữa ăn tối theo kiểu người Mỹ mạnh ai nấy trả phần thức ăn của mình. Mấy ngày đồng hành cùng anh bạn người Czech cũng vui, những câu chuyện phiếm dọc đường cũng xua bớt đi nỗi sợ khi qua vùng đất Taliban chiếm đóng. Tôi cũng an tâm khi đi máy bay đến Herat bởi phiến quân Taliban vẫn chưa sở hữu những vũ khí hạng nặng có thể bắn rơi máy bay dân dụng ở tầm cao. Vẫn còn một chút e ngại đang chiếm lấy trái tim bởi Herat là cửa ngõ mà các chiến binh Taliban vận chuyển chất trắng đến các quốc gia châu Âu và trong dòng chảy sắc màu Ba Tư tôi đâu phân biệt được ai là người tốt kẻ xấu. Một đêm tối lạnh lạnh, hương vị món kebab gà trong quán ăn nhỏ cách nhà nghỉ vài căn vẫn ngon nhưng tôi không sao nuốt nổi bởi trong lòng là nỗi lo canh cánh về sức khỏe của mẹ tôi.

Denis phá tan dòng suy nghĩ vu vơ của tôi khi anh ta đưa ra câu hỏi: “Linh sẽ quay lại Afghanistan một lần nữa chứ?” Tôi hỏi lại ngay Denis cũng chính bằng câu hỏi ấy. Denis cười gượng gạo cho biết: “Tôi sẽ quay lại khi đất nước này không còn chiến tranh, nhưng đợi đến lúc hai chữ hòa bình đúng nghĩa trở lại thì không biết đến bao giờ!” Tôi ậm ừ cho qua chuyện: “Biết đâu được rồi một ngày tôi sẽ trở lại Afghanistan trong màu áo tình nguyện viên của Liên Hiệp Quốc. Đôi khi tôi cực đoan đến mức cho rằng kiếp này tôi đã tạo đủ “phước” theo tâm linh Phật giáo nên Diêm Vương không giữ mạng tôi quá sớm khi đến vùng đất bị từ chối để làm công việc thiện nguyện. Trong vùng khói lửa chiến tranh vẫn còn rất nhiều nét đẹp quyến luyến tôi. Một ai đó đã nói với tôi rằng, khi ta ở đất chỉ là đất ở, nhưng ta đi đất bỗng hóa tâm hồn. Ngày đầu tôi đến vùng đất chết với biết bao nỗi sợ bám lấy, dần dà những nét đẹp thiên nhiên hay nét văn hóa truyền thống của người Hồi giáo đã níu bước chân tôi làm nỗi sợ ấy đang vơi dần...”

Tin nhắn từ anh trai là niềm hoan hỉ trong buổi sáng Kabul long lanh nắng vàng qua phố. Sức khỏe mẹ tôi khá dần lên khi bà ăn trọn vẹn một chén cháo thịt băm cùng một ly sữa. Tôi thông dong vác chiếc ba lô nhỏ đủ vật dụng cho ba ngày ở Herat ra sân bay. Tôi không muốn gõ cửa chào tạm biệt Denis, phá tan những giấc mơ đẹp khi trở về Praha bằng chuyến bay buổi chiều.

Chuyến bay đến Herat

Sự đa sắc văn hóa ở Afghanistan cùng với chiếc khăn patus đang quấn trên đầu đã làm cho những hành khách trong phòng đợi ra máy bay không nhận ra tôi là người xa lạ. Anh Afghanistan có khuôn mặt tròn ngời bên cạnh chỉ phát hiện ra sự ngoại lai khi anh hỏi một câu nào đó bằng ngôn ngữ Dari. Tiếng Anh bập bẹ của anh làm tôi phát run khi nhìn theo hướng tay chỉ về phía hai người đối diện ngồi xa xa ở góc phòng chờ. Đó là hai ông lão độ chừng 60 tuổi với bộ râu dài trắng toát đang chuyện trò to nhỏ với nhau mà anh cho rằng đó là những chiến binh Taliban thật sự. Anh quả quyết gật đầu xác nhận sau câu hỏi của tôi: “Thật không?” Không run làm sao được khi tôi đang hiện diện ở vùng đất tử thần với những chuyến bay

không an toàn. Tôi quay qua hỏi anh ta một lần nữa: “Anh có chắc không, tại sao mọi người không ngăn chặn bọn Taliban lại?” Anh không trả lời mà đang cố gắng che giấu nụ cười thỏa mãn vào trong khuôn mặt giả vờ nghiêm nghị.

Hai ông lão đáng kính không thể là Taliban bởi bộ áo chùng dài hay chiếc khăn trắng toát trên người là những mặt hàng tơ lụa rất đắt tiền. Làn da trắng hồng trên khuôn mặt, đôi bàn tay sạch sẽ trong bộ áo truyền thống được ủi phẳng khiu không một nếp gấp là những gì khác hẳn với lời kể của nhiều người bằng cách nào phân biệt giữa Taliban và thường dân.

Qua năm lần kiểm soát tôi mới vào được phòng chờ và thêm hai lần kiểm soát trực tiếp tại cổng lên máy bay tôi mới tìm được chiếc ghế để ngồi. Tôi đoán ra anh trung niên trêu chọc nỗi sợ đã loan tin với mọi người trên chuyến bay về sự xuất hiện người nước ngoài xa lạ mà họ nghi là phóng viên một tờ báo nào đó chứ không hẳn là một du khách đơn thuần. Những bà chị Hồi giáo ngoảnh mặt lại chăm chăm nhìn thẳng vào tôi, các anh thanh niên trai tráng tiến lại gần với những cái vồ vai động viên, những câu hỏi tiếng Anh đơn giản như là cách họ quan tâm đến tôi. No nê sau bữa ăn trưa được phục vụ bởi các tiếp viên hãng Ariana, nhóm người ngồi quanh lại muốn giết chết thời gian bằng cách trêu chọc tôi. Họ chỉ trở vào một ai đó đang ngồi xa xa và nghiêm khắc khuôn mặt ra ký hiệu cho tôi hiểu đó là phiến quân Taliban đang hiện diện trong chuyến bay. Họ đang lấy nỗi sợ của tôi ra làm trò đùa.

Một trong hai ông lão từng bị tôi nghi ngờ là Taliban ngồi phía trước tôi hai hàng ghế tiến đến và nói gì đó với nhóm người trêu chọc làm họ im thin thít. Ông khoảng 60 tuổi, di chuyển nhanh nhẹn với thân hình hộ pháp độ chừng 1m85 với mùi nước hoa cao cấp thơm rất riêng của người Hồi giáo. Ông vỗ về tôi: “Đừng sợ cháu à, không một ai là phiến binh Taliban trên chuyến bay này đâu. Tất cả đều là thương gia nhiều tầng lớp sống ở Herat và Kabul. Một người dân thường không đủ tiền để mua vé máy bay, nếu cần đến Kabul họ luôn phó mặc tính mạng của mình cho Thánh Allah khi xe buýt xuyên qua tỉnh Ghor. Chỉ cần nghe đến Taliban thì cháu đã hiểu nỗi

sợ nó như thế nào, hướng hồ chi những người Afghanistan luôn phải đối diện với nó hàng ngày. Sống trong vùng khói lửa chiến tranh, cháu sẽ hiểu người ta yêu quý hai chữ hòa bình đến mức nào. Người Afghanistan sẽ hiểu được giá trị và ý nghĩa cuộc sống thật sự sau những lần sống sót qua chiến tranh. Một Herat hơn 3.000 năm lịch sử vẫn an bình đang chờ bước chân cháu đến khám phá...”

Yêu Herat qua những vàng thơ trầm bổng

Herat là một thành phố khá nóng bởi nó không nằm trong lòng thung lũng như các thành phố khác của Afghanistan mà nằm trên một sa mạc mênh mông cát vàng. Những đám mây trắng như lời gọi mời mà những cơn gió không cưỡng lại sự ham muốn được dặt tay rong chơi cuối trời quên lãng. Sự lang bạt của chúng giữa tự do đất trời, qua những sa mạc rộng lớn vẫn còn thấm đẫm những giọt sương xuân khiến chúng đã quên lối về. Cái cũ đi, cái mới lại đến như quy luật tự nhiên muôn đời và những ngọn gió xuân trẻ đầy sức sống đã làm dịu đi không khí oi ả khi màn đêm buông xuống. Cũng như những người Pakistan khi gọi Islamabad và Lahore, người Afghanistan luôn gọi Kabul là thành phố “lý trí” với một cái đầu luôn nóng còn Herat là một thành phố “trái tim” đúng nghĩa để yêu thương. Cái nội nghệ thuật ở Herat là những bài thơ theo phong cách Ba Tư cổ mà những người phụ nữ sẵn sàng lao đến ngôi mộ nhà thơ tài ba hàng ngày. Một buổi sáng còn long lanh giọt sương mai hay trong buổi chiều tím vệt nắng khói sương, họ luôn đặt một cành hoa hồng đỏ thắm trên ngôi mộ rồi lãng đãng đắm chìm dần vào những vàng thơ lãng mạn bay bổng.

Anh tài xế quay ô cửa sổ xe chắn bớt những cơn gió nóng thổi qua giữa trưa hầm hập. Tôi đưa cho anh địa chỉ nhà trọ Jaam nằm ở phía Tây khu phố cũ Darb Khosh nhưng anh bảo là khách sạn đã đóng cửa do không nhiều nữa khách ghé qua. Anh móc điện thoại trao đổi với ai đó và quay sang khuyên cáo tôi nên ở khách sạn Marco Polo với giá 40 USD/đêm sẽ an toàn hơn cho phóng viên chiến trường. Tôi chỉ là một du khách bình thường, yêu Herat qua những bài thơ trầm bổng trong các khu mộ cổ và thích ngắm nhìn

những viên gạch mang sắc màu Ba Tư trong ngôi thánh đường Ngày Thứ Sáu có tuổi đời hơn 800 năm. Tôi cười lớn đáp trả anh là hãy thả tôi tại khu phố Darb Khosh, tôi sẽ tìm những nhà nghỉ dành cho người địa phương với giá biến thiên từ 6 – 8 USD/đêm bởi tôi là du khách đi bụi không có nhiều tiền. Anh ta dò xét thái độ rồi dần dà chuyển hướng khuyến cáo tôi nên mua nha phiến để sử dụng trong những ngày rong chơi ở Herat. Tôi lắc đầu từ chối dứt khoát.

Một vài tờ tiền Rial của người Iran nằm trong hộc xe bị gió cuốn bay tứ tán trong xe, tôi giúp anh nhặt và xếp lại ngay ngắn như trước đó. Herat là thành phố biên giới giữa hai nước Afghanistan và Iran, bên kia chiếc cầu biên giới là thành phố Mashhad của người Iran. Chẳng một ai ở Herat ngó ngang đến đồng bản địa Afghani có giá trị quá thấp so với đồng Rial bởi người ta tìm thấy những gì thật sự có giá trị trên chiếc cầu biên giới giữa hai nước. Đó là những cuộc mua bán trao đổi chất trắng, những mối lái âm thầm đưa đoàn người vượt biên giới đi tìm cuộc sống mới. Tất cả được thanh toán bằng đồng Rial của người Ba Tư.

Một vài thông tin tôi đã đọc qua tài liệu trước đó khi đến thành phố lớn thứ hai của Afghanistan làm tôi khá yên tâm: Herat là một thành phố mộ đạo, trình độ dân trí ở đây rất cao và số người có thể nói tiếng Anh nhiều hơn bất kỳ thành phố nào ở Afghanistan kể cả thủ đô Kabul. Trung tâm thành phố Herat vẫn thanh bình với những hàng thông ba lá luôn thì thầm trong gió trên những con đường quá đổi im ắng. Mùa xuân đang dần trôi qua, một vài chú ve con lột xác sớm đang nỉ non gọi giọt nắng hè. Giai điệu hòa tấu của những chú ve con êm dịu du dương như những vàng thơ tình nhẹ nhàng đắm sâu trong tâm hồn của người Herat. Cũng giống như người Iran, người Herat luôn yêu thích những cây thông xanh già tỏa bóng mát là loại hoa kiểng chính được trồng dọc theo phố và những cây thông non được cắt tỉa chăm chút trồng giữa những hành lang giao thông trên đại lộ lớn. Những người Herat luôn tin rằng, sự hoạt động quang hợp của loại thông ba lá thải ra môi trường loại ion đặc biệt làm mát lạnh không khí xua đi cái nóng bức của khí hậu đặc trưng sa mạc, người ta thích ngửi từng hương ngai ngái hăng hắc lan trong gió bay xa. Tôi khá ngạc nhiên vì anh tài xế taxi đưa tôi đến

đúng địa chỉ nhà nghỉ Jaam mà trước đó anh khẳng định nơi này đã sập tiệm. Anh lúng túng giải thích vòng vo trước khi hướng dẫn tôi đi một đoạn vào khuôn viên tòa nhà, leo bộ cầu thang lên tầng hai sẽ là sảnh tiếp tân. Tôi tip cho anh thêm 1 USD cùng với giá cố định từ sân bay vào trung tâm là 10 USD.

Quản lý nhà nghỉ Jaam là ba anh em ruột thịt. Chỉ cần nhìn bộ áo truyền thống shalwar kameez, chiếc khăn patus được dệt từ những sợi linen mát lạnh hay những viên đá quý, to đùng dính vào chiếc cà rá trên tay tôi cũng đủ hiểu họ là những người khá giả ở Herat. Tôi luôn ấn tượng khuôn mặt thon dài của ông anh cả, đó là hình ảnh tuyệt đẹp đặc trưng của những vị vua Ba Tư trong các bức họa. Hai người em còn lại của ông thân hình cao to vạm vỡ với khuôn mặt tròn vành vạnh lún phún những sợi râu quay nón chưa được cạo. Mọi người trong nhà nghỉ khá bất ngờ khi có một người xa lạ đến tìm chỗ qua đêm bình dân. Đã lâu và rất lâu mới có một người nước ngoài tìm đến Herat khám phá sắc màu Ba Tư. Người em út quản lý nhà nghỉ Jaam giới thiệu tôi với mọi người.

Căn phòng tôi ở nằm sát góc hành lang bên phải. Nó có vị trí khá đẹp mà ba người quản lý dành riêng cho tôi. Bước ra hàng lang, tôi nhìn thấy dòng đời tấp nập vẫn đang ngược xuôi nhộn nhịp trong lòng phố. Những quầy hàng nhỏ đầy sắc màu gia vị hay bánh kẹo san sát nối tiếp nhau chạy dài về đầu phố. Người mua kẻ bán tấp nập trên đường đã đánh lừa tôi về ý nghĩ: Một thành phố quá yên bình, không một dấu hiệu nào để gọi là khói lửa chiến tranh. Ngày ở Kabul, những chiến hào, bao cát, lô cốt hay thùng phuy để tôi còn biết rằng thủ đô Afghanistan vẫn đặt trong tình trạng báo động cao cho cuộc chiến. Bên phải căn phòng là góc ngắm nho nhỏ đủ để tôi nhìn thấy thánh đường Ngày Thứ Sáu vẫn kiêu hãnh sừng sững mình trong nắng với sáu cây cột Thánh được ốp đá tuyệt đẹp vươn lên trời xanh. Bên trái cánh tay, tôi có thể ngắm nhìn những đụn cát mờ sương khói nổi đuôi nhau theo gió đi về phía chân trời. Một Herat khi nhìn từ phía tay trái không thể phỉnh phờ tôi như những thành phố xa hoa của các quốc gia Ả Rập được phủ xanh cây cỏ mà chỉ nhờ cái nóng cái gió tôi mới biết rằng mình đang ở trong lòng sa mạc.

Nét xưa trong sinh hoạt truyền thống của người Ba Tư vẫn còn lưu giữ ở khu phố cũ Darb Khosh. Một ngày oi ả trôi qua, nhà tắm công cộng luôn đông đúc vào cuối mỗi buổi chiều tà. Người Herat đến đây chơi một vài ván bi-a, chơi vài ván bài tú lơ khơ giải trí với bạn bè, đánh lại cho đôi giày thật mới hay chần chu mái tóc, bộ râu để mình thật bảnh bao khi ra phố và sau cùng tắm trong những căn phòng nhỏ gột rửa và quên đi một ngày vất vả trên đường đời. Nhà tắm công cộng nằm bên trong ngõ hẻm nhỏ đối diện nhà nghỉ Jaam. Quán ăn nhỏ nằm hẳn bên trong nhà nghỉ Jaam tiện lợi vô cùng cho tôi để trả lời câu hỏi luôn hiện diện trong đầu ngày hôm nay sẽ ăn gì. Tiếng Anh bập bẹ của ông chủ nhà nghỉ ít nhất giúp tôi có được những bữa ăn theo truyền thống đặc trưng của người Herat. Anh Hanif Sadad, cậu chủ út nhà nghỉ Jaam cười to khi tôi gọi những miếng kebab trườn mà theo lời đồn đại sẽ tuyệt ngon khi thử qua hương vị ở Herat. Anh cho tôi biết, Herat không chỉ nổi tiếng kebab cừu, mà còn có món cơm kichiri quroot, gà hầm chainaki hay những chiếc bánh ngọt sohan halwa, shipira tuyệt ngon. Anh khuyến cáo tôi thử qua món gà chainaki cho lần đầu đến Herat.

Quả là danh bất hư truyền thịt gà Herat! Hương vị gà rất thơm tự nhiên, nó không như những miếng gà kebab ở Kabul được cắt nhỏ ra từ những miếng ức gà to dùng trắng muốt mang đậm hương vị chuồng trại. Những người Afghanistan cho tôi biết, không khí lành lạnh của thung lũng Kabul khiến chuồng trại nuôi gà luôn được che chắn phủ kín để phòng ngừa bệnh cúm gia cầm lan mạnh. Không nhận nhiều ánh sáng mặt trời, “hôi lông” trở thành căn bệnh trầm kha thấm dần vào da thịt của chúng tạo nên hương vị chưa thật sự đúng chất gà. Khí hậu sa mạc nóng bức ở Herat luôn đi ngược với các thành phố khác ở Afghanistan. Thời gian của tôi còn khá dài ở Herat nên cũng chẳng vội hỏi cách thức để nấu món gà chainaki, tôi mong muốn kết thúc vội bữa ăn để đến thánh đường Hồi giáo Ngày Thứ Sáu được xem là trái tim của thành phố lãng mạn Herat.

Câu kinh Quran ngân nga theo gió

Tôi vẫn dùng chiếc khăn patus quấn trên đầu để giả dạng người Afghanistan rong chơi trên phố. Một vài người chủ trong các cửa

hiệu nhỏ ven đường đã nhận ra sự khác biệt trên khuôn mặt hay bước chân nên vẫy tay chào tôi. Họ muốn tôi ghé lại quầy hàng trò chuyện đôi chút, dùng qua ly trà đen truyền thống, nhấm nháp một vài viên kẹo thơm để thấy được một Herat nồng ấm, khác biệt như thế nào so với các thành phố khác. Những câu kinh Quran, những lời giáo huấn của vị Thiên sứ Mohammad, một trái tim nồng ấm dành riêng Thánh Allah đã làm tâm hồn của người Herat rộng mở. Nơi đó chỉ có tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những người anh em mang dòng máu đỏ trong người. Không còn biên giới, màu da, sắc tộc hay tiếng nói riêng, chỉ có những tâm hồn đong đầy sự quý mến, kính trọng, chia sẻ buồn vui trong cuộc sống hàng ngày tìm đến nhau. Sự hiếu khách của quá nhiều người khiến tôi bối rối bởi không biết ghé vào cửa hiệu nào chào hỏi cho đúng nghĩa. Thôi đành nở nụ cười thật tươi trên môi, vẫy tay chào, lướt qua nhau thay cho lời ước hẹn.

Herat vẫn mang trong người hình dáng của một thành phố Trung Á với kiến trúc ô bàn cờ được xẻ ngay hàng thẳng lối. Một vài chiếc xe ba gác bán hàng rong qua phố còn lưu lại nét đặc trưng của vùng đất Nam Á. Những trái cam vàng tươi màu da, những trái lựu đỏ thịt đang vào mùa. Không giống như một số thành phố sa mạc khác bộn bề rác thải sinh hoạt, người Herat luôn bảo vệ môi trường bằng những chiếc túi nilon to bên dưới gầm xe đẩy. Thánh đường Ngày Thứ Sáu vẫn trầm lặng, im ỉm cánh cửa huyền bí của mình trong khuôn viên rộng lớn đầy hoa cùng những hàng cây chà là ve vẩy tán lá trong gió. Cái nắng rất người khiến trung tâm khu phố cũ Darb Khosh im ắng, thỉnh thoảng một tiếng vịch vịch từ vòng quay bánh xe đạp của một ai đó qua phố phá đi âm thanh im lặng giữa buổi trưa xuân. Một vài người bán hàng rong mách tôi rằng, thánh đường sẽ mở cửa vào lúc 4 giờ chiều để mọi người đến đây vùng vẫy riêng trong thế giới tâm linh.

Hai cây cột Thánh phía sau thánh đường vẫn hiên ngang đứng giữa trời xanh thách thức thời gian. Trước khi vẽ sơ đồ thành phố trong miếng giấy nhỏ để tôi khỏi bị lạc, anh Hanif Sadad giới thiệu sơ bộ với tôi về sự chuẩn mực quy hoạch kiến trúc đô thị trong lòng kinh đô Herat của các vương triều Timurid vào thế kỷ 14. Ngôi thánh

đường linh thiêng nằm cuối khu vực phía Tây kinh đô nối với pháo đài vững chắc nằm ở đầu phía Đông thành một trục thẳng hàng. Khi bình minh lên, từ pháo đài nhìn thẳng về ngôi thánh đường, các thành viên hoàng gia cầu nguyện trái lòng với Thánh Allah trong ánh mặt trời soi sáng để ngự trị đất nước bằng sự liêm khiết, một luật pháp trong trắng không gợn đục như ý nghĩa đích thực của buổi sáng tinh mơ. Khi hoàng hôn xuống, nhìn ánh nắng đậm màu phản chiếu vào các mảng đá ốp trên thánh đường tạo thành những vầng hào quang rực sáng các thành viên hoàng gia luôn tự hào về sức mạnh của mình đã xây dựng bấy lâu nay để các đế chế luôn phát triển, tồn tại mà không bị diệt vong. Một ngày nào đó rồi họ cũng sẽ đi xa theo quy luật của cuộc sống, nhưng các hoàng đế hy vọng chiếc gương phản chiếu vào mỗi buổi chiều tà là động lực để con cháu ngài trên vó ngựa chinh yên dũng mãnh xông pha trận mạc, không hề run sợ trước sức mạnh của quân thù. Vầng hào quang ấy như một hương thơm lan tỏa có sức quyến rũ ngàn đời cho mai sau.

Thằng bé bán thạch trên chiếc xe đẩy cạnh thánh đường có khuôn mặt thật đáng yêu. Mái tóc màu hung dợn sóng hòa quyện đến cân đối trong khuôn mặt tròn bầu bĩnh đặc trưng của người Ba Tư. Cặp mắt màu hạt dẻ tinh thước và trong bộ áo truyền thống shalwar kameez màu đen tuyền càng tôn lên làn da trắng hồng của nó. Nửa tháng hành trình đã đi qua cùng với cái nóng bức khí hậu sa mạc, tôi chợt thèm thứ nước uống nào đó giải nhiệt gần gũi với hương vị Việt Nam. Nhắm tính cái giá mà thằng bé viết trên miếng giấy carton nhỏ treo cạnh bên chiếc xe đẩy chỉ chừng khoản 10.000 đồng/ly thạch. Nhìn những loại thạch đa màu sắc đang bày trên quầy hàng có một chút dơ dáy bụi đường nhưng tôi muốn ủng hộ thằng bé. Thằng bé ra ký hiệu với tôi một 30.000 đồng/ly! Cuộc đời của nó cũng như bao đứa trẻ khác ở Herat, vẫn là sự thiệt thòi quá lớn và chúng vào đời rất sớm để giành giật lấy sự sống lẫn miếng cơm manh áo hàng ngày.

Nhìn những khối đá bào mềm mại rớt ra từ máy xay tôi chợt nhớ về ký ức tuổi thơ của mình. Đá bào được ép chặt chế sirô đổ dâu trên đầu là món uống giải khát giữa buổi học mà thỉnh thoảng tôi mới tự

thường cho mình sau những bài kiểm tra đạt điểm cao từ số tiền chắt chiu dành dụm qua việc đi rửa ly ở quán chè đêm. Những miếng thạch vẫn đủ độ dẻo nhưng hương vị nước dừa trộn lẫn với sữa còn hăng hắc mùi bò vẫn không đủ thơm ngon như loại nước cốt dừa tươi ở Việt Nam. Trên vùng đất sa mạc, có được bóng cây xanh đã là quý hiếm, làm sao có được những bóng dừa tỏa mát để lấy trái tạo ra hương vị rất riêng cho các món chè. Những mảng đá bào mong manh tan vôi trong ánh nắng chiều, sự tan biến nhanh chóng của nó không đủ để làm loãng đi dung dịch nước đường quá ngọt. Không riêng ở Afghanistan, từ Ấn Độ kéo dài qua đến Bắc Phi, người Hồi giáo gần như rất hảo ngọt. Sự đậm đà của đường trong các loại thức uống không gas hay các loại bánh ngọt luôn khiến tôi luôn có cảm giác gát cổ họng khi dùng qua. Tôi ra ký hiệu cần thêm đá bào và sẽ trả khoản phụ trội với bé trai bán chè.

Câu kinh ê a được phát ra trên loa nhà thờ đang theo gió bay xa. Thỏa mãn khi được giải nhiệt mặt trời đúng lúc rồi lắng tai những đoạn kinh ngân dài dù không hiểu ý nghĩa vẫn cho tôi niềm xúc cảm rất riêng. Em bé trai đăm đăm mắt hướng về cây cột cao của thánh đường để cầu nguyện. Tôi khá ngạc nhiên khi em trả lại cho tôi khoản tiền dư 20.000 mà tôi cho rằng em đã “xất ngọt” khi có cơ hội với một du khách nước ngoài chắc hẳn không bao giờ quay lại Herat. Tôi ra ký hiệu giải thích cho em hiểu rằng tôi sẽ trả đúng giá 30.000 cho ly chè thơm mà em đã từng nói với tôi. Khuôn mặt cậu bé đỏ bừng, bối rối và không sao giải thích được. Em nhất quyết không lấy thêm tiền, chỉ nhận đúng giá ly chè 10.000 đồng. Dù tôi có dúi vào tay cậu bé thêm 10.000 coi như trả thêm khoản phục vụ, em vẫn từ chối và nhét số tiền đó lại vào tay tôi. Em vẫn vui vẻ, hớn hờ trên khuôn mặt chạy đến quầy hàng tạp hóa nhỏ gần đó mượn giùm cho tôi chiếc bật lửa. Thật lạ kỳ, tôi không sao nghĩ ra lý do để giải thích cho hành vi của cậu bé.

Phiến quân Taliban đào ngũ

Trên đường quay trở lại lối chính vào nhà thờ Ngày Thứ Sáu, một vài người bán hàng rong mời mọc tôi mua những trái cam vàng da đầu mùa. Họ vô cùng ngạc nhiên khi người mua xa lạ ngồi sà dưới

đất ven theo hành lang đường đi, lột vỏ quả cam thơm rồi mời lại những người bán ăn cùng. Dòng sông Heray những ào ào dòng chảy của mình băng qua sa mạc để cung cấp nước cho những cây cam trĩu cành trong lòng những thung lũng nhỏ. Sự ngạc nhiên dẫn đến hiếu kỳ làm nhiều người càng quay quần bên tôi trò chuyện đủ điều trên đời dù tôi chẳng hiểu một từ nào từ ngôn ngữ cửa miệng Dari (còn gọi là Farsi) của người Herat.

Quá đổi quen thuộc với hương vị những trái cam Việt Nam có độ Brix (hàm lượng đường Sucrose) biến thiên từ 12.000 – 13.000Br nên tôi cho rằng những trái cam ở Afghanistan không ngon khi độ Brix của nó chỉ đạt khoảng 9.000 – 10.000Br dù màu sắc bên ngoài của chúng vô cùng bắt mắt. Văn hóa ẩm thực trong một quốc gia cũng đã khác nhau trên từng vùng miền huống chi đây là một quốc gia quá khác hẳn nền văn minh Á Đông mà tôi đã sâu đậm từ bấy lâu nay. Tôi hiểu rằng, trái cam ở Afghanistan đạt chuẩn với mọi du khách phương Tây do họ yêu thích các loại hoa quả tráng miệng luôn có nhiều nước, độ ngọt vừa phải hòa trong độ chua cần thiết để kích thích hệ tiêu hóa hoạt động tốt. Khí hậu nhiệt đới đã làm nên sự khác biệt ở trái cây đã tượng hình sau giai đoạn hoa được thụ phấn. Sự khác biệt đó có thể nhìn thấy qua sắc tố hình thành trên vỏ và khi độ Brix càng cao, những tép cam càng ngọt nhưng lại thiếu độ mọng của nước. Múi cam trong miệng tôi từ đang chua chua chuyển đắng nghét khi nhìn thấy một người cao to lù lù đang hướng về nhóm chúng tôi ngồi. Mắt tôi tối sầm khi lý trí mách bảo anh ta chính là phiến quân Taliban đã đào ngũ. Bóng dáng đen đũi ảo ảnh ấy nhỏ rồi to dần, anh ta đang gần và rất gần trong tầm mắt tôi...

Tôi thều thào như sợ anh ta nghe thấy khi quay sang hỏi nhỏ cậu thanh niên trẻ tuổi: “Anh ta là chiến binh Taliban phải không?” Anh thanh niên xác nhận nhưng an ủi tôi rất chân thật, không là trò tiêu đùa tai quái: “Anh ta đào ngũ khá lâu, đã và đang là người tử tế trong dòng chảy xã hội Herat. Bạn không phải lo sợ anh ta! Ở Herat có hai phiến quân Taliban đã đào ngũ, họ đang cố gắng hòa nhập trong xã hội để trở lại người bình thường.” Một cơn gió thoảng qua, tôi đã ngửi được mùi hôi đậm đặc thoát ra từ bộ áo chiếc khăn anh

ta đang khoác trên người. Mùi hôi lạ lùng không diễn tả được khi đã lâu một cơ thể không tắm rửa, giặt giũ. Vết lem luốc bụi đường bùn đất bám trên từng nét nhăn trên khuôn mặt anh ta. Bộ râu dài cùng với bộ tóc bù nhùi đã ngả màu chấy bởi cái nắng sa mạc. Các lọn tóc và những sợi râu đang bết dính vào nhau. Một vài hạt bụi đường thoảng qua, bám chặt lại bởi mồ hôi kết dính, lâu ngày đóng ỏ trên tóc và râu. Nếu không, trong hình hài cao ráo cân đối đó, có lẽ anh ta sẽ đốn ngã không biết bao nhiêu trái tim của các cô gái đến tuổi xuân thì.

Vẫn là những câu chuyện đang kể ra từ bộ răng vàng đã xỉn màu do lâu ngày không được chải chuốt. Tệ hại hơn, trong khoảng ngắt giữa chừng câu chuyện, cặp mắt anh ta lơ lơ vô hồn trắng bệch như một xác chết, đó là triệu chứng “vã” của những con nghiện khi không đủ thuốc. Qua lời dịch của cậu thanh niên trẻ, những câu chuyện tôi từng nghe kể về phiến quân Taliban như lý thuyết trong một cuốn giáo trình còn giờ đang phải đối diện thật sự với thực tế. Lý trí khiêu khích tôi ghê gớm để ngồi lắng nghe câu chuyện dù bên trong cơ thể vẫn là những nỗi sợ chết chóc đang chạy nhào nhào lộn ngược.

Anh sống trong thế giới của nàng tiên trắng khi gia nhập Taliban. Chất trắng điều khiển mọi suy nghĩ của anh và đôi khi anh cũng ra tay giết hại một vài người để khuấy động phong trào “nỗi sợ Taliban”. Khác với thường dân Afghanistan thường sử dụng sọc đỏ trắng làm màu chủ đạo cho chiếc khăn truyền thống patus, những chiến binh Taliban lấy màu trắng đen với ý nghĩa chết chóc tang thương làm màu chủ đạo. Đánh đổi lấy thuốc trắng, anh phải đi cướp bóc các sản phẩm nông nghiệp được tạo ra từ đôi bàn tay cần cù của những người làm nông còn khó khăn gấp trăm ngàn lần anh. Anh lao vào những cuộc tra tấn rợn người hay nã súng vào đồng loại khi một ai đó chống đối sự cướp bóc của Taliban, để rồi người dân lương thiện gục ngã dưới viên đạn khô khốc không chịu nhắm mắt mà vẫn mở trao tráo dù anh cố vuốt cho chúng khép bờ mi đi vào giấc ngủ sâu vĩnh viễn, nhưng sự thù hận quá lớn đã khiến những tia lửa lạ kỳ trong ánh mắt không hề suy giảm.

Lý trí luôn nhắc anh về hai từ “hoàn lương” nhưng để thực hiện nó là một việc không hề dễ dàng. Làm sao có thể cắt cơn khi cơn thể oằn oại khó chịu trong những cơn vã, nó như một bầy kiến lửa cắn nát châu thân vấy lên một cảm xúc vô cùng khó chịu để rồi bộ óc quá mụ mị tiếp tục đưa lối dẫn đường cướp mọi thứ có thể để có tiền mua thuốc. Những câu kinh Quran là ánh sáng dẫn đường để anh hòa mình vào thế giới văn minh loài người. Anh cứ quanh quẩn thánh đường để nghe kinh sám hối cho một quá khứ làm lỗi đầy tội ác của mình. Các chủ quầy hàng nhỏ có việc gì cần làm thì anh sẽ phụ giúp để được trả công bằng những ổ bánh mì tròn hay những đĩa cơm đắp đổi qua ngày. Đánh người chạy đi chứ không ai nỡ đánh người chạy lại và sâu thẳm trong tâm hồn người Herat vẫn là giúp đỡ, đùm bọc nhau trong vòng tay nhân từ của Thánh Allah.

Tim tôi vẫn loạn xạ nhịp đập khi thoát khỏi anh Taliban trong cuộc đối thoại định mệnh đầy duyên nợ. Sự rối loạn nhịp đập cùng với những guồng chân rảo nhanh tháo chạy ra khỏi nỗi sợ khiến tôi phải thở dốc liên hồi. Cái mệt vô cùng khủng khiếp! Tôi không dám ngoái lại nhìn phía sau, chỉ biết băng băng lao về phía trước mà không cần biết nơi mình cần đến là đâu. Tôi cũng chẳng nhớ đến những cánh tay vẫy chào của một ai đó trong các quầy hàng lưu niệm ven đường, hình ảnh những chiếc thảm Ba Tư tuyệt đẹp đủ màu sắc trên các ô cửa chính quầy hàng cứ nhỏ nhắn dần rồi biến hút...

Làn gió mát lạnh len lỏi qua những ô cửa Thánh trong ngôi thánh đường Ngày Thứ Sáu đã làm tôi hạ nhiệt nỗi sợ. Tôi hớp lấy hớp để làn không khí lành lạnh để giảm bớt sự loạn xạ nhịp tim. Tôi tự trách bản thân tại sao không mua cam về khách sạn ăn, không ngồi lê đôi mách thì đâu phải rơi vào tình huống quá tệ hại như thế này. Nỗi sợ hãi tưởng chừng vừa đi khỏi quay lại ngay tức khắc khi tôi nhìn thấy anh Taliban đang vội băng ngang quảng trường lớn nằm trong khuôn viên bốn mặt thánh đường. Ý nghĩ xấu đang chạy qua trong đầu khiến toàn thân tôi tê liệt: Phải chăng anh ta đã phát hiện ra tôi là du khách, thứ anh ta cần nhất trong lúc này chính là tiền. Anh ta đang tìm tôi để bắt cóc chuộc tiền? Đâu chỉ có ví tiền trong ba lô, còn có cả tấm hộ chiếu nữa. Nếu không đủ số tiền như kỳ vọng, liệu rằng anh ta có xé nát hộ chiếu để mình vất vợ vất vường quay lại

Ấn Độ, tìm đến Đại sứ quán Việt Nam làm hộ chiếu tạm thời. Một khi “thú tính” quay lại, không chuyện gì là không thể!

Phải thoát ra khỏi nơi đây ngay lập tức, phải chạy thật nhanh về nhà nghỉ Jaam. Nếu anh ta có dí theo sau, mình sẽ hô to để mọi người nhào tới cứu giúp. Tôi quay lại nhà nghỉ Jaam với một bộ dạng thất thần. Anh Hanif Sadad cười lớn an ủi: “Anh ta trong hình hài một con thú Taliban, nhưng tâm hồn đang được thuần hóa bởi người Afghanistan, anh ta cũng hiền lắm, không bắt nạt bạn đâu. Đừng sợ!”

Ở Herat, chiếc điện thoại của tôi không bắt sóng được như ở Kabul, nhà trọ không có Internet khiến món cơm kichiri quroot chẳng có hương vị gì đặc biệt. Nó cứ trôi tuột qua đầu lưỡi chạy thẳng vào dạ dày để gọi là no để bù lại năng lượng đã mất đi qua những lần toát mồ hôi sợ hãi. Trong lòng vẫn là nỗi lo canh cánh về sức khỏe mẹ tôi! Ra phố để tìm quán Internet thì tôi không muốn bởi trong bóng đêm mọi nguy hiểm đang rình rập. Tôi muốn yên bình trong căn phòng nhỏ bé và đành phó mặc mọi thứ theo ý Trời...

Pháo đài Herat

Giống như trên mọi nẻo đường Aghanistan, bữa ăn sáng của người Herat vẫn đơn giản với chiếc bánh mì tròn taftan cùng với ly trà đen. Tôi gọi thêm hai quả trứng ốp la ăn kèm cho đủ năng lượng ngày mới khám phá những vằn thờ Ba Tư nằm trong các khu mộ cổ. Ông lão phụ chạy bàn kèm theo công việc vệ sinh nhà nghỉ luôn quán quýt tôi mọi lúc. Ông muốn cảm ơn tuýp kem xoa giảm đau cùng một số loại thuốc tây trị các loại bệnh thông thường mà tôi đã tặng ông tối qua. Nhìn những vết sưng tấy ở một vài vị trí khớp tay trên đôi bàn tay già nua theo năm tháng của ông lão, tôi vẫn tin rằng mình luôn khỏe khoắn cho đến khi kết thúc hành trình Afghanistan. Tôi móc hết các loại thuốc dự phòng trong ba lô trao tặng cho ông bởi tôi biết rằng thuốc tây rất quý hiếm ở vùng đất chiến tranh. Khi quay lại Ấn Độ, tôi sẽ mua một vài loại thuốc phòng ngừa để tiếp tục hành trình của mình về kinh đô Phật giáo. Bữa ăn sáng của tôi lâng lâng trong niềm vui nho nhỏ khi ông lão xòe đôi bàn tay khoe tôi

những vết đỏ tấy sưng đã giảm đi rất nhiều sau khi sử dụng qua tuýp kem.

Câu an ủi của anh Hanif Sadad về anh Taliban phần nào đã giúp tôi an tâm hơn khi đi đến pháo đài Herat. Vẫn phải đi ngang mặt sau của thánh đường Ngày Thứ Sáu mới có thể đến được những bức thành trì vững chắc vang bóng một thời nhưng tôi luôn mong muốn không phải đụng mặt anh Taliban một lần nữa. Nỗi sợ Taliban có với đi, nhưng để nó thoát vĩnh viễn khỏi cuộc đời tôi là không bao giờ. Để đến pháo đài Herat, tôi có thể bắt một chiếc tuk tuk để đi, nhưng tôi vẫn thích đi bộ. Tôi muốn đi giữa lòng Herat, ngắm nhìn dòng đời trôi qua từng mái nhà rủ màu bụi cát vàng, ngó dọc ngó ngang những cảnh sinh hoạt đời thường của người bản địa trong các ngôi chợ, quầy hàng hay lơ ngơ trước vẻ đẹp trắng ngần li ti của những cánh hoa cam đang vào mùa thứ hai được trồng dọc theo phố. Đi bộ còn là cách tôi tập thể dục giữ gìn sức khỏe, giảm bớt lớp mỡ bụng tích tụ hàng ngày vì ngồi bù đầu bù cổ công việc ở văn phòng. Giấc ngủ ở nơi chốn xa lạ chưa quen mùi sẽ ngon giấc hơn sau một ngày rong chơi đến rã rời đôi chân.

Tiếng ai đó gọi tôi vừa lạ vừa quen khi tôi băng tắt qua con đường nhỏ để đến pháo đài nhanh hơn. À thì ra là anh trung niên đã trêu chọc vào nỗi sợ của tôi trong sân bay Kabul. Sau cái bắt tay, anh lôi nhanh tôi vào quầy hàng của mình như cách chuộc lỗi và thể hiện lòng hiếu khách của mình. Trái đất quả là thật lớn, nhưng đôi khi nó cũng nhỏ bé đến lạ kỳ! Dòng đời cứ tập nập trôi đi, sống trong cùng một thành phố nhỏ, đôi khi người ta cũng chẳng gặp lại nhau. Đúc kết cho những cuộc hạnh ngộ bất ngờ, người ta luôn cho rằng con người có cái “duyên” năm năm đâu từ kiếp trước. Sự tương phùng có khi châu về hiệp phố, có khi lại là những mối tương oán đến khốc nghiệt. Bên trong căn nhà mặt tiền phố rộng độ chừng 4m, những thiết bị nội thất đắt tiền, đầy đủ mọi thứ cho cuộc sống cũng đã nói lên sự khá giả của gia đình anh. Những chiếc đùi bò to hay mảng sườn trườn không nhiều mỡ được giết mổ theo phương cách Halal treo dày đặc trên sợi dây thừng trên quầy hàng phía trước nhà thơm mùi thịt mới. Gia đình anh kinh doanh các loại thịt cao cấp giúp bữa ăn hàng ngày đủ chất đủ vị. Miếng mứt đào cùng với ly trà đen quá

thơm ngon, nó khác hẳn những hương vị trà đen tôi đã thử qua trong nhà nghỉ Jaam. Tôi nhấm nháp qua mọi thứ như cách xã giao. Anh bán thịt tốt bụng viết vội vào miếng giấy nhỏ đi đường để tài xế xe tuk tuk có thể đưa tôi đến khu di tích Musalla, nơi đó còn bốn cây cột sức mạnh của vương triều Ghurid sót lại với thời gian. Địa điểm ấy nằm cách pháo đài Herat độ chừng 3km và trên miếng giấy nhỏ đã ghi đúng số tiền cần trả.

Màu tường non trong nắng mới của pháo đài Herat với kiến trúc quá đặc trưng của người Ả Rập làm tôi thần thờ chán ghét dòng lịch sử thời gian. Pháo đài không kể cho tôi nghe trận chiến Gaugamela đẫm máu ác liệt giữa vị Hoàng đế vĩ đại Alexander đến từ xứ sở các vị thần với Ngài Darius III, vị vua cuối cùng của triều đại Achaemenid Ba Tư. Sau khi chiếm lấy vùng đất Herat vào năm 330 trước Công nguyên, Đại đế Alexander đặt những viên gạch đầu tiên, sử dụng vữa trát, bùn và rơm rạ trét bên ngoài để tạo nên các bức tường vững chắc cho pháo đài phòng thủ. 2.000 năm với những trận chiến trên gót giày viễn chinh giữa các vương triều Ba Tư hay Thành Cát Tư Hãn đã phá nát toàn bộ những viên gạch đầu tiên thô sơ của pháo đài. Trên những bậc thang chông chênh bên trong pháo đài, tôi ngửi thấy hương thơm những viên gạch mới, màu tường vôi trắng đục cho lần trùng tu mới đây. 2,4 tỷ USD là số tiền đến từ người Mỹ và người Đức cho việc bảo tồn pháo đài kéo dài 5 năm từ 2006 – 2011 sau cuộc chiến với người Anh từ 1839 – 1842. Lẫn trong nét mới là những nét cũ luôn làm vương vấn bước chân du khách. Những viên gạch im lặng với thời gian lại kể cho tôi nghe một giai đoạn khác về lịch sử pháo đài. Chúng vô tri vô giác nhưng lại có sức hút lạ kỳ với tôi.



Pháo đài Herat

Những hoa văn rất đặc trưng của vương triều người Kurd (còn gọi là các vương triều Kartid) vẫn còn in dấu ngay phía trên lối chính vào bên trong pháo đài. Vương triều Kartid xuất thân từ vùng đất Tajikistan ngày nay đã làm cuộc chiến lật đổ thành công vương triều Ghurid và bắt đầu hưng thịnh trong 137 năm sự nghiệp của mình ở

kinh đô Herat. Một vài mối điều khắc giao nhau giữa các mảng tường đá đang sôi nổi phả hơi lạnh vào không trung là hình ảnh tuyệt đẹp của những bông hoa tượng trưng cho dòng dõi hoàng gia Amir Fakhr-al-Din ngự trị Herat từ năm 1295 – 1308. Ông xây dựng lại tháp canh pháo đài, trùng tu những mảng tường cháy xém, xây dựng hào bao xung quanh và ngôi thánh đường nhỏ. Cũng giống như bất cứ pháo đài nào, không chỉ là nơi phòng thủ, lưu trữ vũ khí đạn dược, là một nhà tù hay là nơi diễn ra các cuộc hội họp quân sự cấp cao, bên trong pháo đài còn là nơi sinh sống của các thành viên hoàng gia. Hai cung điện nằm về phía Đông pháo đài được xây dựng dưới thời vua Ghiyath al-Din là nơi chốn đi về riêng tư, sinh hoạt gia đình của hoàng gia. Hai cung điện có tên gọi “Ikhtiyar al-Din” có nghĩa “tôn vinh Fakhr-al-Din”, vị vua thuộc vương triều Kartid vừa bị lật đổ bởi vua Ghiyath al-Din thuộc hậu duệ của vương triều Ghurid. Trong 39 năm chinh chiến, vị vua Ghiyath al-Din được xem là một trong những hậu duệ xuất sắc nhất của vương triều Ghurid khi lãnh thổ của ông kéo dài từ tỉnh biên giới Gorgan (thuộc Iran hiện nay) đến tận vịnh Bengal.

Những nhà khoa học vẫn luôn biết cách làm hài lòng du khách dù công trình đã được trùng tu hoàn hảo. Họ để lại những mảng tường rêu phong để du khách khám phá, thích thú hơn khi gặp gỡ những nhân chứng nghe kể những câu chuyện thật về lịch sử. Vết thời gian không thể xóa nhòa màu đỏ sẫm của những viên gạch chống lửa được ra đời từ đầu thế kỷ 15. Vị vua Shah Rukh, con trai thứ tư cũng là con trai út của vị Hoàng đế Mông Cổ nổi tiếng Thiệp Mộc Nhi đã xây dựng lại pháo đài bằng những viên gạch nung không bén lửa. Họ đã áp dụng công nghệ bậc thầy của người Hindu đến từ nền văn minh sông Hằng trong việc nung khối gạch hai mặt ở nhiệt độ 500 độ C ngoài trời. Những viên gạch không có lỗ ở hai đầu, chúng được kết dính nối với nhau ở các đầu bằng một loại hồ lỏng được lấy từ dung dịch đất sét. Phủ bên ngoài những viên gạch mộc vẫn là một lớp đất sét dày. Hồ lỏng đóng vai trò là chất vữa kết dính sẽ khô cứng liền mạch ở nhiệt độ cao và đã qua tinh luyện ở 500 độ C, những viên gạch đỏ sẫm kia không bị bốc cháy khi thành trì bị phá vỡ bởi những ngọn lửa ở nhiệt độ bình thường. Vị vua Shah Rukh còn là người khá sành điệu, ông cho trang trí một vài

tháp canh pháo đài bằng những bộ kính màu đến từ đất nước hình chiếc ủng trôi trên Địa Trung Hải. Trong thời trung đại, những bộ kính màu trên con đường tơ lụa vẫn là những món hàng quý hiếm, rất có giá trị và chỉ những vương triều nào giàu có hùng mạnh và biết cách “chơi” mới đưa chúng vào trang trí trong những công trình quy mô, đầy tính nghệ thuật để đời.

Bên cạnh những cảnh hoa hồng nhạt màu đang ve vẩy trong gió, anh quân nhân trẻ tuổi cơ thể săn chắc đang tập bắn máy bay theo mô hình định vị sẵn. Pháo đài Herat vẫn còn giá trị trong thời hiện đại, nơi đây vẫn là một doanh trại quân đội huấn luyện những chiến binh tinh nhuệ làm nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Trên tầng cao nhất của pháo đài, những giọt nắng mùa xuân vẫn còn chút mát lạnh hơi sương buổi sáng. Tôi thích thú ngắm nhìn không chán những ngôi nhà cổ đang chìm trong làn bụi vàng nằm phía trước lối chính mua vé vào pháo đài. Sự nóng vội trong người khi muốn vào nhanh bên trong lòng pháo đài đã khiến tôi quên mất ngó qua kiến trúc Ba Tư tuyệt đẹp trên những ngôi nhà nằm dọc theo con đường đất lỏm chỏm đá xanh. Nhiều bài thơ ca ngợi kinh đô ánh sáng Herat là một viên ngọc châu Á trên con đường tơ lụa trong thời cổ trung đại cũng có lý do của nó. Nơi đây từng là những cánh đồng nho xanh ngút ngàn để cho ra đời những ly rượu vang thơm ngon nức tiếng của vùng đất Khorasan. Công nghệ dệt tơ lụa vốn hẳn là bí quyết riêng của người Trung Hoa và trong ánh hào quang chói lọi của mình, Herat đã quyến rũ rất nhiều nghệ nhân từ bỏ quê hương đến đây sinh nhai bằng những làng dệt lụa truyền thống. Công nghệ làm đồng và kẽm ở Herat cũng trên đỉnh cao để rồi những cổ vật quý giá được làm từ đồng thau phục vụ cho các vương triều đã được người Anh thu gom trưng bày trong bảo tàng quốc gia đặt ở London. Nghệ thuật vẽ tranh sơn dầu ở Herat vào thế kỷ 15 cũng thuộc hàng thặng thừa với những bức tranh tuyệt đẹp của nhà họa sĩ tài ba người Herat Kamal ud-Din Behzad vẫn long lanh sáng chói trong bảo tàng văn chương của người Anh tại London. Nội dung trong tranh vẽ của ông Din Behzad vẫn là những cuộc chiến đẫm máu để giành lấy viên ngọc Herat, những sinh hoạt đời thường bên trong hoàng cung, sự tín ngưỡng Hồi giáo linh thiêng.

“Vùng đất mặt trời mọc”

Trong tiếng Ba Tư, Khorasan có nghĩa “vùng đất mặt trời mọc” và Herat là kinh đô vàng son của ánh sáng chói lọi. Vùng đất Khorasan trong thời cổ trung đại là miếng đất to lấp ghép từ Iran, Tajikistan và một phần Afghanistan ngày nay. Để phân biệt với tỉnh lỵ Khorasan hiện tại của Afghanistan, các nhà sử học thường thêm tiếp đầu ngữ “vĩ đại” vào trước chữ Khorasan.

Hơn 1.000 năm qua 6 triều đại từ thế kỷ 9 đến thế kỷ 18, Herat vẫn chói sáng trên vùng đất Khorasan. Người ta cho rằng, Herat luôn thấm đẫm sắc màu văn hóa Ba Tư bởi 5 trong 6 vương triều từng đi qua đời mình là những vị hoàng đế Ba Tư. Ngoại lai trong 137 năm ngự trị ở Herat là vương triều Timurid của người Mông Cổ vẫn chưa đủ sức phá nát những gì người Ba Tư để lại. Người ta lại lý luận rằng, từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 16, chỉ là sự giao thoa văn hóa giữa người Mông Cổ và người Ba Tư, bởi con cháu của ngài Thiếp Mộc Nhi vẫn mang một nửa dòng máu Ba Tư trong người. Đó là sản phẩm được hình thành hay một mối lương duyên bất chợt trên đường mở rộng bờ cõi giữa vị hoàng đế Mông Cổ dũng mãnh với cô gái Ba Tư xinh đẹp. Sự rực rỡ của Herat được đúc kết bằng những câu thơ hay của nhà thơ nổi tiếng Rumi sinh trưởng tại thành phố Balkh vào thế kỷ 13: *“Nếu một ai đó hỏi nhà thơ rằng thành phố nào tuyệt vời nhất. Không cần do dự, nhà thơ trả lời ngay với anh ta đó là chính là Herat. Nếu ví von trái đất là một đại dương mênh mông, thì Khorasan được xem là con trai quý giá trong lòng đại dương. Herat chính là viên ngọc trai lộng lẫy được tạo thành từ bên trong hai vỏ trai lấp lánh.”*

Ánh sáng đi qua, những ngôi nhà cổ kính biến thiên màu sắc lạ lùng. Màu sắc của chúng được hình thành từ lớp cát vàng bám rêu phong phản chiếu những tia nắng ngày càng nóng bức như muốn thiêu đốt vạn vật. Chúng đang đậm màu dần lên với những hàng cột Doric ở mặt sảnh vẫn hiên ngang thách thức thời gian. Dãy nhà cổ kính phía trước mặt tôi là những nhà tắm công cộng, bệnh viện, trường học được xây dựng vào thế kỷ 18 dưới triều đại các vị vua Ba Tư Safavid. Đây là vương triều cuối cùng của người Ba Tư đi

song hành cùng với đế chế Ottoman hùng mạnh của người Thổ trong thời lịch sử cận hiện đại. Những mái vòm hình trụ tròn trông như một búp sen đang vươn lên, những cây cột Doric theo kiến trúc Hellenistic của sóng nước Địa Trung Hải đã tạo thành một kiến trúc rất riêng cho vương triều Safavid. Giữa cái đói nghèo sau cuộc chiến đi qua, người ta còn nhiều thứ phải lo, chẳng ai để ý chi những ngôi nhà cổ. Chúng đang xập xệ và hư hỏng dần theo thời gian!

Khu lăng mộ Musalla

Những chiếc xe tuk tuk dọc ngang phố là dấu hiệu để tôi nhận biết Herat vẫn thuộc vùng đất Nam Á. Thùng xe được sơn hai màu trắng đỏ như sắc màu chủ đạo của chiếc khăn truyền thống patus. Mọi thứ tạm bợ, lắp vá để sinh sôi sau cuộc chiến là điều tất yếu và ngồi trên xe tuk tuk để đến khu lăng mộ Musalla tôi cảm nhận ra điều đó. Sự tạm bợ để có một chiếc xe tuk tuk giá rẻ, thuận tiện cho di chuyển là thùng xe chỉ được đóng bằng lớp sắt nhẹ hều. Sự mỏng mảnh của chúng khi đi qua một cánh đồng trống khiến chiếc xe lắc lư muốn trôi đi theo cùng với những cơn gió sa mạc. Ông tài xế hiền hậu bật cười lớn khi tôi dùng ngôn ngữ cơ thể diễn tả xe tuk tuk vẫn an toàn trong gió chỉ vì nó đang cồng hai cơ thể quá trọng lượng trên người.

Đã thoát ra khỏi trung tâm khu phố cũ Darb Khosh, kiến trúc quy hoạch kinh đô Herat qua các triều đại rõ ràng hơn trong suy nghĩ của tôi. Ngôi thánh đường Hồi giáo Ngày Thứ Sáu nằm ở mũi Đông thành phố. Pháo đài Herat là nơi cư ngụ của hoàng gia nằm giữa, là trái tim kinh đô. Dòng sông Heray bắt nguồn từ dãy núi Baba thuộc miền Trung Afghanistan chảy ngang qua Herat về hướng phía Nam. Dòng chảy của sông Heray độ khoảng 1.100km, lên tận đầu phía Tây để xuôi về Turkmenistan. Dòng sông Heray chính là pháo đài tự nhiên bảo vệ phía Nam và phía Tây kinh đô Herat. Tên “Herat” được đọc trại từ “Heray” và theo ngôn ngữ Hy Lạp cổ, Heray có nghĩa là rộng lớn trù phú. Phía Bắc thành phố là nơi tập kết đóng quân các doanh trại lính chiến và tại đây vương triều Timurid đã cho xây dựng 4 cây cột Thánh cao lớn điều võ giương oai sức mạnh của mình.

Khu lăng mộ Musalla được rào kín bốn mặt bằng những dây thép gai đơn sơ. Cổng chính vào bên trong chỉ chừa lại một ô nhỏ nhỏ đủ một người đi qua. Tôi co ro mình lại như một chú chó con để chui qua ô cửa nhỏ hạn hẹp. Trước đó, ông chú xe tuk tuk cũng đã giải thích dặn dò tôi cẩn thận khi vào bên trong lăng mộ. Bị bỏ hoang trong thời gian dài, khu lăng mộ Musalla là nơi chốn đi về của những con nghiện ma túy ở Herat. Các đệ tử của nàng tiên trắng luôn có sở thích lạ kỳ để chọn nơi cư trú. Nơi là biểu tượng của sự chết chóc với những hồn ma lảng vảng trong đêm hoang lạnh càng khiến họ đầy cảm giác phiêu linh. Rất nhiều xác chết được tìm thấy bên cạnh các ống tiêm vào buổi sáng những ngày mùa đông. Những hạt tuyết cứ bay vô định trong màu xám xịt của đất trời, nhìn những thân thể từ già cõi đời trong hình dáng cong queo, co ro cúc rúc chống lạnh trên chiếc nệm êm lá vàng úa, không một trái tim nào ngăn được những giọt nước mắt bi ai. Tín hiệu khá dần lên khi nhà nước ngó ngàng đến việc quản lý. Âm u, lạnh lẽo của cái chết đang được những hơi thở dương hóa dần khi có nhiều sinh viên của trường Đại học Herat tìm đến đây học bài cho những kỳ thi.

Vườn địa đàng của Hoàng hậu Gowhar Shad

Cuộc trò chuyện thì thảo của dãy hàng thông, dương liễu với những cơn gió lao xao đã xua đi cái nóng bức hầm hập vây kín xung quanh. Vườn địa đàng của Hoàng hậu Gowhar Shad thật tuyệt vời trong việc sắp xếp kiến trúc thực vật. Bên dưới những hàng thông to gốc là những cây cam non li ti những cánh hoa trắng muốt. Dưới cùng là mớ hoa bồ công anh non người mới nở dựng lên những cơn sóng trắng khi làn gió xuân đi qua. Nếu người Ấn Độ có một Taj Mahal mang đậm kiến trúc Mughal là biểu tượng bất diệt của tình yêu thì người Herat lại xem lăng mộ Gowhar Shad theo kiến trúc vương triều Timurid là biểu tượng tình yêu cho riêng mình. Hai hàng thông nhỏ được cắt tỉa cẩn thận chạy dài song song hai bên len qua đài nước phía trước rồi mát hút vào trong lăng mộ rộng lớn khiến tôi nhầm lẫn mình đang ngắm nhìn Taj Mahal ở Agra. Hai kiến trúc mang sắc màu văn hóa khác nhau, vật liệu hình thành nên những kiệt tác và người chủ xây dựng công trình hoàn toàn khác biệt, nhưng cả hai đều hướng đến hai chữ “tình yêu”. Đi sâu xa hơn nữa

để phân tích hai chữ “tình yêu”, tôi thấy mình đã ngộ nhận quá nhiều ý nghĩa về hai chữ tưởng chừng như đơn giản. Taj Mahal chỉ là tình yêu dành cho đôi lứa, nhưng Gowhar Shad lại là tình yêu đất nước.

Gowhar Shad là cô con gái cưng của nhà quý tộc Giath ud-Din Tarkhan có tầm ảnh hưởng lớn trong vương triều Timurid vào thế kỷ 14 với kinh đô đặt tại Samarkand (Uzbekistan ngày nay). Cô kết hôn với vị Hoàng đế Shah Rukh lúc 17 tuổi. Vua Shah Rukh là con út của ngài Thiếp Mộc Nhi và được kết tinh từ hai dòng máu Mông Cổ – Ba Tư. Dọc theo con đường tơ lụa, những bản nhạc ballad du dương nhẹ nhàng của người Pháp đã đến Herat để ca ngợi tình yêu đẹp tựa bài thơ của vua Shah Rukh dành cho Hoàng hậu Gowhar Shad. Tình yêu đó không chỉ là những nét đời thường trong cuộc sống vợ chồng mà còn là tình yêu dành cho người phụ nữ tài ba trong chính trị. Cùng với người anh trai, Hoàng hậu Gowhar Shad đã giúp vua Shah Rukh rất nhiều trong việc triều chính lẫn quản lý nội cung. Những bản nhạc ballad từ các nghệ sĩ lớn ở Herat trầm bổng rồi cao vút trong lăng mộ khi Hoàng tử Ulugh Beg ra đời sau cuộc hôn nhân sáu năm đầy viên mãn. Chính bà đã khuyên chồng dời kinh đô từ Samarkand về Herat vào năm 1405 khi nhận thấy giá trị thật của viên ngọc Viễn Đông. Vùng đất Samarkand giao lại cho Hoàng tử Ulugh Beg quản lý khi ông được 11 tuổi.

Mang trong mình dòng máu Ba Tư, Hoàng hậu Gowhar Shad đem đến sức sống mới cho Herat bằng một hoàng cung lộng lẫy hay những công trình công cộng mê hoặc lòng người. Chúng phá vỡ sự sáng tạo “Bán cổ điển Ba Tư” mà giới hội họa lúc bấy giờ gọi là hơi thở nghệ thuật riêng của vương triều Timurid. Không chỉ ở Herat, kiến trúc nghệ thuật “Bán cổ điển Ba Tư” còn ảnh hưởng sâu rộng trên cả vùng đất Khorasan. Du khách có thể quên tiểu sử của bà, nhưng khi đứng trước một ngôi thánh đường Hồi giáo tuyệt đẹp Abbasid Ivan ở Mashhad, Iran hay lăng mộ Akhangan (chị ruột bà) cũng ở Mashhad, Iran do chính tay bà xây dựng thì không một ai có thể quên bà. Thấm đẫm văn hóa Ba Tư trong suy nghĩ, Hoàng hậu Gowhar Shad còn đặt nền móng cho những nguyên lý triết học, kiến trúc nghệ thuật, những vần thơ để rồi Herat cho ra đời những nghệ

sỹ nổi tiếng khắp thế giới luôn ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của bà, trong đó có nhà thơ lớn Rumi. Vua Shah Rukh đã bỏ bà ra đi ở lứa tuổi 47, bà cố nén nỗi đau vào lòng để ngụy chính, mưu lược cho cháu trai Mohammed Khan chinh phạt, mở rộng bờ cõi kéo dài từ Iraq đến tận biên giới Trung Quốc. Cũng như bao người lớn tuổi khác, càng về cuối đời người ta lại sống nghiêng về tâm linh. Bà mở rất nhiều trường dạy kinh Thánh và sống trong niềm vui tôn giáo, đến khi nhắm mắt xuôi tay ở tuổi 80.

Lăng mộ Gowhar Shad đã hiện ra to dần trong tầm mắt của tôi nhưng dòng tư tưởng miên man cứ chảy qua không dứt trong đầu. Tôi muốn kết thúc cuộc đối thoại ngẫu hứng giữa hai mảnh bán cầu não bằng một câu hỏi không có câu trả lời: Trong năm tôn giáo lớn nhất hiện nay gồm Hindu, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo và Hồi giáo, có bao nhiêu phần trăm các tu sĩ thật sự đi theo tiếng gọi chính thống của đức tin và bao nhiêu phần trăm tu “quốc doanh” dưới nhiều hình thức khác nhau.

Tôi đi vòng quanh lăng mộ ngắm nghía mọi thứ đến khi lăng mộ mở cửa. Một chút lạnh người, âm u thoáng chạy qua người khi tôi bước vào bên trong. Tiếng chào ấm áp của anh nhân viên quản lý như âm vang giữa bốn bức tường thành làm bầu không khí bên trong đỡ phần tịch mịch cô liêu hơn. Anh nhân viên vẫn đang cặm lũi lau chùi tủ sách của mình. Tôi muốn mua ủng hộ anh một quyển nhưng rất tiếc sách chỉ được viết riêng cho người Afghanistan hoặc Iran bằng ngôn ngữ Dari.

Taj Mahal là một kiến trúc rất đặc thù của vương triều Mughal để minh chứng với loài người rằng tình yêu đôi lứa rất đẹp. Những khối cẩm thạch trắng khổng lồ được vua Shah Jahan xây dựng như là món quà chứng minh tình yêu thanh khiết với người vợ thứ hai của mình là bà Mumtaz Mahal. Khác hẳn với Taj Mahal, lăng mộ Gowhar Shad do chính bà xây dựng trước khi đi vào cõi vĩnh hằng theo kiến trúc “Bán cổ điển Ba Tư” rất riêng của vương triều Timurid.

img676

Taj Mahal – biểu tượng tình yêu bất diệt



Lăng mộ Hoàng hậu Gowhar Shad



Nét điêu khắc Ba Tư trong lăng mộ Hoàng hậu Gowhar Shad

Cái chạm tay của niềm tin

Nghệ thuật Gowhar Shad luôn lấy màu trắng làm chủ đạo cho phần nội thất và bên trong lăng mộ của bà vẫn không ngoại lệ. Dù đã loang lổ và chút ít rêu phong dưới lớp bụi thời gian, những nét điêu khắc trên trần nhà vẫn thu hút ánh mắt tôi không rời. Thế giới trắng toát được dệt từ những mảng đá cẩm thạch nhỏ hòa quyện trong sự lấp lánh tinh khôi của các loại đá quý khác cũng màu trắng của Hoàng hậu Gowhar Shad thật tuyệt vời. Đó là bầu trời màu trắng ngà trong đêm trăng tròn treo vành vạnh bên sườn núi, một dãy ngân hà trong veo đầy tinh tú lấp lánh vắt vẻo ngang trời. Là những bông hoa anh túc sáu cánh nở bung cất tiếng gọi mùa xuân về, là những câu kinh Quran viết theo lối chữ cổ tuyệt đẹp nằm ở bốn cạnh góc bao lấy một thiên nhiên trong trẻo. Tôi vô cùng hạnh phúc và bất chợt reo thán khi hiểu được ý nghĩa sâu xa mà bà muốn truyền tải thông điệp qua các nét điêu khắc. Màu trắng tượng trưng cho sự tinh khiết, không vẫn đục như ý nghĩa của từng khổ kinh Quran cũng như triết lý công tâm trong việc cầm cân nảy mực lúc điều hành đất nước. Bốn đoạn kinh Quran ôm lấy bầu trời với hàm ý Thánh Allah đã tạo ra quả địa cầu và hình thành sự sống của người Hồi giáo. Triết lý bao đời nay luôn tin rằng mỗi một con người đều đến từ một vị tinh tú nào đó trong dãy ngân hà và khi trở về với cát bụi những linh hồn được thăng thiên trở lại nơi chốn xuất phát của mình. Những linh hồn đã được gột rửa những vấy bẩn trần đời sẽ lung linh như những vì sao đêm lấp lánh. Khi những cánh hoa anh túc bung cánh giữa thiên nhiên mơ màng vừa thức giấc trong nắng ấm, cuộc sống và những niềm hy vọng mới của con người lại bắt đầu từ những mùa xuân.

Anh nhân viên quản lý lăng mộ khúc khích cười một mình khi nhìn thấy điệu bộ của tôi đang thầm khẩn trước linh mộ Hoàng hậu Gowhar Shad. Anh cười vì tôi đành lễ bà theo cung cách của một Phật tử chứ không theo tín lễ của một tín đồ Hồi giáo. Tôi khẩn vái Hoàng hậu Gowhar Shad hãy cho mẹ tôi một phép màu linh thiêng để tai qua nạn khỏi và hãy cho tôi niềm tin thật lớn vượt qua nỗi sợ đeo bám từng ngày ở Herat. Dù khác biệt ngôn ngữ nhưng niềm tin vào tôn giáo làm tôi luôn tin rằng trong sự màu nhiệm các Đấng tối cao sẽ nghe thấy và chứng giám.

Phía trước lăng mộ Hoàng hậu Gowhar Shad là một cây cột Thánh cao to lẻ loi nghiêng mình trong nắng. Sử sách ghi lại rằng, cột Thánh do hoàng hậu xây dựng sau khi hoàn tất lăng mộ cho mình. Đường kính của cột vào khoảng 50m, chiều cao độ chừng 50m và được ốp những viên gạch men với hai sắc màu chủ đạo là xanh lơ và vàng chanh. Tương truyền rằng, phần đáy cột được phủ kín bằng lớp cẩm thạch trắng toát nhưng đã bị lính Liên Xô phá hủy khi đến kiểm soát thành phố Herat. Cột Thánh được chia làm hai tầng bên trong và trên đỉnh cao chót vót của tháp canh nằm trên cùng, mọi người có thể ngắm nhìn lăng mộ Gowhar Shad nằm ở tâm điểm khuôn viên. Dọc theo bên trái lăng mộ Gowhar Shad là hai lăng mộ nhỏ hơn hình tam giác của thi sĩ tài ba Mir Ali Shir Navai và vua Husain Mirza Baiqara vào thế kỷ 15. Xa xa trong tầm mắt phía trước là lăng mộ nhà thơ nổi tiếng Rahman Jami vào cuối thế kỷ 15.

Ánh nắng mặt trời phản chiếu với một loại đá quý nào đó trên bốn cây cột nằm hoang vu trên bãi cát vàng rộng lớn tạo thành những viên kim cương lóa mắt. Bóng một vài người liêu xiêu đến nhỏ nhắn lạ lùng khi lướt ngang qua những cây cột. Một vạt áo tung bay theo những cơn gió cát thành đôi cánh nhọn đen tuyền và đôi cánh Hồi giáo đang lầy bầy trước những giông tố cuộc đời. Những bóng nhỏ dần dần trở thành những viên bi trắng đen đến những vết chấm cuộc đời rồi mất hút trong giáo đường rộng lớn để thu mình tìm đến những riêng tư trong cõi tâm linh. Bóng dáng tôi cũng quá nhỏ bé trước những gì người xưa đã để lại trong lòng Herat dù chẳng một ai đoái hoài thương tiếc đến bốn cây cột cổ kính. Chúng đang bị lún, cuốn hút dần vào đại dương bởi những con sóng âm ỉ hoạt động

không ngừng bên dưới thềm lục địa sa mạc. Chúng nghiêng ngả soi mình vào lòng sa mạc hay con kênh đào nhỏ vắt vẻo chạy qua lòng thành phố Herat. Vừa đi qua những cuộc chiến đau thương, có quá nhiều thứ để lo tái thiết cho cuộc sống mới, chính quyền Afghanistan hay Herat còn “sức” đâu mà cứu với những cây cột lịch sử gắn liền với lịch sử quốc gia đang bị hư hại dần. Cố gắng đắp quanh cột bằng những ụ cát to hay trói bằng những sợi dây thừng lỏng lẻo để chúng không gục ngã trong lòng sa mạc đã là những việc làm quá sức của người Herat. Đi ngang qua bốn cây cột Thánh của vương triều Timurid, tôi cũng run rẩy trước việc nó có thể sụp đổ đè nát người bất cứ lúc nào.

Sự run rẩy ấy mang đến sự đồng cảm nhất quán giữa tôi và nó bởi vốn dĩ nó cũng đang rùng mình trước sức mạnh thời gian.

Trên thân hình những cây cột mang đầy vết tích lịch sử khi dòng thời gian đi qua và dòng kênh đào – người bạn thân thiết nằm cạnh trò chuyện cùng nó ngày đêm cũng gánh chung một số phận. Xưa kia khi đến Herat, nhìn dòng chảy lơ đãng của con kênh đào qua phố một du khách bình thường bỗng chốc có thể trở thành thi sĩ. Xuyên qua lớp cát vàng sa mạc, dòng nước vẫn giữ được màu xanh ngọc bích được tạo thành từ sự tan chảy lớp tuyết tinh khôi trên dãy núi Baba. Sự mơ màng đến lơ đãng của dòng kênh đào xuyên lòng phố vẫn đẹp long lanh tựa như những bài thơ tình của ông Rumi hay Navai trong viên ngọc trai Herat. Ngày nay, dòng kênh đào đã nặng mùi, đen kịt màu nước từ việc ô nhiễm rác thải môi trường. Trong tiếng gió reo vang giữa cánh đồng hoang vắng, gam màu xanh nhạt của những viên gạch men ốp trên thân cột luôn tỏa sáng đầy sức sống dưới ánh mặt trời. Chúng đã quyến rũ tôi và giấu đi nỗi lo đau đáu về sự sụp đổ đè nát thân người. Tôi tiến đến gần chúng hơn để tận tường nhìn những nét hoa văn tinh xảo và mong muốn có một cái chạm tay thật lâu vào chúng. Không chỉ được sờ vào hiện vật mơ ước, cái chạm tay trong tôi còn có ý nghĩa về niềm tin.

Lãng mộ nhà thơ

Bên kia cây cầu nhỏ nối liền trung tâm phố cũ và vùng đất mới được quy hoạch là những ngôi nhà nhiều tầng lầu khang trang theo kiến trúc hiện đại. Số lượng những ngôi nhà theo hình dáng tân thời không quá nhiều trên một diện tích lớn đất đai bị hoang hóa. Tôi tạt ngang quán nhỏ ven đường tìm bữa ăn trưa. Gọi là quán có vẻ hơi sang, gọi căn chòi ọp ẹp có thể là đúng nhất. Diện tích bên trong quá nhỏ, chỉ vừa đủ đặt một vài hũ kẹo nhỏ trên chiếc bàn không to phía trước, một bếp gas nho nhỏ để chiên trứng và khoảng trống vừa đủ cho hai chỗ ngồi bệt nép cạnh vào nhau. Anh chủ quán trung niên độ chừng 50 tuổi đậm người cứ cười khúc khích trong lúc làm món trứng chiên cho tôi ăn kèm với bánh mì tròn taftan. Tôi hiểu nụ cười thật dễ thương của ông bởi vì đây là lần đầu tiên ông tiếp một người xa lạ trong quán ăn bình dân của mình. Vẫn còn e dè về mỡ trữu, tôi ra ký hiệu cho ông hãy chiên trứng bằng dầu hạt cải. Tôi đặt thêm một phần nữa cho ông vì muốn có người ăn cùng rồi trò chuyện bằng ngôn ngữ cơ thể bằng quơ cho vui một hành trình.



Những cột tháp Minar ở Herat, Afghanistan chứng minh sức mạnh các vị vua Ba Tư một thuở

Một bóng người lẻo đẽo theo sau khi tôi vừa rời khỏi quán ăn bình dân. Tôi đã bước qua ranh giới sợ hãi khi tiếp xúc với đệ tử nàng tiên trắng, nhưng vẫn luôn khó chịu khi phát hiện có người lạ bám phía sau. Trước tình huống xấu, ông chủ quán tốt bụng gọi với theo để tôi quay lại. Ông ra ký hiệu cho tôi cứ đi thẳng một mạch, đến khi nào gặp vòng xoáy giao thông thì rẽ trái để đến lăng mộ nhà thơ nổi tiếng Rahman Jami, đừng chú ý hay chuyện trò với người đi theo phía sau. Một vài bước trên đường đi, tôi giật bắn mình khi anh thanh niên chạm nhẹ vào vai trái của tôi. Anh ra ký hiệu sẽ là người đưa đường dẫn lối, sát cánh cùng tôi để đến lăng mộ nhà thơ Rahman Jami. Theo tay anh chỉ nó khác hẳn hướng anh chủ quán hướng dẫn, nơi đó chỉ có những cánh đồng cát vàng mông lung hiu quạnh. Tôi vẫn tiến bước về phía trước bỏ mặc phía sau những lời dụ dỗ của anh ta. Hết cách, anh ta băng băng lên phía trước chặn

tôi lại và ngửa tay xin tiền. Anh Rohullah Amiri xuất hiện đúng lúc giúp tôi gỡ rối tình cảnh khó khăn.

Vừa bước xuống taxi, anh đã nhìn thấy vẻ mặt lúng túng của tôi. Sau khi nghe tôi thều thào, anh Amiri quay sang nói gì đó và con nghiện bỏ đi. Anh muốn cùng tôi đến lăng mộ Rahman Jami bởi một năm ở Herat dù nghe nhiều người nói về nhà thơ nổi tiếng trong quá khứ nhưng anh chưa một lần đến. Mưu sinh khiến anh quên mất những gì lịch sử đã để lại. Rohullah Amiri sinh trưởng tại Kabul, tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh mới được hai năm. Có quá nhiều kỹ sư, cử nhân tốt nghiệp nhiều năm qua từ các trường đại học và dòng người đông đúc từ các vùng lặn cận đở xô đến thành phố lớn nhất có nền kinh tế ị ạch khiến anh không thể tìm được việc ở Kabul vì thiếu kinh nghiệm. Anh đành chấp nhận cuộc sống mới ở Herat với công việc tiếp thị và bán hàng cho một hãng mỹ phẩm Ấn Độ với mức lương là 100 USD/tháng. Mức thu nhập sẽ cao hơn nếu sản phẩm bán đắt hàng trong tháng, nhưng để có số tiền dư dả dành dụm cho cuộc sống sau này là một việc làm vô cùng khó khăn bởi người Herat chỉ quan tâm đến cái ăn cái mặc hàng ngày chứ nào dư tiền mua mỹ phẩm để nuôi dưỡng sắc đẹp hay tô son cuộc sống. Chúng tôi đã trò chuyện với nhau như thế trên chuyến taxi đến lăng mộ Jami mà anh Amiri giành trả tiền. Rohullah đành thú nhận thật với tôi là anh chưa từng biết lăng mộ nhà thơ danh tiếng nằm ở đâu và đưa đường dẫn lối phụ thuộc vào anh tài xế taxi. Chỉ vì cứu cánh cho tôi trước con nghiện, anh đành nhận bừa chúng tôi là những người bạn đồng hành xuất phát từ trung tâm phố cũ Herat, do bận việc đột xuất nên đã để tôi lang thang một mình đến đây. Đã giải quyết xong công chuyện của mình nên anh đón taxi đến rước tôi để cùng nhau vào viếng thăm lăng mộ. Tôi cảm ơn anh và thầm nghĩ anh Rohullah Amiri khá hay trong việc xử lý tình huống để không mất lòng đôi bên. Vị trí lăng mộ nằm đúng như những gì anh chủ quán tốt bụng đã chỉ dẫn cho tôi.



Lăng mộ nhà thơ tình Rahman Jami

Giữa trưa nóng bức trên vùng đất sa mạc, bên trong lăng mộ Rahman Jami vẫn còn vài đôi lúa yêu nhau trải những tấm thảm sắc màu nằm dưới bóng cây hồ trăn non thắm thì đọc cho nhau nghe những áng thơ tình thơ mộng. Bác già quản lý lăng mộ dẫn chúng tôi dạo quanh và giới thiệu đôi nét về nhà thơ Rahman Jami. Lăng mộ của nhà thơ danh tiếng được xây dựng bằng những khối đá cẩm thạch trắng nằm giữa trung tâm. Phía sau lăng mộ là ngôi thánh đường Hồi giáo nhỏ được xây dựng lại sau những trái pháo bắn phá của người Liên Xô vào năm 1984. Trước đầu ngôi mộ là một bài thơ do ông sáng tác được điêu khắc tuyệt đẹp theo chữ cổ Ba Tư trên miếng đá cẩm thạch trắng. Theo lời dịch của anh Amiri, tôi tạm hiểu ý nghĩa bài thơ diễn giải tại sao ông Rahman lấy bút danh là Jami. Ngài Rahman sinh ra và lớn lên ở ngôi làng Jam thuộc vùng đất Khorasan, sau đó cả gia đình di chuyển đến kinh đô ánh sáng Herat để ông có thể tiếp thu khoa học tự nhiên tân thời, nền văn học Ả Rập rực rỡ, giáo lý hay triết học phương Tây. Say khướt trong những vàng thơ cổ Ba Tư của nhà thơ Sheikh Ahmad-e Jami vào thế kỷ 11 nên ông quyết định lấy Jami là bút danh đầy ý nghĩa của mình. Jami là sự lồng ghép giữa ngôi làng Jam và tên nhà thơ nổi tiếng Ba Tư Jami.

Nhà thơ trứ danh Rahman Jami sinh ra trước thi sĩ nức tiếng Mir Ali Shir Navai 27 năm. Cả hai đều là những vị quan văn xuất chúng, nhà hiền triết lỗi lạc và nhà khoa học thông thái trong vương triều Timurid vào thế kỷ 15 ở Herat lúc bấy giờ. Cả Rahman Jami và Mir Ali Shir Navai đều đóng góp cho nhân loại bằng những tác phẩm thơ và văn xuôi về tôn giáo, triết học, âm nhạc, ngữ pháp và lịch sử. Tuy nhiên, xét về góc độ yêu mến của thần dân Herat, người ta vẫn yêu thích ông Rahman hơn hẳn ngài Shir Navai dù những tác phẩm của thi sĩ Shir Navai được đánh giá “hàn lâm” hơn rất nhiều.

Trong 70 tác phẩm để đời của ông Rahman Jami, nổi tiếng nhất là tập trường ca được viết bằng chữ Ba Tư cổ *Haft Awrang* (*Bảy ngai vàng*) miêu tả bảy câu chuyện khác nhau về các triều đại. Chương thứ năm trong tập trường ca *Haft Awrang* là chương hay nhất với câu chuyện về Joseph và người vợ Potiphar trong kinh Quran. Tuy nhiên, so với bộ trường ca *Hayrat ol abrar* (*Điều kỳ diệu của người*

tốt) của thi sĩ Mir Ali Shir Navai thì tác phẩm trường ca *Haft Awrang* của ông Rahman Jami lại không bằng ở hai khía cạnh đánh giá: giới chuyên môn và tầm ảnh hưởng đến khu vực. Không chỉ giỏi tiếng Ba Tư, thi sĩ Shir Navai còn rất giỏi ngôn ngữ Đột Quyết, một tiếng nói của tộc người Turk phân bố trên khu vực rộng lớn từ Đông Âu kéo dài đến miền Tân Cương, Trung Quốc. Bộ trường ca *Hayrat ol abrar* là một trong năm bộ trường ca lớn trong sự nghiệp của ngài Shir Navai được viết bằng ngôn ngữ Đột Quyết và ảnh hưởng đến tất cả nền văn học của vùng đất Trung Á cho đến tận bây giờ. *Hayrat ol abrar* là câu chuyện tình đẹp của một hảo hán theo chủ nghĩa anh hùng lý tưởng với cô gái đẹp được ông Shir Navai khéo léo xây dựng trên nền tảng thơ ca dân gian Ba Tư và truyền thuyết. Bản trường ca 64 chương đề cao vấn đề đạo đức, tôn giáo và công bằng xã hội.

Bộ trường ca thứ hai và thứ ba của thi sĩ tài ba Shir Navai là những câu chuyện tình lãng mạn giữa “Farhad và Shirin” và “Layla và Majnun” trong văn học Ba Tư. Nội dung đã quá cũ khi các nhà văn nhà thơ trước đó đã xây dựng những tác phẩm thơ ca, văn xuôi để đời. Shir Navai thổi hồn mới cho tác phẩm bằng việc xây dựng câu chuyện trên nền thơ ca dân gian của Uzbekistan. *Sab'ai Sayyar* (*Bảy hành tinh*) là một trường ca bao gồm bảy câu chuyện phê phán tầng lớp quan lại trong triều. *Sadd-i-Iskandar* (*Bức tường thành của ngài Alexander*) là tác phẩm cuối cùng ca ngợi về cuộc đời Đại đế huyền thoại Alexander của vùng đất Macedonia. Cả hai vị thi sĩ tài hoa đều là những nhà thơ kiệt xuất kết thúc giai đoạn thơ cổ Ba Tư khi dòng lịch sử Herat đang chuyển dần qua thời lịch sử hiện đại với sự xuất hiện của phương Tây. Thành công theo xu hướng hàn lâm của Shir Navai được ghi khắc bằng một lăng mộ cuối đời bên cạnh vua Husayn Mirza Bayqara, và hàng ngày vẫn còn rất nhiều người Herat tìm đến lăng mộ Rahman Jami để đọc tình thư.

Nghĩa địa cổ Gazar Gah

Chúng tôi đi bộ một quãng đường ngắn để ra vòng xoay giao thông bắt chuyến taxi khác đến nghĩa địa cổ Gazar Gah thăm đắm sắc màu Ba Tư. Theo anh Amiri, Gazar Gah nằm cách lăng mộ Jami độ

chừng 3km, giữa trưa nóng bức bằng đôi chân qua những con đường cát sa mạc sẽ đốt cháy làn da. Anh vẫn muốn theo tôi đến nghĩa địa cổ nhằm bảo đảm sự an toàn bởi nghĩa địa có rất nhiều bóng ma sống động luôn lảng vảng chung quanh.

Đúng như lời Amiri đã nói, tôi nhận ra những bóng ma sống thoáng ẩn hiện trong vườn hồ trần to tròng phía trước khu nghĩa địa. Dọc theo lối quanh co lên con đồi co vào trung tâm nghĩa địa đầy rẫy những vị hành khất ven đường. Qua một cửa queo, một iwan với màu phớt hồng của đá sừng sững hiện ra trước mặt tôi. Trong tiếng Ba Tư, iwan có nghĩa là “hội trường lớn” và khi nói về iwan mọi người sẽ hiểu ngay đó là kiến trúc chung để xây dựng các thánh đường Hồi giáo hoặc những công trình lớn trong phạm trù “tâm linh”. Dù bị những người Hồi giáo bên kia vịnh Ả Rập áp đặt tôn giáo cho mình, nhưng người Ba Tư lại phá cách trong kiến trúc xây dựng iwan và sự sáng tạo đặc sắc đó luôn được giới kiến trúc gọi riêng là một “nghệ thuật Ba Tư”. Iwan của người Ba Tư được xây dựng từ kiến trúc cơ bản của nền văn minh Lưỡng Hà và hình dáng iwan là khối đá dựng thẳng theo hình chữ nhật, ẩn sau khối đá ở mỗi cạnh bìa là một cột Thánh cao vút lên trời xanh. Lối chính để vào iwan được gọi là Pishtaq và đó là khung cửa có hình dáng búp sen thon dài về phía đầu trên. Kiến trúc Pishtaq vẫn giữ nguyên theo phong cách người Ả Rập bởi đó là cánh cửa huyền bí mà Thánh Allah hóa kiếp lên thiên đàng. Trên mặt tiền iwan thường được các nghệ nhân ốp gạch men, đá quý hay các loại kính màu và viết tay những vần kinh Quran theo chữ cổ Kufic hoặc Naskh. Iwan vẫn được áp dụng để xây dựng lăng mộ, nhưng để tạo sự khác biệt giữa các cấp tâm linh, iwan của một khu nghĩa địa chỉ là một khối to giữ nguyên sắc màu nguyên thủy của đá và không có kiến trúc Muqamas đỉnh trên đầu.

Nghĩa địa cổ Gazar Gah là nơi tâm linh thứ hai đông người tìm đến sau ngôi thánh đường Ngày Thứ Sáu bởi lăng mộ trung tâm là nơi an giấc nghìn thu của vị Thánh sống Khoja Abdul-lah Ansari của dòng đạo Sufi. Nhìn những người hành hương đến đây mộ đạo tôi cũng hiểu được phần nào đức tin của ngài Abdullah Ansari để lại cho người Herat. Dưới bóng những cây hồ trần non dọc theo con

đường đến lăng mộ của ngài, người mộ đạo ngồi xếp bằng đôi chân, lim dim đôi mắt đọc nho nhỏ những đoạn kinh Thánh cầu nguyện từ những quyển sách của ông. Sùng bái nhất là nhóm người già, người trẻ, gái, trai có hết đang nằm quanh lăng mộ của ông. Họ làm thằm đọc kinh rồi thỉnh thoảng dùng tay mình chạm nhẹ vào lăng mộ như để lấy những đức tin lẫn niềm tin từ ông. Phía sau không xa là những bọc thức ăn chuẩn bị đủ cho một ngày trọn vẹn với vị Thánh của họ. Theo Amiri, đó là một gia đình không ngại vượt quãng đường xa đến đây tâm linh.

img701

Nghĩa địa cổ Gazar Gah đậm đà kiến trúc Ba Tư

Tịch tịch hoàng hôn

Tôi tranh giành trả tiền chuyển xe taxi hai chiều với Amiri khi anh ta muốn đưa tôi về thẳng nhà nghỉ Jaam. Bóng chiều đang đậm màu về phía chân trời, anh Hanif Sadad rủ rê tôi leo lên tầng thượng nhà nghỉ Jaam uống trà ngắm hoàng hôn. Ở vị trí cao nhìn xuống, viên ngọc Herat trong thời trung cổ vẫn mang đậm sắc màu Ba Tư bằng những mái vòm đón gió hình tròn đặc trưng trên từng mái nhà phố. Không chỉ có ngôi thánh đường Hồi giáo Ngày Thứ Sáu reo mình trong những cơn gió mát được thổi lên từ phía chân trời, mà còn có ít nhất ba ngôi thánh đường cổ kính nhỏ nằm rải rác trong lòng phố để thức tỉnh tâm hồn những tín đồ u mê. Bữa trà truyền thống của người Herat vẫn là những ly trà đen thơm cùng với những viên kẹo ngọt đầy sắc màu. Tiếng kinh ngân nga ê a dài từ phía ngôi thánh đường nhỏ đối diện nhà nghỉ Jaam như nhắc nhở mọi người đã gần đến cử cầu nguyện Maghrib cũng là lần cầu nguyện thứ tư trong ngày.

Anh Hanif Sadad chia sẻ niềm vui với tôi bằng những hình ảnh được lưu trữ trong chiếc điện thoại thông minh: anh vừa cưới vợ đúng một tháng! Tôi hỏi tiếp Hanif: “Với người Afghanistan, độ tuổi trung bình để kết hôn là bao nhiêu?” Anh cho biết mình kết hôn ở tuổi 30 là khá trẻ so với độ tuổi lập gia đình trung bình của người Afghanistan là 25.

Tôi vẫn còn nhớ như in hình ảnh tuyệt đẹp lung linh của anh Hanif và người bạn đời với trang phục truyền thống của người Herat trong ngày vui trọng đại của mình. Bộ áo truyền thống shalwar kameez của anh được dệt bằng thứ tơ lụa trắng đất tiền mịn màng. Chạy dài phía trước hai bên cổ áo trên ngực là những họa tiết hoa văn đẹp được thêu bằng chỉ vàng ánh kim rực rỡ. Bộ áo truyền thống firaq partug cùng chiếc khăn choàng hijab của cô dâu cũng mềm mại bằng thứ lụa cao cấp và tôn vinh gam màu đỏ đậm nóng bỏng. Không chỉ có người Á Đông cổ xưa lấy hai gam màu đỏ, vàng thiết kế chủ đạo mọi thứ trong ngày cưới, người Afghanistan vẫn thế. Màu vàng theo quan điểm người Afghanistan tượng trưng cho cuộc sống sung túc, một tình yêu chân thành và sự tin tưởng. Màu đỏ thể hiện sự hấp dẫn lôi cuốn cùng với sự chung thủy sắc son.

Phía sau chỗ chúng tôi ngồi uống trà trò chuyện là một gian bếp nhỏ phục vụ cho quán ăn nhỏ đặt tại tầng hai nhà nghỉ Jaam. Bên trong bếp là hai anh thanh niên trẻ đang hì hục chuẩn bị bữa ăn chiều cho những lữ khách đường xa. Cạnh bên gian nhà bếp lập lòe ánh đèn vàng là hai căn phòng nhỏ dành cho các đầu bếp qua đêm. Cuối cùng là nhà vệ sinh với một ngăn nhỏ để tắm. Tôi xin phép anh Hanif được vào nhà bếp để tìm hiểu ẩm thực văn hóa người Herat và anh gật đầu chấp thuận không chút do dự. Hai đầu bếp trẻ vẫn đang chăm chú vào món cơm thịt kichiri quroot và một nồi lớn gà hầm chainaki. Tôi ra ký hiệu cho một anh đầu bếp hãy chừa cho tôi một ít viên thịt kichiri quroot cho phần ăn tối.

Món cơm thịt viên kichiri quroot chế biến rất công phu cần nhiều thời gian, nhưng người Herat luôn yêu thích hương vị của nó khi những ngày đầu hè vừa sang bởi tính thanh nhiệt nhẹ nhàng của món cơm. Kichiri quroot gồm ba phần cơ bản: shola (cơm hấp đậu xanh trộn gia vị), kufta (thịt viên sốt cà) và nước chấm quroot. Người Herat cho rằng, món cơm kichiri quroot là món ăn ưa thích trong ngày hè bởi lượng cơm đủ làm ấm bao tử, nhiều chất dinh dưỡng bồi bổ và cơ thể không quá “nặng nhọc” bởi lượng thịt bò đưa vào bị phân hủy nhanh chóng bởi lượng enzyme.

Hoàng hôn đang dần đến nhưng mặt trời không thể tuyệt đẹp như tôi hằng ao ước dù những tia nắng vàng ngày càng đậm màu trên những nẻo đường phố. Ngắm nhìn hoàng hôn ở Herat cũng đủ làm tôi mơ mộng, lãng đãng mọi thứ giữa màn sương cát đang tạo thành chiếc gương soi ảo ảnh phía chân trời. Những giọt nắng cuối ngày xuyên qua lớp khói sương tạo nên những đường sáng chân trời mờ ảo hư thực giữa không gian. Anh Hanif cho rằng, hoàng hôn hay bình minh ở Herat tuyệt đẹp vào những ngày mùa đông kéo dài qua đầu xuân khi lớp sương chiều hay mỗi sớm mai đủ thuận hóa và khuất phục làm các phân tử cát ngủ yên trong lòng sa mạc không bám lấy mặt trời. Một ngày mùa đông, bên tách trà nóng, ngắm nhìn bình minh giữa màn sương lạnh là điều tuyệt vời nhất cho khởi đầu mới. Khung cảnh mơ màng như chốn thần tiên nào đó được miêu tả qua những câu chuyện cổ tích xưa. Một ngày đầu mùa xuân, lẻ loi ngắm nhìn hoàng hôn đỏ rực từ quả bóng lửa đang xì hơi trong khung cảnh tịch mịch cô liêu, con người cảm thấy nhẹ lòng sau một ngày lo toan cho cuộc sống. Mọi nỗi sầu lo như muốn vứt bỏ lại cho đời!

Thông dong đến thánh đường Ngày Thứ Sáu

Tiếng ngân dài các câu kinh Quran cho cử cầu nguyện Fajr lúc rạng đông đã làm tôi thức giấc. Trong cặp mắt còn ngáy ngủ tôi vẫn nhìn thấy dòng người đông đúc đang thành kính làm lễ ở bên kia ngôi thánh đường nhỏ. Nghi lễ của họ hướng về thánh địa Mecca bao gồm 10 động tác cơ bản: giơ hai bàn tay lên khỏi đôi vai với lòng hai bàn tay hướng về ô cửa Thánh, bàn tay phải nắm lấy cổ tay trái và cả hai tay đặt trước bụng, họ gập người thấp xuống để hai tay lên hai đầu gối, họ lại thẳng người trước khi quỳ lạy theo cung cách hai lòng bàn tay úp xuống đất về phía trước. Họ vẫn quỳ theo tư thế hạ trọng tâm cơ thể trên đôi gối đang khếp chặt vào nhau và hai tay để lên hai bắp đùi chân. Họ làm thêm cầu nguyện và tiếp tục cái lạy thứ hai. Họ lại thẳng người trên đôi gối, quay vai trái cầu nguyện và cuối cùng quay qua vai phải cầu nguyện. Tôi cố nướng thêm một chút nữa trong hơi sương còn lạnh của một ngày mùa xuân. Hôm nay là ngày cuối tôi ở Herat và chỉ còn hai điểm tham quan nữa nên

chẳng hơi đâu mà vội vã. Tôi sẽ trở lại Kabul vào chuyến bay khá sớm ngày hôm sau.

Anh thanh niên trẻ chủ quán nhỏ phía bên kia đường ôn tồn hỏi thăm khi tôi vừa bước ra khỏi cổng nhà nghỉ Jaam. Anh đang là sinh viên trường Đại học Herat, nói tiếng Anh khá tốt. Anh vô cùng tốt bụng sẵn sàng giúp đỡ tôi mọi thứ nếu tôi thật sự gặp khó khăn ở Herat. Tôi vẫn vẫy tay chào những người Herat trong ánh nắng mai trên đường đến ngôi thánh đường Ngày Thứ Sáu. Câu hỏi vẫn đang lơ lửng trong đầu mà tôi chưa nghĩ ra cách thức: “Nếu gặp lại anh phiến binh Taliban trong Đại Thánh Đường, tôi sẽ chạy trốn ẩn núp vào góc khuất nào đó hay mặt đối mặt chính diện với anh ta?” Cổng chính vào ngôi thánh đường là một công viên khá lớn phủ đầy hoa. Bên dưới những chùm hoa hây hây say màu nắng mới là những em sinh viên đến đây ôn bài. Len lỏi giữa những hàng hoa là bóng dáng một vài người đi bộ tập thể dục hay từng nhóm nhỏ vui vẻ trong những câu chuyện phiếm đầu ngày. Hình ảnh quá đổi yên bình trong lòng thành phố Herat đầy chất văn thơ.

Hòa quyện giữa bầu trời màu xanh non trong nắng sớm, ngôi thánh đường như một kiệt tác tuyệt đẹp của nhân loại. Đó là một tòa lâu đài ánh lên màu xanh hy vọng trong lòng sa mạc khô cằn sỏi đá. Màu xanh ước vọng cho hòa bình, sung túc đầy thịnh vượng được kết tinh trong những mảng gạch men màu xanh lơ ớp trên khối iwan vững chắc. Những viên đá quý màu vàng được gọt cắt trau chuốt thành những bông hoa anh túc, nét đá đỏ thanh mảnh vòng vèo làm nên những hoa văn nền nã sắc màu Ba Tư trên mảng đá cẩm thạch trắng nhỏ dường như tô điểm làm nổi bật kiến trúc của một iwan. Thánh đường Ngày Thứ Sáu không thể đánh lừa trong suy nghĩ mộng lung của tôi về một tòa lâu đài của vương triều hùng mạnh nào đó trong quá khứ bởi những câu kinh Quran được điêu khắc bằng lối chữ cổ Kufic trên iwan đã xác định mục đích xây dựng của nó.

Thánh đường Ngày Thứ Sáu có tên gốc là Jama Masjid hay Masjid-i Jami và trong tiếng Ba Tư nó có nghĩa là nơi để tụ họp vào ngày thứ Sáu. Một vài tư liệu đã đọc qua vẫn chưa đủ để tôi có thể giải thích

tại sao người Hồi giáo lại chọn ngày thứ Sáu là ngày cuối tuần và là ngày hội tụ để cầu nguyện hay rửa tội trước Thánh Allah. Hồi giáo khởi thủy từ thánh địa Mecca khi nhà tiên tri Muhammad đã nghe thấy tiếng gọi đức tin từ Thánh Allah. Ông rũ bỏ mọi thứ trần đời để làm nhiệm vụ linh thiêng trở thành vị sứ giả hay một thiên sứ truyền tải thông điệp đức tin từ Thánh Allah đến loài người đang cư trú trên vùng đất sa mạc hoang vu. Lúc bấy giờ, có hai lịch tính ngày tháng năm hiện hành trong thời trung cổ là lịch Do Thái giáo và lịch Kitô giáo. Cũng trong thời trung cổ, Kitô giáo là tôn giáo lớn mạnh có sức ảnh hưởng rất rộng trải dài từ châu Âu cho đến vùng đất Viễn Đông. Hồi giáo lấy lịch Do Thái giáo làm căn bản cho cội nguồn thời gian. Một ngày mới của người Do Thái hay Hồi giáo được tính bắt đầu từ lúc hoàng hôn tắt trong khi Kitô giáo bắt đầu từ lúc nửa đêm. Có hai sự kiện liên quan đến ngày thứ Sáu: Chúa Jesus của Kitô giáo bị hành quyết trên đồi Sọ bằng những cây đinh định mệnh trên ngọn thánh giá tâm linh đúng vào ngày thứ Sáu sau bữa tiệc ly cuối cùng với 12 vị tông đồ. Thứ Sáu ngày 2/7/622, ngài tiên tri Muhammad cùng môn đồ Abu Bakr đã làm cuộc hành trình dài 320km ra khỏi thánh địa Mecca để đến Yathrib sau khi nhận tin dữ từ những con tin là người Kitô giáo sẽ giết chết ông để tâm linh Hồi giáo không tồn tại trên quả đất. Thứ Sáu ngày 2/7/622 là một đêm đầu tháng với mảnh trăng non khuyết và những vì sao lấp lánh trên bầu trời đã soi đường cho vị Thiên Sứ di chuyển an toàn đến Yathrib và đó cũng chính là biểu tượng Hồi giáo. Cuộc di chuyển này được gọi là Hijra và đó cũng là năm đầu tiên để khởi đầu mọi chuyện theo lịch mới Hijra của người Hồi giáo được xây dựng sau đó để đánh dấu sự kiện lớn liên quan đến vị tiên tri Muhammad. Yathrib được đổi tên lại thành Madinat al-Nabi, mà trong tiếng Ả Rập nghĩa là “Thành phố của nhà tiên tri”. Sau này, người Hồi giáo chỉ gọi thành phố tâm linh Madinat al-Nabi ngắn gọn là Medina. Cả kinh đô Hồi giáo Mecca và thành phố tâm linh bậc nhất Medina đều thuộc Ả Rập Saudi ngày nay.

img709

Những câu kinh Quran trong thánh đường Ngày Thứ Sáu là kết quả của những giọt mồ hôi

Phải chăng, sau cơn hoạn nạn ngài Muhammad chọn thứ Sáu là ngày tâm linh chính trong tuần như muốn đối chọi lại với người Kitô, bởi đó cũng là ngày Chúa bị hành quyết và đức tin về một Kitô giáo sẽ sụp đổ theo cái chết của Đức Chúa Trời. Và phải chăng sâu xa nguồn gốc mâu thuẫn từ ngàn xưa giữa hai tôn giáo lớn đã phần nào làm vấy lên cuộc chiến không cân sức và chưa có đoạn kết như hiện nay. Đó là một cuộc chiến đầy nước mắt và máu giữa biển xanh và cát vàng. Ranh giới giữa đôi bờ chiến tuyến chính là Địa Trung Hải thơ mộng kéo dài vào Biển Đen như tên gọi đầy ý nghĩa của nó. Người Hồi giáo ngày nay luôn giải thích với tôi về ngày cuối tuần đặc biệt không liên quan đến mâu thuẫn. Họ cho rằng, mỗi tôn giáo có nguồn gốc xuất phát khác nhau dẫn đến việc chọn ngày cuối tuần khác nhau cũng là điều dễ hiểu. Nếu người Kitô có ngày Chủ nhật thần thánh, thì người Do Thái có ngày thứ Bảy linh thiêng...



Thánh đường Hồi giáo Ngày Thứ Sáu ở Herat đậm chất Ba Tư

Nét đẹp Ba Tư bên ngoài ngôi thánh đường đã dẫn dắt sự u mê nhằm lẫn khi cho rằng nó là một sản phẩm hoàn hảo. Tôi thực sự tỉnh giấc Nam Kha khi xuyên qua iwan để vào trung tâm thánh đường. Thánh đường Ngày Thứ Sáu là sự lắp ghép các kiến trúc vào nhau chưa hoàn chỉnh qua các vương triều ở Herat và hư hỏng khá nhiều bởi vết tích chiến tranh. Trái tim Herat được xây dựng bởi vương triều Ghurid từ những năm 1200 và cứ mỗi vương triều đi qua, thánh đường lại được nới rộng thêm diện tích với những phòng cầu nguyện, trường dạy kinh Quran, phòng sinh hoạt tập thể, phòng quản lý... mang một kiến trúc rất riêng của vương triều Timurid, Safavid, người Uzbek hay Mughal. Lần trùng tu sau cùng ngôi thánh đường lịch sử thuộc về vương triều Mughal khi hoàng tử điển trai Shah Jahan dùng thánh đường là pháo đài phòng thủ để chống lại sự tấn công của nhóm người Uzbeks vào thế kỷ 17. Gọi thánh đường là một kiệt tác đồng nhất về nghệ thuật là không đúng, nhưng gọi nó là người cất giữ hay là nơi giao thoa kiến trúc các vương triều theo dòng thời gian lịch sử thì rất đúng. Ngắm nhìn từng

nét riêng trên các iwan tôi thậm hiểu được ý nghĩa của trái tim Herat. Khá nhiều phòng ốc bên trong thánh đường vẫn trong tình trạng hư hỏng và trên những mảng tường in hằn khá nhiều vết tích của đạn bom chiến tranh. Năm 1885, người Anh đã sử dụng thánh đường như là pháo đài vững chắc trước sự tấn công của người Nga.

Masjid-i Jami chưa là một kiệt tác hoàn hảo bởi trần nhà bên trong phòng cầu nguyện chính vẫn chưa được ốp những khối gạch men tuyệt đẹp như bên ngoài, chỉ là những viên gạch nhỏ màu hồng nằm khắng khít bên nhau và được phủ bằng một lớp vôi trắng đơn sơ.

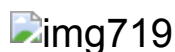
Giá trị từ những giọt mồ hôi

Anh trung niên đang vào thánh đường cầu nguyện hướng dẫn lối để tôi đi vào tầng hầm nhỏ xem những người thợ đang cắt đá. Mục đích của anh giúp tôi hiểu rõ hơn giá trị của một thánh đường được xây dựng bằng mồ hôi vất vả như thế nào từ những bàn tay cần cù điều luyện của những người thợ. Ánh nắng ngược đang hắt vào căn phòng qua ô cửa sổ nhỏ. Từng giọt nắng lung linh nhạt màu đang dốc mình xuyên thấu qua lớp bụi đá tạo thành khung cảnh mờ ảo tuyệt đẹp. Để chụp một bức ảnh nghệ thuật ngược nắng trong khoảnh khắc này là một điều quá hay, nhưng tôi không làm mà tôi muốn lắng nghe tiếng nói của đá. Dưới ô cửa sổ nhỏ, ba người thợ ngồi xếp bằng cạnh nhau vẫn chăm chú vào sản phẩm của mình bằng những dụng cụ đục đẽo đá thủ công. Các ông cất tiếng chào khi tôi ngồi cạnh bên ngắm nhìn những đôi tay khéo léo. Nụ cười hiền hậu của các ông thoát lên một nét buồn nào đó. Giữa làn khói bụi đá mịn mù tôi vẫn say mê cuốn hút theo một bông hoa anh túc đang được tạo thành.

Cả ba có độ tuổi khác nhau và thực hiện công việc cũng khác nhau. Anh ngồi đầu bìa bên trái to con khỏe mạnh độ chừng 40 tuổi thực hiện việc nặng nhọc nhất là cắt nhỏ đá từ một tảng đá lớn, nghệ nhân ngồi giữa độ chừng 55 tuổi là người tạo dáng sơ khởi cho đá bằng những hình ảnh hoa văn Ba Tư từ những viên đá nhỏ được cắt trước đó. Ông lão ngồi cuối cùng bạc trắng râu tóc chính là nghệ nhân tạo dựng linh hồn cho đá. Công việc của ông không nặng nhọc

như hai đồng nghiệp, nhưng nét mài giữa của ông qua lưới cửa sổ sẽ làm người xem thán phục về sự tinh xảo, sắc nét qua những sản phẩm tạo thành. Trong lòng một Herat còn quá khó khăn, công việc của các ông là tự nguyện và dựa trên đức tin vào Thánh Allah tối cao. Các ông cũng chẳng màng đến số tiền nhỏ nhoi đến từ lòng hảo tâm đóng góp của các tín đồ ngoan đạo mà vị thầy tu chủ trì thánh đường trả hàng tháng cho mình, bởi công việc các ông đang làm chính là sự thiện nguyện bằng cả tấm lòng trong quãng đời còn lại.

Ông lão hiền khô lấy cho tôi xem sản phẩm mình vừa hoàn thiện trước đó với những đoạn kinh Quran được viết trước và sau đó khắc nét trên đá. Giống như bộ chữ Hán âm của người Việt xưa, việc viết chữ cổ Kufic cũng có thể đánh giá được tâm hồn người viết. Nét chữ đẹp phải là phóng khoáng, đầy sắc sảo lẫn vào trong một chút bay bướm phá cách bộ chữ viết. Sản phẩm từ bàn tay điêu luyện của ông quá đẹp! Đi qua năm tháng chiến tranh, nhà nước Afghanistan vẫn không đủ tiền để trùng tu phần nội thất bên trong thánh đường dù đó là một trong những thánh đường lịch sử cổ kính và đẹp nhất trên vùng đất Nam Á. Chỉ cần đủ lượng gạch men đẫm sắc màu Ba Tư trang trí cho phòng cầu nguyện chính đã là một việc làm hết sức khó khăn của chính quyền Herat chứ đừng nói chi ắp hết tất cả các phòng khác của thánh đường. Theo dòng chảy hiện đại, việc làm gốm sứ theo phong cách cổ xưa đã biến mất dần bởi khoa học gốm sứ ngày nay quá hiện đại. Để có được những viên gạch men Ba Tư chất lượng như ngày xưa theo nhiều cách hiểu, người sành điệu cần phải bỏ ra một số tiền lớn để đặt trước những lô hàng ưng ý. Các nghệ nhân vẫn miệt mài lao động, tô điểm cho thánh đường ngày càng đẹp hơn bằng những vật liệu có được.



Những người thợ cắt đá tô điểm cho thánh đường Ngày Thứ Sáu

“Halqae Jar – Hy vọng sự cứu rỗi”

Trung tâm thánh đường là ba khối nhà được lắp ghép cạnh nhau thành hình chữ U bao lấy khoảng sân rộng xung quanh. Trong một

sớm mùa xuân, các dãy nhà hững hờ soi mình xuống dòng nước trong veo của chiếc hồ trung tâm có hình dáng một ngôi sao. Một làn gió đông đưa đi ngang làm hình ảnh iwan trung tâm lặn tẩn ảo ảnh theo mặt hồ gợn sóng. Những viên gạch men to màu trắng lát khoảng sân rộng như một chiếc gương soi lớn in tất cả hình bóng và dấu chân của những tín đồ vừa đi qua. Iwan hình đáy chữ U với hai cây cột Thánh gương cao là hội trường tâm điểm của thánh đường, hai khối nhà nhỏ chạy song song thành hai cạnh chữ U được ốp gạch men xanh lơ đẹp cũng không thua kém gì iwan tâm điểm. Mặt tiền hai dãy nhà được tạo dựng bằng những ô cửa sổ nhỏ tâm linh khi Thánh Allah lên thiên đường (Pishtaq, trong tiếng Ả Rập gọi là Ka'abah) san sát chạy dài mắt hút vào iwan trung tâm. Dãy nhà bên phải là các văn phòng điều hành, trong khi dãy nhà bên trái chỉ là những ô cửa Thánh Pishtaq.

Âm thanh vang dội “Hi ha, hi hu” từ hội trường cầu nguyện chính của thánh đường gây trong tôi sự tò mò hiếu kỳ lạ lùng. Âm thanh rền vang ngày càng lớn hơn theo những bước chân và giai điệu âm thanh rất lạ kỳ mà tôi không sao giải thích được. Nó như tiếng thú hoang gọi đàn ẩn bên trong những âm thanh hoang dại là một khát vọng bùng cháy, một âm hưởng chết chóc lạnh tanh, một sức mạnh đáng sợ khi đoàn kết bên nhau... Người Herat vẫn chưa đủ điện để phục vụ cho trung tâm tôn giáo lớn nhất của mình và bên trong phòng cầu nguyện là ánh sáng nhá nhem của những tia nắng lọt qua các ô cửa nhỏ. Hơi lạnh từ những tảng đá, sự vang dội âm thanh trong các bức tường thành bít bùng và sự rộng lớn của hội trường lem luốc ánh sáng bất giác làm tôi rùng mình khi nhìn thấy nhóm người đang thực hiện nghi thức “Halqae Jar – Hy vọng sự cứu rỗi” của giáo phái Sufi. Tôi nép vào bóng đêm tựa vào cây cột to cao ngắm nhìn những vị thầy tu chân chính tương lai đang thực tập nghi thức cứu rỗi từ Thánh Allah. Không chỉ là nơi để mọi người đến tâm linh, thánh đường Ngày Thứ Sáu còn là trường dòng đào tạo các thầy tu nổi tiếng ở Afghanistan.

Trên chiếc thảm đỏ đậm hoa văn Ba Tư, nhóm người đang ngồi xếp bằng cạnh nhau hành hình vòng tròn và một vị thầy tu có tuổi ngồi giữa trung tâm. Có lẽ ông là một giáo viên đáng kính hướng dẫn

sinh viên thực tập những nghi thức đã được học qua trang giáo án trước đó. Sufi là một tôn giáo ra đời cùng thời với Hồi giáo do ngài Ali ibn Abi Talib sáng lập. Ông Ali sinh ra tại Mecca và là anh em họ hàng khá gần với nhà tiên tri Muhammad. Theo ngôn ngữ Ả Rập cổ, Sufi có nghĩa là “nguyên thủy” và những người Hồi giáo tin rằng đây là dòng Hồi giáo Mật tông. Theo nhà thần học nổi tiếng người Ba Tư Al-Ghazali sinh vào thế kỷ 11, con đường đến với Sufi có chín bước cơ bản: hối hận trong lỗi lầm, chịu đựng trong đau khổ, mang ơn Đấng Allah vì những gì mà Ngài đã ban cho, sợ hãi Đấng tối cao, hy vọng ở sự cứu rỗi, tự nguyện chịu đói nghèo, tránh xa mọi cám dỗ cuộc đời, từ chối mọi ước muốn của mình và dành tình yêu vĩnh hằng đối với Thánh Allah.

Nhóm người đặt tay nhau trên những đôi bờ vai thể hiện tinh thần đoàn kết thống nhất trong sự cứu rỗi của Thánh Allah. Thầy giáo là người bắt nhịp cho âm thanh “hi ha hi hô” và ba anh trong số mười người tiếp tục bắt nhịp để khơi dậy tinh thần. Âm thanh đang dần to do sự đồng thanh đồng thủ của một tập thể và lan truyền vang dội giữa các bức tường thành làm thành âm điệu lạ lùng. Tôi nghe được chữ Allah xen lẫn trong dòng âm thanh hùng mạnh và chợt hiểu rằng sâu thẳm trong tiếng gọi là những lời cầu xin chân thành từ những trái tim để vị Thánh tối cao hiện hữu, tiếp sức, hỗ trợ để cứu rỗi những linh hồn còn đang u mê lạc lối. Những giọt mồ hôi chảy ròng rã trên khuôn mặt, nhưng một tinh thần hưng phấn được thể hiện rõ mồn một trên những đôi mắt Hồi giáo. Nhóm người đoàn kết vai bên vai đang dần hạ thấp trọng tâm để những mái đầu chụm vào nhau. Âm vực đang ngày càng lên đỉnh cao trào quyết liệt hơn. Họ từ từ đứng dậy mà vẫn không rời bỏ những cánh tay xiết chặt tình đoàn kết trên những bờ vai. Nhóm người chụm đầu vào nhau rải những bước chân khắng khít đi vòng quanh vị giáo sư đang ngồi xếp bằng giữa trung tâm. Âm thanh không còn bị nén trong lồng ngực khi người cầu nguyện trong tư thế đứng, tiếng vang tập thể “hi ha hi hô” đang trở thành một thứ âm thanh đáng sợ. Nhìn vào những đôi mắt đang chìm sâu trong vòng tay Thánh Allah, tôi rung mình nổi da gà trên đôi cánh tay. Đó là một ánh mắt rực lửa, long lên những tia khát máu và dường như muốn ăn tươi nuốt sống người đối diện. Một vài lần trong góc tối ống kính được tôi đưa lên

nhưng rồi lại bỏ xuống bởi tôi đang sợ ánh mắt người Hồi giáo. Tôi e rằng những chuyện không hay sẽ xảy ra khi tôi chụp lên một nghi thức tâm linh huyền bí của họ mà không xin phép trước.

Câu kinh Quran ngân dài cho cử cầu nguyện Zuhr buổi trưa như đang tiếp thêm sức mạnh cho tập thể nhóm người đang hành lễ. Những ông chủ trẻ các cửa hiệu dọc đường đi luôn mời tôi dừng chân uống một ly trà đen nghĩa tình, trong đó có anh Maalek Doosti. Một không khí ấm áp, chất lừ tình người trong ngày cuối ở Herat! Tôi hẹn anh Doosti sẽ ghé quầy hàng trò chuyện sau cử cầu nguyện Asr xế chiều. Việc tôi cần làm bây giờ là quay lại nhà nghỉ Jaam, bỏ bụng món cơm gà chainaki và đánh một giấc trưa nồng nàn.

Cây cầu lịch sử Malan

Buổi chiều, anh Maalek Doosti bắt giùm tôi chiếc taxi để đến cây cầu lịch sử Malan nằm cách trung tâm phố cũ Herat độ chừng 4km. Vòng vèo qua những con đường lớn rồi vào thêm một con đường nhỏ phủ đầy bóng cây hồ trăn, cây cầu Malan màu vàng đậm đã hiện ra trước mắt tôi. Taxi bị lực lượng quân phòng bảo vệ đầu cầu kiểm tra nghiêm ngặt và sau một vài câu trao đổi họ không cho chúng tôi băng ngang qua cầu. Tôi đành đi bộ xuống phía dưới bờ sông Heray để ngắm nhìn cây cầu nối qua đôi bờ được thiết kế theo kiến trúc Ba Tư. Malan là một thị trấn nhỏ nằm dọc theo bờ sông Heray và khi xây dựng cây cầu lịch sử bắc qua dòng sông, người Herat lấy tên thị trấn đặt tên cho cây cầu. Tôi thậm hiểu rằng, bên kia đầu cầu là vùng đất biên giới giữa Iran và Afghanistan, vì vậy nếu không xuôi đường đến Sistan thuộc tỉnh Baluchestan của Iran thì xe không được phép qua cầu. Người Herat gọi cây cầu Malan là cây cầu lịch sử cũng không sai khi nó đóng vai trò quan trọng trong kinh tế, giao thông và quân sự trên con đường tơ lụa Á – Âu. Xưa kia, khi dừng chân ở Herat, đoàn thương gia lạc đà tiếp tục tiến về Mashhad – Iran sau khi qua Kandahar, Mazar e Sharif của Afghanistan và Sistan của Iran ngày nay. Qua một số tài liệu tôi đọc trước đó, Sistan trong thời trung cổ được gọi là vùng đất Saka bởi nơi đây tộc người thiểu số Saka đóng chiếm cư ngụ. Ở Haozda thuộc Saka xưa kia và thuộc tỉnh Baluchestan – Iran ngày nay vẫn

còn sót lại trạm dừng chân to lớn dành cho đoàn lạc đà nghỉ chân năm xưa. Để đảm bảo việc giao thương kinh tế vẫn diễn ra thuận lợi vào những mùa sông Heray dậy sóng bởi những cơn lũ lớn, vua Ba Tư Sanjar Saljuki thuộc vương triều Seljuk đã cho xây dựng chiếc cầu Malan vào khoảng giữa thế kỷ 11. Tuy nhiên, để tôn vinh vai trò quan trọng của cây cầu Malan, nhiều câu chuyện dân gian đã ra đời ở thị trấn nhỏ mà người đời tin lấy tin để mà quên mất công sức của vị vua Ba Tư Sanjar Saljuki.

Câu chuyện thứ nhất cho rằng cây cầu được xây dựng bởi hai chị em ruột thịt vốn là những nữ tu ngoan đạo theo giáo phái Zoroastrianism (dòng tu thờ Thần lửa và Thần nước trong thời cổ đại). Để làm công việc thiện nguyện giúp người dân qua lại đôi bờ, hai nữ tu dùng lòng trắng những quả trứng làm chất keo kết dính nối các viên gạch lại với nhau. Câu chuyện thứ hai sôi động hẳn khi người Herat cho rằng cây cầu Malan được xây dựng bởi người giữ ngôi đền lửa linh thiêng tên Borzu. Trước khi bị đốt cháy bởi người Hồi giáo kéo quân đến đây, bên kia bờ sông là ngôi đền lửa linh thiêng để mọi người đến đây tâm linh. Ông Borzu không có một mụn con để nối dòng và ông cầu xin với Thần lửa Ahura Mazda nếu có được ước mơ ông sẽ xây cầu để đáp trả lại đức ân của vị thần tối cao. Thần lửa Ahura Mazda đã nghe thấy lời khẩn nguyện của ông Borzu. Tôi cười thầm trong bụng khi nhớ lại hai câu chuyện dân gian của cây cầu Malan. Phải chăng, mãi mê say đắm với những áng thơ tình bay bổng, các vương triều hùng mạnh của người Herat đã sao nhãng đến mảng kinh tế quốc gia. Họ quên đi giá trị quan trọng của con đường tơ lụa nên không có tầm nhìn rộng để xây dựng chiếc cầu thương mại liên lạc nối qua đôi bờ quốc gia. Người Herat vẫn đau khi vua Ba Tư Sanjar Saljuki thấy được nét rục rĩ của sự giao thoa văn hóa, thương mại... nên xây dựng chiếc cầu Malan ngay chính trên vùng đất của người Herat. Tôi chợt giật mình suy đi nghĩ lại khi cho rằng trước sức mạnh vũ bão của các vương triều Ba Tư, các hoàng đế Herat không muốn xây dựng chiếc cầu thương mại bởi dòng sông Heray vẫn là pháo đài tự nhiên vững chắc để bảo vệ ngọn rau tấc đất quê hương.

img728

Cây cầu lịch sử Malan

Cây cầu Malan đã bị sụp đổ trong cuộc chiến giữa người Anh và Xô Viết vào năm 1885, được xây dựng lại vào năm 1994 – 1995 bởi Viện nghiên cứu Dakar. Giá trị kinh tế, giao thông công cộng, quân sự của cây cầu lịch sử vẫn còn nhìn thấy cho đến tận ngày nay. Tuy nhiên, để đáp ứng mạch giao thông mới hiện nay, chính phủ Afghanistan cho xây dựng một đường cao tốc chạy song song với con đường tơ lụa xưa kia nối thẳng Herat – Mashhad qua cửa khẩu Islam Qala để không mất nhiều thời gian khi đi qua Kandahar, Mazar-e Sharif và Baluchestan. Cây cầu mới Malan với 19 nhịp bắc qua dòng sông Heray chảy xiết vẫn mang đậm văn hóa một chiếc cầu Ba Tư. Màu sắc của chúng biến thiên từ màu vàng nhạt cho đến đậm khi những tia nắng đi qua các viên gạch màu vàng nhạt được phủ dày lớp bụi cát sa mạc. Mỗi một nhịp cầu bên dưới là hình dáng ô cửa sổ Thánh Pishtaq và trên thành cầu nối giữa các nhịp với nhau là một iwan nhỏ được ốp lớp gạch men xanh tuyệt đẹp. Giữa một Herat nắng như đổ lửa, người Herat nhiều thành phần đổ xô đến đây tắm sông. Tiếng la í ới lao xao trên một đoạn sâu chảy xiết đục màu khoáng chất. Tôi hiểu được cảm giác phấn khích như thế nào khi được tắm trên dòng sông chảy qua lòng sa mạc. Mặc cho dòng chảy mạnh mẽ đang trôi cả người, những đứa trẻ vẫn reo hò hứng thú. Một vài đứa trẻ lớn hơn lại tìm những tảng đá lớn, cao to nằm dọc hai bên bờ sông để làm xiếc nhào lộn thân hình xuống dòng sông chứa đầy ký ức tuổi thơ...

Vấn đề giáo dục ở Afghanistan

Nhắm nháp ly trà đen, trong tôi là sự đồng cảm với anh Doosti khi anh cho biết đã tốt nghiệp khoa Nông nghiệp từ trường Đại học Tổng hợp Herat. Đó cũng là chuyên ngành đầu tiên mà tôi tốt nghiệp mở cánh cửa đi vào đời. Nông nghiệp Afghanistan vẫn là nền kinh tế chủ đạo của quốc gia, nhưng vẫn đang trong thời loạn lạc chiến tranh lấy đâu ra những nhà đầu tư nước ngoài đến đây khôi phục lại những trang trại nho xanh tươi trĩu cành để làm rượu vang như quá khứ vàng son từng có trên vùng đất Herat. Giống như

bất kỳ vùng đất nông nghiệp ở Afghanistan, sản phẩm làm ra mang tính chất tự cung tự cấp là chủ yếu. Anh gia nhập vào những cơ quan nông nghiệp địa phương với vai trò là một nhà khuyến nông và nhận mức lương hàng tháng khoảng 140 USD. Mức lương ấy có thể vừa đủ cho cuộc sống chi tiêu dè dặt trước sau. Sau hai năm anh quyết định nghỉ việc, mở cửa hiệu mua bán làm chủ cho chính mình. Lợi nhuận từ việc kinh doanh nhỏ cũng độ chừng 150 USD/tháng nhưng anh cảm thấy thoải mái bởi không phải nghe thấy chửi đẹn những tiếng rầy rà khiến trách từ cơ quan vẫn còn mang nặng “Hành là Chính”.

Những chiếc bình ắc quy, quạt điện hay tấm lưới năng lượng mặt trời... bày biện trong quầy hàng đều được làm tại Ấn Độ và nhập khẩu vào Afghanistan. Tôi hỏi anh Doosti, nếu làm phép so sánh giữa những sản phẩm điện đến từ Trung Quốc và Ấn Độ giá thành của ai rẻ hơn để người tiêu dùng có thể tiết kiệm đôi chút. Anh cho biết, giá thành tương đương nhưng thói quen tiêu dùng của người Afghanistan vẫn yêu chuộng các sản phẩm có nguồn gốc Ấn Độ. Giữa những giọt nắng chiều gát gao, tiếng chạy êm ái từ chiếc quạt nước truyền thống của người Ấn Độ trong cửa hiệu mang đến những hơi gió lành lạnh thật dễ chịu. Một vài em bé với chiếc áo màu xanh truyền thống của tổ chức UNICEF trên người đang trên đường trở về nhà. Câu chuyện giữa anh Doosti và tôi lại xoay quanh vấn đề giáo dục ở Afghanistan sau những cuộc nội chiến. Việc phân tầng trong xã hội có thể nhận thấy và đánh giá bằng mắt thường chính là những chiếc xe sử dụng. Có được một chiếc xe đạp để di chuyển là niềm mơ ước của những người nghèo khó. Tầng lớp vừa khá trang bị cho mình một chiếc Honda Win 100 phân khối được nhập khẩu từ Pakistan với phụ tùng xe hầu hết đến từ nền văn minh sông Hoàng Hà. Khá hơn thì mua những chiếc xe tay ga có thương hiệu từ đất nước mặt trời mọc nhưng được lắp ráp từ Ấn Độ. Những người giàu có thì mua được những chiếc xe hơi cũ xì có từ thời Liên Xô trước đây. Theo anh Doosti, trong một xã hội còn khó khăn ở Afghanistan, nhìn nhận qua hình thức bên ngoài của những tầng lớp có giá trị “thật” hơn nhiều so với một xã hội với nền kinh tế năng động, đang phát triển vốn sống nhiều về hình thức “ảo”.

Anh Doosti rùng mình nhớ lại thời trung học của anh sau những cuộc nội chiến loạn lạc. Phòng học của anh là những chiếc lều tạm bợ được dựng trên một con đồi, những quyển sách được thầy cô phát với nội dung đi kèm hình ảnh được in ấn từ hơn 10 năm trước. Trước làn sóng di cư ra khỏi Afghanistan trước và sau cuộc chiến của tầng lớp trí thức, lực lượng giáo viên thiếu hụt nghiêm trọng. Trong thời kỳ Taliban, ngoại trừ một số thành phố lớn vẫn khá ổn định trong việc đưa trẻ đến trường, những đứa trẻ có được một ít chữ lặn lợng trong vùng Taliban chiếm đóng là sự kiện lạ lùng nhất trong cuộc đời mà anh Doosti chứng kiến. Một số giáo viên yêu nghề đã không ngại quãng đường xa đến vùng Taliban chiếm đóng mở trường dạy học. Trái tim của những phiến quân Taliban vẫn còn chút tình người bởi họ không bao giờ ra tay sát hại những vị giáo viên gieo mầm chữ đáng kính, nhưng sự căm că của họ khiến trường học tạm bợ phải giải tán và sự hụt hẫng chán bỏ đang lớn dần lên trong tâm hồn bao la của những người chở đò sang sông. Khi lớp học đông dần lên, chiến binh Taliban lại làm một bức thư tay gửi đến các giáo viên với nội dung bên trong là những bé gái không được phép đến trường. Quá chán nản tụt mất cảm xúc trước tình trạng lớp học ế dần, các giáo viên quyết định bỏ nghề cao quý. Độ chừng ba tháng sau khi tình hình yên ắng trở lại, lớp học lại tiếp tục hoạt động với những người thầy đứng bục giảng là những thanh niên đã học lớp lớn hơn truyền đạt lại cho những đứa trẻ. Họ đã trở thành kẻ đưa đò bắt đắc dĩ trong hoàn cảnh trở trêu.

Vấn đề đến trường lớp đỡ vất vả hơn những năm sau này khi tổ chức tình nguyện UNICEF đến Kabul hoạt động. Họ tài trợ cho các em học sinh tập, sách, bút, ba lô và đồng phục bằng nguồn quỹ đóng góp khắp nơi trên thế giới bên cạnh nỗ lực của chính phủ Afghanistan xây dựng lại trường học lớn. Đến lớp 12, anh Doosti mới được làm quen với chiếc máy vi tính được tài trợ từ chính phủ Ấn Độ. Ở độ tuổi này, tiếp xúc được với phương tiện khoa học tân thời đã là quá trể so với các quốc gia khác. Sáu môn học cơ bản trong những năm phổ thông bắt buộc bao gồm: toán, lý hóa, ngoại ngữ, lịch sử và tôn giáo. Trong điều kiện khó khăn sau chiến tranh, luật lệ khắc nghiệt của Hồi giáo về những trường học dành riêng cho nữ sinh đã được dỡ bỏ để đảm bảo sĩ số học sinh. Các em học

sinh nam và nữ có thể chung một mái trường nhưng riêng lớp học và quy định khắt khe trong trường học vẫn còn áp dụng cho đến ngày nay là học sinh nam không được phép trò chuyện với học sinh nữ trong những giờ giải lao.

Sau khi kết thúc 12 năm học, học sinh phải trải qua kỳ thi tuyển để vào các trường đại học. Môn thi tùy thuộc vào ngành mình chọn và điểm thi tùy thuộc vào từng trường đại học. Những năm trên giảng đường đại học, anh Doosti thực tập trong các phòng thí nghiệm nghèo nàn dụng cụ lẫn với những phương pháp thí nghiệm quá lạc hậu, lỗi thời. Năm 2002, khi người Mỹ quay lại Afghanistan làm hàng rào bảo vệ Kabul trước sự hung hãn của phiến quân Taliban, tình hình giáo dục ở Afghanistan tương đối ổn định và khá lên vào những năm sau này. Hệ thống giáo dục các cấp ở Afghanistan được chia làm ba dạng: trường công, trường tư và các trường học nước ngoài. Trường công bao gồm cả bậc tiểu, trung và đại học, trong khi trường tư chỉ liên quan đến mảng đại học. Quan điểm phương Tây, giáo dục không chỉ nâng cao tri thức con người mà còn là ngành kinh doanh béo bở và các trường đại học phương Tây đã đánh hơi về một Kabul ổn định khi có sự hiện diện của người Mỹ nên đã đến đây lập các trường nước ngoài. Ít nhất có hai trường học của người Mỹ và Thụy Sĩ đã có mặt tại Kabul vào năm 2012. Các trường học nước ngoài bao trọn các khâu đào tạo từ tiểu học cho đến đại học, tuy nhiên chi phí rất đắt đỏ dành cho tầng lớp giàu có.

Học sinh từ tiểu học lên đến hết bậc trung học trong các trường công đều được miễn học phí. Việc có mặt UNICEF đã giảm bớt gánh nặng cho chính phủ cũng như gia đình có con em đang trong độ tuổi đến trường. Những cuốn sách được những đứa trẻ bi bô học ngày nay đã được in màu. Sống trong vùng đa sắc văn hóa như Kabul, phụ huynh phải chọn lựa trường cho con em theo học, tùy thuộc vào ngôn ngữ Pashto hay Dari là tiếng mẹ đẻ của mình. Riêng vùng đất Herat thấm đẫm văn hóa người Ba Tư nên chỉ có ngôn ngữ duy nhất là Dari hay còn gọi là Farsi trong các trường học. Nếu trúng tuyển vào các trường đại học công lập, sinh viên sẽ được miễn học phí trọn 4 năm nhưng không có học bổng và chi phí giáo trình do các sinh viên tự chi trả. Với 22 trường đại học công lập trên

cả đất nước, chính phủ Afghanistan chi trả khoảng 35 triệu USD hàng năm cho các chi phí hoạt động, chiếm 1.5% trong ngân sách eo hẹp của quốc gia. Đứng trước sự lạc hậu về công nghệ cũng như chưa có đội ngũ lao động tay nghề cao trong các trường đại học, quỹ đầu tư phát triển quốc tế của Mỹ (USAID) quyết định tài trợ số tiền 20 triệu USD để nâng cấp nền giáo dục Afghanistan trong con số tổng 249 triệu Mỹ kim hàng năm cho toàn thế giới. Hàng năm, chính phủ Afghanistan quyết định cắt 3 triệu USD trong con số 20 triệu dành riêng cho giáo dục để đầu tư vào mảng y tế cộng đồng và cơ sở hạ tầng vẫn còn quá kém.



Những đứa trẻ Afghanistan đến trường được bảo bọc bởi tổ chức UNICEF

Những sinh viên không đậu trường công, có thể chuyển qua học các trường đại học tư thục với mức phí thấp hơn nhiều so với các trường nước ngoài. Các trường đại học ở Afghanistan chưa đủ lực để đào tạo thạc sĩ hay tiến sĩ mà chỉ dừng ở mức cử nhân. “Khi đi ngang các trường đại học của người Mỹ và Thụy Sĩ ở Kabul tôi đã thấy những tấm panel thông báo chương trình đào tạo liên kết Thạc sĩ Quản trị kinh doanh với năm cuối học tại nước ngoài”, tôi bổ sung thông tin thêm với anh Doosti.

Trước đây, làn sóng di cư của người Afghanistan đã hình thành nên những ngôi làng nhỏ trên vùng đất phương Tây như Mỹ và Anh. Tiếp nối những người đi trước, tầng lớp giàu có lại gửi con cháu của mình đi du học phương Tây để mong muốn có sự đổi đời. Thông qua những chuyến du học sau đó tìm mọi cách định cư ở lại, người Afghanistan còn nhìn thấy con cháu mình đã thoát ra được vùng lầy chiến tranh, sống hạnh phúc giữa xứ sở tự do. Tuy nhiên không như những gì người ở lại mong đợi, lớp học sinh du học đang đối chọi trước những khó khăn quá lớn ở xứ người. Đó là sự kỳ thị chủng tộc đến ra mặt ghẻ lạnh hằn hoi của các bạn phương Tây với người Afghanistan trong trường học. Các bạn trẻ phương Tây không kỳ thị màu da, giọng điệu phát âm mà họ nghĩ đến sự chết chóc, cách hành hình rợn người của phiến quân Taliban. Ý nghĩ về thần chết cứ

luẩn quẩn xung quanh ngôi trường nếu có một bạn Afghanistan nào đó đang theo học khiến du học sinh Afghanistan càng khó hòa nhập vào môi trường mới. Xu hướng mới gần đây của tầng lớp giàu có Afghanistan là đưa con cháu của mình sang Ấn Độ du học và định cư ở lại. Dù sao những người Ấn cũng hiểu rõ tình trạng Afghanistan nên hòa nhã, dễ chịu hơn. Mặt khác, quốc gia này đang trở thành đầu tàu kinh tế của vùng đất Nam Á, đặc biệt lĩnh vực công nghệ thông tin, y khoa của họ đã có tiếng tăm trên toàn cầu. Các trường đại học nước ngoài của người Mỹ và Thụy Sĩ chỉ ăn khách trong việc đào tạo từ bậc tiểu lên đến trung học để du học sinh có nền tảng tiếng Anh tốt, làm cuộc đào tạo sau này bằng những chuyến du học không quay về. Hiện nay, mức lương trung bình của một giáo viên tiểu học là 100 USD, trung học 200 USD và giáo sư đại học khoảng 300 USD/tháng. Anh Doosti cho tôi biết thêm.

Tôi chia tay Doosti để anh bước vào vòng tay Thánh Allah bằng cử cầu nguyện hoàng hôn Maghrib. Tôi có thể quên theo năm tháng câu chuyện hệ thống giáo dục ở Afghanistan, nhưng câu nói của anh Doosti vẫn mãi in hằn trong trí nhớ của tôi: “Chúng tôi chỉ là những người sống, chứ chưa có cuộc sống đúng nghĩa!” Câu nói đúng đấy bởi với mức thu nhập biến thiên chỉ từ 100 – 200 USD/tháng cho người có trình độ đại học thì làm sao có một cuộc sống đúng nghĩa!

Chương VI Xuôi về kinh đô Phật giáo ẩn độ

Những ngày mùa xuân đang dần đi qua nhường sân khấu trình diễn lại cho một mùa hè rực nắng đang đến. Tôi đã ra khỏi Afghanistan sau 12 ngày rong chơi tại đây bằng chuyến bay tháo dỡ mồi hôi như tấm từ lòng bàn tay và bàn chân. Việc máy bay nâng độ cao liên tục để vượt đỉnh núi Hindu Kush làm tôi nhộn nhạo khó chịu trong người. Sau cái đóng mồi nhanh chóng, anh nhân viên hải quan Kabul hỏi tôi: “Bạn hãy cho tôi biết cảm nghĩ của bạn như thế nào về Afghanistan?” Tôi mỉm cười hỏi lại anh hải quan: “Bạn muốn tôi nói thật hay là nói khách sáo cho vui lòng đôi bên?” Lý tưởng luôn hướng đến hòa bình, nhưng lịch sử lại là những cuộc chiến tranh đẫm máu.

Đường đến thành phố ánh sáng Kasi

Cuộc trao đổi qua điện thoại với anh tôi trong ngày trở lại Kabul dấy lên trong tôi sức mạnh niềm tin tôn giáo để tiếp bước cuộc hành trình. Anh trai muốn tôi tiếp tục chuyến đi về kinh đô Phật giáo để cầu nguyện cho mẹ tai qua nạn khỏi. Theo anh, tình trạng sức khỏe của mẹ tôi cứ bình bình, không khá lên mà cũng chẳng tệ đi. Chuyến đi về kinh đô Phật giáo vàng son một thời nặng trĩu trên từng bước chân. Nó khác biệt với những chuyến đi trước đây với những háo hức phiêu lưu trong niềm phấn kích được khám phá những nét văn hóa mới lạ ở một thành phố nào đó trên vùng đất huyền bí. Giờ đây, chuyến đi 10 ngày đến vùng đất tâm linh Phật giáo bậc nhất chỉ còn lại niềm tin tôn giáo mà đôi khi tôi tự hỏi các Đấng tối cao “có thật” trên đời thường? Khi bế tắc dần trong cuộc sống, người ta lại quay sang ngưỡng cửa tâm linh và anh em chúng tôi cũng không ngoại lệ.

Hành trình 10 ngày của tôi tại kinh đô tâm linh Phật giáo đã được sắp xếp cẩn thận đến từng chi tiết nhỏ sau khi tôi quay lại New Delhi

từ Kashmir. Cô nhân viên mua hộ vé tàu khen tôi là người khá thông minh khi biết tận dụng những chuyến tàu đêm kết nối điểm hành trình để mà không phải trả nhiều tiền cho khách sạn qua đêm. Tôi bắt chuyến tàu điện từ nhà ga sân bay quốc tế Indira Ghandi để đến trạm dừng cuối cùng là ga trung tâm. Từ đây, tôi sẽ vào nhà ga tàu lửa New Delhi nằm đối diện để bắt chuyến tàu đêm đến thành phố cổ Varanasi nằm cạnh bên con sông Hằng bí ẩn.

Đông nghịch như kiến, người khuân kẻ vác công kênh hành lý, chen chúc giành giật nhau từng chút một để qua cửa kiểm tra an ninh vào ga tàu là điều thường thấy ở các nhà ga tàu lửa Ấn Độ. Anh bảo vệ nhà ga tốt bụng đã giúp tôi tìm đường đi nước bước giữa một mê cung rộng lớn mà những lối đi được nối chằng chịt với nhau bằng những cầu thang gỗ nghịch ngợm. Các Phật tử luôn cho rằng, hành trình về đất Phật chẳng bao giờ suôn sẻ như ý muốn mà luôn có những khó khăn nhất định trên đường đi. Nó gập ghềnh khúc khuỷu, gian nan như ngài Trần Huyền Trang trên đường tìm đến Thiên Trúc học đạo năm xưa. Tôi đã vấp phải khó khăn đầu tiên trên lối về đất Phật khi hãng tàu Neelachal Express thông báo trễ chuyến đúng 12 tiếng. Giờ khởi hành mới vẫn là 8 giờ 15 phút nhưng lại là sáng ngày hôm sau. Một vài anh bạn người Ấn giải thích với tôi rằng việc trễ tàu ở Ấn Độ là chuyện thường tình và đôi khi người Ấn hay cầu nhà chính phủ của mình chưa xây dựng đủ cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt nhất cho quốc gia đông dân thứ hai hành tinh xanh. Việc người nghèo mua được một chiếc vé tàu để đi lại đã là việc làm khó khăn và lấy tiền đâu chi trả cho phòng trọ bình dân để qua đêm khi bị trễ tàu? Thôi thì cứ nằm ngủ vất vưởng tạm thời như cá mè xếp lớp đóng hộp trên hành lang tàu và hình ảnh này trên các phương tiện đại chúng đôi khi bị phán xét gay gắt hay tạo một cái nhìn không hay về Ấn Độ.

Trong lần đầu đến Ấn Độ, tôi từng suy nghĩ rằng không phải trả bất cứ khoản tiền “cò” vô lý cho những đại lý bán vé tàu lửa nằm trong con phố Main Bazaar. Đến khi tự xếp hàng, điền form và mất độ ba tiếng mới mua được chiếc vé ở dạng chờ để đi Amritsar từ Delhi, tôi thấy ý nghĩ của mình thật sai lầm! Tốt nhất, nên nhờ một đại lý du lịch nào đó trên phố Main Bazaar sắp xếp vé tàu và trả thêm cho họ

một ít chi phí để dự dả thời gian dành cho việc khám phá nền văn minh sông Hằng. Việc xếp hàng ngoằn ngoèo mất nhiều tiếng đồng hồ để có một vé tàu di chuyển là việc làm hết sức ngốc nghếch của tôi trong những ngày ở Ấn Độ.

Hình ảnh nhóm người đông đúc bạc phơ đầu tóc vì cái gió trên toa hạng bét của đoàn tàu hay hình ảnh những thanh niên trẻ gồng mình để nhảy tàu không phản ánh đúng hiện trạng chất lượng bên trong toa tàu Ấn Độ. Mua được chiếc vé ngồi hay giường nằm trên những toa tàu hạng nhất hoặc hạng nhì, tôi mới thấy được sai lầm của mình. Đó là những dãy ghế ngồi mới cấu cạnh khá rộng lớn về chỗ ngồi hay khoảng cách giữa các hàng ghế cho khoang tàu đi dọc Ấn Độ ở cự ly ngắn đến trung bình. Một ngăn thiết kế chứa hành lý trên đầu đủ lớn để không ai chen lấn giành chỗ với nhau. Một chai nước suối lớn có thương hiệu lớn được phục vụ trước một bữa ăn thịnh soạn mà hành khách có thể chọn lựa món ăn hay đặt riêng khi mua vé theo khẩu vị và tôn giáo của mình. Khoang tàu đường dài với những chiếc giường ngủ được che kín bằng các tấm ri đô màu sắc cùng với những chiếc gối êm, nệm ấm sạch sẽ thơm tho. Thả mình vào không gian riêng tư, giấc ngủ đến dễ dàng hơn theo tiếng xìch xìch lác lác của đoàn tàu. Ô điện sạc pin điện thoại, đèn ngủ, đèn đọc sách, kệ nhỏ đựng đồ vật linh tinh hay loa nghe nhạc đều được trang bị tận răng trên chiếc giường ngủ. Máy lạnh hoạt động tốt đến mức một vài hành khách phải dùng vật gì đó che chắn bớt các cửa sổ gió để không khí trong phòng ngủ ấm hơn. Dĩ nhiên, những chiếc vé ở các khoang tàu như thế này chỉ dành cho tầng lớp người Ấn giàu có.

Tôi quay lại khu phố Main Bazaar tìm phòng qua đêm chờ đợi chuyến tàu sáng hôm sau. Đã đi qua được nỗi sợ chết chóc hay bắt cóc ở Afghanistan, nhưng tôi vẫn không sao ngủ được trong đêm quay lại Ấn Độ. Thao thức cùng bóng đêm, tôi nghĩ đến tâm linh Phật giáo trên vùng đất Hindu và vẫn không sao giải thích được câu hỏi: Phật giáo có nguồn gốc xuất phát nguyên thủy từ Ấn Độ nhưng ở quốc gia có diện tích lớn nhất vùng Nam Á thì chỉ độ chừng 9.000 người tu tập theo tôn giáo này, chiếm 0.7% dân số. Thấp hơn rất

nhiều so với hai tôn giáo khác đang hiện hữu tại Ấn Độ là Hồi giáo (14.2%) và Kitô giáo khoảng 2.3%.

Một vài lần trò chuyện với những bậc lão thành trên con phố Main Bazaar hay xa tít tận vùng Kashmir, lời giải thích của tầng lớp người Ấn cao tuổi có thể giúp tôi phần nào trả lời câu hỏi của chính mình. Họ cho rằng, nền văn minh sông Hằng là một nền văn minh cổ vĩ đại của loài người. Nhắc đến một trong những nguồn sáng sông Hằng người đời luôn nhớ đến tôn giáo Hindu và gần 80% dân số Ấn Độ tín ngưỡng Hindu giáo là điều hiển nhiên. Tâm linh Hồi giáo theo các vị vua Ba Tư trên vó ngựa chinh yên đến Ấn Độ đã tạo dựng được hình ảnh hay chỗ đứng vững chắc từ bao đời nay nên Hồi giáo đứng thứ hai trong bảng xếp hạng tâm linh cũng là điều dễ hiểu. Từ ngàn xưa, dù song hành cùng Hindu giáo, nhưng người Ấn vẫn không theo Phật giáo dù điều kiện để trở thành một Phật tử so với trở thành tín đồ Bà La Môn dễ dàng hơn. Người Ấn cho rằng chính giáo lý cơ bản của Phật giáo Đại thừa không phù hợp để trở thành Phật tử ngoan đạo dù rằng Phật giáo xuất phát tại đây. Giận chuyện gia đình, làm ăn thua lỗ, bị người yêu bỏ rơi, hận đời hoàn cảnh... khiến mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể trở thành một Phật tử mộ đạo hay một trụ trì ngôi chùa công đức, nhưng để trở thành tín đồ Bà La Môn, ít nhất phải xuất thân từ tầng lớp trí thức hay gia đình giàu có quyền thế. Phật giáo vẫn không thắng thế so với Kitô giáo cũng chính vì giáo lý ấy.

Việc rũ bỏ mái tóc đen mượt trên đầu đã quá khác khe so với hình ảnh những vị thầy tu của các giáo phái khác vẫn giữ nguyên và rạng ngời sắc vóc. Đắp trên người chiếc áo cà sa màu vàng đồng nhất trong các lễ hội tâm linh làm cho một vị tăng mang nét quá khác khổ so với bộ áo chùng dài alba quý phái, biến thiên trong những sắc màu ý nghĩa theo từng lễ hội riêng của một vị cha xứ. Việc hạn chế gia vị, chất đạm trong các bữa ăn hàng ngày hay những chất còn kích thích đã làm cuộc sống ẩm thực của một vị thầy tu không còn ý nghĩa trọn vẹn so với một vị cha xứ vẫn ăn uống bình thường và có thể tụng niệm chúc mừng đôi uyên ương trong ngày vui đôi lứa. Với người Ấn, việc sử dụng hàng tá các loại gia vị truyền thống trong

bữa ăn hàng ngày khiến giáo lý Phật giáo Đại thừa càng trở nên xa rời không thực tế với họ.

Khó khăn thứ hai lại ập đến trong hành trình khi hãng tàu Neelachal Express thông báo trễ thêm hai tiếng nữa. Giờ khởi hành mới là 10 giờ 30 phút. Trong cơn gió sáng vẫn còn mang chút mát mẻ và việc mất ngủ đêm qua khiến tôi mong mỗi có được giấc ngủ ngắn ngon giấc bù lại cho cảm giác mệt mỏi thiếu ngủ đang chiếm lấy thân người. Tôi vất vưởng thành những người Ấn Độ nghèo ngủ trên hành lang đường tàu và cạnh tôi là anh bạn trung niên người Ấn sẵn sàng khều nhẹ đánh thức tôi khi tàu đến. Trong giấc mơ ấy, tôi thấy mình được vuốt ve ngôi bảo tháp Phật giáo ở Bodh Gaya, ngồi dưới cội Bồ Đề linh thiêng tĩnh tâm lần chuỗi cầu nguyện... Cuộc hành trình cứ xuôi theo tiếng xìch xìch khi đoàn tàu lăn bánh qua ga, rồi những gút mắc cuộc đời cứ như âm thanh rít lên khô khốc ken két khi bánh tàu lao nhanh qua những mối nối đoạn phanh quanh co...

Vòng vèo quanh những con ngõ hẹp

Phía sau toa tàu, tôi tip một vài đồng rupee lẻ cho anh nhân viên phục vụ để đổi lấy hộp kem tươi mát lạnh theo tiêu chuẩn phục vụ cho một suất ăn. Liếm láp những miếng kem tươi, tôi lại nghĩ đến tiếng Anh của người Ấn. Đọc qua một vài thông tin du lịch trên mạng, tôi khá yên tâm khi biết rằng người Ấn và Philippines sử dụng tiếng Anh rất rộng rãi bởi các quốc gia này từng là thuộc địa của Anh hay Mỹ. Để khi đến nơi tôi nhận ra rằng người bản xứ chỉ sử dụng tiếng Anh phổ biến ở các thành phố lớn. Ở những vùng quê xa xôi hẻo lánh, họ chỉ sử dụng tiếng Hindi hay ngôn ngữ Tagalog.

Tôi thích vòng vèo quanh những con ngõ hẹp giữa các ngôi nhà cổ kính được xây dựng vào thế kỷ 18 nằm dọc theo bờ sông Hằng linh thiêng. Lạc vào đấy tôi như rơi vào một mê cung dù biết rằng không lối thoát bởi ngõ này xọ qua hẻm kia rồi mất hút theo những bậc thang tối chòng chẹo nhau trong phố vắng. Tôi yêu những dấu chân mòn lồi trên những viên đá cuội phủ bụi thời gian trong lòng phố cổ vì chính bản thân tôi vẫn chưa hiểu và nhớ hết lịch sử văn hóa dày cộm nằm chất chồng lên nhau ở Varanasi. Dựa vào nhật ký của

ngài Trần Huyền Trang đến đây vào năm 632, người đời mới biết đến vùng đất Thánh Varanasi và Ngài ước đoán rằng thành phố được thành lập vào những năm 500 trước Công nguyên. Thời điểm đó chỉ có một vài nơi trên quả đất này xuất hiện ánh sáng văn minh nhân loại. Tuy nhiên, với việc khai quật các di chỉ vết tích về người xưa ở Varanasi đang tiếp tục hiện nay, các nhà khoa học cho biết Varanasi được thành lập sớm hơn khoảng 1.800 trước Công nguyên và thành phố được xếp vào nhóm một trong những vùng đất cổ nhất thế giới có loài người định cư sinh sống lâu dài.

Tôi cũng từng quen cả bộ sử thi *Mahabharata* viết bằng tiếng Phạn vĩ đại nhất của nền văn minh Ấn Độ được viết tại *Varanasi*. Trong nền văn học Ấn Độ cổ, có hai bộ sử thi nổi tiếng nhất là *Mahabharata* và *Ramayana*. Chưa kể đến bộ sử thi thần thánh *Ramayana*, chỉ làm một cuộc so sánh nho nhỏ giữa bộ sử thi *Mahabharata* của người Ấn và hai bộ sử thi có giá trị lớn của người Hy Lạp cổ là *Odyssey* thì mới thấy sự vĩ đại của ánh sáng văn minh sông Hằng như thế nào. Bộ sử thi *Mahabharata* bao gồm hơn 74.000 câu thơ và những đoạn văn xuôi dài, tổng cộng khoảng 1,8 triệu từ, và là cuốn thiên sử thi dài nhất thế giới, gấp bảy lần tổng số câu thơ của hai bộ sử thi *Iliad* và *Odyssey* cộng lại. Tôi cũng không nhớ Varanasi được đổi tên bao nhiêu lần với nhiều biệt danh mỹ miều dành tặng cho thành phố cổ kính để rồi còn lại cái tên duy nhất hiện nay được ghép từ tên hai dòng sông *Varuna* ở đầu phía Bắc thành phố và dòng sông *Assi* chảy từ đầu phía Nam đều đổ vào con sông Hằng linh thiêng. Nếu nhắc đến nơi đây, chắc hẳn tôi sẽ nhớ một Varanasi trong thời cổ đại được đề cập trong bộ kinh Vệ Đà nổi tiếng của người Ấn. Kinh Vệ Đà còn được gọi là *Rigveda* mà trong tiếng Phạn có nghĩa là “Tri thức tỏa sáng” tập hợp 1.028 bài thánh ca và 10.600 câu thơ của những bậc hiền nhân, triết lý, văn chương, nhạc kịch sinh thời ở Kasi và được đóng thành mười quyển sách. Trong bộ kinh Vệ Đà có đoạn nói về Thần Shiva là người đã sáng lập ra thành phố Kasi cổ xưa hay Varanasi ngày nay như thế nào.

Trong ngưỡng tâm linh Hindu giáo, bộ ba Tam Thần quyền lực (Trimurti) bao gồm Brahma, Vishnu và Shiva là những Đấng tối cao.

Thần Brahma tượng trưng cho sự sáng tạo, Vishnu là Thần bảo hộ và Shiva là Thần hủy diệt. Cũng nhiều lần tranh cãi nội bộ trong Hindu giáo cần phải xác định một vị thần có quyền lực cao nhất trong bộ Tam Thần và dòng Shaiva quyền lực nhất trong Hindu giáo cho rằng đó chính là Thần Shiva. Lập luận có vẻ đúng của dòng Shaiva trong Ấn Độ giáo (còn gọi là Hindu giáo) đã thuyết phục được hai giáo phái còn lại là Bà La Môn giáo và Vệ Đà giáo: Trong giây phút nóng giận hay chẳng ưng bụng, Thần Shiva có thể hủy diệt tất cả, và những gì khởi đầu sáng tạo sự sống của Thần Brahma được sự bảo hộ nghiêm ngặt của Thần Vishnu trước đó chẳng có ý nghĩa gì. Hơn nữa, Vệ Đà giáo là giáo phái cổ xưa nhất xuất hiện trên nền văn minh sông Hằng thờ Thần lửa và Thần nước nhưng trong bộ kinh Vệ Đà nổi tiếng của mình, họ cũng đề cập hay nói khác đi chính thức họ thừa nhận Thần Shiva đã tạo ra một Kasi có nghĩa là “thành phố ánh sáng” và đó chính là Varanasi ngày nay. Bà La Môn giáo tôn nghiêm Thần Brahma đành cúi đầu im lặng.

Sau những lần tranh cãi nảy lửa, một khái niệm mới về Đấng tối cao của mình đã ra đời và tồn tại cho đến ngày nay trong thế giới tôn giáo của người Ấn: Thần Shiva chính là Thượng đế và chỉ duy nhất có một Thượng đế linh thiêng quyền lực nhất trong cõi tâm linh, ông mang trong mình dòng máu sáng tạo sự sống của Thần Brahma và yêu thương đùm bọc nhân loại của Thần Vishnu. Bộ kinh Vệ Đà với khoảng 15.000 câu thơ đã ca ngợi sự trù phú vinh quang của một Kasi do Thần Shiva tạo nên: Trên trời cao, Thần Shiva dùng mái tóc dài của mình để dẫn nguồn nước từ dãy núi Himalaya linh thiêng đến Kasi để bắt đầu tạo dựng nguồn sống mới. Sau khi tạo một “thành phố ánh sáng”, Thần Shiva liền phán: *“Một thành phố của Ta đã tạo dựng trên trái đất này, Kasi sẽ là một cung điện hoàng gia để Ta đặt ngai vàng.”* Bộ sử thi *Mahabharata* cũng từng đề cập đến thành phố Kasi khi người anh hùng huyền thoại Pandavas đến đây tế lễ Thần Shiva để có thêm sức mạnh trước khi bước vào cuộc nội chiến Kurukshetra.

Kasi cổ kính

Nức tiếng vàng son trong thời cổ đại của Varanasi là điều không chối cãi. Sự giao thoa văn hóa có được trên con đường tơ lụa càng tôn thêm giá trị văn hóa của một thành phố cổ xưa. Những người thợ dệt lụa học hỏi kinh nghiệm của người Trung Hoa, những đôi bàn tay khéo léo dệt thảm từ người Ba Tư hay những người thợ vẽ tranh trên ngà voi từ khắp Ấn Độ kéo về Kasi lập nên những ngôi làng ngành nghề truyền thống càng tô điểm thêm cho một Kasi trù phú thịnh vượng. Kasi là nơi đã sản sinh ra nhiều nhà triết lý, nhà thơ, nhà văn và các nhà soạn nhạc nổi bật trong lịch sử Ấn Độ, bao gồm: Kabir, Ravidas, Munshi Premchand, Jaishankar Prasad, Acharya Ramchandra Shukla, Pandit Ravi Shankar, Hariprasad Chaurasia và Ustad Bismillah Khan. Tác phẩm thơ ca nổi tiếng Ramcharitmanas cũng được ông Tulsidas viết tại đây. Cứ những lần xôn xao như thế, Kasi lại có thêm những “nickname” mới nào là “thành phố của ngôi miếu học thuật”, nào là “thành phố của những đền thờ”, nào là “thành phố của các đền đài”... Tôi kể không xiết khi nói về thành phố ánh sáng Kasi.

Khi đọc điển tích cuộc đời Đức Phật Thích Ca trong những kinh Phật, các soạn giả luôn dùng cụm từ “một lần đến giảng Pháp tại Benares...” giống như những câu chuyện trong bộ kinh Thánh cũng bắt đầu bằng dòng chữ “thuở xa xưa, ở vùng đất Nazareth...” làm tôi hiểu rằng Varanasi còn có tên gọi khác là Benares. Tuy nhiên, cư dân ngàn đời ở Varanasi không thích vùng đất Thánh của mình được gọi tên là Benares, mà chỉ là Varanasi hoặc Kasi. Người Varanasi có lý do riêng của họ khi câu chuyện về vua Benar giác ngộ Phật giáo được ghi lại trong những quyển kinh Phật. Với họ, vùng đất tâm linh màu nhiệm Kasi chỉ dành riêng cho những tín đồ Hindu giáo hoặc Kỳ Na giáo. Đó cũng chính là cảm giác hụt hẫng của ngài Huyền Trang men theo con đường tơ lụa để đến được Kasi. Nhìn thấy giá trị quá lớn của một thành phố ánh sáng, ngay sau khi đắc đạo, Đức Phật Thích Ca đã đến Kasi thuyết pháp lần đầu ở vườn Lộc Uyển Sarnath để quảng bá Phật giáo của mình đi khắp nơi. Những gì ngài Huyền Trang nhìn thấy ở Kasi chỉ là nơi tâm linh rất riêng dành cho những người Ấn Độ giáo mà không nhìn thấy bóng dáng một Phật tử dù câu chuyện về sự giác ngộ Phật giáo của vua Benar vẫn còn đó.

Câu chuyện trong kinh Phật cổ kể rằng: “Thuở xa xưa có một vương tử ở thành Benares luôn sợ hãi với việc giết các loại gia súc để tế lễ Tam Thần của Bà La Môn giáo. Ông cho rằng, việc sát sinh gia súc chỉ mang thêm phần tội lỗi bởi sâu thẳm trong nguồn gốc tôn giáo chính là sự tĩn tâm của con người. Thay vào đó vào những ngày lễ lớn, ông thường cúng nước, trái cây và nhang thơm dưới gốc cây đa già để tôn nghiêm các vị thần. Khi lên làm vua xứ Benares, ông triệu tập thần dân của mình lại gốc đa già. Tại đây, ông yêu cầu mọi người dâng ông lễ vật để cúng tế. Thần dân hiểu rõ ý đồ của ông khi những lễ vật ông yêu cầu là người sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Kể từ đó, quốc thái dân an và mọi người không phạm tội sát sinh. Sự bao dung, nhân từ thông thái của vị vua xứ Benares được hình thành trong tâm sau lần nghe Đức Phật thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển Sarnath. Câu chuyện chưa dừng lại bởi tiếp diễn theo sau là sự rũ bỏ tất cả khi thành Benares bị quân địch tấn công. Bối rối trước sức mạnh quân thù, các quan trong triều tìm kiếm vua Benar để ngự định cho kế hoạch quân sự. Triều thần tìm thấy vua vẫn ung dung trong tư thế ngồi thiền và phán quyết khi nhìn thấy những vị quan yêu nước: Ta không muốn vì bảo vệ ngai vàng mà phát động cuộc chiến, nếu đánh trả họ trăm không an vì nhìn thấy lương dân loạn lạc, nếu họ muốn lấy thành Benares thì cứ cho họ quốc gia này. Sự từ bi của vua Benar đã làm lay lòng quân địch và họ bỏ đi trong sự kính trọng.”

Câu chuyện dân gian trên có thể xây dựng đức tin rất hay và ít nhất nó đã làm thay đổi định kiến về lễ vật cúng kiến Tam Thần của người Hindu giáo, nhưng để tin là thật thì người Varanasi cho rằng nó là câu chuyện hoang đường không tồn tại trong lịch sử Ấn Độ. Kasi Naresh được đổi tên thành Benares khi vua Benar thuộc vương triều nhỏ Narayan hình thành tại vùng đất Thánh. Vương triều Narayan ngự trị từ năm 1000 đến 1910. Trước khi trở thành khu tự trị thuộc Vương quốc Anh, vương triều Narayan từng là chư hầu nhỏ thuộc vương triều hùng mạnh Hồi giáo Mughal. Kinh Phật ghi rằng Đức Phật sinh vào năm 486 trước Công nguyên, nhưng người Hindu giả thuyết Đức Phật Thích Ca là người song hành cùng với Chúa Jesus được sinh ra vào thế kỷ 1 sau Công nguyên – một kỷ nguyên đánh dấu cách tính lịch mới của nhân loại, thì Đức Phật

Thích Ca không thể sống đến 1.000 năm để thuyết Pháp cho vị vua Benar thấu hiểu sự thông thái của giáo lý. Cho rằng, nếu vua Benar nghe được những bài Pháp từ những đệ tử chân truyền sau này của Phật Thích Ca hay những đọc qua những cuốn kinh Phật để thấm nhuần giáo lý thay đổi mọi điều luật cơ bản của Bà La Môn giáo thịnh hành lúc bấy giờ cũng là điều không thể. Các vị vua thuộc vương triều Narayan đều xuất thân từ dòng Bà La Môn cao sang quyền quý, họ thấm nhuần tư tưởng giáo lý bởi được gửi học trong trường dòng từ thời tấm bé. Các vị vua vương triều Narayan từng bảo tồn, quảng bá để Bà La Môn giáo luôn thịnh hành qua các thời kỳ.

Đi trong lòng những con phố nhỏ ngoằn ngoèo rộng chưa đến một mét dọc ngang như một bàn cờ, tôi còn thấu hiểu được sự nô nức chen chân nhau để được sống và hấp thu ánh sáng nhân loại bên bờ sông Hằng như thế nào của người Ấn. Khám phá một ngôi nhà cổ kính bé tí có từ thế kỷ 18, tôi mới biết ra có ít nhất năm hộ đồng đúc con cái sinh sống bên trong. Mỗi hộ gia đình chỉ được hai phòng sinh hoạt riêng tí tẹo cùng với bếp nấu chung dành cho năm gia đình. Nhà vệ sinh, tắm rửa tập thể được các hộ sử dụng tại giếng nước chung nằm trong khoảng sân trống cũng chẳng lớn mấy ở nơi bốn con đường nhỏ gặp nhau. Cứ mỗi đầu buổi sáng, buổi trưa và cuối buổi chiều, bên cạnh chiếc giếng sử dụng máy quay tay để lấy nước vui lắm, rộn ràng những âm thanh nhiều cung bậc lẫn trong những tiếng cười giòn tan. Khác với phố cổ Hà Nội, những người sống chung trong một ngôi nhà nhỏ còn nhường nhịn bán buôn theo lịch hàng tuần hay cứ cố định để ai cũng có thể kiếm tiền, thì với những người Varanasi ai ở tầng trệt mới được phép giao dịch thương mại. Thích thú trong tôi khi khám phá một Kasi cổ kính là luôn thầm nghĩ mình đang bước chân rong chơi qua 36 phố phường Hà thành. Người Ấn yêu thành phố Varanasi như yêu hơi thở chính mình. Nếu Delhi là một cái đầu nóng, thì Varanasi thần thánh chính là trái tim. Một Jaipur màu hồng là ngăn trái của tim dành cho những vàng thờ ca lãng mạn thì một Agra trong trắng là ngăn còn lại dành cho tình yêu bất diệt.

Khi mới đến Kasi, anh quản lý nhà trọ bày vẽ với tôi đủ thứ chuyện trên đời về thành phố Thánh. Một chương trình hấp dẫn với giá ưu đãi đặc biệt vẫn không thể quyến rũ tôi. Lần thứ hai trở lại khiến tôi đã có nhiều trải nghiệm hơn ở Ấn Độ. Lần thứ nhất, tôi bán tín bán nghi về những lời cảnh báo của các bạn Tây khi gặp nhau ở Mumbai để rồi sau chuyến đi tôi nhận ra rằng những lời cảnh báo đó luôn là thật. Trên con đường tơ lụa và con đường gia vị xưa kia, những người đi trước để lại cho người Trung Hoa và người Ấn một kinh nghiệm quá “già dơ” trong chuyện mua bán làm ăn. Ở Ấn Độ tôi còn nhận ra sự thật thà đôi chút khi quyết định trả xuống 2/3 giá một món hàng cần mua thì riêng ở Trung Hoa tôi không biết đường đâu mà rờ bởi trả giá nào cũng dính. Tôi tự mình đến các điểm tham quan trong những ngày ở Kasi. Điều khó khăn lớn nhất hiện nay là tôi quá uể oải dưới ánh nắng như điên như dại đốt cháy hết mọi năng lượng đang dần cạn kiệt trong người. Việc trễ tàu hơn 15 tiếng khiến tôi phải dồn lịch đến các điểm một cách khít khao. Theo dự kiến trước đây, tôi sẽ có một ngày ngồi ngắm nhìn dòng sông Hằng thơ mộng, một ngày trong vườn Lộc Uyển Sarnath và một ngày ở Kushinagar nơi Đức Phật nhập Niết Bàn. Việc ngủ trên tàu dù cho rằng thoải mái nhưng thật sự vẫn còn chút mệt mỏi nào đó trong người và tôi dành cả buổi chiều để ngủ bù sau khi dạo quanh phố cổ Varanasi.

Vĩnh hằng

Sông Hằng luôn có giá trị vĩnh cửu với thời gian và một du khách không ai bỏ qua cơ hội khi đến Kasi là được đi dọc bờ sông Hằng. Hai thời điểm đẹp nhất để ngắm sông Hằng là bình minh và hoàng hôn và trong những ngày đầu hè vừa sang hai thời điểm trên còn giá trị tuyệt đối bởi đó là hai thời điểm mát nhất trong ngày. Bình minh trong ngày khám phá sông Hằng của tôi không trọn vẹn. Quả cầu lửa to tròn vành vạnh vừa xuất hiện phía chân trời bị che khuất nhanh bởi những đám mây đen kịt đáng ghét.

Với những người Ấn Độ nhìn thấy hiện tượng tự nhiên như thế là họ vui mừng ra mặt bởi họ biết rằng mùa mưa ngắn đang dần đến để họ canh tác nông nghiệp hay ít ra những cơn mưa đi qua có thể giải

nhật bớt ánh nắng hè gắt gao. Riêng tôi, tôi không thích rơi vào hoàn cảnh éo le khi đặt chân đến thành phố nào đó đắm chìm cả ngày trong những cơn mưa bất tận dù người ta nói rằng những cơn mưa đến vẫn có những cái đẹp riêng. Ghé tạt ngang qua quầy hàng cà phê, liếm láp hương vị chiếc bánh ngọt, nhắm nháp những giọt cà phê thơm, lắng tai nghe một bản nhạc hay, ngắm nhìn dòng người không bon chen trong những chiếc ô dù nhiều màu sắc là những điều thú vị khi cơn mưa bất chợt đi ngang. Với tôi, hình ảnh lưu trữ sẽ đẹp hơn khi cảnh vật được soi rọi đủ dưới ánh sáng mặt trời.

Anh nhân viên ngoắt tôi ghé thăm pháo đài Ramnagar nhưng tôi từ chối. Trong tôi, pháo đài theo kiến trúc riêng của vương triều Hồi giáo Mughal không đâu đẹp bằng pháo đài đỏ ở Agra hay Delhi. Những khối sa thạch đỏ khổng lồ được tô điểm bằng những mái vòm làm từ cẩm thạch trắng đã đủ làm xiêu lòng bất cứ ai khi đến đây ngắm nghía. Pháo đài Ramnagar và ngôi thánh đường Alamgir có tuổi đời hơn 265 năm vẫn có nét đẹp và giá trị riêng của mình, nó minh chứng cho sức mạnh vương triều Mughal khi những đoàn binh anh dũng kéo đến Kasi đập phá đốt cháy tất cả những gì người Bà La Môn đã xây dựng trước đó để rồi tạo nên mối bất hòa giữa Hồi giáo và Ấn Độ giáo. Pháo đài hay thánh đường giờ đây không cuốn hút tôi, bởi điều duy nhất mà tôi muốn khám phá khi đặt chân đến Varanasi là hơi thở tâm linh sâu thẳm trong người Hindu bên bờ sông Hằng. Tôi muốn biết những người già nua nghĩ gì để làm cuộc hành hương vất vả khó nhọc về bến Thiên trước khi qua bên kia thế giới được che chở trong vòng tay nhân từ của Thần Shiva. Trùng trùng điệp điệp những ngôi đền thờ lớn nhỏ khác nhau, chông chênh trên những triền dốc bậc thang cạnh sông Hằng tạo nên phong cảnh một Kasi cổ kính khác lạ. Là vùng đất Thánh thiêng liêng của người Hindu, nên khi các vương triều Mughal kết thúc, những tín đồ Vệ Đà giáo, Bà La Môn giáo hay Hindu giáo lại đổ xô ùn ùn kéo đến bờ sông Hằng huyền thoại xây dựng lại những ngôi đền riêng cho tôn giáo mình. Có ít nhất 23.000 ngôi đền nằm dọc theo bờ sông Hằng.

img761

Pháo đài đỏ ở Agra, Ấn Độ

Ông lão bạc trắng râu tóc đóng trên người chiếc khố mỏng màu trắng đang ngồi thiền định nghiêm trang trong một góc mát ở bậc thang cuối cùng lối vào ngôi đền Sankat Mochan. Đây là ngôi đền thờ Thần khỉ Hanuman nổi tiếng bậc nhất ở Varanasi. Bên trong khuôn viên đền, hàng nghìn con khỉ được nuôi để tô vẽ thêm đức tính đẹp và sức mạnh của Thần Hanuman trong bộ sử thi *Ramayana*. Tôi không thích những chú khỉ phá phách lung tung, vờn vĩnh thức ăn khi nhìn thấy bóng dáng du khách. Sự nức tiếng của ngôi đền khiến an ninh ở đây luôn được thắt chặt và du khách không được phép mang túi xách hay điện thoại vào bên trong ngôi đền. Nhìn khuôn mặt phúc hậu của ông, tôi thầm nghĩ rằng ông sẽ là người giúp tôi có thể hiểu thêm tín ngưỡng tâm linh Hindu. Tôi tin rằng, ông là người từng sống trong giai đoạn lịch sử khi Ấn Độ còn là thuộc địa của người Anh, sẽ có vốn tiếng Anh nhất định và cảm nhận của tôi đã đúng.

Tôi cất tiếng chào ông và ngồi cạnh bên để chuyện trò. Ông khuyên nhủ tôi hãy đến đọc bài thơ ca ngợi Thần Hanuman được tạc vào vách đá cách đó không xa. Tôi tạm hiểu những câu thơ khi lướt qua và nghe ông giải thích: “Những gì Thần làm chỉ có Thượng đế mới làm được. Những khó khăn của con không ai giải quyết được ngoài Thần. Xin hãy đến nhanh, hãy giúp con. Trên đời này không ai không biết tên của Thần là vị Thần giải nạn.” Tôi đang lắng nghe câu chuyện của ông về điển tích Thần khỉ Hanuman tại sao được mệnh danh là “Thần giải nạn”. Trong bộ sử thi nổi tiếng *Ramayana*, Thần Hanuman là con trai của Nam thần Shiva và Nữ thần Parvati. Cao trào trong bộ sử thi chính là cuộc chiến giữa Rama với vua quỷ Ravana để giành lại nàng Sita xinh đẹp. Sự thông minh của Hanuman đã đánh lừa thầy tu Ma- hiravana để Rama cùng với em trai của mình là Lakshmana thoát nạn tế lễ Nữ thần Parvati. Rama đã giết chết vua quỷ Ravana nhờ sự hỗ trợ của Hanuman cùng với đội binh khỉ của mình. Cảm phục trước sự thông minh đó, Nữ thần Parvati quyết định chọn Hanuman là Thần giữ cửa cho ngôi đền của mình.

Người Hindu có đức tin rất lớn về Thần Hanuman giải nạn. Muốn tìm được bạn đời ưng ý, thi đậu vào trường đại học, muốn thăng quan tiến chức, gia đình đông đúc con cháu... người Ấn thường đi cầu khẩn Thần Hanuman. Khi mọi chướng ngại vật đang chờ đón trên con đường đi của mình, Thần Hanuman sẽ là vị thần quyền năng quét sạch mọi thứ để trải thảm đỏ đưa người Hindu đến đích cuối cùng.

Cái nóng của mùa hè đang dần dâng cao, tôi mua hai cốc trà sữa nóng truyền thống của người Ấn mời ông để câu chuyện thêm phần lý thú. Tôi muốn ông kể về điển tích Thần voi Ganesh mà mỗi sớm mai bước qua bất cứ quầy hàng nào ở khắp tiểu lục địa Ấn Độ tôi luôn thấy người chủ hàng kính dâng hoa thơm nước sạch cho Ngài sau khi mở cửa hiệu. Người Bà La Môn có rất nhiều truyền thuyết về vị Thần Ganesh đáng kính song hành cùng với Hanuman, nhưng chắc chắn rằng Thần Ganesh luôn tượng trưng cho tài trí, tài lộc và hạnh phúc. Câu chuyện dân gian cho rằng, Thần Shiva rất mê Nữ thần Parvati và ông thêm muốn gần gũi xác thịt với bà mọi lúc. Để bảo vệ cơ thể mình trước sự ham muốn của Thần Shiva, Nữ thần Parvati đã tạo ra Thần Ganesh giữ cửa. Sau chuyến đi săn trở về, nhìn thấy Ganesh quá đẹp trai nên Thần Shiva nổi máu ghen tuông chặt đứt đầu Thần Ganesh. Nữ thần Parvati cầu xin Thần Shiva cho Ganesh được sống. Chiều lòng người vợ xinh đẹp của mình, Thần Shiva tuyên bố Ganesh sẽ mang chiếc đầu con vật mà Ngài nhìn thấy đầu tiên và đó chính là con voi. Để cứu sống Ganesh, Thần Shiva đã dùng dòng nước Thánh màu nhiệm sông Hằng làm linh đơn và biến cơ thể Ganesh to tròn để không có một thân thể cường tráng quyền rũ Nữ thần Parvati.

Người Hindu rất hay trong câu chuyện dân gian xây dựng đức tin để rồi Thần Ganesh vĩnh hằng với giá trị tài trí, tài lộc và hạnh phúc. Chiếc bụng phệ của Ganesh tượng trưng cho sự thịnh vượng tài lộc, đầu voi to thể hiện cho sự thông thái, đôi tai lớn, dài là nghe nhiều hiểu rộng. Điều đặc biệt, Thần Ganesh chỉ có một chiếc ngà bên phải tượng trưng cho lý trí. Nếu có thêm chiếc ngà bên trái tượng trưng cho tình cảm thì có lẽ câu chuyện của Thần Ganesh cũng không thú vị lắm bởi từ ngàn xưa cho đến nay, người đời luôn

quan niệm rằng người thành công phải là người biết dùng lý trí lấn át tình cảm.

Tôi không nhớ tên ông, chỉ biết rằng ông đến từ thành phố Hyderabad, vùng đất phương Nam của Ấn Độ. Tạm biệt gia đình, ông mất hơn 40 tiếng ngồi tàu để thực hiện hành trình cuối cuộc đời về vùng đất Thánh. Câu nói từ bao đời nay của những người mộ đạo Bà La Môn luôn vẫy gọi ông: *“Sinh ra ở đâu không biết, nhưng khi chết phải được chết trên sông Hằng. Những đám tro bụi của thể xác được hòa lẫn vào dòng nước linh thiêng để linh hồn trong trắng bám lại trên mái tóc Thần Shiva lắng nghe hồi kinh cuối trước khi bước qua cánh cửa thiên đường.”* Ông đến đây đã hơn một năm, giai đoạn cuối đời của ông sẽ là những ngày niệm kinh sám hối, chuộc lại những tội lỗi đã từng tạo dựng trong quá khứ.

Bà Tôn Thư Vân từng đọc qua Đại Đường Tây Vực ghi lại nhật ký của ngài Huyền Trang khi đến Kasi: *“Người địa phương xem sông Hằng là dòng sông hạnh phúc. Nếu được tắm dưới sông Hằng sẽ rửa sạch mọi tội lỗi, lấy nước súc miệng sẽ giúp người ta thoát khỏi tai ương, nếu được chết đuối sẽ được hóa sinh vào thiên quốc. Cho nên mọi người đều nhất định đến bờ sông.”* Cách giải thích về vị trí địa lý sông Hằng của ông lão làm tôi hiểu rõ hơn tại sao người Hindu tin rằng sông Hằng là cội nguồn sự sống hay là tổ tiên bao nhiêu đời của họ.

Từ trên cổng trời Gomukh thuộc dãy Himalaya cao hơn 3.200m so với mực nước biển, Thần Shiva đã dùng mái tóc của mình dẫn nước tạo nguồn sông cho trần thế. Len lỏi qua mái tóc dài của Thần Shiva, hai con sông chính được hình thành bao gồm Bhagirathi và Alaknanda. Sông Hằng được hình thành khi hai dòng chảy Bhagirathi và Alaknanda hợp nhất lại ở đoạn nào đấy trên mái tóc Thần Shiva. Sông Hằng trong tiếng Phạn được gọi là Gange mà nó có ý nghĩa là “Thần sông”. Sự kỳ lạ của tạo hóa mà người Hindu cho rằng chính Thần Shiva cố tình tạo ra: dòng sông Bhagirathi bao gồm năm nhánh sông chảy riêng lẻ đại diện cho năm châu lục mang năm sắc màu văn hóa khác nhau. Những bộ sử thi, thơ ca văn học ra đời trong thời cổ đại đều tôn vinh nhánh sông Bhagirathi. Sông

Hằng với nhánh chính là dòng chảy sông Alaknanda tiếp tục xuyên qua tiểu lục địa để đổ ra vịnh Bengal. Sự lạ lùng chưa dừng lại mà người Hindu tiếp tục cho rằng sự sáng tạo của Thần Shiva quá diệu kỳ.

Dòng sông Alaknanda tiếp tục chia làm năm nhánh chảy gồm Vishnuprayag, Nandaprayag, Karnaprayag, Rudraprayag và Devprayag rồi sau đó năm dòng sông hợp nhất tại một điểm Panch Prayag ở bang Uttarakhand. Dòng sông tiếp tục xuôi về phương Nam với nhánh nhỏ gọi là Varuna êm đềm chảy ngang qua lòng thành phố Kasi cổ kính. Thử hỏi, trước sự biến tạo quá vi diệu của thiên nhiên như thế thì tại sao những người Hindu không tin rằng sông Hằng chính là “cái rốn” của vũ trụ khi năm châu lục cùng hội tụ trên mái tóc rối bù của Thần Shiva. Qua lời giải thích của ông, tôi đã hiểu được ý nghĩa câu nói của Thần Shiva: *“Một thành phố của Ta đã tạo dựng trên trái đất này, Kasi sẽ là một cung điện hoàng gia để Ta đặt ngai vàng”* trong bộ sử thi Mahabharata.

Hơi thở từ cõi tạm

Tôi gửi cho ông một ít tiền giả từ để tiếp tục hành trình của mình. Đi dọc sông Hằng không chỉ giúp tôi hiểu được phần nào hơi thở tâm linh của Hindu giáo mà còn cho tôi lưu giữ những hình ảnh của một cuộc sống thường nhật của người Varanasi. Trên những khoảng trống bên bờ sông là những lớp dạy Yoga được phát ra từ chiếc loa rè rè âm thanh để người tập uốn người theo từng động tác. Giữa dòng sông Hằng, một vài chiếc thuyền nhỏ đang quăng lưới cá. Dưới bến tàu, một vài chị phụ nữ vén cao chiếc xà rồng, hì hà hì hục giặt cho xong mớ quần áo bẩn lẫn chăn màn, một vài anh trai với chiếc khăn trên vai súc miệng sau giấc ngủ sâu.

Từ ngàn xưa, ngay cả trước khi Thần Shiva chưa tạo ra dòng sông Hằng huyền thoại, những người Bà La Môn vẫn tin rằng bến tàu Manikarnika chính là vùng đất nhỏ tâm linh màu nhiệm để người ta hóa kiếp lên thiên đàng trong giây phút cuối cuộc đời. Truyền thuyết kể rằng, khi Thần Vishnu đến đây, Ngài đã đào hồ sen tạo sự sống cho loài người đứng ngay vị trí Manikarnika hiện nay. Khi ngã xuống bên hồ sen, Thần Shiva sẽ đến làm thắm niệm kinh vào tai người

sắp đi xa để nghe xong một hồi kinh, linh hồn trong trắng sẽ đặt chân đến thiên đàng. Tâm linh là một đức tin gì đó mà tôi không sao giải thích được và phép màu của tâm linh vẫn ngàn đời in sâu vào trí óc của những người Hindu mãi mãi không dứt ra được. Người ta đổ xô đến đây để được chết bên hồ sen của Thần Vishnu để rồi bãi thiêu phải hoạt động 24/24 nhưng vẫn không giải quyết hết tình trạng tòn đơng của nhiều xác chết. Mỗi một ngày, bãi Manikarnika thiêu hơn 200 xác người. Nhìn xa xa về bãi thiêu từ quán cóc cà phê, tôi nhìn thấy đội vệ sinh mai táng đang chuẩn bị tiến hành thiêu 5 xác người tiếp theo. Sự bận rộn của bãi thiêu Manikarnika làm những người Hindu đang dần quên đi thủ tục rải tro trên sông Hằng. Có thể, người Hindu không quên, nhưng bãi thiêu Manikarnika không cho phép người thân gia đình chờ đợi đồng tro tàn nguội lạnh để hốt vào chiếc bình sành nhỏ bởi nó phải tiếp tục hoạt động thiêu xác người tiếp theo. Thôi thì, lớp người đến sau lại chòng lên lớp người đi trước để khi thủy triều lên, người mẹ sông Hằng linh thiêng vĩ đại sẽ cuộn tất cả tro bụi trên bãi Manikarnika vào lòng của mình, chở che cho linh hồn những đứa con thơ. Anh chủ quán cà phê giải thích với tôi.

Khi tiến hành hỏa táng, người thân trong gia đình không được phép rơi những giọt nước mắt nhớ thương bởi làm như thế linh hồn sẽ vương vấn chẳng muốn rời xa và sẽ trở về chuyến thuyền Bát Nhã của Thần Shiva đang trên đường đến thiên đàng. Nhìn thấy sự xô bồ ở bãi thiêu công cộng Manikarnika, tầng lớp nhà giàu lại xây dựng bãi thiêu cho chính riêng mình ở bến tàu Panchganga nằm gần cuối con đường này. Anh chủ quán chỉ dẫn tôi. Ở đó, có hai hình thức được hỏa táng, một là xác được thiêu trong hỏa lò chính quy, hai là vẫn thiêu bằng lớp củi dày chất lên xác chết. Điều làm cho tầng lớp nhà giàu luôn hài lòng là bãi thiêu Panchganga sẽ giao trả lại chiếc bình sứ đựng tro cốt để người thân tiến hành làm thủ tục rải tro trên sông Hằng. Sự khác biệt của tầng lớp nhà giàu và nhà nghèo được phân định bằng những vòng hoa cúng bái và lớp vải bên ngoài quần tử thi. Người chết được đặt ở tư thế nằm thẳng, hai tay xuôi dài theo phần đùi. Đội mai táng sẽ bó chặt tử thi bằng những lớp vải để cháy hoặc để thấm dầu và chỉ chừa lại đôi mắt. Tử thi được di chuyển đến nhà hỏa táng công cộng để được thầy tu Bà La Môn làm lễ

trước bức hình của Thần Shiva rồi đem thiêu. Trong lúc hỏa thiêu, tử thi được dằn trên người một khối đá lớn để xác chết không bị uốn cong. Tôi tiếp tục hỏi anh chủ quán: “Những người hành hương khổ hạnh sẽ chi trả cho việc hỏa táng của mình như thế nào.”

Anh cho biết, việc được chết trên sông Hằng là nét văn hóa truyền thống mấy ngàn năm của người Hindu, vì vậy trong nguồn chính sách phúc lợi xã hội của bang Uttar Pradesh chắc chắn sẽ dành riêng cho nét đẹp truyền thống. Gần đây, kinh tế của Ấn Độ có sự phát triển đều đặn nên có khá nhiều mạnh thường quân hay những nhà hảo tâm đóng thêm cho nguồn quỹ hỏa táng. Chi phí trung bình cho đám tang một người hành hương khổ hạnh đến đây độ chừng 3 triệu đồng và chiếm 80% trong chi phí đó chính là những thước củi để hỏa thiêu. Tôi bật cười trong bụng khi nghe câu nói thản nhiên của anh chủ quán: “Người đi thì cứ tiếp tục đi, phần chi phí phát sinh cho hành trình đến với mái tóc Thần Shiva cứ để cho người ở lại lo!” Tôi cho rằng, khi ngã xuống nếu người đời không lo thì cứ mặc nhiên ngồi đó mà ngửi mùi hôi từ các thân xác trương phình.

Mặc cho cảnh báo của các nhà khoa học về sự ô nhiễm sông Hằng, người Hindu vẫn hòa mình vào dòng nước để trở về suối nguồn tươi trẻ. Theo phân tích của các nhà khoa học, có khoảng 100 triệu con vi khuẩn các loại trong 1ml nước sông Hằng và nguồn ô nhiễm đến từ ba nguyên nhân chính: sinh hoạt, công nghiệp và tôn giáo. Rõ ràng, con số thống kê của các nhà khoa học chẳng ý nghĩa gì với niềm tin tôn giáo của người Hindu. Có ít nhất chín bến tàu cho người Hindu thỏa chí lặn ngụp trong dòng nước Thánh và tôi chẳng bao giờ đếm được số lượng người tắm trong một ngày trên dòng sông huyền thoại. Đông đúc, rất nhiều cứ tắm trong một ngày và dòng người đến đây tắm từ trước lúc bình minh kéo dài cho đến tận hơn 10 giờ đêm sau khi lễ hội Aarti kết thúc. Nhớ lời ông lão đáng kính ở ngôi đền Sankat Mochan, tôi quan sát cách tắm của người Hindu bởi đó cũng chính là nghi thức thanh tẩy hay rửa tội trên dòng sông Thánh. Cũng giống như cách tắm những người theo tôn giáo Sikh trong ngôi đền vàng Amritsar, người tắm sẽ nắm vào sợi dây xích được gắn vào các bậc thềm, đi ngược xuống và ngâm mình trong dòng nước. Hành động này được giải thích: Con người đang

vật vãi trong bể khổ của trần gian, cần được rửa sạch mọi thứ và sau đó men theo sợi xích cứu khổ để lên thiên đàng. Chỉ khác biệt đôi chút, người Hindu sẽ vốc một ít nước sông Hằng vào đôi lòng bàn tay chụm lại, họ nghiêm trang hướng về ánh mặt trời và đọc kinh cầu nguyện.



Ngôi đền vàng ở Amritsar, Ấn Độ



Thánh địa Varanasi bên bờ sông Hằng



Lễ hội Lửa bên bờ sông Hằng ở Varanasi, Ấn Độ

Vườn Lộc Uyển

Tôi xuống bến tàu Dashashwamedh bắt chiếc thuyền nhỏ xuôi theo sông Hằng để ngắm nhìn một Kasi cổ kính bên trên. Cạnh đó, đứa bé kháu khỉnh khuôn mặt trong bộ đồ tươm tất khóc thét khi bà mẹ đang vẩy nước sông Hằng lên thân người nó. Anh chủ tàu hoa gần đây đang chờ rước dâu, sõi tiếng Anh giúp tôi hiểu thêm lễ rửa tội dành cho những đứa trẻ. Một đứa trẻ Hindu trước khi bước vào đời phải qua bốn lần rửa tội tại ngôi đền thiêng nào đó trong khu vực gia đình nó sinh sống. Lần thứ nhất độ khoảng 10 ngày khi nó chào đời, lần thứ hai lúc nó tròn năm tuổi chuẩn bị vào lớp 1, lần thứ ba lúc thiếu niên 15 tuổi (kết thúc lớp 9) và lần cuối cùng khi đứa bé đã trở thành thanh niên lúc 18 tuổi. Mỗi một lần rửa tội, đứa bé cùng gia đình đến ngôi đền thiêng để vị thầy tu Bà La Môn dùng cụm hoa vẩy lên người nó thứ nước thánh màu nhiệm cùng với chám tròn đỏ vẽ giữa trán. Lần thứ nhất rửa tội để đứa bé không bị ma ám bệnh tật nhanh ăn chóng lớn, lần thứ hai giúp đứa bé chăm ngoan học giỏi bước tiếp truyền thống “có học thức” của những vị Bà La Môn xưa, lần thứ ba cũng là thời điểm đứa bé kết thúc thời thiếu niên nên việc rửa tội giúp nó trở thành một người thanh niên vững chắc tâm lý,

phát triển sinh lý thật tốt. Cuối cùng, thầy tu sẽ chúc đưa bé ngày nào đó trở thành một nam nhi rạng danh trên con đường tài lộc, một người đàn ông vững chắc cho gia đình và biết đóng góp thật nhiều cho xã hội. Với những người Varanasi bản địa, bà mẹ thường vẩy nước sông Hằng lên người đưa bé sau lời cầu khẩn và chúc phúc của vị thầy tu trong ngôi đền thiêng Shri Kashi Vishwanath. Dùng nước sông Hằng vuốt lên trán và đỉnh đầu sẽ làm đưa bé thông minh tài trí, dùng nước sông Hằng vuốt lên đôi mắt để đưa bé nhìn thấy cái thiện tránh xa cái ác trong cuộc đời, dùng nước sông Hằng vuốt lên đôi tai để đưa bé nghe nhiều hiểu rộng, dùng nước sông Hằng vẩy lên khuôn mặt rồi cả thân người để đưa bé khỏi ngộ tuẩn tú và gặp nhiều may mắn trên đường đời...

img782

Đưa bé chuẩn bị được làm lễ rửa tội trên sông Hằng

Anh chủ thuyền hoa nhấn nhủ tôi ngồi đợi ở bến tàu một ít phút nữa để chứng kiến một đôi uyên ương mừng hạnh phúc mới trên dòng sông Hằng. Đội thuyền hoa phục vụ đám cưới đều sử dụng màu xanh dương chủ đạo trên thân thuyền. Cao cao trên phía mũi thuyền là những chậu hoa màu vàng nằm vị trí trung tâm kết nối một vài đường dây vải đỏ chạy dài phủ lên thân thuyền. Thuyền chính chở đôi tân lang tân nương treo kết nhiều hoa hơn so với các thuyền khác. Nhìn những chiếc thuyền cưới dong đưa theo sóng nước sông Hằng, tôi chợt nhớ đến hình ảnh những chiếc thuyền chở bán hoa dập dềnh trên sông nước miền Tây khi ngày Tết cổ truyền đến. Màu vàng chung thủy và màu đỏ nồng ấm vẫn là hai gam màu chủ đạo trong một lễ cưới. Màu xanh của đoàn thuyền còn có ý nghĩa sâu xa rằng đôi vợ chồng son đang đi trên con thuyền đầy sự sống, an lành và hy vọng. Ước mơ hay hy vọng như thế nào tùy thuộc vào mỗi người.

Vị thầy tu Bà La Môn trắng tinh trong bộ áo chùng dài đi trước, phía sau là cô dâu chú rể cùng họ hàng thân quyến, bạn bè. Họ vừa mới làm lễ chính tở trong ngôi đền thiêng Shri Kashi Vishwanath. Đôi chim câu thật rạng ngời tuyệt đẹp trong bộ trang phục cưới truyền thống. Cô dâu trong chiếc sari hồng nhạt tay trong tay hạnh phúc

với chú rể trong bộ áo dài sherwani màu xám. Họ nép khăng khít vào nhau bên bờ sông Hằng và nghiêm trang đón nhận những lời chúc phúc từ vị thầy tu khả kính. Ông dùng chén nước nhỏ múc dòng nước Thánh rồi sử dụng cụm hoa nhỏ vẩy ba lần lên khắp người đôi uyên ương. Sau lễ chúc phúc, cả cô dâu và chú rể đi sâu hơn vào lòng sông Hằng, họ cười thật to khi vẩy nước lên người nhau. Cả đoàn người phía sau lại ùa đến vẩy nước tung tóe lên đôi uyên ương. Người Hindu cho rằng, càng nhận được nhiều nước sông Hằng từ cái vẩy của bạn bè, họ càng thì cuộc sống hôn nhân của họ càng nhiều may mắn và hạnh phúc. Hạnh phúc trong tương lai chưa biết như thế nào, nhưng trước mắt tôi là hình ảnh lem luốc như con chuột lột mắc mưa của đoàn người vui vẻ lên tàu ra về.

Mới hơn 10 giờ sáng, nhiệt độ đã hơn 42 độ và không khí vô cùng oi bức gắt gao khi ẩm độ đạt ngưỡng 87%. Tôi không nhớ đã uống bao nhiêu chai nước ướp đá hay những ly nước chanh giải nhiệt. Tôi dừng lại quán cóc nhỏ cạnh bến tàu Panchganga để tu ừng ực chai nước khoáng. Trong tiếng Phạn, Panchganga có nghĩa là nơi các con sông gặp nhau và người Varanasi đặt tên bến tàu như gợi ý về sự linh thiêng của dòng sông Hằng chứ nơi đây không phải là điểm năm dòng sông giao nhau. Một anh thanh niên tiến lại gần tôi gợi ý sẽ dắt tôi lên một tầng nhà cao để ngắm nhìn toàn cảnh sông Hằng, đặc biệt tỏ rõ hơn việc hỏa táng. Anh chủ quán thềm kín nháy mắt hàm ý bảo tôi đừng đi theo anh ta. Thuyết phục không được, anh thanh niên tỏ ra cáu gắt và bỏ đi. Anh chủ quán cho tôi biết họ là nhóm người chuyên chặn người già chuyên nghiệp. Theo anh ta, tôi sẽ gặp hai bà mẹ già nua làm phép Thánh và cầu chúc sức khỏe với giá 10 USD/bà mẹ. Họ sẽ gom tất tần tật số tiền này sau khi một con mồi bị sụp hố và cái giá đền ơn cho hai bà mẹ là những bữa cơm hàng ngày cùng một chỗ ngủ vô cùng tệ hại.

Một vài du khách đến Varanasi đều chê bai sự ô uế, dơ bẩn của con người hay một sông Hằng ô nhiễm quá nặng. Riêng tôi, đi dọc bờ sông Hằng là một trong ngày những tuyệt vời trong chuỗi hành trình quay lại Ấn Độ. Trên vùng đất Thánh linh thiêng, không chỉ nhìn thấy những gì thuộc tín ngưỡng tâm linh Hindu, mà trong mắt tôi hiện

hữu môn một dòng chảy thu nhỏ trong xã hội bộn bề náo nhiệt của tiểu lục địa Ấn Độ...

Buổi chiều, tôi bắt chiếc tuk tuk để đến vườn Lộc Uyển Sarnath nằm cách trung tâm Varanasi khoảng 13km về phía Đông sông Hằng. Dù anh tài xế cẩn thận buông hai mảnh nhựa phủ kín thân xe, nhưng cái nóng đỉnh điểm 52 độ gây rất mệt mỏi vô cùng khó chịu. Giá trị của một Kasi quá lớn nên Đức Phật quyết định đến đây quảng bá tôn giáo của mình và vườn Lộc Uyển là nơi Đức Phật Thích Ca đến giảng Pháp đầu tiên sau khi Ngài được khai sáng, đắc đạo dưới cội Bồ Đề ở Bodh Gaya. Từ vườn Lộc Uyển, 200 năm sau vị vua A Du Ca (Asoka) của vương triều Maurya thuộc Afghanistan ngày nay đã nghe thấy tiếng gọi linh thiêng từ Ánh Đạo Vàng và cũng từ vườn “Nai Chúa”, ven theo con đường tơ lụa xưa, Phật giáo đã vào Trung Hoa vào thế kỷ 1 rồi lần lượt đến Triều Tiên và Nhật Bản. Trong thời cổ xưa, Phật tử luôn kính trọng tấm lòng mộ đạo có một không hai của vị Hoàng đế tài ba A Du Ca hay còn gọi là A Dục Vương. Không chỉ quảng bá đạo Phật sang cực Tây vương quốc mình hay đến đảo quốc Tích Lan (Sri Lanka), ngài A Du Ca còn xây dựng những đền đài để đánh dấu thánh tích Đức Phật Thích Ca. Tôi vô cùng ấn tượng trụ đồng to đen màu vĩnh cửu với thời gian hay những cây trụ đá vững chắc được đóng dấu bởi vua A Du Ca trước mỗi thánh tích. Có khi đi đến về tâm linh Phật giáo chỉ còn lại viên gạch nằm bơ vơ trên vùng đất hoang, nhưng nhất định tôi phải đi vòng quanh trụ đồng Asoka bốn lần và niệm Phật theo từng bước chân.



Vườn Lộc Uyển nơi Phật thuyết pháp đầu tiên

Từ thời trung cổ, các quốc gia tín ngưỡng Phật giáo lại thầm cảm ơn ngài Huyền Trang bởi giữa một Bà La Môn giáo quyền lực đang thịnh hành trên vùng đất Ấn Độ thì chẳng lấy một ai ghi lại điển tích xưa của Đức Phật. Các vết tích chìm dần vào lớp bụi thời gian giữa những rừng cây um tùm hoang vắng. Trên đường đến kinh đô Phật giáo học đạo, chính ngài Huyền Trang đã tìm mò đánh dấu lại vết tích của vua A Du Ca để lại trước đó trong quyển nhật ký của mình. Đâu chỉ có những quốc gia Phật giáo cảm ơn ngài Huyền Trang,

còn có cả những người Ấn Độ ngày nay. Quyển nhật ký của ngài Huyền Trang không chỉ giúp cho người Ấn tự hào về vùng đất có lịch sử lâu dài, đa sắc màu giao thoa văn hóa giữa ba tôn giáo lớn Ấn Độ giáo – Hồi giáo – Phật giáo, mà cứ đến mỗi mùa hành hương hàng năm, những người Ấn Độ nghèo khó còn có công ăn việc làm, nhận những bọc gạo từ thiện hay những ngôi làng thủ công truyền thống riêng biệt và những ngôi trường dạy học miễn phí được xây dựng từ nguồn quỹ Giáo hội các quốc gia...

Sarnath được trại từ Saranganatha mà theo tiếng Phạn có nghĩa là “Con Nai Chúa”. Điển tích Phật giáo kể lại câu chuyện đức tin về ngôi vườn huyền bí để rồi cái tên “Lộc Uyển” mãi mãi không quên trong lòng các Phật tử. Một ngày nọ, khi vua Benar đi săn bắt được một con nai cái đang mang bầu. Nai Chúa bèn quỳ xuống cầu xin vua cho mình thế mạng để cứu mạng cho nai và chú nai con sắp chào đời. Cảm động trước tấm lòng từ bi nhân ái của Nai Chúa, vua Benar quyết định bỏ thú vui săn bắn và tặng riêng khu rừng cho Vương quốc Nai. Nai Chúa là một trong những kiếp hóa sanh của Đức Phật từng sinh sống trong khu vườn Lộc Uyển. Bên cạnh điển tích xây dựng đức tin từ Nai Chúa, kinh Phật còn ghi khá nhiều sự tích Đức Phật tại vườn Lộc Uyển: Tại đây Đức Thế Tôn đã gặp năm người bạn từng tu khổ hạnh với mình rồi giảng giải sự màu nhiệm của Phật giáo cho họ, nơi đây cũng là nơi thành lập đoàn Tỳ kheo đầu tiên gồm 60 Phật tử sau khi khai sáng vị Bà La Môn trẻ tuổi Kiều Trần Như, cũng tại nơi đây Phật đã dạy “Tứ Diệu Đế” hay các bài Pháp... Vườn Lộc Uyển còn có tên gọi khác “Nơi Kinh Chuyển Pháp Luân” trong kinh Phật.

Theo những gì tôi đã đọc qua tư liệu trước đó, ngài Huyền Trang đến đây vào thế kỷ 7, ông đã miêu tả trong quyển nhật ký của mình: *“Vườn Lộc Uyển là khu rừng xanh tươi cây trái với rất nhiều những đàn nai bên trong. Ngôi bảo tháp Dhamekh cao khoảng 91m do Hoàng đế A Du Ca xây dựng thật uy nghi, bên dưới ngôi bảo tháp có khoảng 1.500 vị tăng lữ đang đọc kinh. Mái vòm ngôi bảo tháp được dát bằng vàng thật lung linh trong ánh nắng. Phía trước bảo tháp là cây cột đá cũng do vua A Du Ca đánh dấu vết tích Đức Phật trên thân cột bằng ngôn ngữ Brahmi. Những ngôi trường dạy kinh*

được xây dựng xung quanh ngôi đền thờ trung tâm đẹp như phòng ốc cung điện hoàng gia. Giữa đền thờ trung tâm là tượng Phật lớn đang ngồi tư thế Kiết Già trên tòa sen (ngồi xếp bằng đôi chân), tay phải của Ngài chạm vào bánh xe Pháp Luân tám nhánh tượng trưng cho Bát Chính Đạo, tay trái Đức Thế Tôn đang thủ ấn. Ở mỗi cạnh ngôi đền trung tâm hình bát giác là tượng một Đức Phật nhỏ hơn đang trong tư thế ngồi Thiền. Không chỉ có ngôi bảo tháp Dhamekh, xung quanh vườn Lộc Uyển còn rất nhiều ngôi đền linh thiêng của Bà La Môn giáo, Kỳ Na giáo hay Kim Cương Thừa giáo. Có ít nhất khoảng 3.000 vị tăng đang tu tập ở Sarnath...”

Sử thi Mahavamsa nổi tiếng của người Sri Lanka cũng từng ghi nhận về vườn Lộc Uyển: *“Những đoàn Phật tử từ Tích Lan đã làm một cuộc hành hương đến Sarnath vào thế kỷ 2 trước Công nguyên. Nhìn thấy sự hùng vĩ ngôi bảo tháp Dhamekh, đoàn Phật tử quyết định chọn mô hình tháp để xây dựng ngôi tháp linh thiêng Maha Thupa cạnh cây Bồ Đề “nguyên thủy” ở thành phố tâm linh Anuradhapura.”*

Khi tôi đến nơi, vườn Lộc Uyển là hình ảnh đối lập với một Kasi ồn ào náo nhiệt. Không một chú nai nào lang thang gặm nhấm những túm cỏ xanh màu trong vườn Sarnath. Dưới bóng cây râm mát, bốn vị tăng trẻ đến từ Miến Điện hướng về ngôi tháp Dhamekh lim dim đôi mắt thiền định. Những viên gạch đỏ màu cùng những bức tường thành ngả nghiêng là vết tích vẫn còn sót lại đúng như ngôi đền trung tâm và dãy trường học mà ngài Huyền Trang đã nhìn thấy. Trong tiếng Phạn, “Dhamekh” có nghĩa là “Pháp” và ngôi bảo tháp mang tên Dhamekh như đánh dấu vết tích của Phật Thích Ca đến đây giảng Pháp đầu tiên. Chỉ có bóng dáng hai anh thanh niên nhỏ nhắn như hai vết chấm xa đi vòng quanh ngôi bảo tháp Dhamekh. Ngày nay, tháp Dhamekh được các nhà khoa học đo lại và cho biết độ cao của tháp chỉ vào khoảng 49m, tức là chỉ xấp xỉ bằng một nửa so với ghi chú của ngài Huyền Trang. Có thể, qua hơn 1.400 năm, địa tầng đã lún vào lòng đại dương nên một phần đáy tháp chìm sâu dần vào lòng đất. Các nhà khoa học đã giải thích như thế. Xưa kia, những đoàn tăng lữ đến đây đều trầm trồ trước những hoa văn tuyệt đẹp được điêu khắc tỉ mỉ trên thân tháp, thì ngày nay chỉ còn

sốt lại một vài hình ảnh Đức Phật hay một ít nét hoa văn trên lối chính vào tháp ở hướng Tây. Chỉ có hơi nóng hừng hực đang tỏa ra từ khối đá lớn làm du khách luôn rụt rè khi đến gần. Cột đá của Hoàng đế A Du Ca cũng vẫn còn đó, nó chỉ còn một nửa chiều cao cùng với vài hàng chữ Brahmi trên thân. Nó bị phá hủy một phần bởi các vương triều người Thổ vào thế kỷ 12.



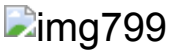
Những điều khắc trên đá ở bửu tháp trung tâm trong vườn Lộc Uyển

Những gì giá trị nhất trong vườn Lộc Uyển sau những cuộc khai quật của các nhà khoa học đều được lưu giữ trong bảo tàng Sarnath. Đó là những pho tượng Phật theo nghệ thuật Gandhara của thế kỷ 3 tuyệt đẹp. Tôi chưa bao giờ cảm thấy chán khi ngắm nhìn một chân dung hiền từ, từ bi bác ái rộng lòng dung tha được thể hiện trên những tượng Phật cổ. Cũng như bao đoàn Phật tử hành hương về đây, tôi luôn ghi cốt những câu nói cảm động khi đặt chân đến một trong bốn điểm lịch sử lớn về cuộc đời Đức Phật: “Đức Thế Tôn đã bỏ loài người, vườn Lộc Uyển cũng xơ xác theo dấu chân xa của Ngài và điều duy nhất chúng con đến đây là vĩnh viễn ghi nhớ lời dạy của Đức Thế Tôn qua những bộ kinh vàng ngọc hay những bài Pháp kinh điển...”

Hiện tại, những ngôi chùa tuyệt đẹp của mỗi quốc gia Phật giáo xây dựng dọc theo đường đi thay cho hình ảnh những dãy trường dạy kinh Phật lộng lẫy như hoàng cung mà ngài Huyền Trang đã nhìn thấy trong quá khứ. Không chỉ là trung tâm tôn nghiêm Phật giáo dành cho các Phật tử trong mùa hành hương, vị trí và hình ảnh của mỗi ngôi chùa còn xác định sức mạnh và văn hóa của một quốc gia hay một dân tộc trên vùng đất Phật. Nó thể hiện sức mạnh kinh tế, mối quan hệ ngoại giao, sự thắt chặt giao lưu văn hóa giữa các quốc gia với nước chủ nhà Ấn Độ. Nằm ở vị trí đắc địa nhất trên trục lộ chính ở Sarnath là ngôi chùa người Thái, trong khi các ngôi chùa của các quốc gia còn lại phải nằm trên con đường phụ ngang hông vườn Lộc Uyển cắt ngang trục đường chính. Tuy nhiên ngôi chùa Tích Lan là nơi dập dìu đông đúc người hành hương ghé thăm bởi bên trong khuôn viên chùa trồng cây Bồ Đề được cắt nhánh từ

cây Bồ Đề “nguyên thủy” ở Anuradhapura. Cây Bồ Đề trong chùa Tích Lan ở Sarnath có giá trị không kém cây Bồ Đề ở Bodh Gaya bởi chúng là chị em ruột thịt.

Tôi luôn thích ghé thăm ngôi chùa Phật giáo của người Nhật và Bhutan. Ghé chùa người Nhật, tôi còn phiêu diêu trong hương thơm gỗ đàn hương đen tuyền được người Nhật cất công vận chuyển từ Nhật sang Ấn Độ để xây chùa, ghé chùa người Nhật tôi thích ngắm nhìn những bệ thờ thiết kế tưởng chừng như rất đơn giản, nhưng thanh thoát quý phái và không màu mè mê tín dị đoan, ghé chùa người Nhật tôi còn nghe tiếng trống hùng mạnh Taiko lẫn vào trong tiếng chuông ngân âm áp để hiểu rằng Phật giáo Đại thừa của người Nhật rất đặc thù riêng biệt là sự kết hợp tinh hoa giữa Phật giáo và Thần giáo. Hầu hết các ngôi chùa đều trang trí bên trong những bức tranh vẽ về điển tích hay cuộc đời Đức Phật, nhưng tôi vẫn thích ghé chùa Nhật để ngắm nhìn những nét vẽ phóng khoáng cảm xúc nhưng không kém phần rắn rỏi trên nền những con hạc trắng. Phải mất hồi lâu tôi mới hiểu được ý nghĩa sâu xa của những bức tranh đó là triết lý thông thái, trắng trong của Phật giáo như màu lông của những chú hạc Tancho. Không chỉ ngắm nhìn những vườn bonsai được cắt tỉa cầu kỳ khéo léo quanh khuôn viên chùa theo năm tư thế cơ bản: thẳng đứng (*Chokkan*), thẳng đứng phóng khoáng (*Moyogi*), nghiêng (*Shakan*), thác đổ (*Kengai*) và nửa thác đổ (*Han Kengai*) mà ghé chùa Nhật tôi còn ngắm nhìn hoạt động lặng thầm của các vị Tăng sĩ. Họ chẳng khoa trương ồn ào, khoe khoang đến khoác lác về những ngôi làng thủ công để giúp thanh niên Ấn nghèo khó vào đời hay những ngôi trường mẫu giáo, trạm y tế phục vụ miễn phí cho những người còn quá khó khăn ở các làng quê Ấn Độ. Tôi quyết định, sau chùa Việt Nam và Nhật Bản tôi không bỏ qua ngôi chùa của người Bhutan. Dẫu biết rằng, nền nghệ thuật Bhutan hay kiến trúc của ngôi chùa đều xuất phát chính thống từ vùng đất lạnh giá Tây Tạng, nhưng tôi lại say mê đến đắm đuối những bức tranh lhazo được vẽ theo phong cách Thangka, hay nghệ thuật Zorig Chusum tạo nên nội thất với những sắc màu rực rỡ không kém phần huyền bí của một ngôi chùa. Theo quan điểm cá nhân, nền nghệ thuật Bhutan có nét vẽ sắc sảo và thanh thoát hơn rất nhiều so với nền nghệ thuật Tây Tạng.



Chùa của người Bhutan

Chùa Đại Lộc

Theo lời hướng dẫn của bác trung niên bán xe cam vắt dọc đường, tôi đi sâu vào con hẻm nhỏ để đến ngôi chùa người Việt. Đã vào hè, những cây hoa phượng đỏ ối cả một góc đường và đâu đó một đàn ve sầu cất tiếng hát mở màn gọi nắng. Một vài chiếc xe honda vội vã lao nhanh khiến con đường nhỏ thêm mịt mù khói bụi. Đã đi một đoạn xa lắc giữa nắng hè gay gắt nhưng ngôi chùa người Việt vẫn biệt tăm biệt tích. Một vài người bán hàng nhỏ ven đường cứ bảo tôi tiếp tục hành trình đi về cuối thôn rồi sẽ gặp chùa người Việt. Tôi dự định bỏ cuộc nhưng rồi niềm tin đến được một ngôi chùa trên vùng đất Phật sẽ gặp được một may mắn lớn trên đường đời lại thôi thúc bước chân tôi. Bức tượng Phật lớn đang dần hiện ra và cách tốt nhất là băng tắt đường đồng mặc kệ cho đám cỏ khô mùa hè cắt vào đôi chân tướm máu. Lối vào chùa được trồng một dãy cây muồng hoàng yến đang rục rỡ sắc vàng.

Gặp được thầy Tường Quang đặc sệt giọng Thủ Đức ngoại thành Sài Gòn, tôi mừng mừng tủi tủi. Đã gần một tháng nay, tôi chưa từng nói tiếng mẹ đẻ và hôm nay là dịp để tôi nói tiếng Việt như chưa từng được nói. Chùa Đại Lộc mới khánh thành một năm trước khi tôi đến và vẫn còn nhiều khó khăn kinh phí để hoàn tất các công trình quanh ngôi bảo tháp. Tôi phàn nàn với thầy Tường Quang đã học và tu tập trên đất Phật hơn 10 năm tại sao mua đất xây chùa quá xa để tôi lặn lội gần chết. Thầy chia sẻ: Việt Nam mình còn nghèo lấy đâu có được vị trí đắc địa như các quốc gia khác. Có được ngôi chùa Việt đầu tiên ở vườn Lộc Uyển là mừng lắm rồi. Năm rồi khánh thành có khoảng 200 tăng ni từ Việt Nam sang dự và tượng Phật ngồi Kinh Chuyển Pháp Luân được các chùa bạn đánh giá là thể hiện thành công nhất “gương mặt Đức Phật” và “thần thái của Ngài” đang Kinh Chuyển Pháp Luân. Thú thật, tôi không thích ghé những ngôi chùa Phật giáo Tiểu thừa như: Sri Lanka, Miến Điện, Thái Lan... bởi tượng Phật được điêu khắc là hình ảnh những

vị thần trong Hindu giáo. Rất đơn giản, các quốc gia đây từng đi lên Phật giáo từ Hindu giáo.



Tượng Phật tại chùa Đại Lộc được giới tăng ni đánh giá là điển tả đúng nhất tư thế Kinh Chuyển Pháp Luân ở vườn Lộc Uyển

Cũng giống như các ngôi chùa của quốc gia khác, chùa Đại Lộc vẫn đưa những nét văn hóa bản sắc của người Việt vào bên trong kiến trúc. Phía trước bức tượng Phật lớn là hình ảnh ngôi chùa Một Cột đang trong giai đoạn hoàn tất. Thầy Tường Quang chia sẻ với tôi khá nhiều những khó khăn trong những ngày đầu đến Ấn Độ học và tu tập. Thầy căn dặn tôi đừng nên quá tốt với người Ấn để rồi họ cứ đeo bám mè nheo gây nên tình trạng phiền phức không đáng có. Khi mùa hành hương đi qua, chùa lại sửa sang chỉnh đốn mọi thứ cũng như mở rộng thêm phòng ốc ngủ nghỉ bởi đoàn người hành hương về đất Phật ngày càng tăng mỗi năm. Giúp thầy hàng ngày là những người lao động nghèo khó người Ấn, sự thân thiện giữa Thầy và người làm công đến mức con cái của họ sau này có thể nói khá sôi tiếng Việt. Một câu chuyện được Thầy kể nghe lần đầu có vẻ buồn cười không tin nhưng trải nghiệm qua những ngày đầu hè Ấn Độ, tôi tin đó là sự thật: tháng 6 nóng bức đến nổi nước vắn từ vòi phông tên nấu chín mì gói, giữa tháng 7 không khí bớt nóng bức khi có những cơn mưa nhỏ và tháng 8 là mùa mưa ngắn ngủi hiếm hoi trên tiểu lục địa. Mấy ngày qua khi tự giặt áo quần, không cần phơi dưới ánh mặt trời, trong một nhà tắm không cửa nhỏ thông gió, áo quần cũng khô như cháy queo sau một đêm.

Ngắm nhìn gương mặt Thích Ca trên pho tượng Kinh Chuyển Pháp Luân, tôi góp ý thật lòng với thầy Tường Quang mà không biết Thầy có giận, hay Đức Phật trên kia có để bụng tôi không. Tôi cho rằng, khuôn mặt điển hình của người Ấn còn quá bụ bẫm sữa vào lứa tuổi 22 không điển tả đúng tuổi Đức Phật thành đạo. Theo điển tịch tôi đọc qua kinh Phật, Thái tử Sĩ Đạt Ta tức Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành chánh quả vào đêm trăng tròn tháng Tithakhu theo lịch của Ấn Độ, tức nhằm ngày mừng 8 tháng 12 theo lịch của Trung Hoa tại Ưu Lâu Tần Loa (Uruvela), cách thành phố Già Da (Gaya) về phía Đông

Nam khoảng bảy dặm, thuộc nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Đó là năm Đức Thế Tôn 35 tuổi, đứng vào năm 590 trước Công nguyên. Tôi chia tay thầy Tường Quang để quay lại Varanasi ngắm hoàng hôn bên bờ sông Hằng và xem lễ hội Aarti. Thầy chỉ tôi đi theo con đường khác và sẽ nhanh hơn con đường cũ. Đó là con đường hàng ngày hay có khi đêm bữa thầy Tường Quang cùng chiếc xe đạp cộc cạch đến chợ phiên nhỏ tụ họp trước cổng chùa người Thái để mua các loại rau củ hay hoa quả. Con đường quay trở lại bao giờ cũng được cảm nhận ngắn hơn so với chặng đi luôn dáo dác nhìn quanh tìm kiếm...

Người Kasi xưa vẫn theo nguyên tắc vàng của người Ai Cập cổ trong việc xây dựng thành phố tâm linh của mình: Sự sống bao giờ cũng hình thành từ phía Đông mặt trời mọc và cái chết luôn nằm cùng phía Tây khi mặt trời lặn. Khi bình minh lên, ánh nắng soi sáng tỏ rõ một Kasi ồn ào náo nhiệt để khi mặt trời lặn những cung điện thành quách vàng son một thời cô liêu mờ ảo hình bóng trong ánh hoàng hôn. Dòng sông Hằng nhuộm vàng màu khi quả cầu lửa đang dần hạ xuống, một vài chiếc thuyền câu trôi lững lờ trên sông như tô vẽ bức tranh tịch mịch hoang vu lúc xế chiều. Trên các bậc tam cấp lên miếu thờ, người Varanasi ngồi im lặng ngắm hoàng hôn đến trên dòng sông thiêng ngày càng đỏ đậm màu hơn. Tôi không biết họ đang nghĩ gì trong khung cảnh yên bình như thế! Ông chủ hàng nước tại bến tàu Dashashwamedh lại giải thích cho tôi hiểu thêm ý nghĩa Đông – Tây khi tiến hành nghi thức trên dòng sông Hằng: Nếu người tắm hướng về ánh mặt trời ở hướng Đông để cầu nguyện thì khi hỏa táng đầu tử thi nhất định phải quay về hướng Tây. Việc quay đầu vào hướng mặt trời thành phố còn giúp cho linh hồn đang bám trên mái tóc Thần Shiva ôn lại những ký ức buồn vui một kiếp người đã từng có trong lòng phố.

Lễ hội Aarti

Tôi e dè khi ngồi chắn trước mặt tiền quán cóc nhỏ để chờ xem lễ hội Aarti nhưng ông chủ quán nước ra ký hiệu cho tôi cứ ngồi đấy đừng ngại ngùng. Thằng bé con ông mới học lớp một chưa nói được tiếng Anh nhưng cứ mỗi buổi chiều nó lại theo chân ông đến

đây để phụ bán mâm lễ vật Aarti. Người ta đông đúc tập trung tại bên tàu Dashashwamedh đông vui như một lễ hội lớn. Để đôi mắt tận tường những vũ điệu linh thiêng trình diễn trên sân khấu tạm bợ, khá nhiều người đã toạ lạc giành chỗ dù lễ Aarti chính thức diễn ra lúc 19 giờ 30 hàng đêm. Xung quanh ngôi đền vàng linh thiêng Shri Kashi Vishwanath, từng nhóm người nhỏ đang xếp tròn ca hát những bài thánh ca *Jay Sadguru Swami*. Những lúc không có người mua hàng, ông chủ quán nước lại giải thích cho tôi mâm lễ vật truyền thống Aarti thường được các tín đồ đặt cúng trong các ngôi đền thiêng. Theo truyền thống, mâm lễ vật Aarti phải được đặt trên chiếc mâm bằng bạc hay bằng đồng giá trị và 5 lễ vật không thể thiếu trên chiếc khay bạc bao gồm: hoa tươi tượng trưng cho trái đất, nước tượng trưng cho yếu tố nước tự nhiên, năm ngọn đèn cầy được làm từ bơ hay sáp tinh tượng trưng cho lửa, một chiếc lông đuôi con công tượng trưng cho không khí và một chiếc lông đuôi bò yak tượng trưng vũ trụ không gian. Tuy nhiên một chiếc lông đuôi công hay lông đuôi bò yak quá khó tìm nên ngày nay người Hindu thay thế bằng một mảnh giấy bạc cắt hình dáng trông giống lông đuôi công và kẹo thơm được làm từ sữa bò yak. Ông bảo tôi rằng cứ xem lễ hội trước rồi ông sẽ giải thích sau cho tôi hiểu bởi nội dung chính của những vũ điệu đã thể hiện phần nào ý nghĩa của mâm lễ vật Aarti.

Trong tiếng cổ vũ reo hò cuồng nhiệt của khán giả, tôi thoáng giật mình khi năm vị nam thần trong sắc phục đỏ rực màu lửa vừa xuất hiện trên sân khấu nhỏ. Cái giật mình của tôi chính là nhìn thấy anh vũ công trong vai Thần gió Vayu đứng cuối hàng từ phải sang trái. Nếu đọc bất cứ thông tin nào về lễ hội Aarti trên mạng, hình ảnh của anh sẽ luôn đi kèm với bài viết. Anh rất điển trai, khuôn mặt góc cạnh nam tính trong hình thể thon gọn săn chắc với mái tóc đen dài thả ngang đến đôi bờ vai. Làn tóc mượt mà dợn sóng của anh thỉnh thoảng lại tung lên rồi bời bời làn gió sông Hằng trông như mái tóc của Thần Shiva. Nếu chọn một vai chính để tôn vinh Thần Shiva, tôi chắc chắn rằng anh sẽ nhận được sự đồng thuận rất cao từ khán giả. Trong mắt tôi, diễn xuất của anh lại tẹt nhất trong năm vị nam thần đang chao nghiêng những tháp lửa nhỏ trên tay. Gần như diễn xuất của anh không trùng khớp theo điệu múa của bốn nam thần

gần đó và những động tác cơ thể của anh chưa biểu cảm hết ý nghĩa của từng vũ điệu. Tôi bật cười khi ý nghĩ vu vơ đi qua: Thôi kệ, hay dở tính sau, trước mắt cứ đứng cho đủ và đẹp đội hình. Với người Hindu, Shiva là một vị thần hoàn hảo, là Thượng đế của họ và thế gian sẽ ra sao nếu xuất hiện những con người quá hoàn hảo?! Điều khiển và lôi cuốn nhất trong màn trình diễn chính là nam thần tượng trưng cho yếu tố vũ trụ bao la đứng vị trí trung tâm. Anh ta cao to và vạm vỡ hình thể nhất trong các vũ công như muốn diễn tả vũ trụ bao trùm lên tất cả các yếu tố còn lại. Đôi tay anh sành điệu gõ liên hồi trên chiếc trống tabla đặt trước mặt khiến mọi người cuốn hút chao đảo theo từng nhịp. Không chỉ trên bờ đồng đúc người xem, phía dưới sông Hằng cũng nhộn nhịp những đoàn tàu dừng lại để du khách thưởng thức. Lễ hội Aarti hàng đêm thật đông vui, thật náo nhiệt...

Người Hindu cũng chẳng nhớ lễ hội Aarti có từ lúc nào, nhưng người Ấn luôn biết rằng lễ hội chính là nét văn hóa truyền thống lâu đời của quốc gia mình. Xuôi về vùng đất phương Nam Ấn Độ, người địa phương dành hẳn hai ngày để mọi người vui chơi với lễ hội Aarti. Trong đêm tối, họ cùng nhau tiến về ngôi đền linh thiêng, những bờ vai sát cánh nhau bằng những cánh tay, khuôn mặt của họ hướng thẳng về đền cùng hát thật to những bài Thánh ca với ngọn lửa cháy rực trên cánh tay còn lại. Truyền thuyết cho rằng, Thượng đế đã tạo ra năm yếu tố cơ bản trước khi Thần Shiva tạo ra sự sống cho loài người. Năm yếu tố cơ bản bao gồm: vũ trụ, không khí, đất, nước và lửa. Lễ hội Aarti không chỉ tôn nghiêm năm yếu tố cơ bản mà còn có ý nghĩa “đốt lửa mang ánh sáng cho nhân loại trong màn đêm tối tăm”. Năm anh nam thần trên sân khấu tượng trưng cho năm yếu tố cơ bản do Thượng đế đã tạo ra. Trong vũ điệu lắc lư theo những tà áo tung bay mờ ảo trên sân khấu, người mộ đạo lại nhích từng bước một đến để đặt mâm lễ vật Aarti. Những chiếc khay nhỏ làm từ giấy bạc nhiều đến mức lực lượng tình nguyện viên phải di chuyển liên tục chúng ra phía sau sân khấu. Sau khi kết thúc phần trình diễn, sông Hằng linh thiêng sẽ trở thành dòng sông hoa đăng lung linh huyền ảo với những ánh nến lập lòe... Nếu lễ hội Aarti với ý nghĩa mang ánh sáng cho nhân loại, thì người mộ đạo luôn nghĩ rằng mình sẽ có một linh hồn trong sáng,

một tinh thần bất khả chiến bại sau khi dâng mâm lễ Aarti. Năm ngọn nến nhỏ được làm từ sáp nguyên chất đang cháy tượng trưng cho Nam thần Deva, Nữ thần Devi, linh hồn (Ishvara), sự trong trắng (Bhagavan – hiện thân của Thần Krishna) và tinh thần bất khả chiến bại (Bhagavati – hiện thân của Thần Durga).

Vũ điệu sân khấu đã thay đổi khi bản thánh ca *Jay Sadguru Swami* du dương cất lên trên nền nhạc cổ điển Hindustani. Năm vị nam thần uyển chuyển, nhẹ nhàng với những đài lửa nhỏ hình tháp được nâng lên cao rồi xuống thấp hay quay một vòng tròn mà vẫn không tắt. Theo ánh sáng văn hóa đã có từ ngàn xưa, cư dân thành Benares sử dụng bộ chữ Kashika Bhojpuri hay nền âm nhạc Hindustani riêng cho chính mình. Âm nhạc cổ điển Hindustani thịnh hành ở Kasi vào khoảng thế kỷ 2 sau Công nguyên và được xây dựng trên dàn hát bè đi cùng các nhạc cụ: đàn sê ta, đàn sarod, đàn surbahar, đàn rudra veena, đàn violin, đàn sarangi, đàn tranh esraj, đàn dây santoor, đàn swamandal, đàn organ, sáo bansuri, kèn shehnai, kèn shruti, bộ gõ jal tarang, trống tabla và trống pakhavaj. Không chỉ có giá trị kinh tế – quân sự, con đường tơ lụa xưa còn mang cho một Kasi nét văn hóa truyền thống trong lĩnh vực âm nhạc. Âm nhạc cổ điển Hindustani là sự tổng hợp hòa âm các loại nhạc cụ đến từ phương Tây, Viễn Đông và vùng đất Trung Á. Bài thánh ca *Sadguru Swami* được đưa vào nghi thức chính lễ hội Aarti vào ngày 5/11/1802 khi vị Bà La Môn Muktanand Swami hoàn chỉnh lời ca cầu nguyện từ bản sơ điển mà vị Bà La Môn Ramanand Swami đã viết trước đó. Bản thánh ca *Jay Sadguru Swami* có âm điệu nhẹ nhàng du dương trầm bổng nhưng so với bản thánh ca *Gagan Mein Thaal* của giáo phái Sikh lại không hay bằng. Bài thánh ca *Gagan Mein Thaal* là bản nhạc hay nhất mà tôi từng nghe qua ở ngôi đền vàng Harmandir Sahib – Amritsar trên vùng đất Ấn Độ.

Không chỉ tôn nghiêm năm yếu tố cơ bản do Thượng đế tạo ra, lễ hội Aarti hàng đêm trên sông Hằng còn tôn vinh sự hợp nhất năm dòng sông đại diện cho năm châu lục của thế giới trên vùng đất có lịch sử lâu đời giàu nét văn hóa truyền thống. Tôi mua thêm hai chai nước ướp lạnh để cảm tạ lời giải thích thật hay của ông chủ quán. Gió từ sông Hằng vẫn thổi lên trong bầu trời đêm đầy ánh sao nhấp

nháy. Đã mát hơn một chút so với đỉnh nóng ban ngày và trong hơi thở còn nóng ẩm của gió tôi vẫn ngửi được không khí tanh tươi của một xác chết nào đó đang được thiêu trên bãi Manikarnika. Một số người hành hương khổ hạnh hay những người vô gia cư vẫn lỏa thể đi tắm sông Hằng. Họ cần một chút mát mẻ để giấc ngủ dễ dàng hơn trên chiếc giường đá được tạo ra trên các bậc thềm và tấm nệm êm ái là một chiếc khăn trải mỏng nặng mùi...

Hành hương về Kushinagar

Tôi dậy sớm để hành hương về Kushinagar mà trong kinh Phật hay gọi là Câu Thi La. Mười sáu năm trước, bà Tôn Thư Vân tháp tùng đoàn hành hương Trung Quốc đến Kushinagar mát hơn một ngày đường bởi đường đi rất xấu thì ngày nay đoạn đường hơn 60km từ trung tâm Gorakhpur chỉ mất hơn khoảng hai tiếng xe buýt địa phương. Anh bạn thân tên Quyền đã thực hiện cuộc hành hương cách đây bốn năm nhắc nhở tôi. Đêm nay, tôi sẽ đáp chuyến tàu đêm để đến Bodh Gaya vì vậy nếu trở về Varanasi từ Kushinagar sớm tôi sẽ thông thả thời gian hơn. Tôi đến Câu Thi La khoảng hơn sáu tiếng bằng một chuyến tàu địa phương và chuyến xe buýt đầy rẫy hơi người.

Nếu Benares là một trung tâm ồn ào náo nhiệt người và người, thì Sarnath là khu vườn yên tĩnh để tịnh tâm. Thị trấn nhỏ Kushinagar buồn tẻ chán ngắt đến mức chỉ có vài quán hàng nhỏ cạnh kề với khu di tích cho rằng Đức Phật Thích Ca đã nhập cõi Niết Bàn. Phải chăng, một khu nghĩa địa với những cái chết chóc bao giờ cũng vắng lặng người đến?! Sự trầm tĩnh im ắng ở Câu Thi La đến mức ngài Tôn giả Anan phải ca thán trong quyển kinh Phật: *“Bạch Đức Thế Tôn, xin ngài đừng chọn khu vực ngoại ô hoang vắng làm nơi an nghỉ!”* Để rồi sau đó, ngài Tôn giả Anan ghi nhớ lại những điều Phật dạy: *“Ta muốn chọn vùng đất này để diệt độ bởi nơi đây từng là kinh đô của vương triều Malla và cũng là ngôi nhà trong một kiếp bốn sanh của ta với tên gọi Kusavati có nghĩa là hương thơm của loại cỏ lau. Ta chính là vua Đại Thiện Kiến của thành Câu Xá Bà Đề đã rời bỏ bảy báu là “Xe báu, Ngựa-xanh báu, Voi-trắng báu, Cư-sĩ báu, Thần-châu báu, Chủ-binh báu và Ngọc-nữ báu” để đắc thành*

chánh quả. Tất cả vạn vật đều vô thường, vì không có cái gì bền vững mãi mãi. Sau khi ta diệt độ nhập Niết Bàn, hãy tự thắp đuốc lên mà đi; thắp lên với chính pháp, đừng thắp lên với pháp nào khác; hãy nương tựa với chính mình, đừng nương tựa với một pháp nào khác.”

Diễn tích trong kinh Phật cũng ghi rằng, sau khi hóa độ cho vị Bà La Môn Tỳ Sa Đà La gần Trúc Lâm, ở tuổi 80, Đức Phật biết rằng mình đã gần diệt độ nhập Niết Bàn nên Ngài cùng đệ tử Anan làm cuộc hành trình đi bộ từ Bodh Gaya để đến Kushinagar ròng rã ba tháng trời. Trong hành trình của mình, dưới tháp Già Bà La, Đức Thế Tôn đã truyền đạt cho Anan tu tập “Bốn món thần túc” rồi sau đó Thiên Ma Ba Tuần đã hiện ra nhắc nhở các tích xưa thỉnh cầu Đức Phật diệt độ nhưng Đức Thế Tôn từ chối.

Khi ngài Huyền Trang đến đây, ông đã ghi chú trong quyển nhật ký của mình: *“Câu Thi La chính là nơi Đức Phật diệt độ Bát Niết Bàn, đó là vùng đất nhỏ nằm cạnh sông Hiranyavati cách ngôi làng Vaishali độ 30,5km. Có rất nhiều ngôi tháp bao quanh đền thờ Phật trung tâm được xây dựng bởi Hoàng đế A Du Ca trước đây hay các vương triều Ấn Độ giáo Gupta ở các thế kỷ sau này. Ngôi đền trung tâm Nirvana Chaitya có đính một chiếc đồng to trên đó có những dòng chữ Brahmi của vua A Du Ca để xác định vị trí Đức Phật nằm diệt độ giữa hai cây long thọ to theo tư thế nghiêng về phía tay phải, đầu quay về hướng Bắc mặt quay về hướng Tây, hai chân xếp chồng lên nhau và trên người bộ áo cà sa hay Tăng già lê được xếp thành bốn lớp.”*



Một bức tranh vẽ Đức Phật nhập Bát Niết Bàn ở Kushinagar

Từ thế kỷ 19, các nhà khảo cổ học như Alexander Cunningham, Carlleyle hay Waddell luôn tin rằng Phật Thích Ca diệt độ trên vùng đất xưa Rampuva gần biên giới Nepal. Tuy nhiên, khi khai quật vườn Câu Thi La dựa theo quyển nhật ký của ngài Trần Huyền Trang, các nhà khảo cổ đành im lặng và đồng ý cho rằng Kushinagar chính là nơi Phật nhập Bát Niết Bàn. Không chỉ đào bới

được những tượng Phật cổ trong tư thế diệt độ, tám bảng đồng đánh dấu ở ngôi tháp Ramabhar, tháp Matha Kuar hay tháp Nirvana, ngay cả việc xây dựng các ngôi tháp của vua A Du Ca hay các vương triều Bà La Môn sau này cũng giống như cách thức Tôn giả Anan đã làm khi chôn cất vị Thế Tôn đáng kính của mình.

Đến Kushinagar, tôi nhớ lại điển tích về lòng vị tha từ bi của Đức Phật. Nếu Chúa Jesus có bữa tiệc ly cuối cùng ở thành Jerusalem, thì Phật Thích Ca vẫn có bữa trai tăng cuối cùng ở thành Câu Thi La. Dù biết rằng, Judas sẽ nộp Chúa để lấy 30 đồng, nhưng Chúa vẫn tha thứ cho Judas và tự nhận đó là kiếp nạn của mình thì điển tích Phật Thích Ca trai tăng ở vườn Xà Đầu thuộc thành Ba Bà cũng có ý nghĩa tương tự. Nghe tin Phật đến giảng pháp, người thợ rèn tên Châu Na đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ mời cả đoàn Tỳ kheo đến dự trai tăng cúng dường tại nhà của mình. Tại bữa cơm cúng dường, Châu Na dâng riêng cho Đức Phật món xúp nắm Chiên Đàn. Nhìn bát xúp, Đức Phật ôn tồn bảo với Châu Na: *“Chớ đem thứ nắm này dâng cúng cho chư Tăng.”* Lúc đó, có một vị lão Tăng mới xuất gia thấy tô nước nắm còn dư để gần chỗ ngồi của mình lại bưng uống hết! Sau khi thụ trai Đức Phật vẫn giảng pháp cho ông Châu Na nghe. Tuy nhiên trên đường quay về, bệnh tình Đức Phật trở nên nặng hơn bởi nắm Chiên Đàn là loại độc dược. Đức Thế Tôn vẫn im lặng và truyền giáo cho Anan quay lại nhà Châu Na báo một tin vui. Đức Phật dạy rằng: *“Người cúng dường Như Lai lúc thành đạo cũng như người cúng dường Như Lai lúc sắp nhập Niết Bàn, công đức của hai người này không hơn không kém.”*

Thuở còn bé khi nghe kinh Phật, tôi cho rằng Niết Bàn hay cõi Cực Lạc là một và đó chính là Thiên đường mà rồi một ngày nào tôi sẽ tìm thấy. Lớn hơn một chút, tôi lại hiểu ra và tự đặt câu hỏi cho chính mình Thiên đường có thật hay không bởi chẳng một ai bước qua ranh giới cuộc đời lại có thể quay lại để kể cho tôi nghe những điều kỳ diệu ở xứ Thiên đường. Bước đến Kushinagar, tôi chợt hiểu rằng Thiên đường và Niết Bàn là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau trong kinh Phật. Do dịch từ bản kinh gốc tiếng Phạn, theo suy nghĩ riêng của mình nên dịch giả có nhiều khái niệm khác nhau về cõi Cực Lạc và Niết Bàn. Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca cho

rằng: Từ đây trải qua 10 muôn ức cõi Phật, thuộc về hướng Tây có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi đó có Đức Phật A Di Đà, hiện nay đang thuyết pháp. Sở dĩ có tên Cực Lạc là vì những người sanh về cõi đó hoàn toàn an vui không còn chịu mọi sự khổ. Cảnh trí rất mực đẹp xinh, làm toàn bằng bảy thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Khắp nơi đều có ao báu, trong ao chứa một thứ nước có tám công đức, mọc đầy sen quý, mùi vị thơm tho, sắc màu rực rỡ. Danh từ Niết Bàn trong tiếng Phạn hợp thành từ chữ Ni và Bana. Ni là một yếu tố phủ định và Bana nghĩa là dục vọng hay khát ái. Chính vì ly khai khỏi khát ái, dục vọng nên nó được gọi là Niết Bàn. Nó cũng có thể được định nghĩa như là sự đoạn tận tham, sân và si. Đức Phật từng nói: “Toàn thế giới đang bốc cháy. Do ngọn lửa gì thế giới bị đốt lên? Do ngọn lửa tham, sân, si, do ngọn lửa sinh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não mà thế giới đốt lên.” Tôi tạm hiểu Niết Bàn nghĩa là sự giải thoát sau cùng!

Một buổi trưa ngắn ở Kushinagar cũng đủ giúp tôi hiểu rõ “Xá Lợi Phật”. Đó là những gì trên cơ thể còn sót lại từ cuộc hỏa táng chứ không là những viên châu to chiếu hào quang trùng trùng điệp điệp được sử dụng như là phép báu trong các trận chiến giữa các vị Tiên Phật của những bộ truyện Tàu mà tôi đọc thuở xa xưa. Rồi Câu Thi La, tôi mang theo câu hỏi ưu tư trong lòng mà không có lời giải đáp: Dù biết rằng đức tin tôn giáo cần thiết phải có trong cuộc sống, nhưng liệu rằng Phật Thích Ca, Chúa Jesus, Thần Shiva, Thánh tối cao Abraham của người Do Thái hay Thánh Allah là những người có thật trên đời hay chỉ là những nhân vật tâm linh huyền thoại trong những bộ kinh tôn giáo cổ xưa. Người ta đổ xô đi tìm những lăng mộ thật của các Đấng tối cao ngoài đời nhưng chẳng bao giờ tìm thấy mà thay vào đó chỉ là vết tích của các tín đồ mộ đạo ghi nhận lại sau khi đọc qua những bộ sách xưa. Khoảng cách giữa những lần tìm ra dấu vết người xưa có khi hơn cả 1.000 năm sau...

Thị trấn nhỏ Bodh Gaya

Tôi nhận tin không vui khi hãng tàu nhanh Gangasatluj thông báo trễ chuyến 12 tiếng để đến Bodh Gaya từ Varanasi và giờ khởi hành mới là 8 giờ 30 phút sáng ngày hôm sau. Đường về đất Phật cũng

lắm gian nan, tôi chắc lười than thàn! Bên trong nhà ga Varanasi, hành khách đông đúc xếp như vẩy cá, ngủ dật dựa giữa không khí ngột ngạt nóng bức hơi người. Phía trước sân ga vẫn nhốn nháo đông người trải những chiếc khăn mỏng để chờ qua đêm. Một thoáng suy nghĩ chạy qua làm tôi choàng dậy để đi tìm một phòng nghỉ đàng hoàng giữ gìn sức khỏe. Ngủ giữa cái nóng gần 40 độ, hứng chịu những giọt sương đêm sẽ làm tôi bị cảm cúm, hơn nữa xung quanh tôi còn có tiếng vo ve của đàn muỗi hay triệu chứng gây ngứa da của một loại côn trùng đêm nào đó vào đèn. Hai anh tài xế xe tuk tuk trung niên bỏ mặc cửa cải lại trước cổng nhà ga, bám theo tôi để kiếm chút tiền cò khách sạn. Thật lạ lùng, dãy nhà trọ giăng đèn màu đối diện nhà ga luôn từ chối tiếp nhận tôi. Một anh tuk tuk giải thích rằng, để đảm bảo sự an toàn của du khách trước sự nhộn nhịp của Kasi vì nhiều lý do nên chính quyền Varanasi chỉ cho phép một số khách sạn tiếp nhận du khách nước ngoài và các khách sạn ấy thường nằm ở quận trung tâm Kasi. Cách tốt nhất để đến được các khách sạn ấy phải ngồi lên chiếc tuk tuk để anh chở đi. Tôi không tin và đi bộ thêm một đoạn nữa và sau lưng vẫn là bóng dáng bám dính như sam của hai anh trung niên. Có lẽ không dự được tôi đi xe tuk tuk, hai anh bèn chỉ dẫn tôi vào khách sạn có thể tiếp nhận du khách. Nhìn thái độ rụt rè và ánh mắt ra dẫu lẫn nhau giữa ba người, tôi hiểu rằng ông chủ khách sạn đang làm giá gấp đôi với tôi. Tôi cho rằng, giá 25 USD/đêm là không hợp lý bởi tôi luôn biết giá phòng máy lạnh ở Varanasi chỉ dao động ở mức từ 10 – 12 USD/đêm. Tôi bỏ đi một mạch và sau đó là một trận cãi vã kịch liệt giữa tôi và hai anh trung niên. Anh thanh niên xe lôi trẻ tuổi trò đến, anh vẫy tôi nhanh chóng lên xe lao đi mặc xác những tràng chửi tục được phát ra phía sau.

Anh đưa tôi đến một khách sạn nhỏ nằm cách nhà ga trung tâm độ chừng bốn dãy nhà. Qua những trao đổi giữa anh xe lôi và ông chủ, tôi hiểu rằng khách sạn vẫn không được phép cho du khách qua đêm nhưng ông chủ sẽ làm “lậu”. Tôi không phải ghi vào sổ lưu trú số hộ chiếu, visa và thậm chí ông chủ chẳng buồn photo lại hộ chiếu sau khi liếc mắt xem qua. Giá phòng qua đêm là 10 USD và anh xe lôi trẻ tuổi quá tốt bụng chỉ nhận của tôi duy nhất 1 USD. Để cảm tạ

anh, tôi hẹn 6 giờ sáng ngày mai anh hãy quay lại rước tôi ra nhà ga Varanasi.

Trên bản đồ, khoảng cách giữa Varanasi và Bodh Gaya là hai chấm tròn không xa lắm, nhưng tôi phải mất ít nhất hơn 15 tiếng nằm tàu mới đến được thành Già Da được gọi là kinh đô Phật giáo tại Ấn Độ. Một vườn Lộc Uyển yên tĩnh, một Câu Thi La quá im lặng thì mọi thứ như trăm hoa đua nở ở thị trấn nhỏ có tên gọi là Bồ Đề Đạo Tràng nằm cách thành Già Da cũ độ chừng 10km. Kinh Phật ghi rằng, tại Bồ Đề Đạo Tràng, Đức Phật đã được khai sáng và đắc đạo sau 7 tuần liên tiếp thiền định. Nếu Kitô giáo có một Vatican linh thiêng hay Hồi giáo có thánh địa Mecca huyền bí thì Phật giáo cũng có một thánh địa riêng cho mình và đó chính là Bồ Đề Đạo Tràng. Nhiều đoàn Phật tử hành hương hương đến đây mong muốn rằng mình được khai sáng từ ánh hào quang của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tôi cũng không ngoại lệ. Không chỉ thế, đến được Bồ Đề Đạo Tràng tôi quỳ dưới cội Bồ Đề linh thiêng và khấn vái trước bảo tháp huyền thoại để mẹ tôi tai qua nạn khỏi, hưởng tuổi già lâu thêm một ít nữa với anh em chúng tôi. Là người yêu thích tự do, tôi chọn phòng nghỉ qua đêm trong thị trấn với giá 10 USD dù biết rằng trên thánh địa Bodh Gaya có ít nhất bốn chùa người Việt. Ông chủ khách sạn đã cao tuổi, có khuôn hậu hiền hậu luôn dúi vào tay tôi mỗi ngày chai nước lớn đã đông đá khối mang theo giải nhiệt mùa hè khi thăm thú khắp nơi.

Trong ánh chiều vàng tan, những quầy hàng lưu niệm phía trước công viên Đại Tượng Phật 25m đang lũ lượt sắp xếp các món hàng vào thùng và chuẩn bị đóng quầy. Xa xa trước bức tượng Phật lớn vẫn còn hai anh thanh niên người Ấn ung dung dạo chơi trong khuôn viên. Bóng dáng hai anh thanh niên như hai chú kiến đen, nhỏ nhắn lạ thường trước bức tượng Phật vĩ đại. Người địa phương chẳng cần biết Đức Phật đang ngồi tư thế nào trên tòa sen, tổ chức nào là người đã xây dựng nên mà họ chỉ cần gọi “Tượng Phật 80 feet” theo cách dễ hiểu nhất. Trong các quốc gia Phật giáo, Nhật Bản là quốc gia bỏ ra kinh phí nhiều nhất để hỗ trợ trùng tu vết tích Phật giáo hay xây dựng những ngôi đền thiêng ở những thành phố Thánh trên vùng đất Nam Á. Công viên Phật “80 feet” được xây

dựng trong 7 năm và khánh thành vào ngày 18/11/1989 trước sự chứng giám của Ngài Đặng Châu Gia Mục Thổ, vị Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 của vùng đất Tây Tạng. Giáo hội Phật giáo Nhật Bản cũng chẳng đi kể cho ai nghe họ đã bỏ số tiền lớn như thế nào để xây dựng bức tượng Phật lớn nhất Nam Á với 120.000 viên gạch nung cùng với vô số khối đá lớn và đá hoa cương đỏ.



Tượng Phật “80 feet”

Đọc theo lối vào tượng Phật là hàng cây cao to xanh màu. Giữa những hàng cây, người Nhật đặt những trụ đèn đá Daitourou cong cong mái như nét văn hóa truyền thống đặc trưng trong các ngôi chùa, đền thờ và công viên. Sự tinh tế của người Nhật trầm ẩn đến sâu lắng trong tượng Phật Thích Ca đang trong tư thế tọa thiền. Khi bình mình lên, vạn vật tỏ rõ, một ngày mới Đức Phật nhận được sự thông thái từ ánh mặt trời để rồi thiền định thấu hiểu những giáo lý mới vào mỗi cuối ngày. Khi hoàng hôn rơi, quả cầu lửa như vàng hào quang sáng chói tỏa sáng trên đầu Đức Thế Tôn để giáo huấn dẫn dắt chúng sinh vượt qua nỗi sợ bóng đêm. Hai bên Đức Thế Tôn là 10 đệ tử chân truyền đang trong tư thế chấp tay đứng hầu, thiền định như Ngài, bao gồm: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nan, Ưu Ba Li, A Na Luật, Phú Lâu Na, Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề và La Hầu La. Giáo hội Phật giáo Nhật Bản chỉ đưa ra thông điệp ngắn gọn khi xây dựng công viên Phật nhưng lại quá thâm sâu về ý nghĩa: “Hào quang của Đức Phật sẽ soi sáng toàn thế giới.” Hoàng hôn đang dần rơi, ánh sáng từ quả bóng lửa đang phản chiếu làm bức tượng uy nghi nghiêm trang nhưng vẫn sâu sắc lòng từ bi, vị tha. Hào quang đang tỏa sáng chung quanh tượng Phật đẹp lạ lùng.

Ngôi đền thiêng Mahabodhi

Hôm sau, trong ánh rạng bình minh, tôi hòa nhập vào dòng người đông đúc nhiều thành phần để đến ngôi đền thiêng Mahabodhi còn gọi là Bồ Đề Đạo Tràng. Với những vị tăng, ni đang tu tập tại các ngôi chùa của quốc gia mình hay tự túc thuê phòng ở riêng thường

có ba cữ nhập định tại bảo tháp linh thiêng: bình minh, giờ Ngọ và hoàng hôn. Là di sản văn hóa thế giới nhưng chính quyền bang Bihar không thu vé vào ngôi tháp Bồ Đề Đạo Tràng. Có lẽ, Ấn Độ muốn thắt chặt tình hữu nghị với các quốc gia Phật giáo và quan trọng hơn giá trị vật chất lẫn tinh thần từ các quốc gia Phật giáo mang lại nhiều hơn so với số tiền bán vé thu được. Một vài Phật tử người Tây Tạng vẫn giữ nguyên truyền thống nghi lễ khi vào đền thiêng, cứ bốn bước họ lại quỳ xuống úp mặt xuống chiếc thảm đỏ để cầu nguyện, trong khi các tăng ni những quốc gia khác đi một mạch vào đền chính làm lễ rồi đến cây Bồ Đề Thánh ngồi nhập định.



Tháp Bồ Đề Đạo Tràng

Kinh Phật ghi rằng, năm 29 tuổi, Thái tử Sĩ Đạt Ta đã bỏ thành Tỳ Ca La Vệ xuống tóc để xuất gia đi tu với pháp danh Sa môn Cồ Đàm. Hành trình đi học đạo đến lúc đắc đạo của Đức Thế Tôn kéo dài sáu năm. Theo học với đạo sĩ đầu tiên là Alarama Kalama, Sa môn Cồ Đàm đã thực tập thiền định đến cảnh giới “Vô sở hữu xứ”. Theo học với đạo sĩ thứ hai Uddaka Ramaputta chỉ trong một tuần, Đức Phật đã thấu triệt giáo lý “Đệ bát thiên của cõi trời phi tưởng, phi phi tưởng”. Tuy nhiên, Đức Thế Tôn nhận ra rằng không ai có đủ năng lực để dẫn dắt Ngài thành tựu mục tiêu cứu cánh, thoát khỏi vòng vô minh sinh tử. Từ đấy, Ngài không tìm cầu, vay mượn bên ngoài nữa và bắt đầu nghĩ ra phương thức trải nghiệm khác. Sa môn Cồ Đàm tìm đến núi rừng Dungsiri, với nhiều cây xanh có gai, phủ đầy cát trắng. Tại đây có nhiều đạo sĩ thực hành các lối tu khổ hạnh chỉ uống nước, ăn hoa quả trong rừng, tu tập yoga thiền định... Đức Thế Tôn cho rằng đây chính là lối tu của Ngài để giải thoát. Ngài quanh quẩn trong khu rừng già bên cạnh làng Uruvela để tu tập và tại đây Sa môn Cồ Đàm gặp năm anh em A Nhã Kiều Trần Như. Họ cùng Ngài thành lập một nhóm tu khổ hạnh riêng biệt, mỗi ngày chỉ ăn vài hạt mè, hoặc uống chút nước, khiến còn da bọc xương.

Một hôm, Ngài định xuống sông tắm gội, nhưng vì quá kiệt sức, chân bước không vững, Ngài ngã quy xuống đất ngất xỉu, nằm bất động bên bờ. Từ xa, nàng mục nữ Sujata trông thấy sanh lòng cảm kính, bèn vội đến mở lấy túi da đựng sữa để hồ rót vào miệng Ngài. Sữa theo hơi thở từ từ trôi vào cổ họng, chân tay Ngài dần dần lay chuyển. Ngài vắng nghe bên tai tiếng đàn lúc nhặt lúc khoan, khi trầm khi bổng, phát ra những tiết tấu thanh tao diu dặt mỗi lúc một gần, khiến Ngài hồi tỉnh. Thì ra tiếng đàn của một ông lão hành khất với đôi mắt mù lòa qua lại bên sông kiếm tiền độ nhật. Ngài bèn hỏi ông lão: “Làm sao mà ông khảy lên được những tiếng đàn tuyệt vời như thế?”

Ông lão đáp: “Người chơi đàn phải biết quy luật âm điệu, không lên dây căng quá, hoặc chùng quá. Nếu căng quá đàn sẽ đứt dây, chùng quá sẽ lạc điệu. Chỉ nên canh dây vừa phải thì mới phát ra những âm thanh bổng trầm diu dặt.”

Nghe xong điều này, Ngài chợt nhận ra rằng, sự tu hành cũng như thế, ta không nên ép xác hoặc hưởng thụ, mà phải như lên dây đàn vừa mức. Khổ hạnh thái quá chỉ làm mỏi mệt thân xác, suy giảm năng lượng tinh thần. Mặc dù các triết gia cũng như các tu sĩ khổ hạnh thời đó, quả quyết cho lối tu ép xác là điều kiện tối thượng để đạt đến đạo lý cứu cánh. Ngài liền dứt khoát từ bỏ lối tu làm lạc này, cũng như khi xưa còn ở hoàng cung, Ngài hưởng thụ vật chất xa hoa quá nhiều đã làm chướng ngại trên đường tiến hóa đạo đức. Nghĩ như vậy rồi, Ngài quyết định thực hiện con đường Trung đạo, ngày dùng một bữa vào lúc mặt trời gần đứng bóng. Cũng chính vì điều này mà năm anh em Kiều Trần Như quyết định bỏ Ngài sang vườn Nai ở Ba La Nại để ẩn tu.

Một hôm Ngài xuống sông Ni Liên Thiên tắm gội sạch sẽ, rồi lội qua sông lên bờ vào chùng hơn 100m, đến dưới gốc cây Tất bát la (Pippala) có tàng che to lớn. Ngài nhận một bó cỏ lau hay còn gọi là cỏ cát tường từ người nông dân chăn trâu tên Svastika, rồi trải cỏ làm tòa ngồi và tuyên thệ: “*Nếu ta không tìm ra Chân lý tối thượng, ta quyết không rời khỏi nơi này.*” Sau 49 ngày thiền định, Sa môn Cồ Đàm đã được khai sáng và đắc đạo vào lúc 35 tuổi, ngày rằm theo

lịch Hindu giáo Vesakha, năm 588 trước Công nguyên. Từ đó, Ngài được gọi là Phật và cây Pippala được gọi là cây Bồ Đề.

Bửu tháp Bồ Đề Đạo Tràng vẫn còn đó như những gì ngài Huyền Trang đã miêu tả. Hai bên hành lang Đại tháp là trùng trùng điệp điệp những dãy nền nhỏ chày trên lớp sáp tinh do những tín đồ hành hương đặt. Đến được kinh đô Phật giáo, những Phật tử cầu mong được khai sáng như ánh lửa vàng và một tâm hồn thấm đẫm sự trong trắng của giáo lý như lớp sáp tinh khô. Vòng quanh và niệm Phật bốn lần quanh ngôi đền trung tâm, tôi chợt hiểu thêm một khái niệm mới trong Phật giáo, chính tại nơi đây Đức Phật đã được khai sáng và đạt vị Bồ Đề. Bảy cây cột của vua A Du Ca vẫn còn đó và với những ghi chú bên trên đã giúp tôi hiểu rõ khái niệm mới cũng như sự thiền định của Đức Phật trong 7 tuần liên tiếp.

Bảng đá thứ nhất cạnh ngay cây Bồ Đề được gọi là Bodhi Pallanka (Nơi thành Đạo), *“Thái tử Sĩ Đạt Ta ngồi dưới cội Bồ Đề đạt đến quả vị Toàn Giác vào đêm trăng tròn, tháng Vaisakha năm 623 trước Công nguyên. Kim cương tòa ở dưới cội Bồ Đề này là chỗ trung tâm của sự tôn kính”*.

Bảng đá thứ hai, bên tháp nhỏ Animesa gọi là Animesa Locana (Nơi nhìn không nháy mắt), *“Sau khi thành Đạo, Đức Phật trải qua tuần lễ thứ hai chăm chú nhìn cây Bồ Đề không nháy mắt”*.

Bảng đá thứ ba, nằm bên phải cạnh Đại tháp gọi là Cankamana (Đường kinh hành), *“Đức Phật thiền hành lên xuống suốt tuần thứ ba. Trên đường hành lang có những hoa sen đỡ chân của Đức Phật trong lúc đi bộ”*.

Bảng đá thứ tư, cách trụ Cankamana khoảng 25 mét về hướng Tây Bắc gọi là Ratana Ghara (Nơi nghiệm tưởng cơ bản), *“Suốt tuần thứ tư Đức Phật trong thiền định để suy nghiệm luận chứng luật nhân quả tương quan”*.

Bảng đá thứ năm, ngay lối vào Đại tháp gọi là Ajapala Nigrodha Tree (cội Ni Câu Đà), *“Tuần lễ thứ năm Đức Phật thiền định dưới cội cây Ajapala chứng nghiệm Hạnh phúc giải thoát. Nơi đây Ngài đã*

trả lời một vị Bà La Môn về những tiêu chuẩn để trở thành Thánh nhân, không còn thọ sanh nữa”.

Bảng đá thứ sáu nằm trước hồ cá cách Đại tháp khoảng 40 mét về hướng Nam gọi là Mucalinda Lake (Nơi ở của mãng xà vương), *“Đức Phật đã trải qua tuần thứ sáu thiền định tại đây, trong lúc đang thiền định, bão tố sấm sét nổi lên dữ dội. Mãng xà vương Mucalinda bò đến bao che bảo vệ cho Ngài được bình an, tránh khỏi gió mưa mãnh liệt”.*

Bảng đá thứ bảy nằm cách cội Bồ Đề 15 mét về hướng Đông Nam gọi là Rajayatana (Cội cây rừng), *“Sau khi Đức Phật trải qua tuần thứ bảy trong tuệ giác thanh tịnh ở dưới cội cây này. Vào ngày cuối, có hai nhà lái buôn Tapussa và Bhallika dâng tặng cho Ngài bánh và mật ong, và được quy y nơi Ngài. Lúc này Ngài chỉ truyền cho họ Quy y Phật, Quy y Pháp, chứ không có Quy y Tăng vì chưa có giáo đoàn Tăng già”.*

Mọi sự vật như tĩnh lặng dưới cội Bồ Đề thiêng, chỉ còn lại tiếng xào xạc của gió đi ngang. Những vị tăng ni đến đây đều hướng vào cội Bồ Đề, ngồi xếp bằng nhập định hoặc mấp máy trên môi đọc thầm những đoạn kinh. Một vài chiếc lá Bồ Đề rơi rụng trước mặt, các vị tăng ni nhanh chóng nhặt chúng và cẩn thận ép vào những quyển kinh vàng ngọc. Họ cho rằng, tấm lòng hướng về Đạo, thấm hiểu chữ “Không” trong bộ kinh Bát Nhã đã được Đức Phật chứng nhận sự “Giác Ngộ” bằng những chiếc lá thiêng như ý nghĩa của hai từ “Bồ Đề”.

Động Dungeshwari

Tôi quyết định thuê một chiếc taxi để đến động Dungeshwari nằm cách trung tâm Bodh Gaya độ chừng 12km. Theo điển tích xưa, chính nơi đây Đức Thế Tôn đã tu khổ hạnh sáu năm, là nơi Ngài đã gặp năm anh em Kiều Trần Như và kết bạn hay nàng nàng mục nữ Sujata đã dâng sữa cho Ngài. Chúng tôi leo bộ mất độ chừng 1,5 tiếng mới đến được động Dungeshwari. Bên dưới, không còn là màu cát vàng đặc trưng mà dường như đó là vùng đất hoang đang bị sa mạc hóa. Dưới cái nóng gần 50 độ, lớp nước đã thăng thiên

để lại màu trắng nguyên thủy của cát khô. Hang động Dungeshwari được chia làm hai, hang động nhỏ là nơi cư trú của Sa môn Cồ Đàm vào những ngày mùa đông và hang động lớn thoáng mát là nơi ẩn núp của Ngài vào mùa hè. Chúng tôi không thể vào hang mùa đông thăm thú bởi cánh cửa sắt lớn chắn ngang. Theo anh quản lý, hang mùa đông khá sâu vào lòng núi bằng những bậc thang nên đôi khi có rắn rết hay côn trùng ẩn núp có thể gây hại cho du khách. Bên trong hang mùa hè, ban quản lý cho xây dựng tượng Phật lớn ngay vị trí Sa môn Cồ Đàm đã từng ngồi thiền định sáu năm tại đây theo lối tu khổ hạnh.



Tượng Phật diễn tả lúc Ngài tu khổ hạnh ở động Dungeshwari

Đạo và Đời

Ngày mai, tôi sẽ rời thánh địa Phật giáo để đến trường dạy kinh Nalanda. Tôi quay trở lại ngôi bảo tháp lúc hoàng hôn để thiền định và cầu nguyện cho lần cuối. Khi bình minh lên, vạn vật tỏ rõ, trước dòng người đen kịt hành hương, tôi nhìn thấy Đời nhiều hơn Đạo và trong ánh nhá nhem của ánh sáng cuối ngày, những bộ cà sa đậm màu vàng cam lại giúp tôi nhìn rõ Đạo nhiều hơn Đời. Trong bóng tối u mê đen kịt, người đời luôn cần niềm tin tôn giáo để vượt qua.

Nhớ lời cô trụ trì ở chùa Viên Giác, tôi quyết định bỏ chuyến tàu chiều đến Patna của hãng Budhpurnima mà thuê một chiếc ô tô từ đại lý du lịch nhỏ ở thị trấn Bodh Gaya. Cô là Việt kiều Đức đã tu tập ở thánh địa Phật giáo hơn 10 năm. Cô cho rằng, chuyến tàu đến Patna là tàu “chợ” và mất khoảng bốn tiếng tôi mới đến được Patna dù khoảng cách chỉ là 96km. Tôi làm sao chịu nổi cái nóng của mùa hè Ấn Độ bên chiếc ghế ngồi bằng gỗ. Trường Phật giáo Nalanda nằm lưng lửng trên đường từ Bodh Gaya đến Patna. Nếu đến Patna, tôi phải thuê xe quay lại Nalanda, ghé thăm những vết tích khác của Đức Phật thì cũng mất số tiền tương đương thuê xe ô tô từ đây đi Patna. Đang là mùa thấp điểm du lịch, giá thuê xe chỉ còn một nửa và tôi sẽ thong thả hơn trong chiếc máy lạnh êm ấm.

Anh tài xế chỉ tôi những vết tích còn sót lại về một vương triều Ma Kiệt Đà hùng mạnh gần núi Linh Thứu. Đó là những tảng đá màu xanh được sắp xếp chồng lên nhau thể hiện những trường học, bệnh viện nằm xung quanh kinh đô được đặt bên trong thành Vương Xá. Tất cả các điểm đến liên quan đến điển tích Đức Phật Thích Ca đều dựng những tấm bảng to màu xanh cảm ơn ngài Huyền Trang hẳn hoi. Vua A Du Ca chỉ đánh dấu lại các vết tích lớn của Đức Phật nhưng lại không đánh dấu những nơi từng diễn ra những câu chuyện hay về Đức Phật. 19 năm học đạo ở Nalanda, ngài Huyền Trang lần mò theo dấu vết để đánh dấu lại tất cả các điểm lịch sử xung quanh thánh địa Phật giáo Già Da.

Nhìn hệ thống cáp treo đơn sơ đang hoạt động lên đỉnh Linh Thứu tôi do dự. Nó đơn sơ đến mức với những đôi ghế ngồi chẳng một rào chắn vững chãi phía trước mà chỉ là một dây an toàn nhỏ nịt trước bụng. Tệ hại hơn, thỉnh thoảng nó phải ngừng hoạt động khi du khách đã lên cao độ nhất định vì mất điện. Tôi không biết cảm giác du khách như thế nào khi ngồi chênh vênh chới vơi trên 500m chờ nguồn điện được nối vào máy phát dự phòng. Anh nhân viên quay qua giải tỏa tâm lý cho tôi bằng câu nói: Điện đóm ở Ấn Độ là như thế vào mùa hè, tuy nhiên chúng tôi sẽ không sử dụng nguồn trực tiếp mà sử dụng toàn bộ máy phát để du khách an tâm. Lời giải thích từ vị ni khả kính của chùa Viên Giác cùng ông chủ khách sạn làm tôi an tâm tiến vào cáp treo: Giáo hội Phật giáo Nhật Bản đề nghị chính phủ Ấn Độ bán đứt quả núi Linh Thứu để họ xây dựng lại điểm tín ngưỡng quan trọng bởi điển tích nơi đây là sự từ bi của đức vua cha thẩm nhuần Phật giáo dùng giáo lý của Phật để vị vua trẻ ăn năn hối cải quy y Phật pháp. Tuy nhiên, chính phủ Ấn Độ khéo léo từ chối và đưa ra một thỏa thuận hòa hợp cho đôi bên: Phía Nhật Bản xây dựng hệ thống cáp treo với tiêu chuẩn, chất lượng của Nhật và phía Ấn Độ cho phép Nhật là quốc gia Phật giáo duy nhất được phép xây dựng ngôi tháp trung tâm trên đỉnh núi cùng với ngôi chùa bên cạnh. Toàn bộ chi phí bán vé lên cáp treo sẽ do Ấn Độ quản lý.

Ngôi tháp trung tâm trắng toát màu trong nắng mới và cạnh bên là một cội Bồ Đề nhỏ khoảng chừng năm tuổi. Tôi vòng quanh ngôi

tháp bốn lần và niệm Phật theo tiếng chuông ngân vang ra từ ngôi chùa Nhật gần đó. Bốn mặt tháp đều khắc bốn bức tượng Đức Phật nhỏ trong bốn thời khắc quan trọng của cuộc đời: sinh ra, đản đạo, giảng pháp đầu tiên và nhập Bát Niết Bàn. Bên trong ngôi chùa người Nhật, tôi gặp “ông chú” người Nhật Hiroto đang bước qua lứa tuổi 60. Ông không biết tiếng Anh nhiều và phải thuê một hướng dẫn viên người Ấn Độ thông thạo tiếng Nhật theo hành trình của mình. Thông qua anh bạn phiên dịch, ông Hiroto cho rằng: đã đến lúc ông cần phải đến những điểm đến cho cuộc đời của mình. Trước khi đến đây 20 ngày, ông đã thực hiện một vòng đến di tích Phật giáo ở Tích Lan. Chúng tôi nhập lại thành một đoàn để hành hương lên các động Phật trước khi xuống núi. Người Nhật vẫn hòa lẫn nét văn hóa truyền thống của mình vào kiến trúc các ngôi chùa trên vùng đất Phật. Lối chính vào ngôi tháp trung tâm cũng là con đường hành hương leo núi có cánh cổng mang kiến trúc Torii đặc trưng.

img848

Những nét điêu khắc trong động Ca Diếp

img850

Nơi đây Đức Phật đã ngồi thiền và động tâm khi biết vua Tần Bà Sa La gặp nạn

Vị ni cô trong chùa Viên Giác kể rằng, núi Linh Thứu đông như trầy hội vào mùa hành hương. Đoàn Phật tử phải dậy sớm rời Già Da từ lúc 3 giờ khuya để đến Linh Thứu. Con đường hành hương được Giáo hội Phật giáo Nhật Bản lót trơn tru bằng những miếng gạch to đờ vát vả hơn nhiều so với trước đây. Triền núi Linh Thứu sáng loáng những ánh đèn pin của đoàn Phật tử. Việc leo núi bắt đầu từ lúc 4 giờ 30 sáng và khi lên đỉnh cũng là lúc ánh bình minh nhú lên ở phía chân trời. Trước khoảng sân rộng nơi Đức Thế Tôn ngồi thiền định giữa đất trời năm xưa, tất cả tín đồ sẽ ngồi thiền định và đọc kinh Phật. Cái nóng gắt gao đôi lúc làm nhóm chúng tôi chùng bước, nhưng niềm tin tôn giáo lại khiến chúng tôi vượt qua tất cả những khó khăn để leo lên đỉnh núi cao nhất. Chúng tôi chia sẻ tất

cả những gì trong ba lô mà có thể giải nhiệt cái nóng hầm hập dù lúc ấy chỉ mới hơn 9 giờ sáng. Tôi thầm nghĩ rằng, “Đức tin” đã giúp chúng tôi xích lại gần nhau hơn và trên đoạn đường ấy không còn phân biệt màu da sắc tộc hay ngôn ngữ mà chỉ có tình thương mến thương trong ánh hào quang soi rọi dẫn đường của Đức Phật.

Tôi cũng không nhớ nhiều về đoạn đường leo núi đầy khó khăn ấy, chỉ còn lại trong tôi một chút ký ức về núi Linh Thứu: Hang động dưới cùng là của ngài Ma Ha Ca Diếp ẩn cư, trên sườn núi cao hơn là hang nhỏ dành cho Tôn giả Anan cận kề tiện bề chăm sóc Đức Thế Tôn và trên đỉnh núi cao là nơi khá bằng phẳng dành cho Ngài thiền định. Rất nhiều dây cờ màu sắc được treo xung quanh và những lá cờ nhỏ đang nô đùa cùng gió. Trên đỉnh núi ấy, trong lúc thiền định, Đức Phật động tâm và biết ra câu chuyện của vị vua Tần Bà Sa La đang gặp nạn. Bằng phương pháp truyền âm, Đức Phật đã giảng giải cho vua Tần Bà Sa La về mối oan nghiệt được gây từ kiếp trước và phải gánh nạn trong kiếp này. Đức Phật cũng đã hóa độ và chứng nhận vua Tần Bà Sa La đã đắc đạo. Trong kinh Phật, vị vua từ bi đáng kính đã hóa sinh vào cõi Trời với ngôi vị là một trong Tứ Trụ Thiên Vương ở đền Ngọc Hoàng.

Nhà tù Bimbisara

Anh tài xế lại đưa tôi đến nhà tù Bimbisara cách không xa núi Linh Thứu. Nơi đây được cho rằng chính vị vua A Xà Thế đã giam giữ và giết chết vua cha Tần Bà Sa La và vết tích còn sót lại chỉ còn lại một khối đá xanh chồng khít lên nhau theo hình chữ nhật khá rộng. Trong tiếng gió thì thoảng tôi nhớ lại điển tích xưa mà mẹ đã kể qua để đưa tôi vào giấc ngủ: Nghe lời Đề Bà Đạt Đa, hoàng tử A Xà Thế lật đổ ngôi vua và bị phát hiện. Vì thương con và tấm lòng từ bi nên vua Tần Bà Sa La đồng ý thoái vị nhường ngôi. Tuy nhiên, chỉ sau hai ngày thoái vị vua A Xà Thế bắt Thượng hoàng Tần Bà Sa La bỏ đói vào ngục Bimbisara cho chết dần. Trong nhà tù tối tăm, vua Tần Bà Sa La luôn nhìn qua ô cửa sổ nhỏ hướng về núi Linh Thứu để cầu nguyện Đức Phật. A Xà Thế vương cấm tuyệt không cho Thái hậu Vi Đề Hy mang thức ăn vào nhà tù, nên cuối cùng bà nghĩ ra cách để cứu sống chồng. Mỗi khi vào nhà tù, bà tắm rửa sạch sẽ và

bôi lên người lớp bột được làm từ mật ong, đường và sữa. Trọng ngục sâu, vua Tần Bà Sa La vẫn vui vẻ sau khi nghe Phật giảng giải và thuyết pháp làm cho A Xà Thế tức giận và sai người thợ cạo đến giết. Người thợ cạo tóc đã cắt gót chân, xát dầu và muối rồi hơ lên lửa nóng làm ngài Tần Bà Sa La ra đi lúc 67 tuổi.

Vườn Trúc Lâm

Chúng tôi đến vườn Trúc Lâm nằm trong Vương xá của quốc gia Ma Kiệt Đà khi xưa mà điển tích trong kinh Phật ghi rằng đó là khu vườn trúc mà vua Tần Bà Sa La cúng dường cho Đức Phật để Ngài có thể giảng pháp cho Tăng đoàn. Tương truyền rằng, vua Tần Bà Sa La gặp Đức Phật vào lúc ông 25 tuổi và cảm kích trước sự thông thái, uy nghiêm, sang trọng của Đức Thế Tôn, vua Tần Bà Sa La đã xây dựng một tịnh xá Trúc Lâm để Đức Phật nhập hạ và một hội trường lớn có thể chứa 2.000 Tỳ kheo tham dự nghe Phật giảng pháp. Những cây trúc trong vườn Trúc Lâm đã không còn, ban quản lý đành trồng lên những hàng trúc non mới thay thế cùng với những hàng hoa kiểng khác. Tịnh xá Trúc Lâm cũng không còn và người đời đánh dấu lại bằng một tượng Phật ngồi trong tư thế thiền định. Kinh Phật ghi rằng, trong tịnh xá Trúc Lâm yên tĩnh, Đức Phật nhập hạ một lần ba năm liên tiếp và ba lần khác, vào ba hạ xa cách nhau. Người đời đặt pho tượng Phật đúng vào vị trí mà ngày xưa Đức Thế Tôn ngồi giảng pháp trước 1.250 vị Tỳ kheo.



Nơi Đức Phật giảng pháp cho tăng đoàn ở vườn Trúc Lâm

Cung điện Suppatittha

Chúng tôi ghé qua cung điện Suppatittha và chính nơi đây A Xà Thế Vương đã khóc, ăn ăn, hối cải và quy y Phật pháp. Trên diện tích khá rộng vẫn còn hai tháp canh đồ màu gạch tồn tại để minh chứng rằng nơi đây từng là cung điện Suppatittha rộng lớn như thế nào giữa kinh đô Vương Xá. Những hàng cây muồng hoàng hậu đang vào mùa khoe sắc vàng rực trong nắng. Khi có được Thái tử Ưu Đà La, vua A Xà Thế thay đổi tánh tình, ông hay tìm Hoàng thái hậu Vi

Đề Hy để hỏi xem vua Tần Bà Sa La đã thương yêu mình như thế nào. Bà Vi Đề Hy đã kể lại chuyện cũ và nhắc nhở A Xà Thế Vương: “Nếu ngày nay con yêu thương Thái tử Ưu Đà La thế nào, thì ngày xưa phụ hoàng cũng yêu con như thế đấy!” Nghe xong ông hối hận khóc ròng như mưa. Một đêm, trong cung điện Suppatittha, A Xà Thế Vương nằm mộng thấy vua cha hiện về: “Ta là cha của con. Tuy con đã giết ta, nhưng ta không oán hận con. Là đệ tử của Đức Phật nên ta nguyện dùng đức từ bi của Phật mà tha thứ cho con. Dù sao con cũng đã là con của ta, nên ta chúc con một điều, mong con sớm biết sám hối, tỉnh ngộ mà bước đi trên con đường ánh sáng.” Kể từ đó, A Xà Thế Vương quy y Đức Phật và đóng góp khá nhiều để quảng bá Phật giáo ở vương quốc Ma Kiệt Đà.

Núi Kê Túc

Núi Kê Túc (Kutkut Apada) vẫn còn nguyên vẹn như trong kinh Phật miêu tả về điển tích ngài Ma Ha Ca Diếp hay còn gọi là Đại Ca Diếp. Ba đỉnh ngọn núi cách thành Vương Xá độ tám dặm cao chót vót và trải rộng theo ba hướng trông như chân gà nên được gọi là Kê Túc. Phần nửa của ngọn núi trở lên là rừng cây rậm rạp, còn phần nửa của núi trở xuống có thảm cỏ trải dài. Tích xưa kể rằng, Ma Ha Ca Diếp xuất thân từ một dòng tộc Bà La Môn quý phái và giàu có không thua kém gì vua chúa. Ngay từ lúc tám tuổi, ông đã thấu hiểu ý niệm thoát tục và có ý định đi tu. Khác với chín vị đồ đệ lớn của Đức Phật theo dấu chân Ngài hành pháp khắp nơi, ông Đại Ca Diếp lại chọn cho mình những hang động trong rừng sâu để tu theo phương pháp khổ hạnh đầu đà. Sau khi Đức Phật qua đời, ông thay mặt Đức Thế Tôn chấp chưởng quản lý đoàn Tăng già và quảng bá Phật giáo rộng khắp tiểu lục địa Ấn Độ. Sau 20 năm, ngài Đại Ca Diếp cảm nhận rằng đã đến lúc mình diệt độ vào Bát Niết Bàn. Giao quyền lại cho Tôn giả Anan, Đức Đại Ca Diếp đi về núi Kê Túc lên trên triền phía Bắc, theo lối mòn khúc khuỷu quanh co, rồi đi dần về sườn núi Tây Nam. Ở đây cảnh núi hiểm trở, có một tảng đá to choán ngay nơi lối mòn. Tôn giả bèn gõ một tích trượng, tự nhiên tảng đá mở ra như bị chém bằng đao. Lối đi được khai thông, Đại Ca Diếp tiếp tục đi tới, lại lối mòn khúc khuỷu quanh co dẫn tới đỉnh núi, day mặt về phía Đông Bắc mà đi vào chỗ ba ngọn núi. Khi đó

ba đỉnh núi từ từ tách ra, mở rộng bên trong thành một nơi tọa thiền rất đẹp. Tôn giả liền đưa áo cà sa của Phật Đà cất vô đó, lấy cỏ trải tòa mà ngồi và tự nói: “Hôm nay ta sẽ dùng sức thần để giữ gìn nhục thân này, dùng y phẩn tảo che phủ lên mình, để đến 67 ức năm sau khi Đức Di Lạc ra đời sẽ bái kiến Ngài và trao lại “y bát” của Đức Phật Thích Ca và giúp Ngài giáo hóa chúng sanh.” Nói xong, ba ngọn núi từ từ khép lại như cũ để giữ gìn và giấu kín tung tích của vị đại thánh cho đến ngàn đời. Về sau khi Đức Di Lạc xuất thế, sau tam hội Long Hoa thuyết pháp tìm đến núi Kê Túc và Ngài lấy ngón tay búng vào núi, tự nhiên ngọn núi tách ra. Bấy giờ Đại Ca Diếp lấy áo trao cho Di Lạc và Phật Di Lạc cung kính xin nhận. Xong việc, thân thể Đại Ca Diếp bay lên không trung, hiển thị các loại phép lạ thần biến, rồi hóa thành ngọn lửa thiêu thân, tiến nhập Bát Niết Bàn.

Ông lão giữ ngôi đền thờ ra ký hiệu cho tôi bước lại gần những khối đá lớn màu vàng đậm mát lạnh. Ông chỉ cho tôi một đoạn kinh được khắc bằng ngôn ngữ Brahmi trên vách đá và cho rằng đó là vết tích ngài Đại Ca Diếp đã đánh dấu. Cạnh bên bài kinh nhỏ là vết nứt khe núi trông như hình dáng một con dao và ông giải thích rằng Tôn giả Ma Ha Ca Diếp đã đi vào trong lòng núi Kê Túc để cất giữ “y” và “bát” của Phật Tổ Thích Ca. Ông bảo tôi rằng, hãy áp sát đôi tai vào vách đá để lắng nghe âm thanh diệu kỳ bên trong lòng núi. Ông cho rằng, ngài Đại Ca Diếp vẫn còn sống và đang thiền định bên trong dãy núi và âm thanh lao xao nhẹ nhàng chính là hơi thở của Tôn giả. Tôi không phản đối lời của ông nhưng nghĩ rằng đó chính là âm thanh của gió luồn qua những khe núi. Đối diện với vết nứt khe núi, ngay cạnh lối vào bên phải là những bức tượng về cuộc đời Đức Phật tuyệt đẹp khắc vào vách thạch động. Tôi ngắm mãi vẫn không chán bởi nét điêu khắc quá sống động. Truyền thuyết cho rằng, những bức tượng được tạc bởi A Xà Thế Vương. Nghe tin Tôn giả nhập diệt, vua A Xà Thế rất đỗi bi thương liền lập tức đến gặp Tôn giả Anan để yêu cầu cùng nhau đến núi Kê Túc. Khi hai người vừa đến nơi, ba ngọn núi lại tách ra và cả hai cùng thấy Tôn giả Đại Ca Diếp đang tọa nhập định trong núi mà trên thân phủ đầy hoa Mạn Đà La...

Trường Phật giáo Nalanda

Trường Phật giáo Nalanda là điểm tham quan cuối cùng của tôi trong hành trình và chúng tôi đến đó khi trời đã xế chiều. Trên diện tích rộng 14ha, Nalanda đã chứng minh rằng trường Đại học Phật giáo trong thời cổ đại đã rộng lớn như thế nào. Nơi đây cũng là nơi nhập Bát Niết Bàn của vị Tôn giả Xá Lợi Phất và trong các ngôi chùa tôi thường thấy tượng của Ngài cùng với người bạn thân là Mục Kiền Liên được đặt hai bên tả hữu Đức Phật Thích Ca. Trên những đồng gạch đỏ điều tàn, các nhà khoa học đi tìm chứng cứ và cho rằng trường Đại học Nalanda được xây dựng từ thế kỷ 5 sau Công nguyên và bị đốt cháy vào năm 1193. Vào thời hoàng kim của mình, Viện Đại học Nalanda thu hút học giả và sinh viên từ cả các vùng xa xôi như Tây Tạng, Trung Quốc, Hy Lạp, và Ba Tư. Sự rộng lớn của Nalanda đến mức phải mất ba tháng người Turk dưới sự chỉ huy của Bakhtiyar Khilji mới đốt cháy hết thư viện và đuổi các tu sĩ ra khỏi khu vực. Nơi đây, ngài Huyền Trang đã học đạo tu tập 19 năm dưới sự hướng dẫn của Tôn giả Giới Hiền.



Vết tích còn sót lại ở trường dạy kinh Nalanda

Bên trong khuôn viên Nalanda còn sót lại ngôi tháp khá lớn. Nó đang nghiêng ngả với dòng thời gian và đội quân bảo vệ dày đặc xung quanh để bảo vệ du khách tránh những tai họa không đáng có. Diền tích kinh Phật ghi nhận ngôi tháp chính là nơi Tôn giả Xá Lợi Phất diệt độ Bát Niết Bàn. Anh bảo vệ kéo tôi lại nói nhỏ: “Cho tôi một ít tiền, tôi sẽ cho phép anh đến gần hơn để chụp lại vết tích điêu khắc sống động trên những ngôi tháp nhỏ cạnh tháp lớn.” Tôi cười và vẫn gửi cho anh một ít tiền nhỏ nhưng không chụp một tấm ảnh nào. Tôi thầm nghĩ, đến được kinh đô Phật giáo đã là niềm hạnh phúc lớn lao trong đời, tôi không cần lưu giữ hình ảnh mà sẽ cất lại những kỷ niệm đẹp của hành trình vào một ngăn nào đó trong vùng trời ký ức...

Lang thang trên những con đường trong Viện Đại học Phật giáo, tôi nhớ lại diềm báo của ngài Trần Huyền Trang được bà Tôn Thư Vân

ghi lại trong quyển sách của mình. Năm 636, sau bốn năm học tập tại Nalanda, ngài Huyền Trang vân du về phương Nam Ấn Độ và quay trở lại Nalanda những năm sau đó bởi ông biết những vị thầy giỏi nhất đều tập trung ở đây, đặc biệt Đại sư Giới Hiền. Ở Nalanda, Ngài lại gặp giấc mơ kỳ lạ: Nalanda trở nên hoang vu, khắp nơi là những ngọn lửa lớn thiêu cháy rụi thôn trang và thành thị. Dù được Đại sư Giới Hiền lưu giữ nhưng ngài Huyền Trang nhất định quay lại Đại Đường Trung Thổ với 600 bộ kinh cùng bảy tượng Phật trong hành lý của mình. Ngài đã giải thích với Đại sư Giới Hiền trước khi dời gót vào mùa hè năm 641: *“Ấn Độ là nơi Phật đản sanh, ở nơi đây con rất hạnh phúc. Nhưng mục đích của con đến đây là học Phật pháp, sau đó dùng tri thức của mình phổ độ chúng sanh. Con đã triều bái thánh địa, nghe được nhiều đại sư uyên thâm của các học phái giảng dạy. Nay con muốn trở về đem những kinh văn con nghiên cứu phiên dịch ra. Như vậy, bất kỳ ai nếu muốn, đều được lợi ích như con.”* Có thể, câu chuyện điếm báo về trường Đại học Nalanda qua giấc mộng của ngài Huyền Trang chưa đủ cơ sở để tôi tin, nhưng những gì Ngài hay vị Hoàng đế A Du Ca khả kính đã làm cho đời, tôi luôn kính trọng những bậc lão tiền bối đi trước là những vị Phật sống.

Thay lời bạt Ru mẹ về yên ả chiều quê

Tôi trở lại Việt Nam sau chuỗi ngày rong ruổi trên vùng đất Nam Á. Tôi không tìm được hương vị hạnh phúc ngọt ngào sau chuyến đi như những lần trước bởi nỗi sợ và niềm đau là hai người bạn đồng hành thân thiết đang trên đường tìm đến. Dường như quá run rẩy và sợ sệt nên niềm vui đã biến vào một góc xó tối tăm nào đó ẩn nấp. Những bậc hiền triết Hy Lạp cổ cho rằng: “Nỗi sợ hãi hay niềm đau như những bà mẹ thiên nhiên đang trút những cơn giận dữ. Chúng ta không thể bỏ trốn hay chống lại. Một người khôn ngoan sẽ tìm cách đi qua nó và đức tin tôn giáo là một giải pháp hữu hiệu.”

Thuở bé, nhẹ nhàng trầm ám qua tiếng mõ hồi chuông, tôi từng nghĩ rằng mình sẽ là một vị Khất sĩ Tăng già và chính tôi đã thực hiện điều đó khi là người lần chuỗi niệm kinh đưa mẹ tôi vào cõi vĩnh hằng vào lúc 7 giờ 10 phút sáng tháng 6/2015. Bà đã trở lại “quê nhà” đúng nghĩa, ở nơi đó bà tìm lại ký ức tuổi thơ cùng những chú bò lang thang qua những bờ cỏ xanh mượt sau mưa, là những ngày lội bùn dưới đập bắt cá phụ cùng những người làm công, là những ngày miền quê yên ả với ánh nắng chiều hanh hao nhìn chị em mình chơi tạt lon ở khoảng sân vắng trước hiên nhà, là những ngày vội vã sà vào lòng anh trai trong kỳ nghỉ phép năm nung nịu đòi học ê a những chữ cái đầu tiên, là những bước chân sợ sệt trong đêm khuya phụ mẹ đội nắm rơm lên chợ huyện Thủ Thừa để bán và là những ngày dựng nêu, gói bánh đón Tết cổ truyền rộn rã tiếng cươi... Nơi đó, bà không phải nhìn những cảnh tham lam sân si đấu đá của loài người và mãi mãi là thiên đường riêng cho chính bà.

25 ngày cuối cùng kề cận bên mẹ, tôi đã thực hiện được những điều mà mình đã từng nghĩ và khóc trong đêm tối trời tại Herat, ngoại trừ việc bỏ thuốc lá. Câu trả lời với mẹ ngày xưa như một định mệnh xấu phủ lấy cuộc đời mà tôi không sao dứt ra được. Tôi vẫn chọn “Niềm tin Phật giáo” là người bạn đồng hành để đi qua nỗi sợ

và niềm đau một cách nhẹ lòng nhất. Tôi vẫn còn nhớ như in lời dạy của Đức Thế Tôn với Tôn giả Anan ở vườn Câu Thi La: “Anan này, người đừng khóc lóc thảm thiết như thế bởi tất cả vạn vật đều vô thường, không có cái gì bền vững mãi mãi...”

Nguyễn Chí Linh